Nº 89 Novembre 1924

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

NÊN ĐỌC SÁCH THẾ NÀO?

Sự đọc sách có ích-lợi và có hứng-thú thế nào, không phải bàn, ai cũng biết. Tiên-nho đã có câu rằng : « Kẻ sĩ-đại-phu ba ngày không đọc sách, thời nghĩa-lý không giao-tập ở trong lòng ; nhìn vào kính trông thấy mặt khá ghét, đối với người cất tiếng nói vô-vị. » (Hoàng Đình-Kiên). Câu đó thật là cực-tả sự đọc sách cần cho dưỡng sinh - hoạt về tinh - thần là dường nào. Người ta không ăn không lấy gì bổ-dưỡng cho thân-thể, không học không lấy gì bổ-dưỡng cho tinh-thần. Nhưng trong sự học, học ở thầy có hạn, học bằng sách suốt đời. Như thế thời phép đọc sách há chẳng nên phải biết hay sao ?

Tôi vốn người ham đọc sách, tự nghĩ ở thời-buổi này không gì vui bằng làm bạn với quyển sách, lắm khi mê-mẩn, quên cả việc khác, thành một cái « tích », nhưng tưởng cũng là cái « tích » vô-tội vậy. Nhân thế mà đã từng có dịp kinh-nghiệm về phép đọc sách một đôi chút.

Đọc sách cũng có năm bảy đường. Có cách đọc sách để học thêm ; có cách đọc sách để tiêu-khiển ; có cách đọc sách để kê-cứu ; mỗi cách có khác nhau. Lại tùy đọc sách chữ tây, đọc sách chữ nho hay đọc sách quốc-ngữ, mỗi thứ lại ra một cách riêng, không có giống nhau. Nay thử xét qua các cách ấy theo ý riêng tôi nên thế nào.

Phần nhiều người đọc sách để tiêu-khiển, thường là những sách thơ văn, sách tiểu-thuyết. Đọc sách để tiêu-khiển thì tưởng không có phép-tắc gì, cốt là lấy vui lấy thích thì thôi. Song cũng không phải là đọc liều, bạ sách gì đọc sách nấy, đọc một cách vô-ý-thức được. Nếu đọc như thế thì chỉ mất thì-giờ mà vị-tất đã có hứng-thú gì. Cô thiếu-nữ ngâm thơ vanh-vách, cậu công-tử đọc truyện lâu-lâu, nhưng thử hỏi thơ ấy truyện ấy hay dở thế nào, vị-tất đã biết, vì có ngâm mà không biết nghĩ, có đọc mà không biết suy, như thế dẫu đọc đến cả một thư-viện cũng không biết cái thú văn-chương là gì. Hoặc-giả nói : Nếu đọc sách để tiêu-khiển mà còn phải nghĩ-ngợi thì sao gọi là tiêu-khiển ? — Song phải biết rằng : nghề chơi cũng có công-phu, mà nghề chơi cao-thượng lại càng phải công-phu lắm. Cầm trống chầu tất là khó hơn nghe hát sẩm ; đánh tổ-tôm ắt là khó hơn chơi súc-sắc. Chơi văn-chương đã là một nghề chơi cao-thượng thời cũng phải có một chút công-phu, nếu không thời là tục. Cho nên đọc sách phải biết giá-trị quyển sách, nếu không thời là đọc lấy được, còn có thú-vị gì. Dẫu văn-chương du-hí, cũng có cái giá-trị riêng, là giọng đùa-bỡn phải cho thanh-tao ý-vị ; huống là thi-ca, huống là tiểu-thuyết, kết-cấu phải cho đúng lề-lối, diễn-tả phải cho thiết nhân-tình. Người đọc sách để tiêu-khiển không tất-nhiên phải là nhà phê-bình văn-chương, nhưng cũng phải biết thưởng-thức văn-chương thì mới mong được hưởng cái thú tao-nhã. Đọc sách biết biện-biệt hay dở, tức là tăng cái thú đọc sách

lên bội-phần. Kẻ đọc sách không sành thời không những trực-tiếp giảm mất cái lạc-thú của mình, mà lại gián-tiếp hại đến cái gia - trị văn-chương nữa, vì nhà làm sách tùy cái thị-hiếu của người đọc sách, ví cái thị - hiếu của người đọc sách tầm-thường thời những sách xuất-bản ra cũng không khỏi tầm-thường, sách nào lỗi-lạc khác thường tất ít người hỏi đến. Như phần nhiều người đọc sách ở nước ta ngày này chỉ đọc những thơ-văn than-thở chán đời cùng những tiểu - thuyết phường-bản của Tàu, gây ra trong xã-hội một cái phong-trào sầu-thảm cùng những cái lý - tưởng hoang - đường, không những không di - dưỡng được tính - tình mà lại di - hại cho phong-hoá. Nhân cái thị - hiếu của người đọc như thế, nên những sách xuất-bản phần nhiều chỉ là những giọng than đời oán người, hờn duyên tủi phận, hay là những truyện quái-đản bất-kinh, li-kỳ rắc-rối, làm cho người đọc tán - tâm loạn - trí, thành ngốc thành si. Nếu văn-chương tiêu-khiển mà kết-quả đến thế thì độc hơn là rượu nồng thuốc phiện. Vậy cho nên dẫu đọc sách để tiêu-khiển cũng phải biết chọn sách mà đọc. Đọc thi-văn thời phải chọn những thơ-văn đủ phấn-chấn tinh-thần, di-dưỡng tình-tính, bày cho tâm-hồn ta những cái cảnh thanh-cao nên thơ nên mộng. Đọc tiểu-thuyết thì phải chọn những tiểu-thuyết có ý-tứ, tả ra những tình-cảnh, những nhân-vật khiến cho ta phải tư-tưởng, suy-nghĩ về xã-hội nhân-tình. Hoặc-giả nói: Người chỉ biết quốc-ngữ, nếu chọn cho được những thứ sách bằng quốc-ngữ như thế mà đọc, thì ham đọc sách đến đâu, để cũng phải thở dài rằng không có sách. Vẫn biết rằng hiện những sách quốc-ngữ có giá-trị chưa có mấy, nhưng sự đó tại các tác-giả chưa có tư-cách cũng có, nhưng tại các độc-giả chưa biết xem sách cũng nhiều. Theo phép kinh-tế thì sự «cung» bao giờ cũng phải ứng với sự «cầu», nghĩa là có người cần đến thứ đồ hàng nào thì mới có người chế ra thứ đồ hàng đó; nếu người dùng không có thì làm ra cũng vô-ích. Sách-vở cũng thế. Bởi phần nhiều người đọc sách chỉ thích những truyện lôi-thôi rắc-rối, kỳ-quoái hoang-đường, cho nên chỉ cái lối văn-chương hoang-đường kỳ-quái, rắc-rối lôi-thôi ấy là thịnh-hành mà thôi. Nay nếu cái thị-hiếu của người đọc cao lên một tầng thời cái trình-độ của văn-chương cũng tăng lên một bậc vậy.

Người đọc sách để học thêm thời ở nước ta cũng còn ít lắm. Vậy mà trong các cách đọc sách, cách này là hay hơn nhất. Người ta đã nói đọc sách là làm bạn với những bậc danh-nhân đời xưa đời nay, dẫu cách đời cách xứ mà có thể giao-tiếp bằng tinh-thần ở nơi nghĩa-lý cao xa. Mình là một kẻ tầm-thường mà được thần-giao với những bậc đại-trí, còn gì bổ-ích cho sự sửa mình học đạo, cho sự tăng-bổ trí-thức, đào-luyện nhân-cách bằng? Tiếc thay ở nước ta còn ít người biết dùng cái cách luyện-hồn bồ-não đó. Mà ở nước ta lại chính là giữa buổi đương cần lắm. Nói cho thực, cái sức học của người mình hãy còn kém thấp lắm; dẫu trung-học, đại-học, dẫu ông cống, ông nghè, cũng còn phải học thêm nhiều nữa, mới gọi là có cái học-thức hoàn-toàn; huống phần nhiều còn chưa vượt khỏi bậc tiểu học, thế mà đã lấy làm tự-mãn tự-túc rồi, thì thật là không biết lượng mình quá. Trên kia đã nói, sự học ở thầy có hạn, sự học bằng sách vô-cùng. Nay sự học ở thầy đã kém, thời sự học bằng sách lại càng phải chăm lắm. Cứ thực ra thì người ta phải học cả đời, vì giá đời cũng chưa mong hiểu hết được nghĩa-lý. Một ông danh-sĩ nước Pháp đã nói: «Ở đời duy có sự học là cái việc không tục hơn

cả. » (RENAN) Những người may-mắn hơn kẻ khác được theo-đuổi một cái việc thanh-cao như thế, há lại không nên nhiệt-thành hăng-hái mà giốc chí theo đòi dư? Nếu không biết sốt-sắng về việc đó thời không đáng làm kẻ sĩ ở đời. — Nay phép đọc sách để tăng-bổ trí-thức phải nên thế nào? Người ta trước khi giao-du với bè-bạn phải kén chọn người hay mà chơi thời chơi mới có ích, nếu không chỉ gặp bạn tầm-phơ, quen lắm càng phiền. Đọc sách để tăng-bổ trí-thức cũng phải kén chọn sách hay mà đọc, không thời không những mất thì-giờ, mà có khi hại thần-trí. Nhưng thế nào gọi là sách hay? Sách văn-chương tiêu-khiển mà gọi là hay là lời văn chải-chuốt, ý-tứ vẽ-vời, cốt khiến cho người đọc sinh mĩ-cảm mĩ-tình. Nhưng những sách ấy ít bổ-ích cho trí-thức. Nuôi thần-trí không thể nuôi bằng tuyết, nguyệt, phong, hoa được. Phải có cái đồ ăn chắc bổ hơn. Phàm những sách về văn-chương, triết-lý, khoa-học, lịch-sử, mà khiến cho người ta phải tư-tưởng suy-nghĩ, là những sách có bổ-ích cho trí-thức cả, là những người bạn hay ta nên giao-du cả, vì đi lại với những người ấy thế nào cũng có thể khải-phát được sự quan-niệm của ta, khoáng-trương được cái nhỡn-giới của ta. Một nhà làm sách đã có câu nói: « Phép đọc sách là gì? Là mượn sách của người để tự mình tư-tưởng. » Vậy thời sách gì giúp được mình tư-tưởng, gợi được cái tư-tưởng của mình là sách hay nên đọc cả. Có khi giúp cách trực-tiếp, có khi giúp cách gián-tiếp. Giúp trực-tiếp là khi sách đồng-ý với mình, nhưng nghị-luận được xác-tạc, phô-diễn được rõ-ràng, khiến cho mình nhân đấy mà suy-cứu cái tư-tưởng của mình cho đến cùng-cực. Giúp gián-tiếp là khi sách trái ý với mình, bày cái tư-tưởng ra một phương-diện khác hẳn mình, khiến cho mình phải sát-hạch lại cái tư-tưởng của mình, phải gia-công biện-bác thảo-luận cho vỡ lẽ. Mà cách gián-tiếp có khi lại bổ-ích hơn là cách trực-tiếp, vì nó khích-thích cái tư-tưởng của mình một cách mạnh hơn. Nói tóm lại thời đọc những sách tư-tưởng, có bổ-ích cho đường trí thức-là cốt nhất ở sự hoạt-dụng thần-trí, cho nên cách đọc sách để bổ-trí thuộc về tích-cực, mà cách đọc sách để tiêu-khiển thuộc về tiêu-cực. Thuộc về tiêu-cực cho nên chỉ cốt tiếp-thụ lấy những cái mĩ-tình mĩ-cảm để khoan-khoái trong lòng, như hứng lấy cái gió thoảng qua, ngửi lấy cái hương đưa lại, xong một lúc bấy giờ thời không còn gì nữa. Thuộc về tích-cực cho nên cốt ở cái kết-quả hay cho sự tư-tưởng quan-niệm của mình, khiến cho sau khi gập quyển sách lại, trong thần-trí mình hãy còn giữ được một cái ảnh-hưởng sâu. Thường nghiệm ra những người không biết đọc sách, bất-cứ đọc sách gì cũng quen đặt mình vào cái địa-vị tiêu-cực, chỉ biết tiếp-thụ và không biết phản-động, thành ra chỉ coi mình như một cái kho để chứa những tư-tưởng sẵn-sàng của người khác, không biết mượn tư-tưởng người để hành-động tư-tưởng mình. Thế là học không có hóa, cũng như ăn không có tiêu, không những vô-bổ, mà có khi thành hại nữa. Đó là cái tật chung của phần nhiều kẻ đọc sách ở nước ta. Đọc sách tư-tưởng mà chỉ biết chứa-chất lấy những tư-tưởng của người ta cho đầy chật trong óc mình, thời không khỏi bề-bộn mà rồi sau sinh ra cái hại như sau này: là tích-lũy của người nhiều quá, thành ra ngưng-trệ ứ-tắc lại, khiến cho thần-trí không vận-dụng được nữa, mất cả cái năng-lực tư-tưởng riêng. Thường thấy có người học thật chăm, đọc rất nhiều, mà trí-thức không thấy

mở-mang, tư-tưởng không thấy hoạt bát, lại thành ra bó-buộc câu-nệ, không biết lợi-dụng sách mà chỉ làm nô-lệ sách. Như thế thời đọc sách càng nhiều càng làm cho kém sút cái tư-cách đặc-biệt của mình đi, giảm mất cái chủ-quyền phán-đoán của mình đi, vì chỉ có thụ-động, không có chủ-động, chỉ chịu áp-chế, không biết đề-chế, những tinh-lực của thần-trí không dùng đến ắt phải hao-mòn đi. Nói rút lại thời đọc sách cốt là mượn sách để luyện-hồn bồ-trí cho mình ; nếu đọc sách mà lại để cho sách chấn-át mất tinh-thần đi, tiêu-ma mất nhân-cách đi, thời thà không đọc còn hơn. Cho nên phép đọc sách, phàm sách gì làm cho mình nghĩ-ngợi, ấy là sách hay ; sách gì đọc thoảng qua một lượt, không còn lại tí gì, ấy là sách dở. Trong rừng sách Đông Tây ngày nay, sách biết bao nhiêu mà kể, người đọc sách phải nên cẩn-thận vậy. — Nay kén được sách hay rồi, muốn đọc cho có ích-lợi, thời phải làm thế nào ? Cứ sự kinh-nghiệm riêng của tôi thì bao giờ đọc sách cũng nên cầm ngọn bút trên tay. Các cụ ta đọc sách nho thường cầm cái bút son để vừa ngâm vừa đọc, vừa chấm vừa khuyên, cách đó rất hay, vì khiến cho phải nghĩ-ngợi phán-đoán luôn, cho biết chỗ hay chỗ dở. Tôi cũng có thói quen trong khi đọc sách thường lấy bút chì xanh đỏ đánh dấu những đoạn hay, tức cũng như chấm khuyên vậy. Nhưng sách của mình mới làm thế được ; nếu là sách mượn thì cũng không tiện. Nay cầm bút lại là để biên-chép lấy những đoạn hay, ghi nhớ lấy những điều nên nhớ, khác nào như trích lấy cái tinh-hoa, phần cốt-yếu trong quyển sách, để giúp cho sự tư-khảo về sau này. Đọc sách phải đọc rất thong-thả, chỗ nào chưa hiểu hết ý, chưa rõ mạch-lạc, thời phải đọc đi đọc lại cho kỳ hiểu kỳ rõ mới thôi; cũng có khi tác-giả nói không hết lẽ thì mình phải suy-nghĩ cho cùng, cũng có khi tác-giả diễn không rõ-ràng, thì mình phải lý-hội cho thấu ; nhất là những sách thuyết-lý, sách nghị-luận, không thể đọc vội-vàng được. Đọc rồi, nếu quyển sách có giá-trị, thời nên làm một bài « bình-giải » trước tóm-lược đại-ý trong sách, sau bàn thêm ý-kiến riêng của mình. Đọc sách cẩn-thận kỹ-càng như thế thời ích-lợi cho sự học không biết bao nhiêu mà kể.

Còn một cách đọc sách nữa, là đọc sách để kê-cứu. Cách này không cần phải bàn nhiều, vì người nào đã biết kê-cứu là người biết đọc sách, thuộc sách - vở cả. Người kê-cứu không phải đọc sách để tiêu - khiển, cũng không phải đọc sách để bồ-trí, chính là tra tìm trong các sách những điều muốn biết về một vấn-đề gì. Theo phép nghiên-cứu ngày nay thời ai muốn khảo về một vấn-đề nào, trước phải sưu-tầm hết những sách-vở của người trước đã xét về vấn-đề ấy, thế nào cho không sót tí gì, cho gồm được hết các phương-diện trong vấn-đề, để mình nghiên - cứu không trùng với người trước. Song đây là thuộc về sự khảo-cứu của một số ít người, không phải là cách đọc sách phổ-thông vậy.

Trên kia nói rằng phép đọc sách tùy sách tây, sách tàu, sách ta có khác nhau. Sách ta, nghĩa là sách quốc-ngữ thời hiện bây giờ chưa có mấy, phần nhiều là mô - phỏng hoặc dịch - thuật sách tàu sách tây cả, hẳng tạm không nói. Nói về sách tây thời thật là như bể như rừng, không những sách cũ đã nhiều, mà sách mới xuất-bản lại càng lắm lắm nữa. Nếu không biết khéo kén chọn thì mua phí tiền, mà nhiều quyển không ích - lợi gì. Người An-Nam ta đọc sách Tây phần nhiều chưa được sành ; vào hàng sách, trông thấy cái tên sách nào hay hay lạ thì mua, thành ra đọc tạp-nhạp, không có mục - đích, không có phương-châm.

Phải biết người mình đọc sách tây nên chủ-ý thế nào. Chủ-ý thâu - thái lấy những học - thuật tư-tưởng của Thái-Tây, vậy thời nên đọc thứ nhất là những sách có tư-tưởng, có nghị-luận, còn những sách văn - chương phiếm thì có rồi thì-giờ hẳng nên thỉnh-thoảng đọc chơi cho tiêu-khiển mà thôi. Nay nên đọc sách cổ hay sách kim ? Hai thứ cũng phải đọc cả, nhưng tôi tưởng nên đọc sách kim nhiều hơn, vì ta cần phải biết là biết cái hiện-trạng của Thái-Tây bây giờ có quan-hệ với sự tiến-hóa của ta, chứ còn cổ-văn của họ thì chỉ nên thiệp-liệp cho biết đại-khái về các thời-đại, các nhân-vật mà thôi, hiện đã có những sách văn-tuyển, sách trích-lục, nhiều khi cũng không cần phải đọc cả toàn-tập làm gì. Đọc sách Tây cốt nhất một điều, là không nên câu-nệ : phải biết rằng sách tây là người Tây làm cho người Tây xem, bàn về những chuyện phương Tây, theo về những lý-tưởng Tây, người mình đọc phải suy - nghĩ lắm, phải thường-thường so-sánh đối-chiếu, không thể nhất-thiết coi như kim-khoa ngọc-luật được. Đọc sách Tây phải minh-mẫn hoạt-bát lắm mới có ích-lợi, nhưng đã biết đọc, đã biết trong một quyển sách mấy trăm trang trích được cái tinh-hoa nghĩa-lý để tăng-bổ cho trí-thức mình, thì ích-lợi vô-cùng. Tây-phương trọng sự tư-tưởng tự-do, nên phàm trí người ta có thể tư-nghị được đến đâu, cũng đã từng nghị-luận khám-phá cả. Đọc sách Tây cho phải đường, khôn người rộng trí ra nhiều lắm.

Đọc sách nho có thể chia ra hai hạng : cổ-điển và tân-thư. Sách cổ-điển, như kinh, sử, tử, tập, thời làm người sinh-trưởng ở cõi Á-Đông này, không thể không biết được. Nếu mang-nhiên không biết thời quên mất cả cái văn - hóa cũ nước mình. Cái văn-hóa ấy, cũng có phần cổ-lỗ không hợp-thời, nhưng cũng có phần tinh-hoa phải nên giữ. Nay đọc sách cũ thời bất-ngoại một cái phương-pháp như sau này : là người tân-học phải đọc một cách *cẩn-trọng*, không nên cho nghĩa-lý cũ là nhất-thiết hủ-lậu cả, phải tìm cho ra cái nguồn gốc mành-mối nó thế nào ; người cựu-học thời lại nên đọc một cách *tự-do*, nghĩa là không nên câu-nệ những cái lề-lối cũ, phải nên hiểu lời cổ-nhân ra một cách rộng - rãi hơn. Một bên tự-do một chút, một bên cẩn-trọng một chút, cứ theo một cai phương-pháp thích-trung như thế, thì trong những đoạn-giản tàn-biên kia có lẽ cũng khôi-phục được cái hồn của cổ-giả. — Còn sách tân-thư thời giá-trị bất-tề lắm ; thảng-hoặc cũng có một đôi quyển hay, nhưng phần nhiều là dịch-thuật mô-phỏng những sách Âu-Mĩ và sách Nhật-bản cả ; người nào không biết chữ Tây thời xem tạm gọi là có một ít tân-trí-thức, chứ cũng không chắc-bằng gì, còn người nào đọc được sách tây thì tưởng chẳng nên đọc những sách ấy làm gì cho mất thì-giờ ; hoặc có xem qua là để nhặt lấy những danh-từ mới dịch của sách Tây mà thôi, nhưng nhặt cũng phải cẩn-thận mới được.

THƯỢNG-CHI

ĐÔNG-PHƯƠNG VỚI TÂY-PHƯƠNG

Vấn - đề Đông - phương với Tây-phương, gần đây đã thấy nhiều người bàn đến. Hiện nay ở nước Pháp, trong bọn các nhà làm văn, nhà tư-tưởng, mới nhóm lên một cái phong-trào ham chuộng Đông-phương, gia-công nghiên-cứu các học-thuật Đông - phương, và nhiệt-thành chủ-trương sự Đông-Tây liên-lạc. Ở *Paris* có hội «Đông-phương Ái-hữu» (*Les Amis de l'Orient*), năm trước đón ông TAGORE sang diễn-thuyết ; cách mấy tháng đây, ở thành *Strasbourg* lại mở một cuộc đấu-xảo mĩ-thuật Tàu. Những khách Đông-phương sang du-lịch bên Pháp, thường được các hội văn - học, hội giao-tế tiếp-đãi ân - cần tử-tế lắm. Thứ nhất là những sách-vở nói về Đông-phương, lại xuất-bản mỗi ngày một nhiều. Đó thật là một cái triệu hay, người Đông - phương cũng nên lấy làm mừng, vì có thể mong rằng sau này Đông-Tây không đến nỗi chỉ xung - đột nhau về đường chính-trị, đường kinh-tế, mà có cơ hòa-hợp nhau ở nơi tri - thức, chỗ tinh-thần.

Tôi mới đọc một quyển sách của ông RENÉ GUÉNON đề là *Orient et Occident* (Đông-phương với Tây-phương) (1), bình - phẩm về Đông-Tây một cách cũng khám-phá lắm. Ông là người Tây mà công - nhiên phản - đối văn-minh của Tây-phương. Cả sách ông là một cái án văn-hóa Tây - phương rất nghiêm - khắc, tựu - trung không khỏi có điều quá-đáng, nhưng đại-đề nghị-luận thật cũng đã rạch-ròi.

Ông nói rằng phần cốt-tử của người ta là phần trí-tuệ (*intelligence, intellectualité*). Trí-tuệ là cái sức thiên-liêng sáng-láng, khiến cho người ta thấu-hiểu được cùng-lý của vạn-vật. Nay muốn biết trình-độ văn-minh một dân-tộc cao hay thấp, cứ xét ngay cái cách dân-tộc ấy dùng trí-tuệ thế nào. Tây-phương tự - xưng là văn - minh, lại cho cái văn-minh của mình là độc-nhất vô-nhị, không đời nào, không nước nào bằng ; không những thế, lại muốn đem văn-minh ấy tuyên-truyền cho cả thế-giới. Nhưng Tây - phương dùng trí-tuệ thế nào ? Tây - phương dùng trí-tuệ chẳng qua như một cái khí-cụ để kinh-lý sự-vật mà cầu lấy lợi-lộc cho mình. Cách dùng như thế là thấp - hẹp, vì chỉ khu-khu trong vòng vật-chất. Tây-phương có hai sự mê-tín : một là mê-tín khoa-học, hai là mê-tín sự sinh-hoạt. Nhưng khoa-học chẳng qua là những mớ tri-thức tỉ-mỉ vụn-vặt, không có tới được cõi thuần-lý siêu-việt. Còn sự sinh - hoạt là cái sức thô-bỉ chung của các giống động-vật, có gì mà đáng sùng-thượng đến thế. Người ta hơn vạn-vật là ở sự tư-niệm, không phải ở sự hoạt-động như các giống vật vậy. Ở Âu-châu ngày nay các học - thuyết như rừng, nhưng từ cận - đại đến giờ, thuyết nào cũng vậy, dẫu bề ngoài có khác, lập - luận không giống nhau, mà chung-qui cũng là không thoát khỏi hai sự mê - tín như trên đó. Như sự mê - tín khoa - học thời sinh ra cái cơ-giới-chủ-nghĩa, biến vũ-trụ thành một cái nhà máy lớn. Sự mê-tín sinh-hoạt thời sinh ra những chủ-nghĩa duy-tình, duy-cảm, cùng những chủ-nghĩa lạc-lợi, động-tác, biến cõi đời

(1) RENÉ GUÉNON, *Orient et Occident*, Payot, Paris, 1924. 1 vol., 250 pages.

thành một cái trường xung-đột. Tuy một bên thì chú-trọng về thế-giới vô-cơ như loài khoáng-vật, một bên thời chú-trọng về thế-giới hữu-cơ như giống động-vật, nhưng bên nào cũng không thoát-li được vòng vật-chất cả. Còn triền-miên trong vòng vật-chất thì trí-tuệ càng ngày càng hẹp-hòi, càng mờ tối đi. Trí-tuệ mờ tối là văn-minh suy-sút. Cho nên Tây-phương ngày nay đương ở vào một cái cơ-hội rất nguy-ngập, nếu không sớm tỉnh-ngộ mà vãn-hồi lại thời có ngày đến diệt-vong.

Nay vãn-hồi phải thế nào ? Theo ý ông GUÉNON thời chỉ có một cách, là phải biết dùng trí-tuệ như các dân-tộc cổ bên Đông-phương. Các dân-tộc này không lấy sự *sống*, mà lấy sự *biết* làm cái mục-đích có một của người ta. Mà sự biết đây, không phải là biết những sự-vật tỉ-mỉ vụn-vặt như trong khoa-học đâu ; biết đây là biết những lẽ cả nghĩa lớn trong trời đất, biết những cương-thường đạo-lý ở cõi đời, biết những điều nghĩa-lý cao hơn cả những sự hành-động ở đời ; biết khôn-ngoan sáng-suốt như những bậc thánh-nhân quân-tử của Chi-na, những bậc tiên-nhân bồ-tát của Ấn-độ. Sự biết ấy mới là thuần trí-tuệ, sự biết ấy mới là gốc văn-minh; chứ sự biết của khoa-học kia chẳng qua là cái biết cơ-xảo, cái biết máy-móc, cái biết mánh-khóe làm ăn mà thôi ; dẫu tài giỏi mười mươi, vẫn là thuộc về vật-chất, không phải thuộc về tinh-thần, vẫn là thuộc về đối-đích, không phải thuộc về tuyệt-đích. Mà có tinh-thần, có tuyệt-đích mới là thật văn-minh.

Vậy thời muốn vãn-hồi cho Tây-phương, phải liên-lạc với Đông-phương. Ai là người làm môi-giới cho sự liên-lạc ấy ? Người Tây-phương có thói tuyên-truyền; người Đông-phương thời không, cho rằng phàm điều nghĩa-lý giữa đời, hễ ai có trí-tuệ là người ấy hiểu, bất-tất phải khuyến-dụ gì ai. Vậy không thể mong người Đông-phương giúp cho việc đó được. Tây-phương phải tự-ngộ mà gây lấy ngay trong xã-hội mình một hạng người thức-giả để làm môi-giới với Đông-phương mà tiếp-thụ lấy cái tinh-thần siêu-việt của Đông-phương, rồi dần-dần truyền-bá trong bổn-phương mình. Truyền-bá là truyền-bá những điều nghĩa-lý cao-thâm chung cho cả người trong bốn bể, chứ không phải truyền-bá những cái hình-thức văn-minh riêng của mỗi dân-tộc. Những điều nghĩa-lý đó thời Tây-phương bỏ mất đi đã lâu, mà Đông-phương vẫn còn giữ được đến giờ. Nay Tây-phương phải mượn lại của Đông-phương để tự-tu tự-tỉnh lấy mình, rồi nhân đó mà phát-đạt theo cái bản-chân của mình, vì Đông Tây phải nên liên-lạc với nhau, chứ rất không nên đồng-hóa lẫn nhau.

Ấy đại-ý quyển sách của ông GUÉNON như thế. Mình là người Đông-phương mà đọc sách ấy cũng lấy làm khoái-trí. Nhưng đoái nghĩ rằng điều nghĩa-lý tuy trọng mà sự phú-cường cũng nên; có phú-cường mà không có nghĩa-lý không hay đã đành, nhưng có nghĩa-lý mà không có phú-cường tưởng cũng rầy mà cũng cực. Tây-phương có phú-cường, muốn cầu nghĩa-lý, Đông-phương có nghĩa-lý cũng phải nên cầu lấy phú-cường. Vậy thời người Đông-phương ta cũng phải nên tự-ngộ vậy.

HỒNG-NHÂN

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XXI

Thứ hai 26

Trưa hôm nay được tiếp một thầy mật-thám đến hỏi giấy thông-hành. Chừng là nhân Hoàng-thượng ở *Paris* nên sở cảnh-sát cho dò xét những người An-Nam ở bên này để phòng sự bất-kỳ. Đó cũng là việc thường và là bổn-phận của cảnh-sát mỗi khi có các vua chúa qua lại, không lấy gì làm lạ.

Tối quan Giám-quốc có đặt tiệc mừng Hoàng-thượng ở cung *Elysée*. Tiệc xong có cuộc tiếp-kiến ở trong cung, mời đông người lắm. Các phái-viên An-Nam cũng được có giấy mời. Vậy cơm tối xong, quá chín giờ anh em cùng đi, chẳng dám mong được yết-kiến bề trên cùng quan Quốc-trưởng Đại-Pháp, nhưng sẵn có giấy cũng là một dịp được xem qua trong cung thế nào. Vào cửa đường *Fanbourg Saint-Honoré*, ngoài có lính « dầu-rồng » canh, coi cũng oai-vệ. Thoạt vào thì có một đội những viên «thừa-phái» (*huissier*), mặc áo dấu, đeo giây xuân-thu bằng bạc loảng-xoảng bên mình, kẻ đón mũ, người cất áo, rồi đưa vào một viên chừng là đầu thừa-phái, mình phải xưng tên chức cho người ấy biết, rồi người ấy dẫn vào trong sa-lông, quan Giám-quốc cùng phu-nhân đứng ngay đấy để tiếp khách, người ấy xướng tên lên, quan Giám-quốc bắt tay chào, mời vào trong. Đi vào hết sa-lông nọ đến sa-lông kia, rồi đến một nơi cực rộng, chừng là chỗ nhảy đầm, hết thảy đều giải thảm bằng nhung đỏ và bốn bề những kính đứng cả. Coi thì thật là rực-rỡ, song cũng không thể xem kỹ được mọi nơi! Dạo qua một lượt, nói chuyện với mấy ông Tây quen, rồi chừng 11 giờ anh em ra về. Thế cũng đủ đến khi về nước nhà « lòe » với bà con rằng ta đã được bắt tay quan Giám-quốc!...

Thứ ba, 27.

Sáng hôm nay cùng quan sáu L. đến thăm Hội Thương - nghiệp - Địa-dư (*Société de Géographie commerciale*) ở đường *Tournon*. Hội này có đã mấy chục năm nay, chuyên nghiên-cứu về địa-dư quan-hệ với thương-nghiệp; có cái thư-viện cũng khá nhiều sách về địa-dư - học. Cứ ngày mồng 10 mỗi tháng, Hội có đặt một tiệc tháng buổi trưa (*dejeuner mensuel*) ở « nhà cao-lâu các Hội Bác-học » (*Restaurant des Sociétés savantes*), họp các hội-viên ăn cơm và nghe diễn-thuyết. Lại ba tháng xuất-bản một tập tạp-chí in những bài lai-cảo của hội-viên về các vấn-đề địa-dư và kinh-tế. Nơi hội-sở cũng nhỏ, có mấy phòng để sách chật cả. Hiện nay hội-trưởng là ông thượng - nghị-viên MOREL, và tổng-thư-ký là ông hạ-nghị-viên LORIN, ông này cũng là một tay bác-học, kiêm giáo-học ở trường Đại-học *Bordeaux*. Quan sáu L. đưa xem mọi nơi rồi giới-thiệu mình cho ông LORIN. Ông người hoạt-bát linh-lợi lắm, tiếp một cách rất nhã-nhặn. Ông thay mặt Hội mời nếu ngày mồng

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 58.

10 tháng sau còn ở *Paris* thời lại dự tiệc tháng ở Hội và làm một bài diễn-thuyết cho đồng-nhân nghe. Mình nhận lời. Chuyện-vãn ít lâu rồi từ-biệt ông LORIN và quan sáu L., về trọ nghỉ. Quan sáu có gắn-bó rằng rồi ngài sẽ giới-thiệu cho vào chân hội-viên.

Buổi chiều nằm hầm đọc sách, không đi chơi đâu.

Tối buồn, anh em họp nhau lại pha chè uống, ăn bánh ngọt, rồi đem truyện *Kiều* ra ngâm, càng ngâm càng thấy hay, tự-đắc rằng văn-chương An-Nam quán thế-giới !

Thứ tư, 28.

Quan sáu P. muốn giới-thiệu cho mình làm quen với các tay chính-trị có quan-hệ với thuộc-địa, đã viết thư cho ông DIAGNE là nghị-viên *Sénégal* hẹn sớm hôm nay mình đến thăm tại nhà. Ông ở đường *Avenue Alphonse XIII*, thuộc về khu thứ 16, đường giốc lại khuất-khúc, tìm nhà khó quá. Ông này là người da đen, thổ-trước đất *Sénégal*, nhưng học tây giỏi lắm, nghiễm-nhiên như một người Pháp vậy. Vả ở *Sénégal* vốn có sáu hạt người dân đã nhập Pháp-tịch, có đủ quyền-lợi công-dân Pháp, nên được bầu nghị-viên ở Hạ-viện Pháp. Ông chính là nghị-viên thay mặt sáu hạt đó. Ở nghị-viện ông cũng là một tay có thế-lực trong phái thuộc-địa, có tài ăn nói, thường can-thiệp vào các việc nghị-luận, chứ không ngồi yên như các ông nghị thuộc-địa khác. Ông ít biết việc bên ta, nhưng có ý muốn hỏi-han dò xét, nói rằng tuy là nghị-viên *Sénégal* nhưng phàm việc các thuộc-địa khác có việc gì nên vận-động ở Nghị-viện ông cũng sẵn lòng. Xem chừng ra tay hoạt-bát « láu-lỉnh » lắm. Người da đen đất *Sénégal* mà âu-hóa được như ông, tấn-tới được đến thế, tưởng cũng ít có vậy. Người một giống mà hóa hẳn được theo một giống khác, thời tính-tình tư-cách thế nào, đó cũng là một vấn-đề nên nghiên-cứu, giá được quen biết ông này lâu thì có lẽ cũng xét được kỹ-càng. Nhưng mới nhất-kiến thế này, không thể nào biết được nhân-cách người ta thế nào. Xét bề ngoài và cách giao-thiệp thì uyển-nhiên là một ông Tây đặc . . . chỉ khác có sắc da và dáng mặt mà thôi. Nghe nói phu-nhân là người Pháp mà có nhan-sắc lắm : ái-tình thật không phân-biệt gì giống loài.

Buổi chiều đến thăm ông D. ở *Institut Colonial français*, ông nói chuyện ý muốn cổ-động lập một chi Hội ấy ở bên ta.

Thứ năm 29.

Ngày hôm nay thật là đi chơi « lu-bù » (nói giọng các công-tử bột bên ta), chạy ô-tô từ 10 giờ sáng cho đến 12 giờ đêm, xem cũng được nhiều nơi mà lại được một sự gặp-gỡ bất-kỳ.

Buổi sáng đi xem nghĩa-địa *Père Lachaise*. Nói đến nghĩa-địa đừng tưởng là một nơi tha-ma mộ-địa bỏ hoang nào đâu; đây chính là một cái thành của người chết, mà ở trong đường đi lối lại khang-trang, thạch-thất lâu-đài nhan-nhản, danh-hoa dị-thảo cũng nhiều. Cái thành của người chết mà cũng là chỗ đi chơi cho người sống, vì cảnh-tượng đây không có cái gì là vẻ đìu-hiu buồn-bã cả. Người ta nói mỗi năm, vào ngày lễ *Toussaint* và lễ mồ (mồng 1 mồng 2 tháng 11), có tới 10 vạn người đến thăm mồ và vãng-cảnh ở đây, thật là

Dập-dìu tài-tử giai-nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.

Nơi này là nơi nghĩa-địa lớn nhất đẹp nhất thành *Paris*, và có lẽ cả Âu-châu nữa; một là phần nhiều những bậc danh-nhân nước Pháp đời xưa đời nay an-táng tại đây, hai là những nhà nào

giàu-có sang-trọng mới vào chôn đây được, cho nên ngôi mộ nào cũng có kiểu riêng, mà kiểu nào cũng có đặc-sắc cả.

Tự cửa đi vào có một con đường rộng như đường thông-cù, chạy thẳng băng vào một cái thạch-đài, tức là đài kỷ-niệm (*Monument du Souvenir*). Đài này là một cái tường đá lớn chạm các hình người tả ra những cái trạng-thái sầu-thảm của sự chết. Phàm nỗi sinh-tử biệt-li làm cho người ta đau-đớn, diễn ra nét mặt dáng người thế nào, đều như in vào tấm đá, hiện ra trước mặt, khiến cho khách tang-hải bước chân vào đến đây cũng phải tâm-niệm trong mấy phút mà tỉnh-ngộ giấc mộng trần-hoàn. Đài kỷ-niệm là công-trình của nhà điêu-khắc BARTHOLOMÉ.

Ở trong thời chia ra từng khu, cả thảy có 97 khu, rộng tới 44 mẫu tây (chừng 130 mẫu ta). Khu nào cũng có những mộ đẹp, hoặc đẹp vì cách kiến-trúc, hoặc đẹp vì chất đá đủ các sắc, hoặc đẹp vì những hình-tượng chạm khắc vào đấy, nhiều cái mộ thật là những đại-công-trình về mĩ-thuật, không thể nào xem cho khắp hết được.

Còn những danh-nhân chôn ở đây cũng không biết bao nhiêu mà kể. Như ở khu thứ 4, có mả của họ ROCHEFOUCAULD; mả của nhà lý-học ARAGO; nhà bác-học BARTHÉLEMY SAINT HILAIRE; nhà triết-học COUSIN; nhà chính-trị LEDRU-ROLLIN; quan giám-quốc FÉLIX-FAURE; thi-nhân ALFRED DE MUSSET, có cái tượng bán-thân bằng cẩm-thạch, lại có cây liễu rủ che, coi rất có vẻ thơ; văn-sĩ ARSÈNE HOUSSAGE; — khu thứ 7, có mả của tay đại-danh-kỹ RACHEL, đã từng « nổi danh tài-sắc một thì », vào khoảng tiền-bán thế-kỷ thứ 19; mả HÉLOÏSE và ABÉLARD, là một đôi tình-nhân có tiếng về đời Trung-cổ, đã diễn ra một đoạn tình-sử rất li-kỳ, trên mả xây như hình một cái long-đình, có tượng hai người nằm song-song; — khu thứ 8 có mả của thi-nhân CHÉNIER; — khu thứ 9, mả nhà triết-học ROYER-COLLARD; — khu thứ 11, mả văn-sĩ BERNARDIN DE SAINT-PIERRE; — khu thứ 12, mả tay kép có tiếng TALMA; — khu thứ 17, mả nhà đại-triết-học AUGUSTE-COMTE; — khu thứ 25, mả hai thi-hào LA FONTAINE và MOLIÈRE, là hai người chôn ở nghĩa-địa này trước nhất; — khu thứ 26, mả văn-sĩ ALPHONSE DAUDET; — khu thứ 44, có cái mả nhà thần-linh-học ALLAN KARDEC, làm bằng mấy tấm đá nguyên chồng lên như kiểu những cồ-mộ đất *Bretagne*, trông cũng kỳ; ông này sinh-thời nổi tiếng về khoa thần-linh-học, nay còn có người mê-tín đến lễ-bái, nghe đâu có linh-ứng nên thấy những đồ lễ tạ bay la-liệt cả; — khu thứ 48, mả văn-hào BALZAC; — khu thứ 52, mả nhà đại-sử-học MICHELET và văn-sĩ BULOZ sáng-lập ra tạp-chí *Revue des Deux Mondes*; — khu thứ 64, có đài kỷ-niệm những quốc-sĩ tử-trận năm 1870-71; — khu thứ 87, có xây một cái lò thiêu xương để dùng những khi hỏa-táng, và một cái đài có chia ra từng ô để đựng tro những người hỏa-táng (tên tây gọi cái đài ấy là *Colombarium*).

Xem nghĩa-địa xong, chạy xe về *Vincennes* ăn cơm trưa ở một nhà hàng trông ra thành *Vincennes*. Ăn đã muộn, anh em định ngồi nghỉ đây một chút rồi lại đi chơi.

Hai giờ đi xem Vườn Bách-thú (*Jardin des Plantes*). Bác-vật-viện (*Muséum d'histoire naturelle*) tức là ở đây. Dạo qua trong vườn xem các khu nuôi những giống chim muông thú dữ, rồi vào xem trong các sảnh, như sảnh Động-vật-học, sảnh Khoáng-vật-học và Địa-chất-học, sảnh Thực-vật-học chia ra hai trường lớn lắm. Ngay cửa vào có một cái nhà cổ mới chữa lại, gọi là « nhà ông BUFFON » (*maison de Buffon*), ông là một nhà

bác-vật kiêm văn-học có tiếng, khixưa ở đây từ năm 1773 đến năm 1788, nay cái nhà ông ở vẫn giữ để làm kỷ-niệm. Ở trong vườn, về phía tả, là nơi đại-diễn-đàn, để những khi diễn-thuyết hay là hội-họp đông. Bên cạnh sảnh Địa-chất-học, có một cái đại-thư-viện đựng 25 vạn quyển sách in, 2 nghìn quyển sách viết và vô-số những địa-đồ. Nghe nói có một bộ sách bác-vật của Tàu viết bằng tay, có tranh vẽ, tám quyển, quí lắm, nhưng không được xem. — Sau cùng vào xem trong Bác-vật-viện, ngay cửa vào thấy một cái tượng bằng đá trắng hình một con đười-ươi đánh nhau với một người Ấn-độ, nét chạm coi đã hùng lắm. Trong viện vô-số những bộ xương các giống cổ động-vật, có bộ xương con voi thượng-cổ dài 25 thước; còn những xương và sọ các giống người đời xưa đời nay không biết bao nhiêu mà kể, người An-Nam mình cũng có. Lại có những tranh vẽ về phong-tục các giống người: có một bộ vẽ các hạng người An-Nam vào khoảng năm 1860, coi y-phục của các cụ đời bấy giờ cũng hơi khác bây giờ. — Còn trong vườn, trong sảnh, trong viện, đâu đâu cũng bày la-liệt những tượng đá tượng đồng, hoặc để hình-dung các vật-trạng, hoặc để kỷ-niệm các danh-nhân. Cây kỳ, cỏ lạ, hoa đẹp, sắc tươi, rải-rắc khắp mọi nơi; không những là một chốn khảo-cứu cho nhà bác-học, lại là một cảnh ngoạn-mục cho khách lịch-du.

Năm giờ chiều mới ở vườn Bách-thú ra, trước khi lên xe mua một mớ *cartes postales* các giống thú lạ để gửi về cho trẻ ở nhà. Nào là sư-tử, nào là hổ báo, nào là hươu nai, nào là vượn khỉ, mỗi cô mỗi cậu được mấy con giống, xem mà tranh nhau ồm-tỏi! Còn cái con nai cao cổ kia, chắc anh chị nào cũng thích, ta phải mua đến nửa tá mới đủ...

Trời còn sớm, định đánh xe vào «rừng» chơi. Dạo được vài vòng, xe đi từ-từ, ai ngờ tình-cờ gặp-gỡ, thấy hai mĩ-nhân thấp-thoáng dưới bóng cây. Anh em bàn nhau: « Theo phép lịch-sự của Thái-Tây, thấy mĩ-nhân đi đất, mình phải đón lên xe đưa đến đầu rừng mới phải, anh nào dám xuống mời hai cô lên? » Anh nọ giục anh kia, rồi đỗ xe ở một góc rừng, giả-đò xuống ngồi ghế để nghỉ chân. Chợt mĩ-nhân đi đến nơi, con mắt tủm-tỉm cười, anh em đứng lên chào: « Hai tiểu-thư xem chừng đi đã nhọc, chúng tôi đã sẵn xe, về đâu chúng tôi xin đưa. » Hai cô cám ơn, rồi nhận ngay, chỉ nhà cho đưa về, nhưng chúng mình giả-đò không biết đường, cứ chạy xe quanh-co trong rừng, mãi tối mới đưa đến nơi. Hai cô xem chừng cũng không phiền gì mà chuyện-trò rất vui-vẻ.

Cơm tối rồi, lại chạy xe dông trong thành-phố đến 12 giờ đêm mới về trọ. Cái cảnh-tượng *Paris* ban đêm, chúng mình thật đã như in trong rèm mắt. Hôm nay xe chạy suốt ngày, dùng cũng hại dầu, nhưng chơi cũng thỏa chí.

Thứ, sáu 30

Người An-Nam ta, hoặc sang du-học, hoặc sang làm việc ở *Paris* được một năm nay đã lập-thành một hội Ái-hữu, đặt là *Association Mutuelle des Indochinois*, hiện ông kỹ-sư Cao Văn-Sến (người Lục-tỉnh, lấy vợ đầm) làm hội-trưởng. Hội này được Bộ Thuộc-địa và Kinh-tế-cục Đông-Pháp (tức là Phủ Toàn-quyền bên ta) tán-trợ. Gần đây mới thuê được cái nhà ở đường *Du Sommerard* để làm hội-sở, sắp khánh-thành nay mai. Nhân có Hoàng-Thượng sang, quan Thuộc-địa SARRAUT muốn tổ-chức một cuộc ca-nhạc để quyên

tiền và cổ - động cho Hội. Cuộc ca-nhạc ấy nhờ được một bà tài - tử — M me MARTHE RENNESSON. — đứng chủ - trương, định vào chiều hôm nay từ 2 giờ đến 6 giờ, tại rạp hát *Edouard* VII. Anh em phái-viên đều có giấy mời cả, nhưng ai cũng mua vé để giúp vào Hội. Đúng giờ, Hoàng-thượng và quan Thượng-thư đến để chủ-tọa. Trong chương-trình có đủ lối ca-xướng, như hát, ngâm, đọc văn, diễn-kịch, khiêu-vũ, v. v., và đào kép toàn là những tay có tiếng ở các rạp hát lớn *Paris* đến giúp, như *Comédie-française, Opéra-Comique, Opéra, Odéon, Trianon Lyrique*, mỗi người chỉ mươi mười-lăm phút thay đổi nhau luôn, thật là vui tai sướng mắt, không mấy khi có dịp cùng một lúc mà được nghe nhiều những tay danh-ca diệu-kỹ như thế. Nhất là nghe ngâm thơ và đọc văn thì hay tuyệt. Mình học chữ tây trong bao lâu thật chưa từng được nghe có người đọc câu thơ câu văn tây thanh-tao minh-bạch, như rót vào tai như thế. Một bài văn hay mà không có người đọc hay thì tựa-hồ như nó kém hay đi ; được người đọc hay thì cái hay như tăng lên bội-phần vậy. Như nghe Cô MADELEINE ROCH, rạp *Comédie Française*, đọc thơ VICTOR HUGO, Cô NIZAN cũng rạp *Comédie Française* ngâm bài «La vieille maison» (Cái nhà cổ) của ANDRÉ RIVOIRE, cô PAULE ANDRAL rạp *Odéon*, ngâm bài «La tristesse des Bêtes» (Cái buồn của giống vật) của JEAN RICHEPON và bài « L'Innocence » (Tấm lòng băng-tuyết) của bà Bá-tước DE NOAILLES, thật sướng quá, bấy giờ mới biết thưởng hết cái thú văn-chương. Không những có giọng mà lại có bộ, không những có bộ mà lại có tình, có tứ nữa, chỗ nào vui ra vui, chỗ nào buồn ra buồn, có chỗ ngâm-ngùi than-thở, có chỗ dí-dỏm tươi-cười, tựa-hồ như đọc đến câu nào thì để cả tâm-hồn tình-tính vào câu ấy, có vẻ linh-hoạt dễ cảm người. Tưởng người không hiểu văn Tây, cứ nghe giọng xem bộ cũng lĩnh-lược được cái tình-ý nghĩa-lý trong bài văn vậy. A-đào ta ví biết được cách ngâm thơ đọc văn như thế thì nghề xướng-ca tưởng cũng không phải không có giá-trị vậy. Tiếc thay toàn là những kẻ vô-học, lại tuyệt-nhiên không có cái cảm-tưởng gì cao-thượng về nghề mình cả, khi cất tiếng lên hát thì hát một đàng người một nẻo, tựa-hồ không quan-hệ gì với nhau, và chẳng khác cái ống lưu-thanh vặn máy vậy. Văn-chương mình không phải không có bài hay, và nghề hát mình không phải tất-nhiên là đê-tiện ; làm cho đê-tiện đi là ở tự người theo nghề không biết tự-tôn và tự-trọng. Cô đào nào đọc được bài *Ti-bà* cho réo-rắt, tả được hết cái tâm-sự của khách Tầm-dương, trong khi đọc như tưởng mình là người thương-phụ đem nỗi lòng mà tỏ cáo với kẻ tri-âm, hay là ngâm được bài *Thu-hứng* cho ra cái cảnh hiu-hắt lạnh-lùng, đem cái giọng tiêu-tao, cái bộ não-nuột mà tăng giá cho cái văn-chương bi-thu tiêu-sái của cổ-nhân, há chẳng phải là một bậc tài-tình mà tài đáng trọng, mà tình đáng thương dư? Ngạn-ngữ Tây có câu : « Không có nghề dở, chỉ có người hư mà thôi », thật thế. Nhưng người hư đây tưởng không một là con nhà nghề, mà có lẽ cả khách làng chơi vậy....

(*Còn nữa*)

P.-Q.

KHẢO VỀ HỌC-THUYẾT CỦA CÁC MÔN-ĐỒ KHỔNG-TỬ

Học-thuyết đức Khổng thì mấy kỳ trước ký-giả đã khảo đăng vào bản-chí rồi, nay xin khảo học-thuyết của các môn-đồ Khổng-giáo ra thế nào. Trong *Sử-ký* có chép về liệt-truyện của các người đệ-tử đức Khổng, biên những tên tuổi của học trò ngài rất tường, tất cả là 77 người. Nhưng chúng ta xét lại thì sự biên chép ấy e không thể tin được, như nói rằng ông Đàm-đài-diệt-minh 澹 臺 滅 明 và ông Công-bá-liêu 公 伯 寮 đều là đệ-tử của ngài, ấy thật là tỏ ra rằng người đời sau phụ-hội mà chép vào vậy. Huống-chi, chỉ biên những tên tuổi của mọi người mà không nói đến học-thuyết của mọi người lưu-truyền ra thế nào, thì giả-sử 77 người ấy có thật đi nữa, cũng không có giá-trị gì, cũng không có thể làm tài-liệu cho sự khảo-cứu về triết-học-sử được. Còn như trong sách *Khổng-tử-gia-ngữ* 孔 子 家 語 chép rằng 76 người, ấy lại càng mô-hồ lắm. Vì vậy, bây giờ chúng ta muốn khảo về học-thuyết của môn-đồ đức Khổng thật là rất khốn-nạn, đã vậy, thì không có thể khảo cho hoàn-toàn được. Bài khảo-cứu sau này chẳng qua là ký-giả lược-khảo các nhà xu-hướng về cái học-phái của đức Khổng về sau khi đức Khổng đã mất rồi.

Cứ theo trong thiên *Hiển-học* của ông Hàn-Phi (韓 非 子 顯 學 篇) nói, thì sau khi đức Khổng chết rồi, tiếp theo có các nhà nho là : Tử-Trương 子 張, Tử-Tư 子 思, Nhan-thị 顏 氏, Mạnh-tử 孟 子, Tất-điêu-thị 漆 雕 氏, Trọng-lương-thị 仲 良 氏, Tôn-thị 孫 氏 tức là Tuân - Khanh 荀 卿, và Nhạc-chánh-thị 樂 正 氏.

Từ khi đức Khổng chết rồi cho đến đời ông Hàn-Phi, cách nhau hơn 200 năm, trong một khoảng thời-gian ấy trước sau trải qua tám đại - phái nho-gia như trên kia đã kể, mà tám đại-phái ấy đều không phải là phát-hiện ra đồng-thời. Như ông Nhạc-chánh-tử và ông Tử-Tư đều là thuộc về thời-đại thứ ba ; ông Mạnh-tử và Tôn-thị là thuộc về thời-đại thứ tư hay là thứ năm ; còn Nhan-thị và Trọng-lương-thị thời không biết rõ là thời-đại nào, chỉ có ông Tử - Trương và ông Tất-điêu Khai chính là học trò cập-môn của đức Khổng vậy. Nay xin thử liệt ra một cái biểu như sau này :

Khổng - phu - tử	Tử-Trương	
	Tất-điêu-thị	
	Tăng - tử	Tử-Tư, Mạnh-tử Nhạc-chánh-tử
	? Tuân-Khanh	
	? Nhan-thị	
	? Trọng-lương-thị	

Còn một điều chúng ta lấy làm lạ là ông Hàn-Phi kể các đại-nho-gia sau đức Khổng, mà không kể đến các ông Tăng-tử, 曾 子, Tử-Hạ 子 夏 và Tử-Du 子 游. Có lẽ là các ông Tăng-tử, Tử-Hạ, Tử Du và Hữu-tử 有 子 đều là học trò chánh-truyền của đức Khổng, cái học-thuyết gì cũng đều nhận là của thầy truyền cho mình, không cần phải lập riêng ra tôn-phái, duy có ông Tử-Trương và ông Tất điêu-Khai là không hợp với bọn ông Tăng - tử, cho nên mới phát-hiện ra những học-phái riêng của các ông ấy. Nay thử xét trong bộ *Luận-ngữ* thì thấy ra nhiều chứng-cớ ông Tử-Trương không hợp với bọn đồng-học. Như là : Ông Tử-Du nói rằng ông Tử - Trương chưa được *nhân* ; ông Tăng-tử nói rằng ông Tử-Trương khó cùng làm *nhân*, vân vân.

Ông Tử-Trương là một bạng người như ông Trần Đồng-phủ 陳同甫 và Lục Tượng-sơn 陸象山, cho nên ông không ưa cái khí-tượng rụt-rè nhút-nhát như « chiến-chiến căng-căng » 戰戰兢兢 của bọn ông Tăng-tử, ông thường nói rằng : « Giữ đức không rộng, tin đạo không bền, thì có thể nào cho là có và có thể nào cho là không được ; phàm làm người sĩ-phu ở đời, thấy khi nghèo-ngặt thì liều mình ra cứu giúp, thấy được thì phải xét lại sự được ấy có hợp nghĩa hay không, khi tế-tự phải thành-kính, việc tang phải có lòng thương xót, như thế đủ cho là được rồi. »

Còn như ông Tử-Hạ nói về đạo giao-tiếp với bầu-bạn, có nói rằng : « Người khá thì mình giao với họ, người không khá thì nên cự đi, » ông Tử-Trương cãi lại rằng : « Người quân-tử tôn người hiền mà bao - dung mọi người, khen người lành mà thương kẻ không có tài, vì là nếu mình là bậc đại-hiền, thì đối với người có ai là mình không dung được ; không vậy, nếu mình không hiền thì người ta đã cự mình rồi, có đâu đợi đến mình cự người. »

Xem vậy, thì ông Tử-Trương là một người khí-tượng rất rộng-rãi, tài nào ông không dời hai ông Tử-Hạ và Tăng-Tử mà lập riêng ra một tôn-phái. Còn ông Tất-diêu Khai thì về phái võ-hiệp (武俠) của đạo nho, không phải là chánh-tôn đạo nho vậy. Chúng ta chỉ tiếc rằng cái học-thuyết của ông Tử-Trương và ông Tất-diêu Khai đến bây giờ không còn truyền, nay chúng ta chỉ có thể lược thuật về cái học-thuyết chánh-truyền của Khổng-giáo

Phái chánh-truyền của Khổng-giáo, tưởng có thể nhận ông Tử-Hạ, Tử-Du và Tử-Trương làm đại-biểu, hay không cần phải nói rõ ra các học-thuyết của mọi người thế nào, chỉ nên trích ra hai cái quan-niệm lớn tức là *hiếu* và *lễ*. Hai cái vấn-đề *hiếu* và *lễ* ấy đức Khổng-tử khi sinh-thời ngài cũng chưa hề nói kỹ-càng đến, đến đời bọn ông Tăng-tử mới phân-giải ra đủ mọi lẽ. Về sau hai chữ ấy dần dần thành ra hai cái thế-lực rất lớn trong xã-hội nước Tàu.

Nói về « hiếu » (孝). — Đức Khổng ngài vẫn dạy về đạo hiếu, nhưng không nói đến thấu-thiết viên-mãn như Tăng-tử. Ông Tăng-tử nói rằng hiếu có ba cách : « Người đại-hiếu thì làm cho tôn-trọng nghĩa thân ; thứ nữa là không nhục nghĩa thân ; thứ nữa là biết phụng-dưỡng nghĩa thân. » (孝有三。大孝尊親。其次弗辱。其次能養)

Thế nào là làm cho tôn-trọng nghĩa thân ? Thứ nhất là làm cho cao thêm cái nhân - cách của mình, như trong *Hiếu-kinh* 孝經 nói rằng : Người con hay lập thân hành đạo, để tiếng về sau, làm cho hiển-vinh đến cha mẹ ; thứ nhì là làm cho cao thêm cái nhân-cách của cha mẹ, tức là làm con phải tiên - ý thừa - chí mà dẫn cha mẹ về đường đạo-lý. Chữ « tôn thân » (tức là tôn-trọng nghĩa thân) chính là đồng nghĩa với chữ « nghiêm-phụ » (tức là làm cho tôn-nghiêm cha mình). Trong *Hiếu-kinh* nói rằng : « Đức-hạnh người chẳng gì lớn hơn đạo hiếu, đạo hiếu chẳng gì lớn hơn làm cho tôn-nghiêm cha mình, làm cho tôn-nghiêm cha mình chẳng gì lớn hơn sự phối-thiên. » (人之行莫大於孝。孝莫大於嚴父。嚴父莫大於配天)

Thế nào là làm cho không nhục nghĩa thân ? Thứ nhất là không dám hủy-hoại cái thân-thể mình, vì cái thân-thể ấy là của cha mình sinh ra mình, như trong *Hiếu-kinh* nói rằng : « Mình vóc tóc da, chịu của cha mẹ, không dám hủy hoại. » 身體髮膚受之父母不敢毀傷 ; trong thiên *Tế-nghĩa* 祭義 nói rằng : « Cha mẹ toàn

mà sinh con, thì con cũng phải giữ cho toàn mà về » 父母全而生之子全而歸之, vân - vân. Thứ nhì là không dám điếm-nhục cái nhân-cách mình, vì cái nhân-cách ấy là của cha mẹ truyền cho mình. Cái lối không dám làm cho điếm-nhục cái nhân-cách của cha mẹ đã truyền cho mình, thì ông Tăng-tử đã giảng - giải trong thiên *Tế nghĩa* rất rõ-ràng. Ông nói rằng : « Cái thân của mình là cái di-thể của cha mẹ, mình hành - dụng cái di-thể của cha mẹ dám không kính ư ? Ăn ở không chánh-đáng là không hiếu ; thờ vua không trung là không hiếu ; làm việc quan không kính là không hiếu , giao bạn không tin là không hiếu ; và ra trận giặc không có dũng-khí là không hiếu ; năm điều ấy mà không làm xong thì tai-hại đến nghĩa thân mình, dám không kính ư ? »

Thế nào gọi là biết phụng - dưỡng nghĩa thân ? Sự phụng-dưỡng cha mẹ thì đức Khổng đã từng dạy về cái tinh-thần dưỡng-thân, ngài nói rằng :« Bây giờ họ gọi rằng hiếu chỉ cho rằng nuôi cha mẹ được là hiếu đấy, nhưng xét ra thì loài vật cũng biết nuôi, nếu nuôi mà không kính, thì có khác gì loài vật ». Ngài lại nói rằng : « Thờ cha mẹ phải tùy-cơ mà can khuyên, thấy chí cha mẹ không theo thì lại kính mà không dám trái, tuy nhọc-nhằn cũng không hề oán giận », vân vân. Cái tinh-thần về đạo dưỡng - thân của đức Khổng xướng ra khi ban đầu vẫn như thế, không ngờ người đời sau chỉ chú - trọng về cái hình-thức sự dưỡng-thân mà sinh ra những lễ-văn rất phiền - phức. Như trong thiên Nội-tắc sách *Lễ-ký* nói rằng : « Con thờ cha mẹ, khi gà mới gáy, thức dậy rửa mặt chải đầu, đội mão thắt đai, cầm hốt, bên tả bên hữu đeo đồ dùng, đi đến chỗ cha mẹ, vừa đến nơi, thì nín hơi nhẹ tiếng hỏi sự ấm lạnh thế nào, cha mẹ có đau-đớn ngứa-ngáy chỗ nào thì vuốt-vê xoa gãi, khi cha mẹ ra vào thì nâng đỡ, rồi đem đồ rửa mặt, người con trẻ bưng chậu thau, người con lớn bưng bình nước, rửa rồi dâng khăn lau mặt, hỏi cha mẹ có cần vật gì thì kính dâng ».

Một cách lễ-nghi phiền-phức nói về đạo con thờ cha mẹ vừa lược kể trên này, khác nào như kiểu cách của các vai tuồng ở trên sân khấu, thành ra bắt người con phải y rập làm theo, mất cả cái chân-ý về đạo hiếu. Ông Tăng-tử nói đạo hiếu có ba cách mà người đời sau chỉ nhớ được một cách rất hạ-đẳng là cách chỉ dụng-công về sự nuôi-nấng, thậm chí bịa đặt ra câu chuyện ông Vương-Tường 王祥 gặp trời mùa đông đóng giá, tìm không ra cá để nuôi mẹ, bèn cả đêm ra nằm ngủ trên giá, chực bắt cá chép sống đem về nuôi mẹ, vân-vân. Những câu chuyện kỳ-khôi ấy bèn có người tin lấy làm thật, lấy làm nghĩa-vụ người hiếu-tử phải làm như thế, thành ra sai lầm cái chân-nghĩa về đạo hiếu.

Về lối nhân-sinh-triết-học của đức Khổng tuy thuộc về phương-diện luân-lý, tuy chú-trọng về đạo quân-thần, phụ-tử, phu-phụ, nhưng ngài không hề chỉ dùng một chữ hiếu mà bao-quát tất cả luân-lý. Đến đời học - trò ngài thì lại cho rằng trong nhân-luân chỉ có một luân cha con là rất thân-thiết hơn, vì vậy mới cách-ngoại chú-ý về luân phụ-tử. Như trong sách *Hiếu-kinh* nói rằng : « Đạo cha con là thuộc về thiên-tính. . . cho nên người nào không yêu nghĩa thân mình mà yêu người khác, gọi là trái với đạo-đức ; người nào không kính nghĩa thân mình mà kính người khác, gọi là trái với lễ-nghĩa ». Ông Hữu-tử nói rằng : « Người quân-tử trọng về chỗ căn-bản, căn-bản có lập thì đạo mới

sinh, mà hiếu-đễ là cái căn-bản làm đạo *nhân* 仁 vậy ».

Khổng-giáo nói về đạo *nhân* rất trọng về lẽ thân-thân có thứ bậc (親親之殺) và rất trọng về lẽ suy-ân (推恩), cho nên mới lấy hiếu-đễ làm căn-bản đạo nhân, nghĩa là muốn cho người đời trước do chỗ căn-bản ấy rồi sẽ suy tấm lòng làm nhân ra đối với đời vậy. Nhân là gì? Tức là đạo làm người đối với loài người. Về sau lại tiến lên một tầng nữa cho tất cả luân-lý đều bao-quát ở trong chữ hiếu, không nói rằng người cần phải làm người nên thế nào, mà lại nói rằng người cần phải làm đấng hiếu-tử nên thế nào. Xét như trên kia dẫn lời ông Tăng-tử nói rằng : « Ra trận giặc không có dũng-khí và ở với bầu-bạn không tin », vân-vân. . . . . Sao ông không nói rằng vì lẽ làm người phải hết đạo làm người, cho nên ra trận giặc phải có dũng-khí và ở với bầu-bạn phải tin, mà ông chỉ nói rằng vì lẽ cần làm cho thành một người hiếu-tử, nên phải như thế như thế. Những lối khu-biệt ấy trong nhân-sinh-triết-học-sử thật rất là quan-hệ vậy.

Đức Khổng ngài tuy chú-trọng về cái luân-lý có quan-hệ với cá-nhân, nhưng ngài lại xướng ra một đạo *nhân* 仁 là cái đạo làm người phải hết cái nghĩa-vụ làm người, để làm ra một bậc « thành - nhân » 成人. Cho nên ngài dạy rằng : «Ăn ở cho nghiêm, giữ việc cho kính, giao-tiếp với người cho trung», 居處恭。執事敬。與人忠。ấy là *nhân*, ấy là cái lẽ làm người, mà chính là cái lối nhân-sinh-triết-học về đạo nhân đấy. Còn như lối nhân-sinh-triết-học về đạo hiếu thì khác thế. Xem những học - thuyết trong thiên *Tế - nghĩa* và sách *Hiếu kinh*, thì rõ-ràng không thừa - nhận con người đời có được cái tư-cách cá-nhân ; mình không phải là mình, chẳng qua là một đứa con của cha mẹ mình đấy. Vậy cho nên nói rằng : « Cái thân của mình là cái di-thể của cha mẹ » ; lại nói rằng : « Mình vóc tóc da chịu của cha mẹ », vân-vân. . . Mình không phải là mình, chỉ là cái di-thể của cha mẹ, cho nên cách ăn ở không nghiêm-trang, thờ vua không trung, ra trận giặc không có dũng-khí, đều là có tội với cha mẹ, tức là một người bất-hiếu. Trong sách *Hiếu-Kinh* nói về những cách làm bậc thiên-tử, chư-hầu, khanh, đại-phu, sĩ và thứ-nhân, nên làm thế nào thế nào, không nói rằng làm bậc thiên-tử, hoặc chư-hầu, hoặc khanh, đại-phu, hoặc sĩ thứ-nhân nếu không làm như thế thì không hết đạo làm người, lại nói rằng làm người nếu cần cho thành ra người hiếu-tử, mà không làm cho được như thế như thế, thì không hết đạo hiếu và có lỗi với cha mẹ mình. Nói tóm lại cái nhân-sinh-triết-học về đạo hiếu thì con người đời không cứ ở cái địa-vị gì, làm công việc gì, cốt phải nhớ rằng ta đây dầu làm thiên-tử, chư-hầu, hay là khanh đại-phu và sĩ thứ-nhân mặc dầu ta không phải là ta, chính là một người con của cha mẹ ta làm những địa-vị ấy vậy.

Ôi! đức Khổng-tử xướng ra lối nhân-sinh-triết-học về đạo nhân mà học-trò ngài lại kết-thúc thành lối nhân-sinh-triết-học về đạo hiếu, ấy là cái triết-học của Khổng - giáo đã trải ra một lần thay đổi rất có quan-hệ. Đức Khổng ngài xướng ra cái đạo nhân là đạo làm người, mà những người kế-truyền sau ngài lại buộc về đạo hiếu là đạo làm một người con của cha mẹ. Cái triết-học về đạo hiếu tuy biết vẫn cũng có đạo-lý thật, nhưng xét ra thì e rằng đem cái tư-cách làm người ở đời chôn lấp về trong phương-diện gia-đình. Như trong *Hiếu - kinh* nói rằng : « Đạo thờ cha mẹ : ở bậc trên

không nên kiêu ; làm bậc dưới không loạn ; cùng với kẻ bằng vai không nên tranh dành. » Nếu nói vậy, thì không phải là thờ cha mẹ, không cần phải gìn-giữ như thế ư? Lại nói rằng : «Biết yêu cha mẹ thì không dám ghét người; biết kính cha mẹ thì không dám khinh người. » Vì lẽ gì không nói ngay rằng bỗ đạo làm người thì không nên ghét người và không nên khinh người ?

Chúng ta xét ra cho kỹ thì cái triết-học về đạo hiếu đã kể ra trên này nên nhận cho là một cái tôn - giáo về đạo hiếu của nho - học. Vì sao ? Phàm các nhà tôn-giáo cần cho người đời làm điều lành, lại sợ người đời không chịu làm, mới bày đặt ra những chước để giám-đốc sự hành-vi của người đời : hoặc là bậc Thượng-đế, hoặc là vị quỉ-thần có thể dùng làm cái sức tài-chế cho đường đạo-đức của loài người. Vì đức Khổng ngài không tin quỉ-thần, học-trò ngài cũng không tin, cho nên không dùng cái lối quỉ-thần để làm cái sức tài-chế cho người đời. Nhưng mà đường đạo-đức của người đời nếu không tài-chế, không giám - đốc, thì không được, vì thế mới tưởng đến một lẽ thuộc về thiên-tính, tức là tình cha con, trong ngũ-luân chỉ nghĩa cha con là rất thân-thiết mà người nào cũng phải có, thế thì chỉ bằng phát-minh ra đạo sự-thân, chú-trọng về chữ hiếu, đem chỗ thiên - tính ra mà cảnh-tỉnh người đời, khiến cho ai ai cũng thường nhớ đến cha mẹ, làm việc gì cũng thường thường nghĩ rằng sao khỏi lỗi với cha mẹ, thì quyết-nhiên không dám làm những sự có điểm-nhục đến cha mẹ bao giờ, tức là làm điều gì cũng theo lẽ phải mà làm vậy. Ấy là đạo nho xướng ra cái thuyết hiếu với cha mẹ, lấy cha mẹ làm sức tài-chế và phương cổ-lệ cho đường đạo-đức, khác nào như các tôn-giáo khác lấy Thượng-đế hay là quỉ-thần để tài-chế và cổ-lệ cho sự hành-vi của người đời. Xem như học-trò ông Tăng-tử là ông Nhạc-chính-tử - Xuân 樂正子春 có nói rằng : « Ta nghe thầy Tăng-tử thuật lại lời đức Khổng - phu - tử nói rằng : Cha mẹ toàn mà sinh con, con được giữ cho toàn mà về, ấy là hiếu, và không làm khuy đến thân-thể mà không nhục đến nghĩa thân, ấy mới có thể gọi là toàn được. Vì vậy không có một phút nào mà dám quên đạo hiếu. . . bước một bước chân phải nhớ đến cha mẹ, nói một lời nói phải nhớ đến cha mẹ ; bước một bước chân không dám quên cha mẹ, cho nên đi đường và đi thuyền phải cẩn-thận, không dám đem cái di-thể của cha mẹ vào những nơi hiểm-nghèo ; nói một lời nói không dám quên cha mẹ, cho nên những lời dữ không dám nói ra miệng, lời giận hờn không dám để cho vào mình », vân-vân.

Nếu người mà bước một bước chân nói một lời nói không dám quên cha mẹ như lời ông Nhạc-chánh-tử-Xuân vừa dạy trên này, thì cha mẹ há không phải là bậc Thượng-đế hay là quỉ-thần của người đời ư ? Cha mẹ cũng như bậc Thượng-đế hay là quỉ-thần của người đời, thì đạo hiếu chính là một lối tôn-giáo của người đời vậy. Chúng ta muốn biết cái thái-độ về tôn-giáo ấy ra thế nào, thì thử xét những lời nói của ông Tăng-tử khi ông sắp lâm-chung. Ông bảo với học-trò ông rằng : « Các con ! dở chân ta và tay ta thử xem. *Thi* rằng : năm-năm nớp-nớp, như đến vực sâu, như noi giá mỏng, từ nay nhẫn sau ta biết được khỏi lỗi vậy. » Ấy thật hoàn-toàn là cái khẩu-khí của một nhà tôn-giáo.

Cái tôn-giáo « toàn-thụ toàn-qui » (全受全歸) ấy về sau lưu-tệ dưỡng-thành cái tư-cách rụt-rè nhút-nhát, làm cho tiêu-mòn cái khí-phách mạo-hiểm của người đời. Trong sách *Hán-thư* chép rằng: Ông Vương Dương

王 [illegible] làm quan Thứ-sử châu Ích, đi đến chỗ Cửu-chiết-bản 九 折 阪 núi Cùng-lai tỉnh Tứ-xuyên tức là một chỗ đường đi rất nguy-hiểm, ông bèn than-thở rằng : « Cớ sao mình đem cái di-thể của tiên-nhân đi hoài những nơi hiểm-trở này ! », rồi sau ông cáo-bệnh thôi làm quan. Ấy có phải là cái tôn-giáo « toàn-thụ toàn-qui » lưu-độc đến thế không ?

Đạo nho đã lấy cha mẹ làm cái sức tài-chế, cái quyền giám-đốc cho người đời, nhưng lại sợ e cha mẹ khi đã mất rồi người con quên không còn nhớ đến cha mẹ nữa, mà cái sức tài-chế, cái quyền giám-đốc đến khi ấy mất cả hiệu-lực. Vì vậy mới lập ra những nghi-tiết tang-tế để cho người ta cả đời phải ghi nhớ đến cha mẹ luôn luôn. Ông Tăng-tử nói rằng : Đức Phu-tử ngài dạy người đời chỉ có sự tống-táng nghĩa thân là trọng hơn. Vì đạo nho cho cái thời-kỳ để tang cho nghĩa thân là rất trọng-yếu, cho nên mới lợi-dụng cái tâm-lý thuộc về thời-kỳ ấy mà đặt ra lễ-nghi, khiến người đời thường nhớ đến cha mẹ. Lễ tang về đạo nho, thì khi cha mẹ mất người hiếu-tử phải nằm rơm gối đất, hết lòng thương khóc, chịu sự nhọc-nhằn trong ba năm, mình-mẩy gầy ốm, có người đỡ mới đứng dậy được và chống gậy mới đi được, vân-vân... Nay chúng ta thử đọc qua những các thiên *Tang-đại-ký*, *Tang-phục-đại-ký*, *Bổn-tang* và *Vấn-tang* trong sách *Chu-Lễ*, thì thấy biết bao nhiêu là những nghi-văn phiền-phức, mà những nghi-văn ấy là cốt làm cho người đời phải nhớ đến cha mẹ vậy.

Lễ tang tuy đã đặt ra, nhưng mà tang ba năm rồi cũng có ngày mãn, nếu mãn mà không có cách gì để bổ-trợ về sự ghi nhớ, thì e lòng người phai nhạt mất, vì vậy mới đặt ra lễ tế, lễ tế là khiến cho người đời sau khi tang-chế rồi lại thường thường nhớ đến cha mẹ tổ tôn.

Muốn biết cái tinh-nghĩa về lễ tế, không chỉ bằng xem một đoạn trong thiên *Tế-nghĩa* nói như sau này : « Đến ngày trai-giới (tức là ngày dự-bị làm lễ tế) thì nhớ đến sự cư-xử, giọng cười tiếng nói, ý chí và chỗ vui chỗ ham muốn của cha mẹ tổ-tôn thế nào, trai-giới ba ngày mới thấy đến nơi mình trai-giới là thế nào ; đến ngày tế, vào từ-đường thì mơ tưởng thấy hình bóng và nghe âm-dung, ra cửa hình như nghe tiếng than-thở. » Ấy thật là tả hết cái tâm-lý về sự tế-tự.

Có người nói rằng đạo nho không phải là tôn-giáo, nhưng chúng ta xét lại đạo nho chính là tôn-giáo. Vì sao? Đạo nho vẫn không tin quỉ-thần, mà lại tin về lối tế-tự ; đạo nho tuy không viện-dẫn quỉ-thần mà lại tinh-nguyện tự mình tạo ra quỉ-thần để sùng-bái. Như đức Khổng-tử ngài đã nói rằng : « Chưa biết lẽ sống, đâu biết lẽ chết được. » Nhưng mà ngài lại nói rằng : « Tế tiên-tổ như có tiên-tổ, tế thần như có thần, » một chữ « Như » tả hết cái tâm-lý-học của nhà tôn-giáo.

Có người hỏi : Đạo nho vì cớ gì mà tinh-nguyện tự mình tạo ra quỉ-thần để sùng-bái ? Chúng ta tưởng rằng ấy thật là một cái khổ-tâm của đạo nho vậy. Ông Tăng-tử nói rằng : « *Thận chung truy viễn, dân đức qui hậu* » (愼終追遠民德歸厚), nghĩa là cẩn-thận lúc cuối cùng và nhớ tưởng đến người trước thì đường đạo-đức của dân mới có trung-hậu ; đức Khổng-tử nói rằng : « Người quân-tử hậu với nghĩa thân thì dân cổ-vũ về điều nhân. » Tất cả những lễ tang của đạo nho tuy là thiên-điều vạn-tự mặc dầu, mà rút lại chỉ bốn chữ *thận chung truy viễn*, chỉ cần cho đức-tính dân theo lối trung-hậu và chỉ cần cho dân cổ-vũ về điều nhân, ấy là cái mục-đích của cái tôn-giáo về đạo hiếu.

Nói về Lễ 禮. — Thế nào gọi là lễ? Nghĩa đen chữ «lễ» tức là cái nghi-tiết về tôn-giáo, cứ như trong *Thuyết-văn* 說文 giải rằng: « *Lễ*, nghĩa là noi theo, cốt để thờ thần cầu phúc », trong sách *Ngu-thư* 虞書 nói về ba lễ là lễ tế thiên-thần, địa-kỳ và nhân-quỉ, thì rõ-ràng lễ là nghi-tiết tế-tự của nhà tôn-giáo vậy. Nghĩa đen chữ lễ khi ban đầu vẫn hẹp như thế, nhưng về sau cái phạm-vi ứng-dụng ra càng ngày càng rộng thêm, có cái danh-mục « Ngũ-lễ » (五禮 tức là cát-lễ, hung-lễ, quân-lễ, tân-lễ và gia-lễ), « lục-lễ » (六禮 tức là quan-lễ, hôn-lễ, tang-lễ, tế-lễ, hương-lễ và tương-kiến-lễ); « Cửu-lễ » (九禮 tức là quan-lễ, hôn-lễ, triều-lễ, sinh-lễ, tang-lễ, tế-lễ, tân-chủ-lễ, hương-ẩm-tửu-lễ và quân-lễ), đều là cái nghi-văn khắp cả mọi việc trong xã-hội, bao-quát tất cả sự hành-vi mà xã-hội tập-quán và phong-tục đã thừa-nhận làm qui-củ, không những chỉ thuộc về một bộ-phận của tôn-giáo mà thôi. Thử xem như những lễ-văn nghi-tiết chép trong sách *Nghi-lễ* và sách *Lễ-ký* đều thuộc về cái phạm-vi rất rộng ấy. Huống-chi nghĩa chữ lễ mà suy cho rộng ra thì không những thế mà thôi đâu: trong thiên *Lễ-vận* 禮運 nói rằng: « Lễ là cái cán lớn của vì nhân-quân cầm giữ lấy để mà biện chỗ hiềm-nghi, rõ chỗ mầu-nhiệm, tiếp qui-thần, xét chế-độ, phân nhân-nghĩa và trị việc chánh, yên cái chủ-quyền »; trong thiên *Phòng-ký* 坊記 nói rằng: « Lễ là nhân theo nhân-tình mà đặt ra tiết-văn để làm giới-hạn cho dân ». Xét như thế thì cái phạm-vi chữ « lễ » rộng lớn biết dường nào. Lễ là cái cán lớn của vua cầm giữ, để mà trị việc chính, yên chủ-quyền, để mà làm cái giới-hạn cho dân, thành ra lễ lại bao-hàm có cái tính-chất thuộc về chánh-trị và pháp-luật. Đại-khái cái xã-hội ngày xưa cho tập-quán và phong-tục là rất tôn-nghiêm như thần-thánh bất-khả-xâm-phạm, vì vậy cái nghĩa chữ lễ hàm có tính-chất pháp-luật. Chữ « lễ » của đàng nho-gia cũng có cái sức tài-chế ở trong xã-hội và quốc-gia, không khác gì chữ pháp » của đàng pháp-gia (法家 tức là mấy nhà xướng ra pháp-luật) vậy. Tuy vậy, cùng là sức tài-chế ở trong xã-hội quốc-gia, mà cái cách tài-chế của *lễ* và *pháp* có phân-biệt: thứ nhất là *lễ* thiên-trọng về qui-củ tích-cực mà pháp thì thiên-trọng về sự cấm-chế tiêu-cực, lễ dạy người đời nên làm những điều gì và không nên làm những điều gì, mà pháp thì dạy người đời những điều gì là cấm không cho làm, nếu làm thì phải chịu phạt; thứ nhì là trái pháp thì có hình-phạt để trừng-trị, mà trái lễ thì chỉ bị người quân-tử phê-bình và xã-hội chê cười mà thôi, chứ không hề lấy hình-phạt mà xử-phân; thứ ba là cái giới-hạn thi-thành lễ cùng pháp khác nhau, như trong sách *Lễ-ký* nói rằng: « Lễ thì không thi xuống đến bậc thứ-dân mà hình thì không thi lên đến bậc đại-phu », thế thì lễ là vì bậc thượng-cấp xã-hội mà đặt ra, mà pháp là vì bọn hạ-cấp xã-hội mà đặt ra vậy.

Lễ với pháp tuy có ba điều phân-biệt như trên kia đã nói, nhưng xét về căn-bản, thì đều là làm cái sức tài-chế cho sự hành-vi của mọi người ở trong xã hội, vì vậy cho nên có thể nói rằng *lễ* là một thứ bờ ngăn của nhân-dân. Trong sách *Đại-đới-lễ-ký* 大戴禮記 có giảng lời đức Khổng-tử nói rằng:

« Đạo quân-tử ví-dụ như đắp bờ « ngăn, hễ lễ mà bỏ đi thì loạn sinh, mà « bờ ngăn không giữ thì nước tràn vậy. « Cho nên bỏ lễ hôn-nhân thì hại đạo « vợ chồng mà sinh ra thói tà-dâm, bỏ « lễ-hương-ẩm-tửu thì sai cái thứ-tự « trưởng ấu mà sinh ra tranh kiện: bỏ « lễ sinh-xạ thì nước chư-hầu bạo-« hoạnh, bỏ lễ tang-tế thì đạo làm tôi

« và làm con không có ân-hậu. Người « đời chỉ thấy được chỗ dĩ-nhiên (nghĩa « là những việc đã bày ra trước mắt) « chứ không thấy đến chỗ tương-nhiên « (nghĩa là những điều về sau sẽ sinh « ra), lễ là ngăn cấm về trước khi tương- « nhiên mà pháp-luật là trừng-trị về sau « khi dĩ-nhiên..... Lễ là cốt cho người « đời tuyệt tấm lòng ác không hề phát- « sinh ra và một mảy mún gì cũng phải « đem lòng kính sợ, khiến cho dần-dần « tự-nhiên theo về đường lương-thiện « cùng tránh khỏi tội lỗi ».

Xem những lời lược-thuật trên này thì đức Khổng dạy về chữ « lễ » rất là rõ ràng ; lễ chỉ dạy người đời y theo mà làm, dưỡng-thành cái tập-quán về đường đạo-đức , tự-nhiên theo đường lương-thiện tránh khỏi tội-lỗi, cho nên lễ là cái sức tài-chế để ngăn-ngừa điều dữ trong lúc vị-nhiên. Ví-dụ : người ta ngày nào cũng nghiên-cứu về lối vệ-sinh và vận-động khiến cho không sinh ra tật - bệnh, ấy là cái phương-pháp phòng bệnh lúc vị-nhiên; đến khi bệnh đã sinh ra cần phải uống thuốc, ấy là về cách chữa bệnh sau lúc dĩ-nhiên vậy. Lễ cũng như là quyển sách vệ-sinh mà pháp cũng như là quyển sách y-học. Đạo nho rất tin về cái phương-diện lấy lễ mà đề - phòng tấm lòng ác của người đời những lúc vị-nhiên, cho nên mới đem những khuôn-phép nào mà hợp với đạo-lý có thể làm tiêu-chuẩn cho sự hành-vi, có thể dưỡng - thành cái tập - quán về đường đạo-đức và có thể tăng-tiến được sự yên-ổn trong xã-hội, đều cho là lễ, ấy là cái nghĩa rộng về chữ lễ, chứ không phải chỉ hạn một bộ-phận về tôn-giáo và chỉ hạn về phong-tục tập-quán mà thôi.

Chữ *lễ* còn có cái nghĩa rất rộng hơn nữa, là lễ cũng xem như là lý (lẽ phải) nay là nghĩa (việc phải) vậy. Trong *Nhạc-ký* (樂記) nói rằng : « Lễ tức là cái lý không thể thay đổi được »; trong *Lễ-vận* nói rằng : « Lễ là cái sự thật về việc nghĩa, hễ việc gì mà hợp nghĩa thì tuy lễ của tiên-vương chưa đặt ra cũng có thể viện theo nghĩa mà làm được ». Như vậy thì phàm những lẽ phải, những việc phải, đều có thể đặt thành ra lễ, ấy là chữ lễ đã tiến-hóa lên một bậc rất cao rồi.

Cái quan-niệm về chữ lễ của đạo nho có trải qua ba thời-kỳ : thứ nhất là khi ban đầu nghĩa đen chữ lễ chỉ là cái nghi-tiết thuộc về tôn-giáo ; thứ nhì thì lễ tức là cái khuôn-phép mà phong-tục tập-quán đã thừa-nhận; thứ ba thì lễ tức là hợp với nghĩa-lý, có thể làm mô-phạm cho mọi sự hành-vi, có thể tùy-thời thay đổi không hạn là tục cũ hay là cổ-lễ.

Trên kia đã nói về ý-nghĩa chữ lễ, sau này xin nói đến lối tác-dụng về lễ. Lối tác-dụng về lễ có chia ra ba giới-thuyết :

Thứ nhất, lễ là qui-định cái danh-phận về luân-lý. — Lối nhân-sinh-triết-học của đạo Khổng là lối nhân-sinh-triết-học thuộc về luân-lý, cốt chủ về những đạo quân-thần phụ-tử phu-phụ, vân-vân. . . Những sự khu-biệt về danh phận có quan-hệ đến luân-thường, đều là do lễ mà sinh ra, cái tác-dụng thứ nhất của lễ tức là cái phép tổ-chức của gia-đình, xã-hội và quốc-gia vậy. Thiên *Phòng-ký* nói rằng : « Lễ cốt để mà phân-giải sự nghi-ngờ, biện-biệt chỗ nhiệm-nhặt, làm giới-hạn cho dân. Cho nên qui-tiện có đẳng-cấp, y-phục có phân-biệt, triều-đình có ngôi thứ thì dân mới biết sự kính nhường » ; thiên *Ai-công vấn* 哀公問 nói rằng : « Người đời lấy lễ làm lớn, nếu không có lễ thì không có thể thờ trời đất, không có thể phân vua tôi trên dưới lớn nhỏ và trai gái, cha con, anh em, vân-vân... » Lễ có cái tác-dụng trọng-yếu như thế, cho nên

những lối bái-quị, những cách giao-tiếp, những chế-độ định về y-phục và tang-tế, đều là cốt chế ra để phân-biệt cái thứ-tự về luân-lý của gia-đình và xã-hội.

Thứ nhì, lễ là tiết-chế nhân-tình. — Trong thiên *Lễ-vận* nói rằng : « Bậc thánh-nhân có thể cho thiên-hạ như một nhà, cho cả nước như một người được. Vì sao ? Biết được tình, rõ được nghĩa, thông suốt được chỗ nào người ta lấy làm lợi, chỗ nào người ta lấy làm lo, mà sau mới làm.... mà có thể biết được để trị người là cốt ở lễ»... Ai cũng muốn sự sung-sướng, ghét sự cực-khổ, sự muốn và sự ghét đều ở trong lòng người không thể dò được, không thể thấy được, mà muốn cho thông-thấu được cũng chỉ cốt ở lễ ». Vả chăng cái tình - dục người ta có thể làm lành hoặc làm dữ được, cần phải có tiết-chế, nếu không có tiết-chế thì sinh ra nhiều điều lưu-tệ, mà nhất là cái lòng muốn và cái lòng ghét của người đời, nếu không có tiết-chế thì tất sinh ra cái họa tranh-dành cướp giết không biết đến đâu là cùng. Vì vậy, đạo nho mới lấy lễ mà tiết-chế lòng người.

Sự tiết-chế như thế nào ? Ví-dụ như khi vui mừng thì cũng có đặt ra cái lễ về sự vui mừng để tiết-chế tấm lòng vui mừng cho có trình-độ ; khi buồn rầu thì cũng có đặt ra cái lễ về sự buồn-rầu cho có trình-độ, ấy chính là cách thuận theo nhân-tình mà lấy lễ để tiết-chế vậy.

Thứ ba, lễ là hàm-dưỡng tính-tình để luyện-thành cái tập-quán về đường đạo-đức. — Lễ đã qui-định ra danh-phận về luân-lý và tiết-chế tình - dục như hai lối tác-dụng vừa nói trên kia, thì tự-nhiên tạo-thành một thứ không-khí thuộc về lễ nghĩa, khiến cho người đời từ nhỏ chí lớn không một việc gì là không chịu cái sức tài-chế của lễ-nghĩa, rồi từ đấy mà theo đường lương-thiện, tránh khỏi tội-lỗi, ấy chính là lễ có thể dưỡng-thành sự tập-quán về đường đạo-đức vậy. Vả chăng những hạng người bình-thường trong đời, cũng vẫn sẵn có tấm lòng đạo-đức trung-bình, nếu không có cái duyên-cớ gì đặc-biệt, thì không có ai tự-dưng mà sát-nhân, phóng-hỏa, gian-dâm trộm cướp bao giờ. Đường đạo-đức trung - bình của người đời vẫn như thế, nhưng mà đạo nho muốn tăng-tiến cái đường đạo-đức ấy lên một bậc cao hơn nữa, cho nên mới tạo thêm cái không - khí nồng - hậu hơn, tức là cái không-khí về lễ-nghĩa, để cho người đời hàm-dưỡng mà thành ra tự-nhiên. Xem như lời ông Châu-Phong 周豐 nói trong thiên *Đàn-cung* 檀弓 rằng : « Người đi đến chỗ mộ-địa không ai bắt phải thương mà tự-nhiên có lòng thương; vào nơi tôn-miếu không ai bắt phải kính mà tự-nhiên có lòng kính », chỗ mộ-địa và nơi tôn-miếu có cái không-khí khá thương xót và kính sợ hơn các chỗ khác, thế đủ biết lễ là tạo ra cái không-khí nồng-hậu để tăng-tiến tấm lòng đạo-đức của người đời cho hơn tấm lòng đạo-đức trung-bình vậy.

Đạo nho trọng về lễ-nhạc, vẫn hợp với cái tâm-lý tôn-giáo và cái tâm-lý

giáo-dục, chỉ tiếc rằng đạo nho quá trọng về cái quan-niệm ấy mà khoáng-trương ra cho đến cực-đoan, khiến cho người đời sau chỉ chú-ý về các tiểu-tiết như là cách phục-sức, lễ bái - quị, vân-vân, mà bỏ mất cái chân-nghĩa về chữ lễ.

Cái chân-nghĩa về chữ lễ, tức là theo nhân-tình mà đặt ra nghi-văn để tiết-chế sự lầm - lỗi và luyện-tập tấm lòng lương-thiện, khiến cho loài người có cái tư-cách cao hơn cái tư-cách bình-thường, chứ không phải chỉ khu-khu giữ gìn những nghi-tiết nhỏ mọn. Trong *Luận-ngữ* chép lời đức Khổng nói rằng : « Lễ có phải chỉ trọng về ngọc-bạch đâu ? Nhạc có phải chỉ trọng về chuông trống đâu ? — Ông Lâm-Phỏng 林 放 hỏi về côn-bản sự lễ, đức Khổng đáp lại rằng : « Việc lễ, nếu mà xa-xỉ thì thà làm kiệm-ước còn hơn ; việc tang, nếu mà rộn-ràng thì thà có lòng thương xót còn hơn — Người mà không có lòng nhân thì không có thể nói lễ và nhạc được. » Lễ không phải chỉ chú-trọng về phẩm-vật nghi-văn, không phải làm cho xa-xỉ rộn-ràng mới gọi rằng lễ, cốt là do tấm lòng lương-thiện của người mà làm ra cho hợp lẽ, ấy chính là cái chân-nghĩa về lễ vậy.

Kết-luận. — Chúng ta khảo về học-thuyết của môn-đồ đức Khổng mà tiếc thay cho Khổng-giáo. Ôi ! cái tinh-thần phách-lực của đức Khổng hùng-hậu biết là dường nào ! Ngài vẫn phong-phú về cái quan-niệm lịch-sử và phong-phú về cái quan-niệm văn-chương mĩ-thuật, xem như ngài dọn kinh *Thư* và kinh *Thi* và định lễ nhạc, thật là một đấng nhân-vật có khí-tượng rộng lớn siêu-tuyệt hơn người, không ngờ học-trò ngài không hề phát-huy cái triết-học của ngài ra cho được sáng-sủa rộng lớn thêm, mà chỉ đem chữ « hiếu » và chữ « lễ » kết-thúc lại trong cái phạm-vi rất hẹp-hòi, mà lưu-tệ về sau, hiếu chỉ thiên về lối nằm rơm gối đất, lễ chỉ thiên về lối ngồi thứ lạy-lục, như thế thật là một điều bất-hạnh cho Khổng-giáo vậy. Tuy vậy, chúng ta cũng không nên quên rằng sau đức Khổng bốn năm đời, lại có bọn ông Mạnh - tử, ông Tuân-Khanh phát-khởi ra những lối triết-học mới rất có giá-trị, làm vẻ-vang cho đạo Khổng, ấy là các đạo quân hậu-vệ của Khổng-giáo rất có thế-lực vậy.

AN-KHÊ

HÔN-LUẬT

Kỳ báo *Nam-Phong* số 86 tháng Août 1924, ông Đông-châu đã lược-khảo về Hôn-lễ. Dựng vợ gả chồng cho con trai con gái, phải làm những lễ gì, ý-nghĩa mỗi lễ ra làm sao, Nguyễn tiên-sinh đã tường-giải.

Song trai lấy vợ, gái lấy chồng, luật-phép ở nước ta bắt-buộc ra làm sao? Bán vợ, đợ con, há luật-pháp không nói đến? Cưỡng-bách đàn-bà, con gái làm vợ, kẻ qui lấy làm tiện, đang tang-tóc mà lấy vợ, lấy chồng, trai gái cùng họ lộn bậy lấy nhau, sư-mô phá-giới, trai rẫy vợ, gái bỏ chồng, há có tự-tiện mà làm được?

Những điều luật tôi trích-lục và lược-dịch ra sau đây là lấy trong bộ Luật Gia-long, tức là gốc bộ dân-luật của Chính-phủ Bảo-hộ mới sửa lại mà sau này sẽ đem thi-hành trong các tỉnh ở xứ Bắc-kỳ.

.˙.

Điều 94. — *Nam-nữ-hôn-nhân*. — Trai lấy vợ gọi là « Hôn »; gái lấy chồng gọi là « Nhân ». Trước khi định lễ hôn cho con trai, hoặc cho con gái, hai bên cần phải biết đích-xác, xem hai người lấy nhau sau này có tàn-tật gì không, đã có tuổi, hay còn trẻ, con vợ bé, con ăn thừa-tự, hay là con nuôi. Rồi dẫn đồ cưới, lập giấy hôn-thư, và làm phép cưới theo như thường-lễ.

Nếu đã hứa gả con gái, giấy hôn-thư đã cùng kết-ước, hoặc đã hẹn gả mà nhất-dán lại hối, phạt 50 roi.

Nếu chưa có giấy hôn-thư, mà đã nhận đồ lễ cưới rồi, cũng phạt như vậy. Nếu lại hứa gả cho người khác, mà chưa cưới, phạt 70 trượng; nếu cưới rồi, phạt 80 trượng.

Người định lấy sau, nếu xét ra là kẻ tri-tình, phạt đồng-tội, các đồ sinh-lễ thời tịch-biên; nếu xét ra là kẻ vô-tình, thời thôi, mà đồ lễ cưới thời phải trả lại, nhưng người con gái thời cho về với chồng trước. Nếu người chồng trước không ưng cho về, thời đòi lại lễ cưới một gấp đôi, mà cho người con gái ấy về với người sau.

Nếu nhà trai đã hỏi vợ cho con mà lại thôi, thời tội cũng như vậy, song không được đòi lại đồ sinh-lễ.

Nếu chưa có phép cưới, mà người con trai cùng người con gái, phạm phải gian-đạo, thời không thi-hành điều luật trên này.

Nếu trong một đám cưới, mà nhà gái đánh tráo (đứa con gái khác vào thay cho đứa con gái người ta đã hỏi), thời phạt 80 trượng, mà đồ lễ cưới thời phải trả lại cho nhà trai; nếu nhà trai đánh tráo (đứa con trai khác vào thay cho đứa con trai đi hỏi trước), thời chịu phạt hơn lên một bậc, mà đồ lễ cưới thời không được đòi lại. Nếu chưa làm phép cưới, thời phải theo như lời định trước mà gả bán; nếu chót đã làm phép cưới rồi, thời phải li-dị. Nếu trong một đám cưới dẫu đồ lễ cưới đã dẫn rồi, song chưa đến ngày hẹn cưới, mà nhà trai lại cưỡng bắt mất đứa con gái, hoặc nếu đã đến ngày cưới rồi mà nhà gái lại cố ý trái hẹn, thời đều phạt 50 roi.

Nếu kẻ con em, hoặc đi làm quan, hoặc đi buôn, mà ở xa nhà, trong khi vắng mặt, ông, bà, bố, mẹ, bác trai bác gái, chú thím, cô, anh, chị định lấy vợ cho, song không biết, mà tự ý hỏi vợ lấy, nếu đã làm phép cưới mất rồi, thời cái lễ cưới kẻ con em tự ý làm lấy ấy, cũng cho là lễ làm trước. Nếu chưa làm phép cưới thời phải theo như ý người bề trên đã định mà làm. Trái phép, phạt 80 trượng.

Chỉ-dụ thứ nhất. — Gả chồng cho con gái, lấy vợ cho con trai, đều theo ông, bà, bố mẹ làm chủ-hôn. Nếu ông, bà, bố, mẹ, mất cả rồi, thời mới lấy một người tôn-trưởng khác trong họ làm chủ-hôn.

Kẻ gái góa, đi lấy chồng khác, nếu có

đem con gái đi theo mình, thời làm chủ-hôn cho đứa con ấy.

Nếu đã định cưới, mà lễ cưới chưa thành, nam, nữ chưa thân, mà một người mất đi, thời đồ lễ cưới không phải trả lại.

Chỉ-dụ thứ hai. — Trai lấy vợ, gái lấy chồng, đều có một thời-kỳ nhất-định.

Hoặc có kẻ chỉ vào bụng (nghĩa là nói đã thụ-thai) hoặc có kẻ cắt lấy một vạt áo để bẹn-hò lấy nhau, đều phải cấm không được làm như vậy.

Chỉ-dụ thứ ba. — Muốn kén rể, cần lấy người mối lái làm bằng-cớ, và trong giấy cưới phải khai rõ người rể phải nuôi nấng cha mẹ vợ khi tuổi già, hoặc ở một niên-hạn là bao lâu rồi mới được ra ở riêng.

Nhà có con một thời không được phép cho đứa con ấy đi gửi rể. (*Trưế* có nghĩa là khinh, là con rể, nghĩa là đứa con người khác họ thương mà nuôi cho).

Kẻ kén rể để nuôi mình lúc tuổi già, song lại lập một người cùng họ để ăn tự và giữ giỗ tết, thời hương-hỏa phải chia đôi ; song nếu chưa lập người kế-tự, mà chết đi, thời người trưởng-tộc phải theo lệ mà lập-tự.

Tiếng nói thường ta không phân - biệt những tiếng chỉ riêng về việc cưới xin. Như : lấy vợ gọi là *thú*; cưới cho con trai gọi là *hôn*, con gái gọi là *giá* ; lấy chồng gọi là *nhân*.

— Trong một đám hôn-lễ, người trưởng-tộc có ưng-thuận thời mới được ; người gái góa đi tái-giá, nếu có đem con gái chồng trước đi theo mình, thì tức là chủ-hôn cho đứa con gái ấy (Xem điều 98, chỉ-dụ thứ nhất).

— Luật không định tuổi bao nhiêu thời được lấy vợ, lấy chồng ; miễn là phải-chăng là được. Song giao ước kết-hôn mà con chưa miễn-thai là trái luật, là vô-hiệu.

— Luật thời nói là giao-ước kết - hôn, hoặc kết-hôn cũng phải cùng nhau tả hôn-thư, song thường lệ không mấy người theo.

— Người môi-giới cần phải có đề trình bày cho hai bên biết rõ tính, nết, của-cải, địa-vị của hai người sau này ra thế nào (điều 109).

* *

Điều 95.— Điền-cố thê-nữ.—Cầm bán vợ, con. — Phàm kẻ nào đem vợ cả, vợ bé, cầm cho người khác lấy tiền, viết văn-tự, hoặc tạm cố ít lâu cho kẻ khác dùng làm vợ cả, hoặc vợ bé, phạt 80 trượng ; nếu đem con gái đi cầm cố như trên, thời người bố phải phạt 60 trượng ; người vợ, đứa con cầm cố đi ấy không phạt.

Kẻ nào đem vợ cả hoặc vợ bé nói dối là chị ruột em ruột, để gả bán cho người khác làm vợ, phạt 100 trượng ; người vợ cả, hoặc vợ bé ấy phạt 80 trượng.

Kẻ nào đã biết, mà lại còn cầm hoặc lấy những người ấy thời đều phạt đồng tội, tờ giao-ước thời bỏ đi, mà li-dị đôi bên ; con gái thời đuổi về với bố mẹ, và nếu là người vợ, thời phải cho nó về với người thân của nó (nghĩa là về nhà bố mẹ đẻ); đồ lễ cưới hoặc của-cải khác thời tịch-biên.

Nếu không biết (mà lấy phải) thời tha, và được đòi lại của-cải, nhưng tờ giao-ước bãi đi và li-dị.

Điều 96. — Thê-thiếp thất-tự. — Không theo trật-tự trên dưới của vợ cả và vợ bé. Kẻ nào bắt vợ cả làm vợ bé, phạt 100 trượng ; vợ cả hãy còn sống mà cho vợ bé lên làm vợ cả, phạt 90 trượng, và phải cải-chính lại.

Nếu đã có vợ rồi mà lại lấy người khác làm vợ cả, cũng phạt 90 trượng ; người lấy sau phải bỏ ra và cho về với bố mẹ đẻ.

Giải-nghĩa. — Người vợ cả là người ngang vai, cùng với người chồng hợp lại làm một (thể-phách hoàn-toàn).

Vợ lẽ là để tiếp chồng, nghĩa là chỉ được tiếp-kiến chồng mà thôi, người sang, kẻ hèn đều có phận, không thể thay đổi được.

Lấy vợ cả làm vợ lẽ là áp-chế người sang xuống bậc hèn ; lấy vợ lẽ lên làm vợ cả, là bốc người tiện lên bậc quí, đều là trái đạo mất lễ cả.

Giải-nghĩa về phục-sức. — Thê (vợ cả) tức là ngang với chồng, vì so-sánh với chồng thời quyền-lợi cũng ngang với chồng. Thiếp (vợ lẽ) là người ở bên cạnh, vì chỉ được hầu chồng một bên mà thôi; vợ cả gọi chồng là « nhà tôi », vợ lẽ gọi chồng là « ông tôi », cái đó thực có minh-bạch khác nhau, bởi thế cho nên chở bố mẹ chồng, vợ cả cũng đồng-tang với chồng, mà vợ lẽ chở bố mẹ chồng lại chỉ có một năm, cái đó không phải là thân-sơ gì đâu, nhưng vì vợ lẽ là kẻ tiện.

Có khi người vợ lẽ ăn ở với người gia-trưởng (nghĩa là chồng) lại được ngang hàng với vợ cả, song luật vẫn nghiêm-khắc lấy tên « thiếp » mà phân-biệt ra cho rõ; có khi sánh với vợ cả lại có khác, là vì lẽ phận bé và bên nên luật có rộng dong.

Suốt cả bản kê danh-hiệu này thật là đã đủ, uy chỉ có nói con trai mà không có nói gì đến con gái.

Con trai chồng thời không để tang vợ lẽ của bố, mà vợ lẽ bố lại phải để tang con trai chồng một năm, cũng như là chồng và vợ cả để tang con.

Nói tóm lại thời vì lẽ người đàn-bà có đạo tam-tòng, mà theo con trai là một trong (tam-tòng) còn ở nhà thời theo quyền cha, về nhà chồng thời theo quyền chồng, chồng chết theo quyền con), vì thế cho nên người vợ lẽ của bố đối với con trai chồng có cái nghĩa thuộc quyền nó.

Điều 96 có giảng rõ cái trật-tự trên dưới của vợ cả và vợ lẽ khác nhau ra thế nào; điều thứ 46 có nói rõ vợ cả là người nào lấy theo lễ giá-thú; điều 94 lại nói vợ cả là người lấy trong một họ môn-đang hộ-đối với nhà chồng.

Như chữ *thiếp* đã có nghĩa chỉ rõ, tức là những người mua về để hầu. Bởi thế cho nên luật nghiêm-cấm không được hỗn độn trật-tự, áp người qui xuống bậc tiện và bốc kẻ tiện lên bậc qui.

Vợ cả là người đồng-quyền với chồng, bởi thế cho nên tục thường văn-khế chồng ký vợ phải ký, hoặc điểm-chỉ thời mới có công-hiệu.

Chữ luật gọi người vợ lẽ là « *Trắc* » nghĩa là người « ăn cạnh nằm kề », mà tiếng thường thời gọi là lẽ, nghĩa là lẻ-loi. Người vợ lẽ phải thuộc quyền con chồng, chớ không phải là con mình sinh ra, nghĩa là chồng có mất đi thời con chồng lại là người gia-trưởng.

Điều 97. Trục lẽ giả nữ. — Đuổi rẽ để gả chồng cho con. — Kẻ nào đuổi người con trai đến ở gửi rẽ để gả chồng cho con, hoặc lại kén rẽ khác, đều phạt 100 trượng, đứa con gái thời không bắt tội, song nếu đứa con gái có thông-đồng với bố mẹ để đuổi người đến gửi rẽ để lấy người khác, thời cũng phạt 100 trượng.

Nhà người con trai đến hỏi sau nếu mà biết rõ, mà lại còn hỏi, hoặc người đến gửi rẽ sau, cũng phạt đồng tội; nếu chưa cưới thời mỗi bên được giảm năm bậc, tài-lễ thời tịch-ký, đứa con gái phải lìa với người rẽ sau để trả về cho chồng trước, và phải đuổi về đoàn-tụ với người chồng trước.

Truế là người con trai bỏ nhà bố mẹ để đến ở gửi rẽ một nhà có con gái, song chưa có phép cưới, mà lại không được tiếp-giáp với người định lấy. Phải phụng thờ bố mẹ vợ, ăn giúp làm đỡ. Cái thời-kỳ ở nhà vợ là chẳng qua để cho nhà vợ xét rõ tính nết, nếu hay thời mới gả con cho mà dở thời lại bị thải-hồi. Ấy bởi thế cho nên mới có người lợi-dụng cái phong-tục đồi-bại ấy, mà chiêu rẽ để làm hoài, rồi lại thải ra. Luật có phòng và bắt nhà gái phải bồi-thường lại cho cái công của người gửi rẽ phải thải-hồi như đã nói trên.

Cái tục gửi rẽ ở chốn thành-thị hầu như đã bỏ cả, song hình như ở nhà quê Trung Bắc-kỳ vẫn thịnh-hành.

— Điều thứ sáu luật Hồng-đức (1471) có nói tục gửi rẽ là một tục đồi-bại lưu lại từ xưa.

Điều 94 luật Gia-long có nói là con một thời không được đi ở gửi rẽ.

Xưa kia tục gửi rẽ khác. Sau này người đi ở gửi rẽ chẳng qua là người bần-bách, nhà gái thương-tình mà nuôi cho, hoặc là

người gán nợ, hoặc nữa là người đi hậu-tuyển. Có khi cưới rồi cũng còn ở gửi rể, có khi chưa cưới cũng đã ở gửi rể.

Theo cho đúng luật thời ở gửi rể có trái lẽ, vì trái với cái đạo con đối với cha mẹ.

Luật có dong, song chẳng qua là thuận cái lẽ tự-nhiên, là để cho phụng-dưỡng cha mẹ vợ lúc già yếu.

Luật lại có trừng-phạt kẻ bội công và đuổi người đến ở gửi rể.

Song người đi ở gửi rể có khi thành hẳn ra một người nhập-tịch họ khác, vì thế cho nên luật (điều 94, chỉ-dụ IV) cấm không cho lấy rể làm người kế-tự, song nếu rể có phụng-dưỡng cha mẹ vợ lúc già yếu thời cũng được một phần hương-hỏa.

Người đi ở rể có khi bất-bình với những người ăn thừa-tự của bố mẹ vợ, điều 76 chỉ-dụ thứ III có cấm không cho những người ăn thừa-tự đuổi người đến ở rể, cũng như điều 94 có định cho người đi ở rể một phần hương-hỏa của cha mẹ vợ.

Khi bội-ước mà đuổi người đến gửi rể thời điều 94 có bắt phải bồi thường.

Nếu bội-ước để dụng mưu lợi-dụng người đến ở rể sau thời luật nghiêm bắt phải làm hôn-lễ cho người đến ở rể trước và đuổi người con gái phải về ở nhà chồng mà bãi tờ kết-ước về việc ở rể.

∴

Điều 98. — Cư tang giá-thú. — Trai gái đương tang-tóc mà lấy vợ lấy chồng. Phàm con trai, con gái để tang cha mẹ; vợ cả, vợ lẽ để chở chồng, mà tự mình đứng chủ-hôn để lấy vợ lấy chồng, phạt 100 trượng.

Nếu con trai có chở cha mẹ mà lấy vợ bé; vợ cả để chở chồng, con gái để chở cha mẹ mà lấy chồng làm lẽ, mỗi người được giảm đi hai bậc.

Nếu là người mệnh-phụ (nghĩa là có sắc vua) mà chồng chết, hết chở mà lại đi lấy chồng khác, thời cũng phạt như vậy. Nếu lại lấy chồng đương lúc tang-tóc, thời sắc nhà vua phải thu lại và phải li-dị.

Kẻ nào biết người mệnh-phụ hãy còn tang chồng mà cũng lấy, thời phải phạt, cả đến người chủ-hôn, mỗi người được giảm năm bậc, tái lễ thời tịch-ký.

Nếu có chở ông, bà, bố, mẹ, bác trai, bác gái, chú thím, cô, anh, chị, mà lấy vợ hoặc lấy chồng thời phạt 80 trượng, song không li-dị. Song nếu lấy vợ lẽ, hoặc lấy chồng làm phận bé thời không phải tội.

Nếu hết chở chồng, mà người vợ cả hoặc vợ bé xin ở lại thờ chồng, mà ông, bà, bố, mẹ để, hoặc ông, bà, bố, mẹ chồng, cưỡng bắt đi lấy chồng khác, thời phạt 80 trượng; người đàn-bà và người lấy, đều không phạt, nếu chưa cưới, thời cho về nhà chồng thờ chồng, đồ lễ cưới phải trả lại; nếu cưới rồi thời cho đoàn-tụ, song đồ lễ cưới thời tịch-ký.

Chỉ-dụ thứ nhất. — Nếu người đàn-bà góa, tự xin đi lấy chồng khác, thời bố, mẹ chồng cũ hoặc là họ nhà chồng cũ làm chủ-hôn cho và thu lấy lễ cưới, nếu họ nhà mình lại họp-tập nhau lại mà đoạt lấy người con gái về thời phạt 80 trượng.

Nếu nhà chồng cũ lại không có ai hợp lệ để làm chủ-hôn cho để đi lấy chồng khác, thời họ nhà bố mẹ để phải làm chủ-hôn, nếu có người họ xa nhà chồng cũ cưỡng bắt đi thời cũng phạt như trên.

Điều 100. — Đồng-tính vi-hôn (kiêm thể thiếp ngôn). — Người trong một họ lấy nhau (nói gồm cả lấy vợ cả và vợ lẽ). Nếu là người cùng một họ mà lấy nhau, thời người chủ-hôn, đứa con trai, đứa con gái, mỗi người phạt 60 trượng và li-dị.

Nếu là người cùng một họ, song nguyên trước không phải là một họ mà ra chi khác, thời không thuộc vào điều luật trên này.

Luật cấm không cho người trong một họ lấy nhau, là vì lấy nhau như thế, thời hỗn-độn trật-tự trong gia-đạo; điều thứ 2, X trong bản luật coi tựa như tội loạn-dâm.

Cái lẽ giá-thú ấy không công-nhận và phải li-dị.

Lấy hai chữ đồng-tính mà xét thời quốc-luật còn nhẹ hơn luật Tàu, điều thứ 7,

luật nhà Thanh, cho hết thảy những người cùng một tên họ là đồng-tính.

Điều 101. — Tôn ti vi hôn. — Bề trên, bề dưới lấy nhau. Phàm những người họ ngoại, chết còn phải để tang, hoặc là bậc trên, hoặc là bề dưới, hoặc ít tuổi hơn, mà lấy lộn nhau, kịp đến kẻ cùng mẹ, khác cha, mà lấy chị, hoặc em gái, cho chí đến đứa lấy đứa con gái của chồng trước mẹ làm vợ, đều đem luận vào tội « thân-thuộc-tương-gian » và bắt li-dị.

Chỉ - dụ I. — Đứa con trai, hay con gái chồng trước mà lấy đứa con gái hay đứa con trai chồng sau, thời cũng chiều theo điều luật về mục lấy chị, hoặc lấy em gái, cùng một mẹ mà khác cha, xử nghĩ.

Thú đào-tẩu phụ-nữ. — Lấy đứa đàn-bà con gái trốn đi. Phàm kẻ nào biết rõ mà tự mình lại lấy đứa đàn-bà, con gái có tội, trốn đi, làm vợ cả, hay vợ lẽ, thời cũng phạt đồng-tội như đứa đàn bà, con gái ấy.

Điều luật trên này lấy theo nghĩa phàm lấy vợ, lấy chồng phải tùy theo ý-kiến người gia-trưởng.

Vả chăng nếu đứa đàn-bà đào-tẩu mà đã có chồng, lấy nó thời hóa ra phạm vào tội tùng-phạm về mục nhất phụ nhị phu.

Điều 105. — Cưỡng-chiếm lương-gia thê-nữ. — Cưỡng-chiếm lấy vợ, hoặc con gái nhà tử-tế. Phàm kẻ nào cường - hào và quyền-thế, ức lấy vợ hay con gái nhà tử-tế để làm vợ cả, hoặc vợ lẽ, thời phạt tội giảo, song cho án treo. Đứa đàn-bà con gái thời cho về với bố mẹ.

Chỉ-dụ I. — Phàm kẻ nào ức lấy vợ hay con gái nhà tử-tế để bán cho người khác làm vợ cả, hay vợ lẽ, thời cũng phạt tội giảo, và cho án treo.

Chỉ dụ III. — Phàm kẻ tì - ấu mưu chiếm lấy của riêng, hoặc tham đồ sính-lễ, cưỡng bắt bác, hoặc chú, cô hay là một người bề trên trong họ đem gả bán (cho làm chồng hay làm vợ người khác) thời phải tội « trảm », song cho án treo.

Chiếu theo điều thứ 2, VIII, bản luật bán một người thân, hay giết một người thân, là phạm tội bại-thương-luân.

Đem vợ, hoặc con gái bán cho người để cưỡng bắt làm vợ cũng là phạm tội bại-thương-luân.

Điều 106. — Tăng đạo thú thê. — Sư và đạo lấy vợ. — Phàm sư hay là đạo-sĩ mà lấy vợ cả, hoặc vợ lẽ, thời phạt 100 trượng và bắt hồi-tục; người đứng chủ-hôn cho bên nhà gái, cũng phạt một tội như trên, và phải li-dị; đồ cưới thì tịch-ký; người lập chùa, hay là người giữ chùa biết việc ấy (mà không giác ra) thời phạt tội đồng.

Điều 107. — Lương tiện vi hôn-nhân. — Người tử-tế cùng đứa hèn-mạt lấy nhau. Kẻ gia-trưởng cho phép kẻ « nô » lấy con gái nhà tử-tế làm vợ cả, phạt 80 trượng, người đứng chủ-hôn cho nhà gái, giảm đi một bậc, nếu vô - tình mà làm thời được tha.

Nếu kẻ « nô » mà tự lấy vợ lấy thời tội phạt cũng như trên; kẻ gia-trưởng, dẫu có tri-tình cũng phạt giảm đi hai bậc.

Nếu nhân đấy (mà kẻ gia-trưởng) lại biên (đứa con gái nhà tử-tế) vào sổ tịch là hạng « tỳ », thời phạt 100 trượng. Nếu kẻ gia-trưởng man - trá, khai kẻ « nô », « tỳ », làm người tử-tế, để lấy hoặc gả cho con nhà tử-tế, làm vợ làm chồng, thời phạt 90 trượng. Bắt li-dị phải cải-chính lại.

∴

Đứa con trai, hay đứa con gái can-án, trừ cái tội đã chịu phạt đi rồi, ngày xưa, còn bị truất mất dân-quyền mà giáng xuống hạng « nô », hạng « tỳ » nghĩa là những đầy-tớ để quân-phân đi, hoặc bán đi cho các quan, để hầu hạ.

Phải phân-biệt hạng « nô », « tỳ », là đứa có can-án mà mất dân-quyền và đừng lẫn với hạng « cố-công » cũng là đứa đi ở lấy tiền công.

Lại cũng nên phân rõ hai chữ « tỳ » «thiếp», cho đúng nghĩa.

« Tỳ » là nàng hầu, mà « thiếp » cũng là nàng hầu, song theo nghĩa luật thời « tỳ » là bậc hèn, suốt đời truyền kiếp phải ở bậc hèn, mà kẻ « thiếp » thời tùy cơ-hội đặc-

biệt có thể cho lên làm bậc « thê » được.

Kẻ « nô », « tỳ » mà lấy người tử-tế, nghĩa là những người không can-án mà bị truất mất dân-quyền, thời không được, vì là mất cái trật-tự các hạng sang bên trong xã-hội.

.·.

Điều 108. — *Xuất thê.* — Rẫy vợ. — Nếu người vợ cả, mà trong « thất-xuất » không có điều nào cho bỏ ra, và người chồng vô-cố tự-tiện bỏ đi, thời phạt 80 trượng.

Nếu có phạm vào một điều trong «thất-xuất» song lại được một trường-hợp đã định trong mục « tam-bất-khứ » mà người chồng lại bỏ ra, thời phạt giảm đi hai bậc và cho đứa đàn-bà ấy về đoàn-tụ.

Nếu người vợ cả phạm vào một tội đáng bỏ, mà người chồng lại không bỏ, thời phạt 80 trượng.

Nếu vợ chồng không hòa-thuận và thương-yêu nhau, mà cả hai bên cùng xin bỏ nhau, thời không thuộc vào điều luật này.

Nếu chồng hãy còn, mà người vợ cả lại bỏ trốn đi, thời phạt 100 trượng, và giao cho người chồng được tùy-ý bán đi, hoặc gả đi cho người khác.

Nếu người vợ cả lại nhân lúc trốn đi mà lấy chồng khác, thời phạt tội giảo, song cho án treo.

Nếu người vợ cả, nhân chồng trốn đi mất, mà trong hạn ba năm không đến cửa quan để cáo-giác ra, mà lại trốn đi nốt, thời phạt 80 trượng.

Trong các trường-hợp kể trên, nếu là vợ bé, thời được giảm đi hai bậc.

Nếu là kẻ « tỳ thiếp » mà người gia-trưởng hãy còn, lại bỏ để trốn đi, phạt 80 trượng. Nếu nhân lúc trốn đi mà lấy người khác, phạt 100 trượng, và bắt giao trả cho người gia-trưởng.

Người chứa đứa « tỳ thiếp » ấy và người tri-tình mà lại lấy nó, thời cùng phạt đồng-tội với nó, của-cải thời tịch-ký.

.·.

1° Thất-xuất. — Bảy trường-hợp chồng bỏ được:

a) không có con,

b) hoang-dâm,

c) không thờ cha mẹ chồng,

d) lắm điều,

e) ăn trộm (của nhà chồng)

f) ghen ghét,

g) có tật to,

2° Tam-bất-xuất. — Ba trường-hợp không bỏ được.

A — Đã chịu tang ba năm ở nhà chồng rồi.

B — Lúc mới lấy nhau thời nghèo khó, mà sau làm nên giàu có.

C. — Lúc đi lấy chồng thời còn có chỗ ở, giá bây giờ chồng bỏ thời không có chỗ nương-tựa.

Chỉ-dụ II. — Có hẹn cưới mà đã quá năm năm rồi, nhà gái không có điều gì không phải, mà lại không thấy xin cưới nữa; hoặc khi đã có cưới rồi mà người chồng đi mất, biệt tăm-tích trong ba năm không thấy về nữa; gặp hai trường-hợp trên này thời người con gái đã hỏi, hoặc người vợ được đến trình quan (sở-tại) và xin giấy chứng-thực rồi đi lấy chồng khác; đồ sính-lễ không phải trả lại.

.·.

« Xuất » nghĩa là ra, đuổi ra, bỏ đi.

« Li » là lìa, lìa ra. Hai bên cùng bằng lòng mà lìa nhau ra (lưỡng-nguyện li giả).

Luật ta không có li-dị theo như phong-tục Âu-tây. Chồng có thể bỏ vợ được, mà vợ lại không có quyền bỏ chồng; bởi thế chỉ có tiếng chồng rẫy, mà không thấy nói ray chồng.

Song luật lại không quá nghiêm, là vì nếu hai bên không thương yêu nhau và không hòa-thuận thời xin lìa nhau ra (bất tương hài hòa, nhi lưỡng nguyện li giả.) Trước kia đã có một hồi, luật nước Pháp cũng có cho phép li-dị theo như ý hai bên sở-nguyện, song sau lại bỏ đi, và hiện nay vẫn chưa có mục « *Divorce par consentement mutuel* » ở trong dân-luật Pháp. (Xem điều 284 dân-luật).

Quốc-luật không có cho phép người chồng thiện - tiện mà rẫy vợ được, và ngay như khi người vợ phạm phải một trường-hợp đã kể ở mục « thất-xuất » mà lại gặp được một trường-hợp ở trong mục «Tam-bất-khứ» thời cũng không bỏ được.

Ý hẳn vì cớ nhà chồng mua bán vợ về tốn kém cho nên nhà làm luật chỉ riêng cho chồng được phép rẫy vợ; ở Âu-Tây thời khác, là vì người con gái đi lấy chồng phải có của hồi-môn (*dot*) hóa cho nên luật Âu-Tây có rộng quyền hơn cho người đàn-bà chăng ?

Song ở nước ta luật không phải để cho người chồng được tự quyền xét lấy việc rẫy vợ, luật bắt phải rẫy trong những trường-hợp đã định.

Trong một vài trường hợp khác luật cũng có cho người đàn bà bỏ chồng mà đi lấy chồng khác, là khi người chồng bỏ vợ con mà đi trong ba năm, tuyệt vô tăm-tích (cập phu đào vong, tam niên bất hồi giả.)

Hoặc như khi có hẹn cưới rồi mà nhà gái không có điều gì không phải mà lại không xin cưới nữa, nếu đã quá năm năm, thời người con gái ấy có thể lấy người khác được (kỳ ước dĩ chí ngũ niên vô quả, bất thú.)

Người đàn bà chồng còn mà trốn đi, luật có phạt, song nhà làm luật có phân-biệt tội người vợ cả, vợ lẽ và kẻ tỳ thiếp khác nhau.

Kẻ « tỳ » là đứa con gái can-án bị truất mất dân-quyền mà gán vào làm người ở cho các quan, hoặc bán đi, song luật cũng coi kẻ « Tỳ » là người có chồng, cho nên có dùng hai chữ cải-giá (Nhược tỳ ..cải giá giả.)

Điều 109. — *Giá thú vi luật, chủ-hôn, môi-nhân tội.* — Các tội phạt người chủ-hôn và kẻ môi-giới về việc gả chồng và lấy vợ cho con gái và con trai không đúng luật. — Phàm gả chồng cho con gái và lấy vợ cho con trai không hợp luật, mà ông nội, bà nội, bố, mẹ, bác trai, bác gái, chú, thím, cô anh chị hoặc ông ngoại bà ngoại đứng chủ-hôn thì chỉ có người đứng chủ-hôn phải tội:

Nếu một người khác trong họ đứng làm chủ-hôn, mà việc cưới trái luật ấy tại người chủ-hôn, thời người đứng chủ-hôn phạt về tội thủ-phạm, mà đứa con trai, con gái thời phạt vào tội tùng phạm; nếu cưới trái phép mà do đứa con trai con gái, thời đứa con trai con gái ấy phạt vào tội thủ-phạm mà người chủ-hôn thời phạt vào tội tùng-phạm.

Khi cưới trái luật mà xét ra là tại người chủ-hôn lấy uy quyền mà bức bách nam nữ, chớ không phải tại nam nữ; hoặc là khi cưới trái luật mà đứa con trai chưa đến 20 tuổi, hay đứa con gái hãy còn ở nhà với cha mẹ, dầu xét ra không phải có lấy uy-quyền để bức-bách chúng nó, thời chỉ riêng người chủ-hôn phải tội mà thôi, đứa con trai đứa con gái không phải tội.

Người lấy đứa con trai hay là đứa con gái ấy, nếu xét ra là tri tình thời đồ sính-lễ phải tịch-biên, nếu xét ra không phải là tri-tình, thời trả lại đồ sính-lễ.

Chỉ-dụ 1. — Phàm nhà quan, hay nhà kẻ thường-dân, có nuôi đứa tỳ ở nhà mà không gả chồng cho nó, hay nó góa bụa hoặc côi-cút mà không chỉ lệnh cho nó là kẻ cô-quả, thời chiếu điều trong luật « Bất ưng » (nghĩa là những điều không nên làm) mà phạt kẻ thường-dân 80 trượng, nhà quan thời cũng phạt theo luật ấy song cho nạp thục, và tòa án gia lệnh cho kẻ tỳ ấy tùy-ý mà lấy chồng.

Chỉ-dụ II — Người dân ở các tỉnh không được lấy kẻ phiên-nhân (nghĩa là kẻ rợ mọi), nếu trái luật mà lấy, thời bắt li-dị.

Trai lấy vợ, gái lấy chồng phải do người chủ-hôn. Cái đó cũng là một lẽ tất - nhiên ở trong một nước theo cái «tộc-trưởng-chế-độ» như ở nước Đại-Nam ta.

Song người chủ-hôn lại không được quá cái giới-hạn quyền-lợi của mình mà lại đến bức-bách nam nữ (kỳ nam nữ bị chủ-hôn uy bức...)

Người gia-trưởng nuôi kẻ tỳ ở trong nhà, nó đến tuổi lại không cho nó lấy chồng, luật có phạt; vậy tuy là có do quyền người trên, song cái ý sở - nguyện của kẻ dưới luật cũng không bỏ sót.

TRẦN VĂN-HIỀN

TÂM-LÝ-HỌC

I

Rừng học mênh-mông, trăm hoa muôn cỏ. Kẻ vào rừng sao cho khỏi lạc đường, lỡ nẻo. Bởi từng ngọn cỏ, xét từng gốc cây, mà lối dọc đường ngang không tỏ thì chỉ biết được nhiều tên cây, nhưng không khỏi lạc đường. Mới vào rừng xét ngay đến lối vào đường ra, cứ lối thẳng mà đi qua rừng ngay, thì tuy không biết được nhiều cây, nhưng dám chắc rằng không lạc lối. Trong rừng học Thái-Tây thì khu triết-học là khu đẹp nhất mà lại là khu rậm-rạp nhất. Ngu này chẳng biết tự-lượng dám khảo-cứu về một món triết-học mới nhất, một cây triết-học non-nớt nhất là cây « Tâm-lý-học », thì thật là một sự quá bao, quá liều, không tránh khỏi mua cười cho người thức-giả. Nhưng không, bài này chỉ là thuật lại lời triết-nhân Thái-Tây; ngu này chỉ là người « thông-ngôn », dám đâu tự nhận là một nhà khảo-cứu. Chẳng qua là được ở chỗ hoa thơm bóng mát, muốn vì khách sành hoa trèo lên cây, hái lấy vài chùm hoa, kết thành tràng mà tặng người bạn hiền ở nghìn dặm xa xa. Chỉ e rằng: ngu này được trèo lên cây, được ngửi hương hoa, nhưng chưa biết chọn hoa mà hái; chỉ e rằng: hoa hái lìa cây, hương thơm có mất, mà đứng dưới gốc cây ngửi hoa không thú bằng ở trên cây.

Ngu này không dám tự-phụ rằng đã biết: « hoa tươi thì hái, hoa khô thì đừng », nhưng cũng đã được từng « ba bốn năm ăn ở trên rừng », cho nên mới dám dẫn khách đến gốc cây. Khách biết trèo cây — là những nhà tân-học — tất không cần đến ai hái hoa hộ, nhưng tưởng cũng nên bi công cho kẻ đã đem cây người trồn vườn nhà. Khách không biết trè cây — là những nhà cựu-học — th nay hãy tạm nhận tràng hoa này, ho tươi cũng có, hoa khô cũng có, để đợ người khác sau này hoặc chọn há được tinh hơn chăng.

Ông Antoine Albalat là một nhà phê-bình văn-chương, trong đoạn bình-phẩm văn ông Descartes có nói đại-khái rằng: « . . . Không rõ lắm sao mà ông Descartes dám viết văn chủng-chẳng như thế? Văn nước Pháp về hồi ông đã gọi là thịnh mà sao văn ông còn trúc-trắc đến như thế? Chắc là vì ông bắt đầu dùng tiếng nước nhà làm tiếng triết-học. Nói về văn-chương thì văn ông tầm-thường; nói về triết-học thì văn ông rõ-ràng lắm. Từ xưa tới nay triết-học chỉ viết bằng tiếng la-tinh, ông bắt đầu ép tiếng nước nhà vào thì tránh sao được những giọng ngô-nghê. Nước trong chảy qua một lượt sỏi cát, trước còn đục sau mới trong. . . . »

Tôi xin lấy mấy lời đó mà xin lỗi trước cùng các ngài đã hoài công mà chiếu-cố đọc đến bài này. « Lượt sỏi cát » nước Pháp nay đã sạch, nước trong chảy qua vẫn còn trong; « lượt sỏi cát » nước ta còn nhơ-bẩn, nước trong chảy qua thành đục. Tuy rằng đục nhưng mà lành không độc; trông thì hơi nhớp-nháp, nhưng nhận kỹ không có vi-trùng. Ta nên mong cho « lượt sỏi cát để lọc nước triết-học » của ta chóng được sạch. Bỉ-nhân này dâng các ngài chén nước đục cũng tự biết là khiếm-nhã, mong rằng các ngài cũng dung-thứ cho.

I

Tâm-lý-học là một môn học mới. —Trong rừng triết-học thì cây Tâm-lý-học là cây mới mọc vào độ năm-mươi năm nay. Các nhà triết-học cổ ở Hi-lạp và ở La-mã cũng có nói qua, nhưng mà vẫn bỏ khoa Tâm-lý-học ở trong vòng triết-học, buộc khoa tâm-lý vào một thống-hệ to ; mới gần đây môn học về thần-hồn mới biệt ra được, mới ra khỏi cái khuôn của triết-học, mới đứng riêng ra một thống-hệ mới.

Trong các nhà triết-học thì có lẽ ông Locke (1632-1704) (người Anh) là người bắt đầu làm cho khoa tâm-lý-học biệt-lập thành một khoa-học riêng ; nước Đức thì bắt đầu từ ông Hébart (1776-1841) ; nước Pháp từ ông Maine de Biran (1766-1824). Dù rằng ngay từ cuối thế-kỷ thứ 17 và trong thế-kỷ thứ 18 đã có nhà muốn dựng tâm-lý-học làm khoa-học độc-lập (*science autonome*) mặc dầu, nhưng trong vòng độ năm-mươi năm nay mới bắt đầu phát-đạt và hiện nay còn vào thời-kỳ phôi-thai.

Tâm-lý-học là khoa học thần-hồn.—Tâm-lý-học là khoa-học về linh-hồn và các phép-tắc của sự động-tác của linh-hồn. Trên đã nói rằng tâm-lý-học là khoa-học mới phát-sinh ; vậy thì trước hết ta phải tránh các vấn-đề to quá, không nên dựng thành thống-hệ nào bao-quát tất cả các hiện-tượng về tâm-lý, phải xét từng hiện-tượng một cho tách-bạch phân-minh.

Trước hết ta phải biết rằng ở một người có hai thế-giới : một là thế-giới trong tâm-lý, tức gọi là nội-giới, hoặc tâm-giới, hoặc chủ-quan ; hai là thế-giới ngoài vật-lý, tức gọi là ngoại-giới, hoặc vật-giới, hoặc khách-quan.

Sự phân-biệt đó lúc sơ-sinh người ta chưa có. Nhỏ từ cá-nhân, lớn đến cả nhân-quần, ai cũng chú-ý về vật-giới trước, rồi sau mới xét đến nội-giới. Trước khi bàn triết-lý, người ta phải tìm cách để sống đã. Bao nhiêu sự hiểm-nghèo có thể hại đến sự sinh-tồn, bao nhiêu vật giúp được sự sinh-tồn đều ở ngoài tâm-giới cả, đều ở vật-giới cả. Cho nên trí người ta bận nhiều về việc ngoài mà chậm xét việc trong. Này như cơm, cá, thịt, là của ăn để sống người đều ở vật-giới ; này như chông, gai, lửa, nước là của có thể hại người, đều ở vật-giới. Sinh-tồn cạnh-tranh là cái môn lo to nhất của loài người mà biết lo được là một sự rất khó. Bởi thế cho nên lúc đầu chưa biện-biệt ngay được thế nào là vật-giới, thế nào là tâm-giới ; bởi thế cho nên giới-hạn hai bên mập-mờ.

Cứ xem như các tiếng dùng thì đủ biết. Muốn tả tâm-lý tất là phải mượn chữ của vật-giới. Ví như nói rằng : tính mềm-mại, lời ngọt-nhạt, cắt ruột, xé gan. Đó đủ chứng rằng người ta chuyên-trọng vật-giới trước, sau mới quay vào học tâm-hồn. Nếu đem xét tâm-lý của trẻ-con thì lẽ trên lại càng rõ-rệt lắm. Đứa trẻ mới lọt lòng ra đã trăm nghìn vạn ức cái cảm-giác nó làm cho loạn trí. Sau dần dần mới phân-biệt được cái « ta » và cái « không phải là ta ». Cái « ta » (*le moi*) của nó lúc đó là thân-thể nó, cái « không phải là ta » (*le non-moi*) của nó lúc đó là cái ở ngoài thân-thể nó. Lúc đó đứa trẻ mới đứng vào cái thời-kỳ thứ hai ; lâu nữa — ngu-độn ra thì lâu lắm lắm nữa — mới lại nhận ra rằng chân có thể lấy mắt trông, lấy tay sờ, mới biết thêm rằng thân-thể còn đứng ngoài cái « ta » (*le moi*). Lúc đó lại thấy trong bản-thân còn có một phần nữa không thể lấy giác-quan mà xét được, cái đó mới thực là cái « ta ».

Cái đó gọi là tư-tưởng, là tâm-tính, là linh-hồn, là nhân-tính, vân-vân... Bởi vì phần hồn biết chậm cho nên các khoa-học như : siêu-hình-học, luận-lý-học, tâm-lý-học mới khó, cho nên thuật « luyện hồn » mới gian-nan.

II

Tính-chất các hiện - tượng về tâm-lý. — Một người sáng-suốt tất chóng qua được cái thời-kỳ thứ hai nói trên kia. Chắc nhiều người hiểu rằng sự ân - hận, buồn-rầu là hiện - tượng thuộc về tâm - giới, và nước chảy, đạn nổ là hiện - tượng vật-lý. Nay lại xét xem các hiện-tượng về tâm-lý có những tính-chất gì.

1· — *Những tâm-lý-hiện-tượng chỉ có thể ở trong một linh-tính mà thôi và cũng chỉ những linh-tính ấy mới biết được các hiện-tượng đó thôi.* Ngôn-ngữ thường làm cho người ta lầm mất điều này. Cửa miệng thường nói : « dư-luận », hình như có ý nói rằng một tư-tưởng có thể là của chung nhiều người. Câu thành-ngữ đó, đối với tâm-lý-học, xa sự thực quá chừng, vì hai linh-tính không thể bao giờ cùng chung một trạng-thái. Một hiện-tượng tâm-lý bao giờ cũng liên-đái với các hiện-tượng cũ ở trong não-cân ; hiện-tượng mới đến chỉ là điểm thêm sắc cho cái bức tranh hiện-tượng cũ ở trong. Các tư-tưởng chỉ có thể hoặc là của người này, hoặc là của người khác, chứ không thể là của chung được. Vì hẳn như hai người thật là « đồng-ý », — đồng-ý đây là dùng nghĩa thường đã quen, chứ thực ra thì không ai đồng-ý với ai cả, — thì cũng ý ai người ấy hiểu riêng, không ai thấu được ý ai. Nhà vật-lý-học nói được rằng « vật-bất-tương-nhập » (*impénétrabilité de la matière*), thì nhà tâm-lý-học cũng nói được rằng « *linh-tính bất-tương-nhập* » (*impénétrabilité des âmes*). Nói như trên vẫn trúc-trắc khó hiểu, xin thí-dụ như sau.

Linh-tính mỗi người ví như một tấm lụa. Có tấm xanh, có tấm đỏ, có tấm vàng ; vàng cũng có vô-số mầu khác nhau, xanh cũng có vô-số mầu khác nhau. Một cảm-giác, một ý-tưởng ví như một giọt phẩm. Mỗi giọt phẩm đỏ vào các tấm lụa thì theo mầu lụa mà biến-sắc. Khi giọt phẩm đã bám vào một tấm lụa, mà lại rút ra cho vào tấm khác thì sắc biến hai lần khác nhau. Giọt phẩm nếu trước đỏ vào tấm lụa nguyệt-bạch hoặc thiên-thanh mà rút ra đỏ vào tấm lụa hồ-thủy hoặc da-bát thì sắc cũng có biến, nhưng cũng còn một đôi chút bản - sắc cũ. Nếu lấy giọt phẩm ở tấm lụa vàng mà đỏ vào tấm lụa đỏ thì nguyên-sắc biến hẳn đi. Bởi thế cho nên kẻ ngu-phu ngu-phụ không nghe được truyện người tri-thức, kẻ gian-ác khó lấy lời đạo-đức mà rung-chuyển nổi. Bởi thế cho nên phải chọn bạn mà chơi ; lụa đã ngả thâm khó gột cho trắng.

2· — *Hiện-tượng tâm-lý không chiếm địa-vị ở không-gian* (espace), *chỉ chiếm địa-vị ở thời - gian* (temps), nghĩa là các hiện-tượng tâm-lý không có dung-tích gì cả, không có thể cho mỗi hiện-tượng như con số của nhà số-học được.

3· — *Hiện-tượng tâm-lý đã không chiếm địa-vị ở không-gian thì không thể đo được.* Người ta chỉ đo được không - gian, không đo được thời-gian. Nói như thế chẳng hóa ra hẹp lắm ru ? Người ta chả đo được nhiệt-độ, điện-lực, thời-khắc là gì ? — Thưa rằng : người ta không trực - tiếp mà đo được nhiệt-độ, điện-lực, thời-khắc, phải đo cột thủy-ngân cao-thấp, kim đồng-hồ mau chậm. Dù ai cho là nói ngược mặc dầu, ta cũng có thể quyết rằng thời-gian không đo được. Cái thời-gian nói trong cơ-khí-học (*mécanique*) chỉ là « hàm-số » của không-gian. Đối với tâm-lý người ta thì thời-giờ lúc nhanh lúc chóng, không lấy gì làm chuẩn-

đích được. Bởi thế cho nên tâm-lý không phải là một tấm vải đem ra mà đo được.

III

Thân - thể và tinh - thần. — Mới bắt đầu bàn xét về tâm-lý-học, ta chưa thể xét ngay được sự quan-hệ của thân-thể với tinh-thần, vật-chất với linh - hồn. Ta chưa biết được rằng cái ngoại-cảnh ta thấy thực hay hư.

Vấn-đề sắp xét đây là một câu hỏi nhỏ hẹp mà thôi. Nhiều hiện-tượng tâm-lý có mật-thiết quan-hệ với các hiện-tượng sinh-lý, nhất là về thần-kinh-hệ, nhất nữa là về não-cân. Như thế thì ta có thể xét các hiện-tượng về thần-kinh-hệ để suy ra mà hiểu được những phép - tắc của linh-tính không? Đó là ý-tưởng của mấy nhà sinh-lý - triết - học về phái duy-vật (*matérialisme*).

Xét về cơ-thể và sinh-lý của thần-kinh-hệ. — Trong thần-kinh-hệ, người ta thường chia ra não-cân (*centres*) và truyền - tuyến (*conducteurs*). Nhưng nếu gọi óc, óc con, cuống-óc và tủy là não-cân, mà gọi các thần-kinh-tuyến là đường truyền thì sai. Nếu bổ ngang đường tủy ra thì thấy giữa có một phần xam-xám, hình như chữ H, ngoài có chất trắng; ở óc thì phần trắng lại ở trong, phần xám ở ngoài làm vỏ. Theo các nhà sinh-lý-học thì phần xám là não-cân, phần trắng là đường truyền. Vậy thì ở đâu cũng có não-cân, đường truyền.

Lại chia ra hai thứ thần-kinh-tuyến : một thứ có sức li-tâm (*centrifuge*), một thứ có sức hồi-tâm (*centripède*). Nhà sinh-lý-học cho rằng: một ngoại-cảm làm cho thần-kinh-tuyến hồi-tâm biến-hóa, — biến-hóa nguyên-tử của thần-kinh theo như cách biến - hóa thuộc về hóa - học; — sự biến - hóa ấy cứ từ ngoài mà truyền mãi vào đến não-cân. Theo như thuyết ấy thì bao nhiêu cảm-giác đều là sự biến-hóa vật-chất cả.

Nhưng tại làm sao đang là sự biến-hóa vật-chất mà lại thành ra cảm-giác của tinh-thần? Ví như một nhà sinh-lý-học nhìn mũi kim đâm vào tay mình. Nếu nhà ấy cứ xét như trên thì chỉ thấy vật-chất biến-đổi luôn. Nhưng tất có một lúc người ấy thôi không xét cái cảm-giác mà quay vào xét cái linh-hồn. Cũng như một người đứng trên đỉnh núi Trường-sơn (*Chaine Annamitique*), trông bên này thì thấy nước Việt-Nam, quay đầu trông sang bên kia thì thấy nước Ai-lao; có quay đi quay lại mà lại tưởng rằng *đứng yên* mà vụt nước Việt-Nam biến thành nước Ai-lao.

Sau này ta sẽ xét kỹ cái vấn - đề thân-thể và tinh-thần. Cái vấn-đề ấy bao-la phiền-phức lắm, nhà sinh - lý-học cũng không thấu được mà nhà tâm-lý-học cũng không rõ được. Muốn trị được cho hết lẽ cái vấn-đề ấy ta phải biết rõ các vấn-đề về vật-chất, về tri-giác, về tinh-thần.

Thuyết ông Maudsley và ông Huxley. — Hai ông này không những là công-nhận rằng các hiện-tượng tâm-lý đều đi gióng đôi với hiện-tượng sinh - lý, mà lại quyết rằng bao nhiêu sự hành-vi của người ta đều chỉ do các hiện-tượng sinh-lý mà thôi. Linh-tính chỉ là một cái hình - ảnh mập - mờ, hiện - tượng tâm - lý chỉ là hiện - tượng phụ - thuộc, không có can-hệ ảnh - hưởng gì đến đời người ta (*un épiphénomène*). Ta đi xem hát vì trước đi xem ta tưởng-tượng những giọng hát hay đàn ngọt, có phải không? Ta gửi thư cho anh em có phải rằng ta nhớ người ta không? — Không! lầm to, không phải thế : Đó là bộ máy thần-kinh chạy đó thôi.

Ta đi xem hát vì chân ta quen đi, chứ không cần phải tính trước rằng đi xem gì, đi nghe gì cả. Ta viết thư cho anh em vì mấy giòng đen-đen trên một tờ giấy trắng cảm mắt ta, làm cho thần - kinh-tuyến ta biến-hóa ; thần-kinh - tuyến li-tâm mà biến-hóa thì khiến tay ta ngoạch mấy giòng đen đen.... Ta chỉ là thằng « người máy có thiên-năng » (*automates conscients*) mà thôi.

Ông WILLIAM JAMES phản-đối thuyết ấy mà rằng : « Cứ theo như thuyết ấy thì nếu ta biết rõ được thần-kinh-hệ ông SHAKESPEARE và các hoàn-cảnh nó bao-bọc cái bộ thần-kinh ấy thì ta hiểu được tại làm sao mà trong một thời-kỳ kia của đời ông, tay ông lại vạch những nét đen-đen trên tờ giấy trắng gọi là bản thảo kịch *Hamlet* ư ?...»

Câu phản-đối ấy chưa đủ làm cho phái duy-vật trên kia ngã lòng Nay ta xét hai câu biện-luận cốt-yếu của phái ấy như sau này :

1o/ Một giống sinh-vật như người chẳng qua cũng là một vật ở trong trời đất như các vật khác; phàm vận-động là có nguyên - nhân cả. Theo như thuyết « nguyên-lực không mất » (*conservation de l'énergie*) thì «nguyên-lực» không thể sinh thêm ra, chỉ có biến-hóa mà thôi. Động-vật lấy «nguyên-lực» ở ngoài là « hóa-học-lực » (*énergie chimique*), như khi ăn, khi thở ; « sức » ấy, khi ra ngoài thì đổi thể mà hoặc thành « nhiệt-lực » (*énergie calorifique*), hoặc thành « quang - lực » (*énergie lumineuse*) hoặc thành « điện-lực » (*énergie électrique*). Bao nhiêu sự hành - vi của người ta đều do sự biến - hóa của « nguyên-lực » cả. Còn như linh-tính thì cũng vì như cái đèn xe hỏa dùng để soi sáng đường đi, giá không có đèn mà vẫn đủ than và nước thì tàu vẫn chạy như thường.

2o Nhiều việc chứng rõ cho ta biết rằng linh-tính phụ-thuộc vào thân-thể. Đánh vào đầu thật mạnh có thể làm cho mất tri-giác. Nhiều thứ cho vào thân-thể có thể làm cho tinh-thần ta, hoặc mẫn-tiệp lên, hoặc trì-độn lại, hoặc mất hẳn đi ; như thuốc phiện, rượu, cà-phê, hỉ-lạc-khí, lục-cường-thủy.

— Theo câu biện-luận thứ nhất thì người ta không có thể có ý-chí được. (Muốn bàn rõ vấn-đề này phải xét cái thuyết vật-lý tiền-định = *déterminisme physique*) người ta sở-hành, sở-động chỉ là một mớ hiện-tượng mà thôi. Vẫn hay rằng «nguyên-lực» không thêm ra không bớt đi, nhưng người ta lại không lấy ý mà đặt nó ra thế này, bày nó ra thế khác được ư ?

— Còn như nói rằng các hiện-tượng tâm-lý là phụ-thuộc của hiện-tượng sinh-lý thì trái lại cũng nói được rằng nhiều hiện-tượng sinh-lý là phụ-thuộc của hiện-tượng tâm-lý như giận quá thì cử-chỉ hỗn-độn, thẹn thì đỏ mặt, sợ thì run, vân-vân...

Tóm lại mà nói thì thân-thể như cây đàn, thần-kinh-hệ như giây đàn. Không có đàn, không có giây thì không có tiếng ; nhưng muốn cho cây đàn có âm-điệu cũng phải có người gẩy đàn, lên giây, sửa phím.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT

LỜI KHUYÊN CON

(*Mấy bức thư của Tăng Văn-Chính viết cho các con*(1)

Cổ-nhân có câu rằng: *Hoàng kim vạn lạng phi vi quí, nhất gia hoan lạc trị tiền đa* 黃金萬兩非爲貴。一家歡樂值錢多。 Nghĩa là: Vàng kia muôn lang coi thường vậy, nhà cửa vui vầy giá mới cao. Lại có câu rằng: *Gia hòa tắc phúc tự sinh, bất-hòa tắc tai họa lập chí.* 家和則福自生。不和則災禍立至。 nghĩa là: trong nhà mà hòa-hợp tự-khắc phúc đến, trong nhà mà bất-hòa, thì tai vạ đến ngay. — Xem hai câu này thì đủ biết người ta ở đời không gì sướng bằng trong gia-đình có cảnh vui cha lành con hiếu, vợ thuận chồng hòa, anh yêu em kính, mà không gì khổ bằng trong gia-đình cùng ngang trái nhau.

Vả lại, trong gia-đình cùng dậy-dỗ khuyến-miễn nhau, cùng biết hòa-hợp với nhau, không những cầu được hạnh-phúc mà lại có ảnh-hưởng đến tinh-thần, đến chính-trị trong xã-hội nữa. Nên những các bậc hiền-triết xưa nay, ai cũng chăm-chỉ về việc trị nhà. Trị nhà tuy rằng có nhiều cách, nhưng cốt nhất là phải sửa mình cho chính-đính, ăn ở cho hợp lễ, cho phải đạo làm người. Sách *Đại-học* có câu rằng: 欲齊其家者先修身。 nghĩa là: « Muốn trị nhà phải sửa mình trước ». Kinh *Thư* có câu rằng: 世祿之家鮮克由禮, nghĩa là: « Những nhà đời đời hưng-vượng đều vì có lễ cả. » Ấy là cái chứng rõ cho người ta biết rằng trị nhà không sao bỏ đạo sửa mình và lễ được.

Từ khi có cái sóng tự-do tràn sang, những bọn thiếu-niên ta hiểu lầm nghĩa hai chữ tự-do, cho rằng phá-đổ trật-tự, bỏ hết lễ-pháp để cầu sướng riêng một mình là tự-do, không biết rằng cái hồn tự-do chính ở trong trật-tự lễ-pháp mà ra, nên lại bị con ma tự-do lảo nó làm tan nát mất cái cái giây thân-ái, gây nên thảm-họa trong gia-đình, mà bấy nay ta thường mắt trông thấy, tai nghe thấy những nông-nỗi cha từ con, vợ lìa chồng, anh hại em, đăng ở trên báo-chương đấy, truyền ở ngoài cửa miệng đấy, có đáng ghê không! Ôi tự-do! tự-do! dịu-dàng như mùa xuân, ngào-ngạt như hoa thơm, bỏ tự-do còn cái gì là sướng. Người Tây đã có câu rằng: »Không được tự-do, thà chết còn hơn » Mong rằng đồng-bào ta nên hương-hoa mà sùng-bái cái tinh-thần tự-do, đừng có hâm-mộ cái bề ngoài tự-do.

Nói tóm lại công-phu tu-tề của đạo nho ta cũng như người xuống nước rửa ghét, các cụ ta tuy chưa tìm được cái suối vô-đề, cái đầm thiên-nhiên, nhưng cũng đã phí bao nhiêu tinh sức, trải bao nhiêu cuộc bể dâu mới tu-tạo được một cái ao trong-trẻo sạch-sẽ, dấn mình xuống đấy, cũng đủ rửa sạch được những điều không phải mà trở nên một người hoàn-toàn nhân-cách rồi. Nay ta chê ao nhà là đục, ta bỏ ta tìm cái ao khác, để mong hơn các cụ xưa kia, thế mà sao bấy nay vẫn thấy loanh-quanh chả được cái nào, mà lại chỉ thấy đem mình lăn-lộn vào trong vũng bùn trong lạch bẩn, thì chi bằng ta trở *về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà đã quen!*

Chúng tôi nghĩ thế, nên gia công khảo-cứu về đạo trị nhà, nay được một bộ *Tăng Văn-Chính-công gia-huấn* đốt hương đọc hết trước sau, trong những phép sửa mình phép trị nhà, xem người, ở đời, dùng người, tiếp người, điều nào cũng là điều thâm-trầm thân-thiết, lẽ nào cũng là lẽ đã duyệt-lịch, đã kinh-nghiệm cả rồi; giá đem ra mà trị cái phong-hóa của xã-hội ta bây giờ thật là một phương thuốc đối bệnh, nên chúng tôi một lòng sốt-sắng, chọn ngắt từng thiên, sau chia từng đoạn, dịch ra quốc-âm, để công đồng-lãm, mong rằng các bạn độc-giả chịu khó gia công nghiền-ngẫm, hết sức bắt-chước mà làm, thì chắc cũng có thể trở nên một người đứng-đắn, gây được hạnh-phúc cho gia-đình và có ảnh-hưởng đến xã-hội nữa.

Dịch-giả chí

---

(1) Tăng Văn-Chính, tức là Tăng Quốc-Phiên, làm quan lo đời nhà Thanh, hồi nước Tàu mới giao-thiệp với Âu-châu. Người có cổ-học thâm-thúy lắm.

I

Thơ cho con là Kỷ-Hồng

Ngày 29 tháng 9 năm *bính-thìn*

Thầy thấy người nhà lại dinh khen rằng con cử-chỉ đứng-đắn, thầy bằng lòng. Người ta ai cũng mong con cháu làm quan to, thầy không thích thế, thầy chỉ mong-mỏi con cháu làm nên được người quân-tử, biết đọc sách, biết rõ nghĩa đạo làm người.

Tự giữ mực siêng-năng tần-tiện, tập quen khó-nhọc, ở lúc vui cũng thế, ở lúc túng-bấn, eo-hẹp cũng thế, thế là người quân-tử.

Thầy làm quan hơn hai-mươi năm nay, không dám nhiễm một tí mùi quan nào, ăn mặc cư-xử, vẫn giữ thói thanh-bạch, kiếm lắm cũng được, hơi phong cũng được, chứ phong lắm thì thầy không dám.

Phàm những nhà làm quan, bởi tần-tiện biến ra xa-xỉ thì rất dễ, bởi xa-xỉ mà giữ lại thói tần-tiện thì rất khó. Con tuổi còn nhỏ đừng có ham-mộ xa-hoa, đừng có tập quen lười-lĩnh, không cứ nhà hơn nhà kém, kẻ học-trò, kẻ làm ruộng, người đi buôn, người làm thợ, biết giữ mực siêng-năng, tần-tiện, khó-nhọc, thì thấy khá ngay. Láo-lếu xa-xỉ, lười-lĩnh thì thấy hỏng ngay.

Con viết chữ đọc sách, chớ có sao-nhãng, sáng phải dậy sớm, chớ có làm sai cái phép nhà tử tổ-tiên ông cha để lại cho. Con chả từng được mắt trông thấy ông con và chú thầy cứ sáng sớm là dạy đấy ư?

Phàm giàu sang công-danh, đều có số cả, một nửa cậy sức người, một nửa nhờ trời, duy học làm nên bậc thánh-hiền, đều do tự mình làm chủ, không có can-thiệp gì đến trời đến mệnh. Thầy vẫn có chí học đạo thánh-hiền, chỉ vì lúc bé thiếu một cái công-phu cư-kính mà đến bây giờ cũng còn có lúc nói đùa làm bỡn. Con cử-chỉ đứng-đắn, không hay nói càn, thế là có cơ tiến-đức đấy, con nên cố đi...

II

Thư cho con là Kỷ-Trạch

Hôm mồng một tháng tám thầy tiếp được cái thư của con, biết rằng ở nhà mẹ con và các con đều được bình-yên, thầy mừng lắm. Con học bộ *Tứ-thư* không tâm-hiểu được mấy, là vì con không biết: *hư tâm hàm vịnh, thiết kỷ thể sát* 虛心涵泳切己體察. Nghĩa là: « ngẫm-nghĩ ngẫm-nghĩa, xét-nét kỹ-càng như đặt mình vào địa-vị ấy ». Phép ông Chu-tử dạy người ta đọc sách, lấy hai câu ấy làm tinh-thần nhất.

Như bây giờ con đang học thiên *Ly-lâu*, chương đầu thiên *Ly-lâu* có câu rằng: « Kẻ trên không có đạo để đo-đắn, kẻ dưới không có phép mà giữ-gìn, thế nước tất nguy ». Năm xưa thầy học đến đấy cũng coi là thường, gần nay ra làm quan mới hiểu rằng làm người trên phải noi đạo mà đo-đắn, kẻ dưới phải cứ phép mà giữ-gìn, nếu người nào cũng không theo đạo đo-đắn, tự cho mình là phải, tự theo lòng mình mà không theo phép, thì tất thành ra kẻ dưới xâm-phạm cả người trên. Năm xưa thầy học đến chương « mình yêu người mà người ta không thân với mình, thì phải nghĩ lại xem mình có thật là yêu người không » cũng coi là thường. Bây giờ duyệt-lịch nhiều mới hiểu rằng mình trị người ta, mà người ta không phục là bởi trí khôn mình kém. Đấy là một cái chứng xem biết công-hiệu câu: « xét-nét kỹ-càng như đặt mình vào địa-vị ấy ».

Còn như hai chữ *hàm-vịnh* rất là khó hiểu. Thầy thường lấy ý hiểu ra rằng: *hàm* như là mưa xuân nhuận hoa, như suối trong tưới lúa, mưa xuân nhuận hoa ít quá thì không mớn-mở, nhiều quá thì tan-tác, vừa vừa thì tư-nhuận mà tươi-tốt, suối trong tưới lúa, ít quá thì vẫn khô, nhiều quá thì ngập nát, vừa vừa thì xanh tốt mà bốc lên. *Vịnh* là như con cá lượn dưới nước, như người rửa chân. Ông Trình-tử nói rằng: « Con cá nhảy ở vực coi vẻ nhanh-nhẩu lắm » Ông Trang-tử bảo rằng: « Xem cá ở bờ hào, lắm vẻ thú lạ, đấy là cái thú cá nước. » Ông Tô Thái-Sung nói rằng: « Rửa chân thích rửa ở cái giòng nước chảy xa muôn dặm. » Ông Tô Tử-Chiếm có bài thơ tả cái thú đêm nằm khỏa chân dưới nước, có bài thơ tả lúc mới tắm xong, cũng là cái thú thích nước cả. Người biết học sách phải nên coi quyển sách như nước, mà coi cái lòng mình như hoa như lúa, như cá, như rửa chân, thì mới hiểu được ý ngoài hai chữ *hàm-vịnh*. Con học sách chóng biết, nhưng không thâm-hiểu nghĩa văn, nên giốc lòng suy-cầu bốn chữ *thể sát hàm vịnh* của ông Chu-tử mới được.

III
Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm mười chín thầy tiếp được một cái thư và một bài thơ của con gửi đến, thầy xem bài thơ của con, khí thanh mà lời cũng êm, thầy vui lòng lắm.

Phàm làm thơ phải so-sắn thanh và điệu cho kỹ. Con muốn học thơ, phải nên học mỗi lối độ ba mươi bài cho thật thuộc, thoạt mới đọc thơ phải lên giọng cho dõng-dạt khiến cho khí mạnh lên, rồi sẽ ngâm khe-khẽ để ngấm-nghía cái tứ hay, hai phép cùng tiến, khiến cho thanh-điệu của cổ-nhân dập-dìu cùng ứng, như quen với cổ-lưỡi mình, đến lúc hạ bút làm thơ tự-nhiên câu điệu tự đến, xuống bút thành thơ, tự đọc lên đã thấy kêu vang, thì tự-nhiên có cái thú-hứng hay bật ra.

Cổ-nhân đã có câu rằng: « Thơ vừa chữa xong tự ngâm mãi »; lại có câu rằng: «Nghiền thơ chửa được cứ ngâm dài »; xem thế thì biết lúc cổ-nhân nghiền-ngẫu khó-nhọc, cũng chỉ chuyên-trị hai cách *thanh* và *điệu*. Tại sao? Bởi vì những bài thơ có chữ có câu là *nhân-lại* 人籟, nghĩa là thơ của người làm ra; thơ không có câu có chữ là *thiên-lại* 天籟, nghĩa là thơ tự-nhiên của trời. Nếu hiểu được lẽ ấy, đem *thiên-lại* và *nhân-lại* hòa lẫn nhau mà làm, thì cái phương-pháp làm thơ đã hiểu được quá nửa rồi đấy.

Thầy bình-sinh có ba điều xấu-hổ: Các môn học, môn nào cũng thiệp-liệp, duy có khoa học thiên-văn và khoa học tính không biết, dẫu những ngôi sao thường nói đến cũng không biết, thế là một điều xấu-hổ.

Hễ cứ làm một việc gì, tập một nghề gì cũng chỉ có trước không sau, thế là hai điều xấu-hổ.

Lúc bé tập chữ, không hệt được lối nào, đến nỗi thay đổi luôn mà không thành, vừa chậm-chạp, vừa không ưa nhìn, bây giờ ra coi việc quân, viết rất nhiều mà mất-mát lắm, thế là ba điều xấu-hổ.

Con muốn làm nên một người con làm nổi cơ-đồ nhà, nên dụng công rửa ba điều xấu hổ ấy cho thầy.

Phàm làm một việc gì, không cứ việc to hay việc nhỏ, khó hay dễ, đều nên có trước có sau; tập chữ trước phải tập cho tròn-trặn, sau cho nhanh-nhẹn, nếu mỗi ngày viết được độ một vạn chữ chân thật, ít cũng viết được bảy tám nghìn chữ, càng nhiều càng quen, không mỏi tay nữa, sau này đem cái tài ấy dùng vào sự học, thì sao chép được cả mọi sách, dùng làm việc quan, thì không sót án nào, bao nhiêu điều tiện-lợi đều do ở cái công-phu viết được ngay-ngắn nhanh-nhẹn mà ra cả.

Kỳ đệ-nhất khoa thi năm nay, trúng hay không trúng, cũng không quan-hệ gì, hễ ra bảng rồi thì chỉ nên xem cho hết các kinh-sử. Bóng quang-âm rất khó được, một khắc giá nghìn vàng!

Từ sau có viết thư thăm thầy nên đem những điều nào lẽ nào đã hiểu rồi, bàn-bạc tung-hoành, để thầy xét xem con có tiến-bộ không, đừng có viết lèo-tèo được mấy lời thế.

IV
Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm mười-một tháng mười thầy tiếp được cái thư và một tập chữ triện của con gửi lại. Trong thư con nói việc nhà rành-dọt và học sách có tiến-bộ hơn trước, thầy mừng.

Khi con muốn học một bộ sách nào, không cứ xem nhưng chỗ chú-thích hay những chỗ bàn-bạc, đều nên giốc lòng suy-xét, chỗ nào thích-ý thì lấy bút son đánh dấu lấy, chỗ nào còn ngờ thì chua một đoạn nhỏ hay bàn-bạc nhiều lẽ, hay phê-bình vào đấy, sau này câu nào hiểu rõ lại chua xuống dưới đoạn ấy, dần dần thành từng vở, tự-khắc mỗi ngày một tiến-bộ.

Thầy gần nay bệnh lở đã khỏi hẳn, mắt lại tinh-thần như cũ. Các quân-lính ốm ở trong dinh mười phần đã bớt được sáu bảy, duy chỉ còn chửa được lai nghỉ, nên chửa đi đánh giẹp được, rất là buồn-bực.

Con là người đứng đầu dân dưới, phải nên dốc lòng yên-ủi nâng đỡ các em luôn-luôn.

Đạo làm người quân-tử, không gì hơn làm điều tốt lành cho người, huống chi là anh em. Cư-xử với anh em xa gần trong ngoài, nên cùng khuyến-miễn nhau, con biết điều gì, thì lại thường-thường bàn cho các anh em biết, như thế tự-khắc cùng tấn-tới cả.

V
Thơ cho Kỷ-Trạch

Thầy nghe con ở chốn tỉnh-thành, chỉ đến chơi với hai nhà họ Đinh họ Tả, ngoài ra không khinh-suất đi đua chơi với ai, thầy ở xa nghe được thế yên lòng lắm.

Phép học sách trong một ngày phải kiêm cả bốn phép : xem, đọc, viết, làm, bốn phép ấy không thiếu phép nào được.

Phép xem thế nào ? Như năm ngoái con xem *Sử-ký*, *Hán-thư*, *Hán-văn*, năm nay con xem *Chu-Dịch triết-trung*. Phép đọc thế nào ? Như đọc các kinh các truyện và các bài thơ bài văn của các cụ danh-nho, không đọc cho dõng-đạt thì không thu được cái khí hùng-hồn, không ngâm-nga ngẫm-nghĩ thì không đò được cái ý sâu-xa. Thí-dụ như nhà giàu làm giàu, xem sách thì như sự ở ngoài buôn bán, được lãi gấp ba, đọc sách thì như sự ở nhà ăn-dè hà tiện không lạm phí tiền. Thí-dụ như nhà binh đánh nhau, xem sách thì như sự phá thành tranh đất, mở-mang bờ cõi ; đọc sách thì như sự sâu hào cao thành giữ lấy đất nước. Xem sách nên bắt-chước phép ông Tử-Hạ, trong một ngày quên sót mất cái gì, gần được cái gì phải biết cả. Đọc sách cũng phải biết cái gì mình làm được, cái gì gần đến nơi được, trong hai phép ấy không bỏ phép nào được. Còn như tập viết chữ, con đã biết hơi thích, chớ bỏ ngày nào sao-nhãng, đã cần cho tốt, lại cần cho nhanh. Thầy bình-sinh vì viết chữ chậm-chạp mà thiệt-hại biết bao, con nên hết sức tập cho nhanh, cứ mỗi ngày chịu khó viết độ vạn chữ thì rồi cũng được. Còn như tập làm văn làm thơ, lối cổ lối kim, lối nào cũng nên tập cả. Lúc còn trẻ tuổi đừng có ngại kém ngại vụng, cứ giữ một cái mục-đích tiến-thủ như cuồng (1) mới được, nếu bây giờ không làm, sau rồi nản không làm được nữa.

Đến như đạo làm người, các bậc thánh-hiền dạy hàng nghìn hàng vạn câu, nhưng rút lại thì chỉ cốt có hai chữ *kính* và *thứ*. Một chương ông Trọng-cung hỏi đạo làm điều nhân (2) nói nghĩa hai chữ *kính-thứ* rất là xác-đáng, ngoài ra những câu : « Đứng thì hình như vẫn có trung-tín đốc-kính cùng đứng trước mặt, ngồi xe thì hình như vẫn có trung-tín đốc-kính kề bên đòn xe », người quân-tử không cứ ở vào chốn đẳng nhiều hay đẳng ít, bậc lớn hay bậc nhỏ, cũng không ai dám nhờn, thế là vẫn đầy đủ vẫn hơn người mà không có dáng kiêu-ngạo, mũ áo chỉnh-tề, nghiễm-nhiên người trông thấy tự-nhiên sợ, thế là vẫn có oai-nghiêm mà không có dáng tợn-tĩnh, đấy là cái phương-pháp làm chữ *kính* rất thân-thiết rành-mạch.

Đức Khổng-tử nói rằng : muốn gây dựng mình nên tài giỏi lại gây dựng cho người bằng mình, muốn mình được thành-đạt rồi lại giúp cho người thành-đạt như mình. Ông Mạnh-tử nói rằng : hễ mình làm điều gì không được, thì chỉ nên trách lại xét lại mình. Lấy lễ làm cốt trong lòng, lấy nhân làm cốt trong lòng, có lo chỉ lo suốt đời không làm gì được, chứ không lo cái tai-vạ qua-thì. Đó là cái phương-pháp làm chữ *thứ* rất thân-thiết rất rành-dọt. Con sẵn có lòng thiện, làm chữ *thứ* may còn dễ, còn chữ *kính* phải nên chịu khó mà làm, ấy là cái nền tiến-đức đấy, con phải cần thận mới được.

Khoa thi sắp đến, phải giữ mình cho điều-độ. Thầy ở đây cũng vẫn được bình-yên, con không ngại gì.

VI

Thư cho Kỷ-Trạch

Con đến ở Tràng-sa đã hơn một tháng, vì sao mà không có cái tờ nào bẩm đến dinh thầy ? Thầy nghe đâu hơn một trăm tờ các phó Thiếu-canh (3) đều ở một tay con viết cả, sao không thuê khắc hay mượn người viết hộ ?

Thầy không phải rằng bảo con nên tiếc tinh sức đâu, vì rằng Thiếu-canh tuổi chưa

(1) Mục-đích tiến-thủ như cuồng là lấy sự tiến lên học tập lấy mọi lẽ như người đồ không cần gì xấu tốt làm cái đích của mình trông đấy mà làm.

(2) *Trọng Cung vấn nhân*; *Tử viết* : *xuất môn như kiến đại-tân, sử dân như thừa đại-tế. Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân, tại bang vô oán, tại gia vô oán.* 仲弓問仁。子曰出門如見大賓。使民如承大祭。己所不欲。勿施於人。在邦無怨。在家無怨。 Nghĩa là : « Ông Trọng Cung hỏi đức thánh rằng đạo làm nhân thế nào ? Đức thánh bảo rằng : Đạo làm nhân mình phải cung-kính như là ra đến ngoài cửa đã thấy người khách sang trọng, sai khiến dân phải kính như chịu, ở trong nước không có oán ai mà ở nhà cũng không có oán ai. — ơ *Thế-chú* thích nghĩa hai câu : *tại bang vô oán, tại gia vô oán,* 在邦無怨在家無怨 là nói cái công-hiệu làm nhân rồi được lòng yêu của cả nước cả nhà không ai oán nữa, nhưng cứ như ngu-kiến thì hai câu ấy lại là cái nghĩa thiết thực làm chữ *thứ*. Xin phụ chép ra đây để các độc-giả phủ-chính cho.

(3) Thiếu-canh là anh vợ Kỷ-Trạch.

đến ba-mươi kể, tính có chỗ đáng hơn chỗ đáng kém, cứ lẽ thì có chỗ nên thêm nên bớt, thì tính sức cũng không nên quá gắng đấy thôi.

Nhân năm ngoái thầy về nghỉ ở nhà, cùng phân-xử những việc nhỏ mọn với những người làng, may không có lỗi gì, thế mà nay tuy ở ngoài mà lòng vẫn áy-náy rằng, xử thế cũng chưa được vui lòng người lắm đấy.

Con nên thường thể ý thầy, đối với mẹ con và các ông chú, các chú con, nên hết lòng yêu kính. Thường để tấm lòng đinh-ninh rằng lo mừng cùng quan-hệ, đừng có mang lòng coi thân-sơ khác nhau thì tự-khắc các bậc trên trong ngoài ai cũng yêu con trọng con mà các anh em chị em hàng dưới cũng lấy con làm gương mà bắt-chước, thế thì càng ngày càng thân, càng lâu càng kính, nếu hay khiến họ-hàng làng-mạc ai cũng cùng khen rằng: « Kỷ-trạch nó có lượng rộng hơn thầy nó kia đấy », thế thì thầy mừng lắm.

Lần trước thầy có viết cái thư dạy con làm phú, đến lúc trả lời, con cũng không bẩm lại; lại viết cái thư giảng-nghĩa hai chữ *hàm-dưỡng*, lúc con trả lời cũng không bẩm lại. Từ rầy trở về sau, trong thơ thầy có dạy sự gì, thì con phải bẩm lại cho tường-tận.

VII

Thư cho Kỷ-Trạch

Hôm mồng hai tháng ba thầy tiếp được các thư của con gửi từ hôm hai-mươi tháng hai đến. Mọi việc thầy đã rõ cả. Trong thư con nói muốn xin đến dinh thăm thầy, thầy cũng nhớ con muốn cho con đến ngay, nhưng việc cưới con đã định lấy ngày hai-mươi sáu tháng năm tui trong khoảng tháng ba tháng tư con không thể đi được, để đến tháng bảy con lên tỉnh thi hương xong, đến cuối tháng tám con đến cũng được.

Sức-vóc con tuy yếu, nhưng ở vào lúc đời lắm nỗi khắt-khe thế này, nếu chịu khó dầy sương giãi nắng, khổ lòng nhọc thần, cũng có thể cứng gân xương mà thêm khôn biết ra. Xem ngay như chú Nguyên-phủ con, trước kia yếu thế, bây giờ ra cầm quân khó nhọc biết bao mà lại thấy khỏe mạnh hơn trước, đó là cái chứng-cớ luyện-tập có công-hiệu rất rõ-ràng, con ạ.

NGUYỄN HỮU-KHA *dịch*

MỘT NHÀ DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

ÔNG ANATOLE FRANCE (1844-1924)

Gần đây đặng tin ông Hàn-lâm ANATOLE FRANCE đã mất. Hàn-lâm-viện và văn-học-giới nước Pháp trong hai năm nay phải mất nhiều tay văn-sĩ tuyệt-tài đã có công truyền-bá những tư-tưởng rất li-kỳ cùng cả thế-giới, là ông MAURICE BARRÈS, PIERRE LOTI và ANATOLE FRANCE.

Ông ANATOLE FRANCE và ông PIERRE LOTI cũng đồng-thời mà rất cách-biệt hẳn nhau về văn-chương và tư-tưởng. Cả hai ông đều soạn tiểu-thuyết, mỗi người làm đến mấy mươi quyển, song ông PIERRE LOTI là một nhà thi-nhân, đọc văn ông không muốn tranh danh đoạt lợi mà lại lo về cái chết và mong-mỏi ở tôn-giáo, tức ông an-ủi cái sầu cái khổ của ta mà không cho thuốc để bổ-cứu lấy. Ông ANATOLE FRANCE có tư-tưởng như một nhà triết-học, một nhà luân-lý-học, đọc văn ông ta phấn-chấn trong lòng, hết sầu, hết khổ, vì lòng dục-vọng cũng bớt. Ông cười đời mà tiếng cười của ông có triết-lý thâm-trầm, tiếng cười ấy có lẽ giống với tiếng cười của RABELAIS tiên-sinh về thế-kỷ thứ 16 mà cái nguyên-nhân của tiếng cười ấy không khác chi cái nguyên-nhân tiếng khóc lời than của ông PIERRE LOTI.

ANATOLE FRANCE tiên-sinh sanh năm 1844 tại thành *Paris* là nơi đã có sản-xuất nhiều bậc thiên-tài trong văn-học-giới nước Pháp như MOLIÈRE, VOLTAIRE, BÉRANGER, MUSSET. Nhà ông ở tại bờ sông

Seine, cha ông làm nghề bán sách. Ông France thuở nhỏ, mắt đã từng trông, đã từng làm bạn với nhiều quyển sách xưa. Bao nhiêu hình sắc tốt đẹp, lả-lơi, tài-tình đã gồm trong đời Thượng-cổ, đời Trung-cổ, đời Phục-hưng nước Pháp, bao nhiêu văn - minh hùng-dũng đời xưa của các nước Hi-lạp, La-mã, Ý-đại-Lợi, đã từng in một cái dấu - vết vô não-cân ông rồi. Bà mẹ là một người rất hiền-từ, thường đào-luyện mối tình-cảm của con và thường nói rằng : « Những chuyện thật-thà của mấy người vú thuật cho trẻ con nghe lắm khi cũng có vẻ thơ như những sách cao-kỳ của các nhà văn - sĩ vậy. » Ông từng dạo chơi trên bờ sông và mấy gian tiệm bên đàng, mai sau này ông không quên tả một cách rất tài-tình, rất đĩnh - ngộ trong mấy quyển văn kiệt - tác. Lục sách - vở xưa, học với người xưa, rồi cho mộng - tưởng mình mơ - màng phiêu-lưu bên cảnh-vật trước mắt, sống với cuộc đời bây giờ, yêu cuộc đời bây giờ mà còn nhớ đến cuộc ký-vãng, thường mơ-tưởng những văn-minh cổ, những lịch-sử xưa, ấy là lúc ấu-niên của ông Anatole France vậy. Hai điều làm cho ông chiêm-nghiệm hoài và sẽ tạo-thành cả nhân-cách ông về sau là thần-học (*théologie*) và cái triết-lý của thế-kỷ thứ 18. Cái chủ-nghĩa vô-thần của người hồi thế-kỷ thứ 18 và thiên-chúa-giáo có ảnh-hưởng đến cả tâm-lý ông, về sau có lẽ tư-tưởng của các nhà triết - học đã lấn cái huyền-bí của tôn - giáo cho nên ông mê Thiên - chúa giáo, biết thưởng-thức như một nhà mĩ - thuật, để ngắm xem những lễ - nhạc, đọc chuyện tích cổ của đạo rất nên thơ, mấy câu kinh giản - dị mà thâm - trầm, chớ ông không phải say mê như một người tín đạo. Đến 12 tuổi phải vô nhà thờ làm phép ông lấy làm lạ mà xét trong lòng bấy giờ là lúc bước chân quì gối nơi nhà thờ chúa kia, ông không có mối cảm-động ngậm-ngùi như bọn trẻ khác, song có say-mê ái-mộ cách trang-hoàng bề ngoài; ông không có lòng tín-ngưỡng đậm-đà từ lúc nhỏ vậy.

Lúc bây giờ nơi tiệm cha ông, những khách đi lại phần nhiều đều sinh lúc «Cách-mệnh» và triều hoàng-đế Napoléon. Hạng người này nay như thất-vọng, không có tánh lả-lơi, buông-lung, táo-bạo, hết dám đem chủ-nghĩa cộng-hòa của ông cha mà thực-hành, phần nhiều đã kinh-nghiệm qua nhiều cuộc gian - truân không chắc muốn cho loài người đồng bình - đẳng nhau mà khỏi đổ máu, nên cũng an lòng mà để cho tôn-giáo và đế-quyền dìu-dắt người bấy giờ. Ở gần những người như thế ông France cũng phải chịu ảnh-hưởng ý-kiến của họ ít nhiều.

Ông học trường *Stanislas*, nhưng không phải cố công học mài lưng rút cổ để thi như những bạn khác. Ông từng ghét thói bắt-buộc làm việc và học những chuyện không hợp với bẩm-tính của mình. Học chỉ mơ-mơ màng-màng để suy-nghĩ, ông không phải một cậu học-trò lười mà cũng không phải môn nào cũng đoạt được giải nhất. Lúc bấy giờ cái tinh-thần của văn-học Hi-lạp và La-mã ảnh-hưởng đến tâm-hồn ông vô-cùng. Đọc văn-học-sử Hi-lạp, không phải thời-kỳ hùng-biện và triết-học cảm ông, song là thời-kỳ thơ-ca của ông Théocrite. Văn-học-sử La-mã cũng không cảm ông mấy, song là thơ huyền-ca của ông Virgile và nhân-vật xã-hội đời bấy giờ. Ông thưởng-thức đời tiền-cổ cũng như ông thưởng-thức tôn-giáo, là theo một nhà mĩ-thuật để mắt xem những cảnh-sắc đẹp, để tai nghe những thanh-âm êm đềm nòa lẫn với cái hồn thơ của ông. Tóm-tắt lại thời văn-học Hi-lạp cổ và tư-tưởng của thế-kỷ thứ 18 đào - luyện tánh-tình ông France. Lòng tín-ngưỡng của ông không có đối với tôn-giáo, song ông nhờ có bẩm-tính một nhà mĩ-thuật, nên không đến nỗi ngạo-báng thánh-thần như các nhà triết-học thế-kỷ thứ 18, dù không tin ông cũng ái-mộ tôn-giáo, coi như nguồn cội của thơ và mọi vẻ đẹp khác.

Bước đầu làm văn là một bài khảo-cứu rất tinh-tường về nhà thi-hào ALFRED DE VIGNY. Ông yêu cái chủ-nghĩa vô-thần và cái ý-chí kiên-nhẫn của VIGNY tiên-sinh song yêu mà không theo vì ông rất ghét cái giọng buồn tiếng khóc chiến-miên của phái lãng-mạn. Ban đầu ông FRANCE làm ròng những thơ góp lại thành quyển « Thơ vàng » (*Poèmes dorés*). Đọc thơ ông thời biết ông có đủ tư-cách và một cái nhân-tài rất đặc-biệt của một nhà thi-nhân, không để về sau lại quay về tản-văn mà theo đến trọn đời. Ông GUSTAVE LANSON là một nhà phẩm-bình văn-chương có tiếng nước Pháp có nói rằng : « Ông FRANCE là một tay chân-thi-nhân. Nhà chân-thi-nhân thường trong cái cảm-giác, cái hồn thơ của mình, muốn lấy lời thơ để diễn tư-tưởng, làm thành một tiếng nhạc êm-điều để an-ủi linh-hồn, song bị niêm luật thơ nên khó tả cho hết đặng những tinh-ý cao-kỳ mà phải trở qua tản-văn. Ông FRANCE không làm thơ nữa nghĩa là biết trọng cái chức-trách của thi-nhân và biết trọng cái mĩ-thuật của mình vậy. Cho nên cứ đọc lịch-sử các nhà đại-văn-hào cổ-kim thời lúc bước đầu của sự-nghiệp văn-chương là thơ-ca cả. Có người giữ nghề thơ đến cả đời, có người phải trở qua tản-văn song trong văn xuôi bao giờ cũng có mùi thơ ngào-ngạt... » Nhà chân-thi-nhân không phải đợi làm thơ mới gọi là thi-nhân, có kẻ làm thơ cả đời mà không phải là thi-nhân, chỉ là một bọn thợ thơ để dùi mài đẽo gọt từng tiếng (hạng này nước ta ngày đã có nhiều!)

Năm 1881 ông FRANCE xuất-bản quyển *Le Crime de Sylvestre Bonnard*. Tả cái sự-trạng của một ông quan hàn-lâm già, chỉ say mê về mấy quyển sách xưa, ngày chi tối cứ ở trong thư-viện, cuộc sinh-hoạt như thế còn gì khô-khan, còn gì lạt-lẽo bằng. Thế mà ông FRANCE tả cái cuộc sinh-hoạt ấy rất tài-tình, ấy là lần thứ nhất mà người ta thấy nhà làm tiểu-thuyết lựa một cái cốt chuyện giản-dị như thế. Mới đọc sách ấy thời xem như không có thú-vị gì, song nếu ai đọc kỹ thời thấy có ý-vị thâm-trầm, tiềm-tàng ở trong các nhân-vật sách.

Cả sách ông FRANCE không có đoạn nào là than-thở liên-miên như ta đã từng thấy trong văn ông LOTI. Ông ANATOLE FRANCE là người theo chủ-nghĩa hoài-nghi (*scepticisme*). Cái phái hoài-nghi trong văn-học Pháp, người xướng ra trước hết cái chủ-nghĩa ấy là ông MONTAIGNE, thường không biết thương mến, yêu trọng, đeo đuổi theo vật gì cả. Nếu ta lấy lòng hoài-nghi mà đối với vạn-vật thời sao khỏi chán đời mà coi vũ-trụ như một khoảng rông mênh-mông, không bờ không cõi, thâm-đạm đìu-hiu, không có cái chi làm cho ta ghét mà cũng không chi làm cho ta yêu. Ông FRANCE có một cái quan-niệm rất cao-kỳ về vũ-trụ và loài người. Có người đọc văn ông không hiểu, cho ông làm ngã trí ngã lòng, có hại đến phần hồn độc-giả; song phần tôi thời đọc văn ông không buồn chi mà lại phấn-chấn trong lòng vô-cùng. Tư-tưởng của ông là một món thuốc bổ cứu cho kẻ nào bị đắm-đuối trong bể khổ vậy.

Ông gồm vũ-trụ và tình-cảm ý-kiến của loài người như một mớ hình-sắc biến-đổi luôn luôn, một mớ hình-sắc tuy không đời mà còn hoài, vì cái kia tàn mất thời có cái mới tiếp thế vào; muốn việc trên thế-gian này không chi là đời cả, ông rất thương thay cho những kẻ lầm mà than-thở rên-siết về kiếp sống này, tức ông đã nói : « Người ta phải sầu-khổ là vì muốn một cái gì không đặng mà buồn, hoặc được cái gì sợ giữ không đặng đời mà sầu, hoặc tưởng mình chịu một cái khổ mà sầu. Hãy bỏ những cái ảo-tưởng ấy đi thời bao nhiêu sầu-khổ cũng tiêu-tán. » (*Les hommes souffrent parce qu'ils sont privés de ce qu'ils croient être un bien, ou que le possédant ils craignent de le perdre, ou parce qu'ils endurent ce qu'ils croient être un mal. Supprimez toute croyance de ce genre et tous les maux disparaissent.*)

Trong vũ-trụ, những vật đã bày trước mắt ta không phải vật-chất, song là một mớ hình biến-đổi luôn, mớ hình ấy có khi hiện ngoài thế-gian, có khi hiện ở trong lòng thời thành tình-cảm và tư-tưởng. Cái tâm-hồn, cái cảm-giác của một người trong một lúc cũng tùy theo hình-sắc ngoài mà biến-đổi luôn luôn. Những tư-tưởng này ông đã diễn trong mấy quyển tiểu-thuyết nhân-vật của ông tả thường tự mình tạo ra cảnh-vật, nhân-vật và cảnh-vật thường hợp nhau như ở trong một cái khuôn hình, khác những nhà viết tiểu-thuyết đồng thời thường lấy cảnh-vật thiên-nhiên trước mắt để đào-tạo ra những nhân-vật, ấy cũng là một cái đặc-sắc của ông FRANCE, vì ông lấy ý mà cảm mình, chứ không phải dùng cảnh mà cảm mình. Người ta đều khác nhau, lúc xem hình-sắc của trời đất, như sắc tốt đẹp khuynh-thành của một người giai-nhân tuyệt-thế nào, thời không phải cảm-động cả loài người, song chỉ có ở trong tâm-não của người tinh-chung mà thôi.

Cứ theo tư-tưởng ông ANATOLE FRANCE thời cả trời đất, cả tuân minh ta đều là một mớ hình, đều là một làn bóng, một cái vang thoảng qua một lúc, không biết tắt mất giờ nào, thế thời ta sống để làm gì? Tư-tưởng này xét không khác thuyết «sắc-không» của đạo Phật. Tư-tưởng ấy có lẽ hại cho những người thấp trí không kịp suy-nghĩ chiêm-nghiệm cho thấu-đáo mà phải ngã lòng. Đời người đã không gì là đời thời ta cũng không nên hành-động cho gian-nan mà làm gì; đời người đã là một cuộc lao-động luôn luôn, thời sống để làm gì, có lẽ phải ngồi yên một chỗ mà ngắm xem những hình-sắc hoặc tốt-đẹp, hoặc xấu-xa, hoặc u-ám, hoặc sán-lạn đã bày ra trước mắt như một bức tranh luân-chuyển thay màu đổi sắc hoài. Mỗi người không phải có cái tài mĩ-thuật như ông FRANCE để góp-nhóp những bóng những vang của mắt mình đã trông thấy mà dủi-mải, chải-chuốt để diễn thành văn tuyệt-diệu đặng cho kẻ sau mình xem. Cuộc đời là một mớ hình thời ta cũng chẳng nên tranh đua mà làm gì, để ngồi mà xem. Nếu như thế thời cuộc tiến-hóa của nhân-loại cũng phải ngừng. Cảnh-vật của trời đất còn liên-tiếp nhau hoài cùng bể cả cùng non cao, cùng rừng rậm, mà loài người không tiến-hóa thời đâu có diễn đặng nhiều tấn kịch lạ-lùng đặng có một mớ hình mới cho nhà mĩ-thuật ghi nhớ, cho nhà triết-học chiêm-nghiệm mà cười. Ông ANATOLE FRANCE cũng có lòng ngờ cuộc tiến-hóa của nhân-loại: « Có nhiều người bây giờ chắc mình đã đến cùng đường văn-minh rồi. Có lẽ nói thế đặng an-ủi mình rằng hết đời này ắt tận-thế. Phần tôi thời tôi không thấy cái chứng nào rằng nhân-loại sắp suy-đồi. Tôi nghe người ta nói sự suy đồi, song tôi không tin rằng chúng ta đã đến văn-minh cực-điểm. Tôi tin rằng cuộc tiến-hóa của nhân-loại rất chậm-chạp và cách ăn thói ở của loài người đủ cách nhau một thế-kỷ cũng không khác nhau bao nhiêu. Song chúng ta thấy những cái biến-đổi nhỏ-mọn hằng ngày mà không thấy cái gì chúng ta còn giống với ông cha đời xưa. Đời đi rất chậm và người ta bắt-chước nhau rất tài. Buổi mai nhân đi ngang đường tôi thấy bọn thợ bồ cất nhà, khiêng đá không khác bọn tù-lệ đời xưa đã dựng thành *Thèbes* và thành *Ninive*. Tôi thấy đôi vợ chồng mới cưới ra khỏi nhà thờ, theo sau một đám bà-hàng chẳng có vẻ buồn chi mà làm lễ-phép của người xưa đã từng làm trước mấy thế-kỷ. Tôi thấy một người làm thơ đọc cho tôi nghe những thơ của anh ta đã làm và tưởng là tuyệt-tác lúc bấy giờ một tốp lính kỵ-mã chạy ngang qua, đội mũ sắc đồng giống như lính La-mã đời xưa, hoặc lính đã tả trong thơ ông HOMÈRE; ấy là bọn lính của chánh-phủ cộng-hòa bây giờ. Vừa thấy rồi, tôi mới biết rằng: Dưới bóng thái-dương này không có chi là mới lạ cả, nên tôi cũng không phàn-nàn mà chịu phục theo hình-luật bây giờ, kể từ đời xưa ông CÉSAR JUSTINIEN đặt ra cũng đã là cổ rồi. *(Beaucoup de gens aujourd'hui sont persua-*

dès que nous sommes parvenus à l'arrière fin des civilisations et qu'après nous le monde périra. C'est peut-être une sorte de consolation de se dire que l'univers ne nous survivra pas. Pour ma part, je ne découvre dans l'humanité aucun signe de déclin. J'ai beau entendre parler de la décadence, je n'y crois pas. Je ne crois pas même que nous soyons parvenus au plus haut point de civilisation. Je crois que l'évolution de l'humanité est extrêmement lente et que les différences qui se produisent d'un siècle à l'autre dans les mœurs sont, à les bien mesurer, plus petites qu'on ne s'imagine. Mais elles nous frappent. Et les innombrables ressemblances avec nos pères, nous ne les remarquons pas. Le train du monde est lent. L'homme a le génie de l'imitation. Ce matin, en passant dans la rue, j'ai vu des maçons qui bâtissaient une maison et qui soulevaient des pierres comme les esclaves de Thèbes et de Ninive. J'ai vu des mariés qui sortaient de l'église suivis de leur cortège et qui accomplissaient sans mélancolie des rites tant de fois séculaires. J'ai rencontré un poète lyrique qui me récite ses vers qu'il croit immortels, et pendant ce temps des cavaliers passaient sur la chaussée, portant un casque, le casque des légionnaires, le casque en bronze clair des guerriers homériques. Ces cavaliers étaient des gardes républicains. A cette vue, j'ai murmuré : « Rien de nouveau sous le soleil ! » Et je ne m'étonnai plus de subir des lois civiles qui étaient déjà vieilles quand César Justinien en forma un corps vénérable.) — Nói thế không phải chê kẻ đồng-thời, song vì lòng hiếu cổ. Chúng ta sống bây giờ là nhờ sự-nghiệp của tiền-nhân. Có thể mượn lời ông RENAN mà nói ông FRANCE rằng : « Những người thực yêu sự tiến-bộ, buổi đầu đều là người kính-trọng cuộc kỷ-vãng lắm » *(Les vrais hommes du progrès sont ceux qui ont pour point de départ un très profond respect du passé).*

Tư tưởng ông FRANCE có chỗ làm cho ta buồn mà cho ông là một người yếm-thế đã từng chua cay với thế-tục mà thốt ra. Song ông FRANCE nói thật-tình mà ông không buồn chi. ông thấy người đời có nhiều cái ảo-tưởng nên phải sinh sầu sinh chán. Cái buồn của loài người không chắc là đáng buồn, cái vui cũng vi-tất là đáng vui. Cuộc đời như giấc mộng song một giấc mộng dài không biết tỉnh ngày nào, thời kẻ triết-nhân quân-tử gặp nghịch-cảnh cũng chẳng nên buồn vì cảnh ấy không phải còn hoài, gặp thuận-cảnh cũng không đáng gọi là hạnh-phúc vì hạnh-phúc ấy không phải là đời. Ta nên theo ông FRANCE lấy mắt nhà mĩ-thuật mà xem đời. Đời người càng dời đổi bao nhiêu, cuộc bể dâu càng biến-cải bao nhiêu, đời người càng có vẻ đẹp, càng nên thơ bấy nhiêu. Một nhà mĩ-thuật nên ngắm xem, tìm kiếm cái « đẹp » của vũ-trụ để ái-mộ mà ca-tụng vậy. Ông GUSTAVE LANSON có nói rằng tư-tưởng ông FRANCE không phải tư-tưởng yếm-thế, song nếu đem lên dựng thành một cái thuyết (*un système*) thời không nên. Chính ông FRANCE cũng không buộc người phải theo tư-tưởng hoài-nghi mình. Ông là một nhà làm trường-thiên và đoản-thiên-tiểu-thuyết. Cái quan-niệm về vũ-trụ, về đời người ấy để cho những nhân-vật đã mô-tả trong sách đối-đáp phẩm-bình với nhau, cho nên kẻ nào đọc văn ông nếu không muốn kiếm cái triết-lý cao xa của ông, cũng đủ vui lòng càng muốn đọc, vì lời ăn tiếng nói rất dĩnh-ngộ, khôn-ngoan vô-cùng. Ông ANATOLE FRANCE không phải là nhà triết-học chuyên-môn dựng một cái thuyết-hệ gọi là một cái chân-lý đáng theo, ông đã từng nói rằng cái chân-lý, vi-tất loài người đã tìm đặng, muôn việc của loài người đều sai-lầm không nhiều thời ít. Khoa-học cũng không nên chắc mình rằng tìm đặng cái chân-lý. Ông chỉ muốn an-ủi, bày rõ mấy cái ảo-tưởng của loài người như một nhà luân-lý-học, song bày một cách rất tài-tình, rất dĩnh-ngộ, chớ không phải buồn cười, và muốn cho người tìm kiếm một cái phương-pháp để ở đời cho khỏi khổ. Ông nói rằng : « Tôi càng

nghĩ đến sự đời lại càng tưởng nên phải lấy sự trào-phúng và sự bi-thương làm chủ và làm chứng cho đời người, sự trào-phúng và sự bi-thương là hai bạn tốt lắm; một bên cười làm cho đời người đáng yêu, một bên khóc làm cho đời người đáng kính. Sự trào-phúng của tôi gọi đây không phải là ác. Nó chẳng ngao ái-tình và cái chi tốt đẹp, vì nó êm-ái và hiền từ. Tiếng cười nó làm cho ta không giận ai và nó dạy ta khinh bọn hung-dữ và bọn ngu. Nếu chẳng có sự trào-phúng thời ta ha mình mà oán bận bọn ấy.» (*Plus je songe à la vie humaine, plus je crois qu'il faut lui donner pour témoins et pour juges l'Ironie et la Pitié. L'Ironie et la Pitié sont deux bonnes conseillères: l'une en souriant nous rend la vie aimable; l'autre qui pleure, nous la rend sacrée. L'Ironie que j'invoque n'est point cruelle. Elle ne raille ni l'amour, ni la beauté. Elle est douce et bienveillante. Son rire calme la colère et c'est elle qui nous enseigne à nous moquer des méchants et des sots, que nous pourrions, sans elle, avoir la faiblesse de haïr*).

Ông càng tin rằng từ-bi bác-ái là cái hoa tốt của tấm lòng người. Tuy biết rằng thảy thảy đều là ảo-tưởng trên thế-gian này, song nếu ta chỉ cười hoài, không thương tiếc ai, luyện lòng như sắt đá, thời nhân-loại phải ra thế nào?

«Ngày giờ càng qua càng làm cho người lạnh những tình-cảm rất nồng-nàn. Nó làm cho ta bớt biết khen yêu, vì nó làm cho ta hết lấy làm lạ; nó làm cho ta hết ái-tình, lòng tín-giáo và lòng hoài-vọng, nó biến-đổi cùng làm hư những đức-tính thật-thà, song xin nó đừng làm cho ta mất lòng bi-thương, đặng cho lúc già ta khỏi như phải chôn trước xuống hang tối. Cũng bởi lòng từ-bi bác-ái cho nên người ta mới đáng gọi là người. Chẳng nên đổi ra lòng sắt đá. Hãy biết thương cho bọn yếu hèn bị hiếp-đáp và bọn sung-sướng trên đời nầy vì đã có định trước rằng: «Rất khốn-hại thay cho kẻ nào cười hoài!» Hãy chia phần đau-đớn với kẻ bị sầu-khổ.» (*Le temps, dans sa fuite, blesse ou tue non seulement les plus ardents et les plus tendres. Il affaiblit l'admiration en lui ôtant ses aliments naturels: la surprise et l'étonnement il anéantit l'amour et ébranle la foi et l'espérance, il défleurit, il effeuille toutes les innocences. Du moins qu'il nous laisse la Pitié, Afin que nous ne soyons pas enfermés par la vieillesse comme dans un sépulcre. C'est par la pitié qu'on demeure vraiment homme. Ne nous changeons pas en pierre. Ayons pitié des faibles parce qu'ils souffrent la persécution, et des heureux de ce monde parce qu'il est écrit: «Malheur à vous qui riez!» Prenons la bonne part, qui est de souffrir avec ceux qui souffrent*).

Toàn-thiên sách ông FRANCE không có trùng-trùng điệp-điệp như phần nhiều mấy nhà văn-sĩ đồng-thời. Trừ quyển *Le Livre de mon ami* («Quyển sách của bạn tôi») và quyển *Pierre Nozière* là hai quyển ký-ức lúc ấu-niên của ông còn bao nhiêu là trường-thiên và đoản-thiên tiểu-thuyết cả. Những nhân-vật ông có một cái tính-cách này rất đặc-biệt, là những ý-kiến, những lời bình luận cùng nhau thường làm cho ta ngạc-nhiên mà suy-nghĩ vô-cùng. «Người ta có lài bắt chước nhau», như lời ông nói: cái chi dư-luận cho là đẹp, là qui, là hợp với luân-lý, những nhân-vật ông FRANCE tả thường cho ta thấy rằng những dư-luận ấy không phải là tuyệt-đối, song phải tùy-thời, tùy cảnh-ngộ, những tư-tưởng hoặc ý-kiến của phần đông người đã công-nhận là đúng có lắm lúc sai-lầm. Đọc sách càng phải hoài-nghi mà ta càng hoài-nghi càng bớt lòng dục-vọng, càng bớt sự đau-khổ. Nếu nhân-loại mà biết những điều tham-lam của mình đều là không đáng chi làm cho bận lòng, thời chắc bớt cấu xé nhau, bớt thói ích-kỷ mà xã-hội có lẽ đặng êm-ái thêm hoài. Ông đã từng nghĩ rằng khoa-học càng tiến-bộ càng tăng cái lòng ham muốn của loài người,

càng làm cho xôn-xao thần-trí mà không tìm đặng cái chân-lý đáng theo; sử-học càng trải qua bao nhiêu thời-đại, càng chép thêm nhiều cuộc tang-thương, càng chất thêm những ảo-tưởng vô-lý, những sự-nghiệp nhất-thời và những cái phú-quí phù-vân của loài người.

Ấy cái quan-niệm của ông ANATOLE FRANCE về cuộc đời là thế. Tư-tưởng ấy dù chính-đáng, dù có bổ-ích hoặc có hại cho cuộc lao-động hằng ngày của ta, là tại ta không kịp suy-nghĩ và biết lợi-dụng cái triết-lý của ông FRANCE mà thôi. Có lẽ ông là hoài-nghi, là yếm-thế, mà yếm-thế bằng tiếng cười thôi, khôn-ngoan biết dường nào; — nhưng cái chủ-nghĩa của ông không phải làm cho ta phải khổ thân, phải hờn trời, phải oán cảnh-vật ở chung quanh ta như ông ALFRED DE VIGNY, cũng không phải là một cái buồn chiền-miên, nao-nao trong lòng hoài như ông PIERRE LOTI, song là một tiếng cười có triết-lý, cái vui của một nhà mĩ-thuật biết cảnh-vật và tình cảm không đời, song vẫn yêu cái « đẹp » của nó vậy.

Những sách của ông ANATOLE FRANCE là: *Thaïs* (xuất bản năm 1890); *Le Puits de Sainte Claire* (1895); *Balthazar* (1889), tiểu-thuyết về tôn-giáo và phong-tục của đời Thượng-cổ và Trung-cổ bên Âu; — *Jocaste et le Chat Maigre* (1879), *L'Etui de Nacre* (1892), *La Rôtisserie de la Reine Pédauque* (1893), *Les Opinions de M. Jérôme Coignard* (1893), *Le Lys Rouge* (1895), trường-thiên và đoản-thiên tiểu-thuyết về đời Trung-cổ nước Pháp, những nhân-vật đã tả là biểu những ý-kiến của ông FRANCE và cái quan-niệm của ông về luân-lý và triết-học; — *Le Jardin d'Epicure* (1895), sách góp những tư-tưởng của ông về vũ-trụ và nhân-loại *Le Crime de Sylvestre Bonnard*, *L'Orme du Mail*, *l'Anneau d'améthyste*, *Monsieur Bergeret à Paris*, tiểu-thuyết về xã-hội và phong-hóa đời bây giờ.

NGUYỄN MỤC-TIÊN (Nam-kỳ)

CÂU CHUYỆN VĂN-CHƯƠNG

Một ngày Phan-sinh từ Hà-thành về, vào bái-kiến nghiệp-sư là Trần tiên-sinh. Tiên-sinh vốn là một nhà cựu-học, đạo-học yêm-bác, nghĩa-lý tinh-vi, không thiết gì công-danh tước-lộc; tiên-sinh thường nói học là cốt để cho thông-hiểu nghĩa-lý, biết cách tu-thân, nếu học chỉ để ra làm quan mà cầu lợi-lộc, thì đạo-đức thánh-hiền chẳ hóa ra rẻ lắm ru. Tiên-sinh đã nhiều tuổi lắm, từ lúc Hán-học suy-đồi, tiên-sinh đóng cửa ở nhà, lấy đạo-lý dạy con cháu, đối với người rất là khoan-hòa, mà tự-xử rất là giản-ước, mình là một ông đồ già, mà giữ-gìn như một người con gái, một đời chưa từng làm sự gì trái với danh-nghĩa; ấy đại-khái cái tiết-tháo tiên-sinh như thế.

Phan-sinh vừa lóm-khóm vào đến cửa, tiên-sinh trông thấy hỏi ngay: — Ủa! Anh Phan, lâu nay thầy không gặp, làm nghề-nghiệp gì? Học-hành có tấn-tới không?

— Lạy tiên-sinh, từ khi con từ-giã tiên-sinh mà đi Hà-thành, xa nơi giảng-trường, vắng-vẻ xuân-phong, cái chân-dung tiên-sinh thường như mơ-màng trước mắt, mà những lời nghiêm-huấn còn như văng-vẳng bên tai con vẫn mong rằng được luôn luôn xu-bồi ở nơi hàm-trượng, mà nghe những lời nghiêm huấn của tiên-sinh, song thời-thế bắt-buộc

công việc chiến-miên, muốn chẳng như lòng con thực lấy làm băn-khoăn lắm, xin tiên-sinh tha lỗi cho.

— Vậy thế bây giờ anh làm gì ? Hỏi thăm có khá thầy cũng mừng cho.

Lạy tiên-sinh, nay con tuổi còn măng sữa, chưa trải việc đời, đem thân ra đứng giữa trần-ai, thế-đồ ngoắt-ngoéo, mà xa cách minh-sư, thì nào ai là người chỉ lối đưa đường, làm ruộng không biết cầy, đi buôn không có vốn, vậy cái điêu-trùng tiểu-kỹ con cũng phải đem ra mà gọ-gẫng với đời, trước là để tiêu-dao ngày tháng, sau nữa cũng là một cách sinh-nhai hồ-khẩu trong cái buổi đời văn-minh bác-tạp này; vừa rồi con mới xuất-bản quyển sách nhỏ này, xin đưa trình tiên-sinh phủ-chính lại, hoặc có sai - lầm, xin tiên-sinh chỉ-giáo cho.

Trần tiên-sinh nghe đoạn, chưa kịp cầm sách xem đã lắc đầu quầy-quậy mà bảo rằng:

— Nguy lắm ! Nguy lắm ! ta lấy làm nguy cho anh lắm ! Ta lấy làm lo cho hậu-vận văn-chương nước nhà lắm ! Văn-chương mà đến nỗi đem làm nghề buôn-bán, thì cái văn-chương ấy hẳn không còn có giá-trị gì nữa.

« Văn - chương là gì ? Văn - chương là cái tinh-hoa của trời đất, là cái công-lý của nhân-gian, rất có quan-hệ cho xã-hội, cho nhân-quần, vậy nên các bậc thánh-hiền đời xưa từng đem cái văn-chương mà tham-tán hóa-dục cho trời đất, mở-mang trí-não cho nhân-loại, ấy cái mục-đích văn-chương cao-thượng là thế, cái công-hiệu văn-chương to-tát là thế, thế mới là cái văn-chương có giá-trị đáng làm tiêu-chuẩn cho thiên-hạ đời sau. Các bậc thánh-hiền sản-xuất ra những áng văn-chương tuyệt-thế ấy, các ngài có cầu cho ai biết đâu. Kia như kinh *Khả-lan* của ông Ma-Cáp-Mặc, có đem mà báu rao đâu, sao người ta sùng-bái hâm-mộ lan khắp một phương cầu ? Sách *Đạo-đức-kinh* của ông Lão-tử có đem mà rao hàng đâu, sao sách này đã mấy nghìn năm người ta còn hâm-mộ như thế ? Cũng bởi cái văn-chương của các ông, nó chỉ có cái chủ-nghĩa sâu-xa là duy-trì nhân-đạo, mở-mang dân-trí, chứ không có cái chủ-nghĩa kỳ-khôi như anh đã nói vừa rồi.

« Anh chắc hẳn còn nhớ đức Khổng-tử khi làm xong kinh *Xuân-thu*, ngài có nói một câu rằng: *Tri ngã giả kỳ duy Xuân-thu hồ ! Tội ngã giả kỳ duy Xuân-thu hồ !* Ấy ngài là bậc đại-thánh-nhân mà đối với một sự văn-chương hãy còn trịnh-trọng như thế. Ôi ! thế thì văn-chương há là việc bỡn đâu ! Ta nhân đó biết ông thánh-nhân làm ra văn-chương chẳng qua là vì thế-đạo nhân-tâm, tuyệt không có một chút tư-ý gì vào đó, sở-dĩ thành một áng văn-chương không-tiền tuyệt-hậu, dẫu đến nay đã cách mấy nghìn năm mà vẫn còn như bóng thu đương chói-lọi trên không-gian.

« Sau đó tuy cũng có nhiều nhà trước-thuật mà ý-kiến mập-mờ, chẳng qua như đám mà-trơi đom-đóm, là vì ý-kiến không chính-đáng, đạo-học không cao-minh, chỉ lấy ý riêng mà xuyên-tạc đi. Than ôi ! Hai chữ văn-chương nghĩ cũng khó thật.

« Nước ta từ lúc Hán-học bất-hành chi-hậu thì cái cổ-văn-chương nho-học đã hầu bị cuốn vào trong lớp sóng dồi phong, thì văn-chương quốc-âm phát-siển ra chính là thời-kỳ đó vậy. Ta là người nước Nam, ta há chả mong cho văn-chương nước Nam được thịnh-vượng sao, cứ mỗi một quyển sách ra đời thì lại làm cho ta vui-vẻ trong lòng, ta rất là người ham đọc sách, nhà tuy nghèo nhưng tiền mua sách vẫn không bao giờ thiếu, vả chăng cái giá-trị quyển sách vài ba hào thì cũng dễ kiếm ; vậy nên hầu hết các sách xuất-bản không quyển nào là ta không xem, nào tản-văn, nào vận-văn, nào kịch-bản, phần nhiều là những văn-chương thích-cảnh di-tình, ngâm-phong lộng-nguyệt, về cái phong-lưu nhã-vận của các ông, thì có phần rồi-rào thật, nhưng ta thiết-tưởng nếu các ông bớt công ấy ra mà nghiên-cứu dịch-thuật những sách khoa-học, triết-học Đông-Tây để bồ-cứu vào cái nền giáo - dục quốc-dân hãy còn đang khuyết-điểm này, thì cái sự - nghiệp của các ông há chẳng lớn-lao lắm ru ?

« Tuy vậy, sách của các ông, ta xem ta đọc dù hay dù dở, ta chưa dám vội phán-đoán, mà lòng ta vẫn lấy làm mừng. Ta mong rằng có một ngày kia, từ đứa ngu-đồng mục-tử cho đến người đã-lão tiều-phu, đều biết xem sách cả, mà các bậc văn-nhân trong nước sẽ xuất-hiện ra đông-đúc hơn ngày nay, các nhà thư-quán nước ta sẽ được phong-phú như các thư-viện của Thái-Tây, của Trung-hoa kia, thì ta lấy làm mừng lắm. Cái hi-vọng ấy còn xa lắm, nhưng cũng có một ngày kia sẽ đến được, ta kỳ-vọng cho các ông

văn-nhân sau này, nhưng ta xin các ông giữ một cái chủ-nghĩa cao-xa mà bỏ cái tư-tưởng cận-lợi đi, thì mới có thể đạt tới mục-đích được. Vì sao ? Cái nghề buôn văn bán chữ là cái nghề sinh-nhai của các ông, chính các ông cũng tự nhận như thế ; nhưng các ông phải biết cái khí-nghệ của các ông tốt hay xấu có một cái ảnh-hưởng rất quan-hệ cho người dùng, vậy xin các ông nghiên-tinh đàn-tứ mà chế-tạo ra một thứ đồ hàng cho thật tinh-xảo, đừng có thấy những thứ hàng thông-thường dễ bán mà đua nhau làm giả - dối, về cái cận-lợi của các ông thì có phần dễ chịu thật, nhưng cái lợi-hại của nhân-quần há các ông lại không nghĩ đến sao ? Cái danh thơm thiên-cổ của các ông, há các ông lại không tưởng đến hay sao ? Đã ghi tên vào trong một quyển sách, ấy tức là phô bày cái tâm-não của mình cho thiên-hạ, in cái tinh - thần diện - mạo cho đời sau ; tốt xấu thơm ô ở đó, khen chê cười mắng cũng ở đó. Ta khuyên các ông, ta kỳ-vọng cho các ông, đường tiến-bộ còn dài, công trước-thuật các ông nên cố gắng đi... »

Phan-sinh nghe lời thầy nói, rón-rén thưa rằng :

— Lời tiên-sinh chỉ-giáo, con xin ghi lòng tạc dạ không bao giờ quên, từ rầy về sau, không dám coi văn-chương là một sự du-hí nữa.

BÙI ĐỨC-TRIỆU

MỘT BÀI PHÚ CỔ

Đàm-tục phú

(Độc-vận)

Nhân-tình ngẫm lại nực cười ;
Thế-thái coi mà chán ngắt !
Hay đường lá mặt, chẳng nghĩ sâu nông ;
Không biết tùy-cơ, cũng đòi học-hặc.
Phương-ngôn lời nói hãy rành-rành ;
Thế-tục miệng cười còn sằng-sặc.
Muốn những ăn chơi ;
Toan làm huếch-hoác.
Sắm-sửa bộ trong ngoài nề-nếp, tưởng là quen giải dạ, lạ giải áo, ra đường gọi những ông chiêu ;
Ăn đủ mùi sớm tối ngon lành, nghĩ đâu giàu làm kép, hẹp làm đơn, ngẫm bộ thực là bợm xác.
Đồ chơi dùng những của lâu ;
Vẻ mặc chuộng tinh thức khác.
Tấp-tểnh dép da giầy cóc, theo thói quan-viên ;
Nghênh-ngang quần lượt áo là, giữ nền đài-các.
Khoe-khoang chồng chả vợ nem ;
Dũng-dỉnh cha tiền mẹ bạc.
Vênh-vang mắt khách, ra đường muốn những thề đàn anh ;
Bỏm-bẻm râu dê, cất tiếng đòi làm con nhà bác.
Trà chuyên chén mẫu, giả bậc phong-lưu ;
Giầu chục thuốc phong, kề làm cách-thức.
Ở nhà toan những chuyện đường-hoàng ;
Ngẫm bộ lại nhiều điều nhếch-nhác.
Lâm đến việc buộc cổ mèo treo cổ chó, tích nọ gọi tích kia ;
Tới đồng tiền giật đầu cá vá đầu tôm, nố sau cào nố trước.
Trông gương của-cải xác vờ ;
Ngẫm chốn tư-cơ hình-hạc.
Những tưởng là đặt lửa lửa đỏ, đặt cỏ cỏ cháy, coi không đồng bạc đồng tiền ;
Có lo chi đời cua cua máy, đời cáy cáy đào, đâu có tiếng chi tiếng bấc.
Trong nhà rỗng đít bụt, đôi giọng huyênh-hoang ;
Ngoài hình xác tù ve, ra màu khuếch-khoác.
Khi giao-du tưởng bạn giàu sang ;
Tình khu-xử nhiều điều nhếch-nhác.
Voi đủ chuột-chù cũng đủ, nồng-nàn kéo lũ kéo đàn ;
Thuyền đua bánh lái cũng đua, táo-tợn chạy xuôi chạy ngược.
Không biết liệu cơm gắp mắm, tưởng những khôn ngoan ;

Lại đòi kén cá chọn canh, tìm đường kiếm-chác.

Chẳng biết ăn có nhường nơi, chơi có nhường chốn, thấy sang quàng làm họ, lâu-lóc nửa đêm gà gáy, miệng răng-ca bày đường nọ đường kia ;

Nào hay người nàm bảy đấng, của năm bảy loài, đem cú đọ với tiên, kẻ-cà chập tối chiều hôm, mép vẽ-vọt kể từng họ từng mạc.

Đến cuộc đốc lòng lấy lợi, được thì vơ thua thì chịu, dở giọng anh-hùng rơm ;

Rủ nhau lập mẹo ăn người, mềm thì nắn rắn thì buông, coi người như cái rác.

Không biết người có nhường người, của có nhường của, cớ sao coi mỡ cũng như dầu ;

Nào suy khá ăn phận khá, hèn ăn phận hèn, toan những chộn xương vào với nạc.

Hễ mà đắc-ý, nhỏ to dỏng-dảnh khắp anh em ;

May được điều khôn, huyễnh-hoáng om-thòm cùng làng nước.

Không suy đến một mặt người mười mặt của, giữ lấy bẩn-hoi ;

Nào nghĩ ra được lòng đất mất lòng đó, làm chi bạc-ác.

Thấy người hèn chen chân mà lấy, ra ý khôn đây.

Biết ai khá lăn sả vào nhà, khoe rằng cứng dắc.

Đường danh-lợi đành chịu tiếng mặt dầy ;

Nền lễ-nghĩa thấy ra tình mất nhác.

Dại nào có giống, bút sa gà chết, đồng tiền liền với ruột, ai nề được lời ;

Khôn ấy bằng ai, cốc mò cò ăn, cờ bạc bác thằng bần, ai đâu dám chắc.

Khi có chén miệng như tép nhảy, nói-năng ra tiếng vênh-vang ;

Lúc không mồi mặt nặng đá đeo, lời lẽ toan điều khích-bác.

Lâm đến tiệc, tay đũa liền tay chén, xem tư tham-lam ;

Ra ngoài đường, chân nam đá chân siêu, lên hơi hục-hặc.

Khất-khưởng nửa say nửa tỉnh, xem tình giọng muốn ù-ờ ;

Lờ-đờ giả dại giả khôn, giở giọng tiếng ra thắc-mắc.

Chẳng được ăn đạp đổ dằng co ;

Lại đem giọng nói chúm tức-khắc.

Chốn hương-đảng những toan ẻo-oẹ, chích vào rừng ngẩn-ngẩn ngơ-ngơ ;

Mối cương-thường nào biết ít nhiều, vịt nghe sấm ù-ù cạc-cạc.

Ý muốn bới bèo ra bọ, giở giọng kiếm ăn ;

Những toan sịch cỏ đuổi hươu, ra tình cới tác.

Đến điều lý-sự nát như tương ;

Ngẫm chữ văn-chương đen như mực.

Có lúc rồi-rái ngóc-ngách, ra hàng nước, rung đùi nói khoác làm mặt thông-minh ;

Có khi ngúc-ngắc học-hành, lên việc làng giương cổ chê-bai khoe minh công-đức.

Nghĩ trong đời tưởng đã khôn-ngoan,

Suy đến lẽ lại càng ngơ-ngác.

Chủng-chẳng như bàu-dục chấm nước cáy, muốn bậc kinh-luân ;

Lẫm-cẫm như khối đất ném ao bèo, toan bề thao-lược.

Chuyện đóng một, nói chẳng nên câu ;

Nói chàng mười, đo không đầy tấc.

Chẳng biết lớn đầu to cái dại, ra mặt nhố-nhăng ;

Lại toan cả vú lấp miệng em, buông lời thét-lác.

Cũng có kẻ theo đạo thánh, dạy một đường ra một nẻo, ý không suy mang tiếng học-hành ;

Lại có người đội ơn vua, thờ hai chúa ở hai lòng, bụng như thế hồ người chức-trước.

Khéo lạ thay tạo-vật đa-đoan ;

Gớm-ghê nhỉ nhân-tâm nan-trắc.

Không biết ăn cây nào rào cây ấy, đã được thế nọ tưởng thế kia ;

Những là tham con diếc tiếc con đò, lại đứng núi này trông núi khác.

Ấy những người chẳng được tinh-thông ;

Ấy những kẻ hãy còn ngơ-ngác.

Giống dại kể sao cho xiết, dại chẳng ai ưa ;

Người khôn để đấy mà nhờ, khôn nên bắt chước.

Cũng có người :

Chơi bời phải thể, không có cầu-kỳ ;

Ăn nói lựa lời, đâu còn tự-đắc.

Người vẫn nói tốt danh hơn lành áo, như thế mới sâu ;

Đời thường chê xanh vỏ thì đỏ lòng, cũng đừng nên sắc.

Suy mình xấu đừng làm tốt, dốt đừng nói chữ, giữ lấy thường-hành ;

Ở đạo khôn người ta giái, dại người ta thương, cứ trong phép-tắc.

Chọn anh em làm bầu làm bạn, khó ăn phận khó chớ có đọ chi ;

Trong người ta là nghĩa là tình, giàu mặc người giàu ghen sao cho được.

Nhắc tay hay đa, nặng nhẹ biết ngay ;

Trông mặt đặt tên, khá hèn đã chắc.

Cũng có lúc chơi - bời phóng-tứ, đất có tuần, dân có vận, được ăn thua chịu, tài-thượng phân-minh ;

Dầu gặp khi đen đỏ từng canh, ăn cho đều, kêu cho sòng, nhất nọ nhì kia, tâm-trung chính-trực.

Chẳng được ăn lăn lấy vốn, tính chớ tham-lam ;

Đừng có ít xuýt ra nhiều, lời không bịa-tạc.

Nhường lúc chè chè rượu rượu, chớ giọng lè-phè ;

Dầu cơn nói nói cười cười, giữ lời chất-phác.

Say-sưa phải giữ, đất có lề quê có thói, đừng nết kè-cà ;

Cần-rỡ làm chi, miếng khi đói gói khi no, ở cho đứng mực.

Nghĩa làng nước anh em nội ngoại, chẳng qua giữ đạo phải chăng ;

Tình bà con họ-mạc xa gần, gì hơn lấy điều hòa-lạc.

Thế này mới khá, sống ở làng sang ở nước, người ấy mới nên ;

Đừng chắc làm khôn, mạnh về gạo bạo về tiền, qui chi mà nhặng.

Kẻ đi học làm ba tấm chữ, giữ lấy cương-thường ;

Người làm quan một bụng thờ vua, để lưu bang-quốc.

Ở đâu âu đấy, phải giữ một niềm ;

Phận khá đã đành, lọ là trăm chước.

Mới biết là trong là đục, đã có kém hơn ;

Cho nên dầu phải dầu chăng, thử đem cân nhắc.

Lược các truyện những người chưa bợm, theo quốc-âm diễn phải chẳng mà xem ;

Lựa mấy lời mọi ý cho hay, tập khách-ngữ dẫu khen chê cũng mặc.

NGUYỄN HỮU-KHOA *sao-lục.*

MẤY ĐIỀU KHUYẾT-ĐIỂM Ở TRUNG-KỲ (1)

Đứng về phương-diện chung và cứ bình-tình mà xét hình-thế cả tam-kỳ thời thấy xứ Trung-kỳ đẹp hơn cả. Trước mặt có biển Nam-hải, sau lưng một dãy bình-phong chắc-chắn. Nhớ đến câu : *Hoành-sơn nhất đới, vạn đại dung thân*, vừa vui-mừng, vừa tư-tưởng, nhớ đến thời quá-vãng mà phải nghĩ tới tương-lai. Song xét về từng phương-diện riêng thời xứ Trung-kỳ ta còn nhiều điều khuyết-điểm quan-trọng, sánh với hai xứ Nam Bắc thời ta thua. Sự thua sút ấy tưởng một lẽ vì dân ta chưa « trị » được tạo-hóa theo như nghĩa lý-tài-khoa, nghĩa là không biết lợi-dụng những vật-chất tạo-hóa phú cho mình, do bởi sự ít ham làm việc ; hai là dân-trí chưa được mở-mang, không thích làm việc chân tay, chỉ ưng nhàn-du, chơi-bời, hoặc tòng-sự nơi công-thự cho được thảnh-thơi.

Xem như về đường nông-lâm thời đủ biết dân nghèo. Đi đường trong Nam-kỳ thấy hai bên bờ chả chỗ nào

(1) Chú-ý tôi viết bài này không phải để công - kích gì ai, hoặc khích-bác hạng người nào, và cũng không dám lạm bàn đến quốc-sự ; nhưng vì thấy nông công thương xứ mình chậm tiến, phải nhường bước cho các xứ khác ở nước mình, nên cầm bút phác sơ-lược ra mấy cái vấn-đề thiết-yếu để các nhà có nhiệt - huyết trung-ái lâm-duyệt, họa may có bổ-ích cho quốc-dân chút nào chăng. Lời-lẽ tóm - tắt không được chải-chuốt xin độ-giả lượng thứ cho. — *Tác-gia chú.*

là không xanh ngắt một mầu, ruộng-nương bề-bãi, nào trại, nào dãy, trồng trọt khắp nơi, chẳng chỗ nào bỏ trống cả. Thế mà theo đường bộ từ Đông-hà trở vào Bình-thuận Khánh-hòa, trừ một vài tỉnh ruộng nương « cò bay thẳng cánh », còn phần nhiều xứ thật là một bãi sa-mạc, không thấy bóng người. Nào có phải núi non cả đâu! Những đồi-núi với bãi đất mầu-mỡ thế là các xứ họ lợi-dụng hết, mà mình lại bỏ hoang, không chịu cày-cấy, mở-mang. Giản-hoặc một vài tỉnh có ruộng xanh, nương rậm, cũng đáng mừng, nhưng các nông-gia vẫn giữ thói xưa chưa biết dùng hóa-chất chăm bón cho ruộng được phi-nhiêu hơn, dùng vật-hạng mới cho được lanh chóng, đã khỏi tốn thời giờ lại ít hao-tốn. Nông-gia còn câu-nệ theo lối cổ, không biết châm-chế theo lối mới cho công việc dễ-dàng mà kết-quả hoàn-toàn vậy. Những nông-chủ trong Nam-kỳ hợp cổ-phần chung nhau giúp sức để khai-khẩn làm lụng với nhau, nên họ khai-lập được nhiều nhà máy gạo to lớn quan-trọng. Ngó đến xứ mình, ai lo phận nấy; một mẫu năm bảy sào cũng ráng công mà chẳng hưởng hoa-lợi mấy chút. Dù có lợi đi nữa thời lúa gạo mình nào có được dùng cả đâu, vì không người biết vận-tải nên người Hoa-kiều chiếm-đoạt một phần lớn, kỳ tàu Hương-cảng Thượng-hải lại các bến An-Nam thời ít ra tải đi cũng vài ngàn tạ gạo. Xem như vậy thời nông-gia phải đồng-tâm hiệp-lực, người ít kẻ nhiều hợp lại (*syndicats agricoles*) mới mong tranh quyền với Hoa-kiều nổi. Coi chừng phấn-chấn, sẽ hùn vốn lập « Điền-thổ ngân-quĩ » (*Credit foncier*) để khi lỡ thiếu, giúp tiền nhau mở-mang sự-nghiệp, khỏi phải nửa chừng vỡ nợ tan nát. Tổ-chức thêm cuộc Đấu-xảo-canh-nông hằng năm (*concours agricoles*) để khuyến-khích dân mỗi ngày mỗi gắng công cho nghề nông được thêm thịnh-lợi.

Về canh-nông thời chẳng lấy chi làm hơn các xứ khác được, gọi là khỏi đói-khát như mấy năm trước thật hại cho nòi giống, thiệt-thòi đến quốc-gia.

Xét về thương-mại lại tệ quá. Suốt dọc xứ Trung-kỳ, các tỉnh nhỏ không nói chi, chớ như Kinh-thành là một nơi đô-hội lớn cũng chẳng có tiệm người Nam nào nguy-nga có thể gọi một nhà hàng cho đúng nghĩa được. Cũng có năm ba cửa hàng tạp-hóa vặt-vãnh của ta, nhưng chẳng lấy chi làm đắc-ý, so-sánh với nơi khác thời chả thấm vào đâu. Những nhà tư-bản lớn kể cũng nhiều, nhưng khốn thay họ có nghĩ gì về đường kinh-doanh thương-mại. Tiền bạc chỉ đút giấu để dành quyền cửu-phẩm bá-hộ mà thôi! Nếu những tay phú-gia ấy biết lợi-dụng tiền tài họ, hùn nhau lập hội công-thương thời làm chi mà chả đoạt được một phần lớn trong thương-trường Á-Đông vậy. Các nước Âu Mĩ thường lập tiệm cầm (*warrants*) để cho thương-mại được mọi sự dễ-dàng; những nhà có lòng sốt-sắng mà thiếu lưng vốn có thể kinh-doanh được.

Thương-mại cốt về sự đo-lường cân-lượng. Về điều đó xứ ta chưa nhất-định, mỗi xứ một khác, ấy là điều hại cho sự thương-mại. Vậy ta nên chú-ý và gắng chấn-hưng lại cho đúng mới phòng sự gian-dối được. Tiền bạc thông-dụng cần có thị-giá để buôn-bán khỏi trắc-trở; trong mấy năm nay người Hoa-kiều chở tiền đồng, bạc trắng ra ngoài nhiều lắm, đó là một điều bất-lợi cho thương-giới.

Muốn thương mại ta phát-đạt thời ta cần phải có nội-hóa, nghĩa là đồ ta chế ra xuất-cảng bán các nơi. Khốn thay, về đường kỹ-nghệ thời xứ Trung-kỳ vẫn còn kém lắm. Đi khắp xứ chả thấy một nhà máy nào của người Nam cả.

Một vài tỉnh làm được hóa-hạng tinh-xảo đáng chấn-hưng, nhưng cũng vì không biết hợp phần, nghề ai nấy giữ; làm nghề chẳng cũng chỉ túc-dụng trong nhà, ngoại ra không nghề thấy nghề gì to-tát cả. Vả lại máy-móc mình còn đơn-sơ lắm, chưa biết dùng vật-hạng Âu Mĩ để đồ được tốt lại nhanh chóng nữa. Xứ ta có nhiều nguồn lợi mà ta không khoáng-trương, như ở Bình-định có nghề tơ-tằm, đũi-lụa rất tốt mà không lập được một xưởng lớn, cũng khá tiếc thay! Ta ở ven bờ biển, cá tôm rất nhiều, làm được nước mắm, là một thứ thực-phẩm rất hữu-dụng bổ-ích mà nào ai có chịu bao-quát mở xưởng thu lợi lớn đâu, trừ ra ở Phan-thiết có vài nhà đã khởi-xướng đáng mừng vậy. Rừng ta là cái kho vô-tận chứa đầy cây gỗ quí như trắc, mun, gõ, sơn, dùng làm đồ rất đẹp mà không ai chịu lợi-dụng đến, phải chặt chở ra ngoài! Kỹ-nghệ thua sút cho đến nỗi không có một hiệu làm mũ, đóng giày, may áo cho khéo nữa. Mỗi khi cần dùng phải gửi đi Hà-nội, Sài-gòn mua sắm. Xem những đồ thiết-dụng còn phải cầu đến phương xa, huống-hồ...! Bởi vậy nên ta phải gắng về kỹ-nghệ lắm mới mong thịnh-vượng được. Ở Hà-nội thường năm có mở đấu-xảo mĩ-nghệ để cho các nhà nghề sẵn dịp đem hàng-hóa phô-trương và khuyến-khích họ đem tài-lực thêm cho tinh-xảo, vậy là mong nước được giàu, dân được thịnh.

Nói đến kỹ-nghệ lại thẹn cho một hạng người mình đã tốn-phí tiền của đi du-học nghề chuyên-môn rất giỏi, có bằng-cấp trở về, chả thi-thố chi học-thuật mình, lại cầu-cạnh một chức-phận trong quan-trường, đã chẳng hợp tư-cách mà thiệt-thòi cho công-nghệ nước nhà nữa.

Phàm thương-mại kỹ-nghệ thịnh thời đường thông-thương phải rộng mở. Vì có cách chuyên chở nhanh-chóng thời hóa-hạng mới chạy và khỏi mất thời giờ lại ít tốn kém. Xứ Trung-kỳ eo-hẹp, chỉ có một đường quan-lộ từ bắc chí nam là to hơn hết; sông ngắn, nguồn thác lại nhiều, sự thông-thương chưa được tiện-lợi. Nay có đường hỏa-xa phía bắc từ Hà-nội vào Vinh, trung-ương từ Huế vô Hàn, phía nam từ Nha-trang vào Sài-gòn, đã dỡ cho bộ-hành thương-nghệ nhiều lắm. Hiện bây giờ những khúc đường chưa có xe-lửa thời xe hơi chạy chở khách, hàng-hóa phải chở ghe buồm, lắm khi nguy-hiểm, tai-hại cho thương-chủ rất nhiều. Mong rằng khúc hỏa-xa Vinh—Đông-hà làm xong, lại tiếp luôn từ Hàn vào Nha-trang nữa, thời nhờ con đường hỏa-xa Đông-Pháp, sự thông-thương chuyên-chở hàng-hóa được mười phần nhanh-chóng tiện-lợi.

Về phương-diện chính-trị, tưởng từ đời Tiên-vương (Gia-dụ Hoàng-đế) đóng đô ở Thuận-hóa đến nay sắp-đặt lễ-nghi quan-tước đã được hoàn-toàn. Nhưng theo thời-đại tân-tiến mỗi ngày trí dân mỗi mở, quan-lại xưa ra hành-chánh đời nay hết thích-hợp. Xưa quan-trường do những tay khoa-mục làm phụ-mẫu dân, sau lập trường Hậu-bổ, kén chọn những bậc anh-tuấn nho-học theo đòi thêm pháp-học cho được thích-hợp, song xem ra sự thích-hợp đối với tân-thời chưa đủ. Cũng vì lẽ ấy nên ở Bắc-kỳ mới đây có nghị-định tuyển vào hàng tri-huyện những bậc có luật-khoa tiến-sĩ, luật-khoa cử-nhân, hoặc tú-tài Pháp-học hoặc hàng tham-tá và thư-ký tòng-sự Bảo-hộ lâu năm đỗ kỳ thi riêng mới được. Làm quan phụ-mẫu thời phải đủ tư-cách uyên-bác, luật-lệ thông-thuộc, lịch-lãm nhân-tình. Quan Nam-triều ta nay chưa đến trình-độ ấy cũng

đáng tiếc và đáng mong mau mau sẽ thấy sự kết-quả như vậy. Mấy lâu nỉ Nam-triều đã ứng-dụng một vài quan-viên tòng-sự Bảo-hộ thời kết-quả đã hiển-nhiên, họ cũng hết lòng trung-thành về nghĩa-vụ, công việc chẳng kém chi quan Nam-triều.

Vậy nên trong chốn quan-trường tưởng nên lợi-dụng tài-lực họ cũng đáng. Muốn lựa cho được bậc xuất-sắc thời cần mở khoa thi chuyên-nghiệp chánh-trị để tuyển-cử những người tài-năng vào ngạch quan-lại, tưởng không hại mà có phần hay, vì họ đã trải qua việc chánh thâm-niên, lẽ am-hiểu nhiều.

Về hình-án thì xứ ta chỉ có một bộ luật Gia-long, từ tiền-triều đến bây giờ, thay đổi không mấy tí. Trong khi nông, công, thương đều tấn-tới thời sự cần-dùng sinh-hoạt của dân cũng bành-trướng thêm, theo luật cũ thì khí hẹp-hòi. Vì lẽ đó nên ngoài Bắc-kỳ đã công-bố đạo luật mới như Dân-luật, Hình-luật, Tố-tụng-luật vân-vân..., để xét xử kiện tụng cho phân-minh. Cách xếp đặt tòa Nam-án lại có thứ-tự lề-lối, phân-biệt quyền phép từng cấp rõ-ràng, quan thẩm-án, quan lục-sự thiết-lập chẳng kém chi tòa án Tây vậy. Thấy thế đáng mừng, song ngó xứ mình chấn-chỉnh chưa kịp thời cũng khá mong.

Dân ta mỗi ngày mỗi khai-hóa, nên nhờ hai nhà-nước rộng mở quyền cho dân được bầu-cử, chọn Hội-viên Tư-vấn để thay mặt dân, tỏ ý-kiến với Chánh-phủ, yêu-cầu những vấn-đề công-ích lý-tài cho dân. Ngó hình-thức bề ngoài thời một người du-lịch ngoại-quốc tưởng như những ông Nghị đem học-thức miệng-lưỡi ra bênh-vực quyền-lợi dân trong lầu Nguyên-lão-nghị-viện hay Thứ-dân-nghị-viện. Khốn thay ông nghị ta lắm người chỉ biết một hai tiếng « *oui* » « *non* » mà thôi ! Có ông tư-cách cũng khá-khá, nhưng mười người chưa được một, còn thời chỉ dạ dạ, vâng vâng ; đến kỳ đại-hội-đồng, ra làm phe tượng, ngồi chật ghế, cho đủ số đó thôi. — Ta chỉ nên trách dân mình không biết quí « quyền bầu-cử », được chăng hay chớ không biết lựa người xứng-đáng làm đại-biểu cho mình, để tỏ với Chánh-phủ những điều cần-dùng về sự sinh-hoạt mình, ấy chỉ vì dân-trí phần nhiều còn quê mùa, cho đến nỗi chưa hiểu cái địa-vị người đi bầu-cử là thế nào. Thậm-chí khi đi bỏ phiếu mà chen-chúc nhau, kẻ chui gầm phản mà ngồi, người kiếm xó hóc mà núp, kẻ đứng giữa công-đường vạch lưng bắt rận, người vén đùi gãi ghẻ, ngó rất ê-trệ ! Vậy còn mong lựa đại-biểu xứng-đáng sao được !

Xét về phong-tục thời mấy năm sau đây nhờ Kim-thượng sắc ban dụ chấn-chỉnh nhiều điều rất ích-lợi cho dân, như bớt sự cúng-tế phiền-phức làm cho dân suy-đồi, kẻ nghèo đỏ nợ, người giàu sa-sút vì lòng mê-tín nhảm, lại định hạn tế lễ các làng và các tư-gia, vân-vân.... Thói cổ ta hễ khi đến hầu quan thường dâng lễ-vật ; nghèo cũng mâm cau trầu rượu, giàu thời thúng gạo, oi gà ; may thay mới có dụ cấm những tệ-tục ấy đi, dân đỡ một phần tiền phí, mà lòng quan-lại giữ được thanh-liêm, khỏi phải lương-tâm quở phạt, thật đáng cung-kính. Mỗi khi đến hầu quan, đem lễ-vật lại phải cúi lạy hai lạy, thật là làm đê-tiện cho thân-thể con người quá. Bẩm-sinh ra làm người mà đi khúm-núm như thế, lấy mắt người văn-minh thật là chướng, và trái với nghĩa tự-do nhân-quần. Lộn vào thời-đại duy-tân, thời những cách tôi đòi nên tuyệt mới phải. Vậy nên có nghị cấm lạy đã thi-hành mấy năm nay, đáng mừng cho dân lắm. Mới đây có một tờ báo tin rằng nay mai Hoàng-thượng cũng nhắm theo phương-pháp canh-cải lúc thiết-triều sẽ miễn lạy cho bá-quan, quả vậy thời chính một vị phúc-tinh cho dân Việt, há chẳng đáng kính mừng sao ?

Trên kinh-thành, dưới thôn-dã, hãy ghé mắt dòm qua cách xép-đặt trong làng thời đủ hiểu dân-tình vậy. Từ cổ-lai đến giờ các làng vẫn theo khuôn-phép cũ, chưa có điều gì canh-cải trong chốn thôn-quê. Vẫn lý-hào trùm bộ giúp việc, sổ-sách chưa được phân-minh, ghi chép còn lờ-mờ, đóng tiền khao-vọng ăn uống, giết bò, hạ heo nhiều hơn là lo công-ích. Xem như ở Bắc-kỳ hai năm nay cách xếp-đặt chốn làng-mạc rất chỉnh-tề, sổ sách chia ra thứ-tự; nhân-sách, địa-bộ, công-tác, sưu-thuế, thơ-tín vãng-lai, đều giữ-gìn đứng-đắn sạch-sẽ. — Trong làng trên có lý-dịch kỳ-mục, có hội-đồng xét sổ-sách, coi ngân-quĩ, các sổ-sách thơ-từ có thư-ký biên chép rành-rõi cả. Thư-ký ấy đào-tạo tại trường tỉnh mở riêng cho họ học theo chương-trình những khoa cần-kíp, thi tốt-nghiệp rồi mới được làm việc. Như vậy tài nào cách xếp-đặt không được hoàn-toàn. Xem gương ấy ta có nên bắt-chước không?

Đến được trình-độ ấy cũng nhờ bề học lai-láng khắp mọi nơi. Sư học của ta ngày nay đã thịnh, chỗ nào cũng có trường, có thầy. Nhà-quê kẻ-chợ đâu đâu đều thấy con nít biết quốc-ngữ và võ-vẽ chữ tây, vì con nhà theo đòi nghiên bút hiểu biết thời-thế, khuynh-hướng về tây-học. Nào trường sơ-đẳng, dự-bị, thành-chung đều có đủ; mỗi bậc đều đông-đúc con em chen nhau hô-hấp lấy cách-trí, ý-tưởng văn-minh. Mấy năm trước tại kinh-đô đã lập trường Cao-đẳng Pháp-chánh thay trường Hậu-bổ, nay bãi đi lập trường « Uyên-bác » (*Ecole des Hautes Etudes*), đào-tạo lấy những tay tuấn-tú ra hành-chính phủ huyện. Thấy vậy, người có chút tâm-huyết ai lại không mừng cho tương-lai xứ mình. Chương-trình trường «Uyên-Bác» lại kiêm hán-tự phần nhiều, ấy cũng một điều hay, vì khoa-cử xưa đã bãi văn-biền nước nhà tựa theo đạo Khổng-Mạnh, nay bỏ hẳn đi cũng uổng, luân-lý cương-thường đã vững như một cái nền xưa chắc-chắn, nay sao nỡ hủy-hoại cho đành. Nghe hai tiếng «Uyên-bác» thật to-tát, rộng-rãi, mênh-mông. Thế mà tựu-trung chưa đúng nghĩa, vì học-trò lựa toàn những chân tốt-nghiệp trường Pháp-chính ở Hà-nội về học, còn thầy dạy thời không đủ tư-cách. Học-sinh khi chưa vô trường Uyên-bác, học ở Hà-nội thời thụ-giáo những tay giáo-sư mô-phạm, nào triết-học hoàng-giáp, nào luật-khoa tiến-sĩ, nào quan tòa thượng-thẩm, nào luật-sư trứ-danh, mà nay lên một bậc học cao hơn lại thụ-giáo với những thầy sơ-đẳng thời tưởng như đi trở lùi vậy. Đi trở lùi thời lấy đâu đào-tạo được anh-tài hoàn-hảo ra làm phụ-mẫu dân. Trường Uyên-bác là một ban sĩ-hoạn thời tưởng nên rộng mở cho học-sinh các xứ được tụ-họp noi theo, người xứ nào học cũng được. Làm như vậy trường «Uyên-bác» xứ ta sẽ bành-trướng long-trọng thêm và thế-lực lại lừng-lẫy hơn nữa.

Trên kia đã nói kỹ-nghệ mình kém nên trường Bách-công cũng nên mở rộng thêm, lấy đủ các hàng thợ để đào-tạo lấy những người công-nghệ sau này và rước thầy kỹ-sư chuyên-môn bày vẽ thời kĩ-nghệ ta càng phấn-khởi lắm. Hiện bây giờ trường Bách-công ở Huế là một trường sơ-đẳng tầm-thường, dạy năm ba nghề thiết dụng mà thôi. Ước gì chẳng bao lâu sẽ mở thêm lớp thành-chung (đệ-nhị-cấp) thời may-mắn cho nghề-nghiệp lắm.

Nói về học-chánh cũng nên nhắc qua thể-thao. Nước mình xưa nay học-sinh chỉ biết ôm sách, cầm viết, chứ không hay luyện-tập gân cốt. Mấy năm sau đây, các trường Pháp-việt đã cho tập thể-thao đôi chút gọi là chuyển-động thân-thể, nhưng lấy chi làm đủ. Ở Hà-nội đã lập trường Thể-dục cho học-trò, định niên-hạn, chương-trình

khá rộng. Ngoài ra lại chơi *tennis*, *foot-ball*, thi ngựa, thi xe đạp. Thêm có trường dạy võ, mỗi người đóng tiền để học, lập hội *boy-scout* tập luyện như binh lính vậy. Về đường thể-dục so-sánh với Bắc-kỳ thì ta còn kém xa, huống-chi là phân-bì với các nước khác. ... Các trường dự-bị ở Trung-kỳ cũng tập thể-thao, sắm *foot-ball*, nhưng thầy dạy không có, ngó nhau bắt-chước, làm sao tinh giỏi được.

Trình-độ học-hành bây giờ kể đã cao hơn nhiều, nhưng còn một điều khuyết-điểm tối-yếu cho hạng học-sinh sơ-ấu nhà quê; ấy là không đủ sách quốc-văn mà dùng. Chẳng qua cũng mấy bộ sách cách-trí, vệ-sinh, địa-dư, toán-pháp, luân-lý cũ, nghiền đi ngấu lại hoài đó thôi. Muốn cho bọn thiếu-niên đủ sách dùng và cho dân-trí mở-mang rộng-rãi, người có tuổi không theo pháp-học muốn am-hiểu thuật-pháp văn-minh cũng có thể biết hết được thời có dịch sách Tây, sách Tàu ra quốc-văn mới thông-dụng trong cả toàn-dân vậy. Sự dịch sách là điều rất khó, nên lập ra Hội Hàn-lâm chia làm hai ban, một ban văn-học, một ban khoa-học, treo giải thưởng, ai dịch hoặc làm sách gì, đệ đến Hội Hàn-lâm duyệt xét. Vấn-đề nghe cũng khó, nhưng xem đời trước bên Hi-lạp (*Grèce*) ông PLATON còn khởi-xướng lập ban Hàn-lâm tại vườn *Académus*, huống-hồ nay đã hơn hai ngàn năm mà ta không noi theo được một chút hay sao? Vả chăng ở Pháp năm ban Hàn-lâm đã lập từ năm 1634, ban thời do tay đức Giáo-chủ RICHELIEU đề-xướng, ban thời do tay quan Thượng-thơ COLBERT và đức Giáo-chủ MAZARIN. Bây giờ ta mới khởi-sự thời lựa những bậc tây-học rộng, hoặc hán-học thâm, chính mình đã làm nhiều sách hay, quốc-dân đều hoan-nghênh trân-trọng. Hội Hàn-lâm chẳng những duyệt xét sách-vở đệ-trình mà còn bàn để làm một pho tự-điển cho quốc-dân dùng. Lúc bấy giờ ông Hàn ta là tay học-thức, tuy chưa được như ANATOLE FRANCE, ERNEST LAVISSE, PIERRE LOTI, vân-vân, nhưng cũng không đến nỗi chúc gọi ông Hàn mà tay cầm roi coi cu-li dọn cỏ, trồng cây, hoặc chuyên những việc hèn-hạ, hoặc, — hạng này tệ quá — đeo bài Hàn-lâm mà ngày ngày hai buổi lếu-lổng ngoài đường, đọc tờ báo quốc-văn không đi, xem cái khế vay không suốt! Óc ông Hàn hạng ấy rỗng như trái dừa, tư-tưởng rộng bằng cái mẹt, còn có tư-cách gì để làm hướng-đạo cho kẻ hậu-sinh nữa! Bây giờ là thời-kỳ cần học-thuật văn-minh nên trước nhất treo về đề cách-trí, triết-học, địa-dư, thiên-văn, địa-lý, lý-tải, luật-pháp, rồi sau đến các thứ văn thơ, tiểu-thuyết. Hiện nay ở Bắc-kỳ trường-thiên tiểu-thuyết và văn thơ xuất-bản rất nhiều, đáng mừng thật, song sách đó chưa phải đồ thực-phẩm tối-cần cho đường tiến-hóa dân ta vậy. Đoạn này sực nhớ đến bên Thụy-điển (*Suède*) cớ ông NOBEL là tay đại-phú-gia khi mệnh-chung di-chúc lại một số tiền rất lớn để thưởng cho những tay văn-sĩ có danh Âu-châu; mới rồi nhà văn-sĩ ANATOLE FRANCE nước Pháp được lãnh thưởng ấy. Ý-kiến vẻ-vang, cao-thượng thay! Ở Hoa-kỳ cũng có nhiều nhà phú-hộ để tiền thưởng hoặc về văn-chương, hoặc về cách-trí, như cuộc chế-tạo hay mạo-hiểm tìm-tòi được điều mới lạ, ích cho nhân-loại.

Có một điều khuyết-điểm cho sự sinh-hoạt dân ta mà mấy năm nay đã nghe dồn, song chưa thấy kết-quả chi hết, ấy là tin lập một tờ báo quốc-văn tại Kinh-đô. Ôi! một xứ dài rộng mênh-mông đến 150.000 thước vuông, dân-số đến năm triệu người mà không có một tờ báo thời đáng phàn-nàn lắm. Các nước Âu-Mĩ kể đồng cân thời mười phần cũng làm chín

phần người đọc báo là ít nhất; ở xứ mình được bao nhiêu người xem báo? Lấy đâu được mở-mang tri-thức, lấy đâu được quảng-bác kiến-văn! Tại Kinh bây giờ đã sẵn máy in, sẵn thợ sắp chữ, tay hùng-biện thiếu chi, người sẵn lòng tận-tâm với báo-giới không hiếm mà sao báo chậm ra đời? Mượng-tượng như năm trước đã có người đề-xướng vấn-đề ấy mà sao vẫn không ai biểu đồng-tình sáng-lập cho mau? Nếu cứ học mượn, xem vay mãi thời tưởng cũng tủi núi Ngự, sống Hương lắm! Trong khi chờ tờ báo hoặc tập tạp chí Trung-kỳ xuất-hiện thời cũng có cách để cho con em dân-dã hưởng tư-tưởng học-thuật văn-minh được. Nếu còn chưa đủ tư-bản hoặc sức-lực để mở tòa báo thời mỗi nơi những tay thao-lược, văn-chương rành, học-thuật rộng, nên mở kỳ diễn-thuyết hoặc mỗi tuần hoặc mỗi tháng một lần tùy theo thời giờ và công việc riêng mình. Diễn-thuyết chọn về cách-trí, lịch-sử, văn-chương, tân-văn thế-giới, vân-vân.

Truyền-bá học-thuật cách ấy tưởng cũng đỡ và khỏi tốn kém chi hết. Song còn cách đã lợi mà tiện hơn nữa, ở nhà để nghiên-cứu cũng được, đến tại nơi xem tìm cũng dễ, tùy-ý khi nào cũng tiện, không như diễn-thuyết phải đúng ngày, đúng giờ, phải tới tại diễn-trường mới nghe được, ấy là những nhà thư-viện. Nhiều nơi đã có một phòng thư-viện nhỏ là đáng mừng, song phần nhiều tỉnh chưa có một quyển sách làm chỗ nghiên-cứu, ta nên mau mau khai-lập cho được như mọi nơi thời rất quí. Tại Kinh-đô cũng có vài thư-viện, nhưng sự chỉnh-đốn chưa được tiêm-tất, chỗ đọc nơi xem chưa được quang-đãng, sạch-sẽ, sáng-sủa, nên tu-bổ thêm cho được hoàn-toàn, chẳng đâu được như thư-viện lớn ở Hà-nội, nhưng cho sạch mắt người khảo-cứu. Song nhà thư-viện thời nay chỉ bổ-ích cho hạng tây-học mà thôi, người biết quốc-ngữ còn phải chịu dốt không xem xét được chi hơn nữa, vì không có sách quốc-văn cho họ, nên sự dịch sách lại cần lắm.

Xứ Trung-kỳ là một cái kho chứa chất đồ cổ quí lạ rất nhiều, vì chưng đất Chiêm-thành khi trước, văn-minh của một dân-tộc đã tàn rồi mà còn giữ được dấu vết lại, gì quí bằng. Tiếc thay dân ta không có ý tồn-cổ, mỗi ngày đồ quí ấy mất đi, biết bao giờ tìm lại được! Bởi vậy nên lập một viện Bác cổ chứa đủ các thứ đồ xưa, dân-gian ai tìm được đồ qui lạ đem nộp sẽ mông-thưởng, bằng giấu-giếm thời trọng-phạt; đồ cổ ấy chia ra từng khu, từng hạng kỹ-càng, hòng để một cái gia-tài quí báu cho bậc thông-thái mai sau muốn khảo-cứu lịch-sử văn-minh đất mình cũng dễ.

Ta có vật-liệu quí-báu nhường ấy mà để tiêu-diệt đi, chẳng uổng lắm sao? Những nơi thắng-cảnh xưa, hoặc những pho tượng, hoặc những lâu-đài, mấy ngàn năm để lại, ta nên biết qui, giữ-gìn như xưa, săn-sóc kỹ-càng mà vẫn để dấu vết cổ lại, làm vật kỷ-niệm, vì đồ ấy là hình-ảnh văn-hiến nước nhà. Những ngày có danh tiếng đời xưa từ tiền-triều khai-sáng đến nay, ta nên đem làm ngày quốc-niệm như ngày đức Đinh Tiên-Hoàng, đức Trần Hưng-Đạo, đức Lê Thái-tổ đuổi quân Tàu, ngày đức Gia-long khôi-phục Phú-xuân, vân-vân....

Như thế là lịch-sử xứ ta ai ai cũng đều biết, những việc lớn-lao đã qua, những ngày long-trọng, đời xưa cả dân ngày nay về-vang mà có thể nói rằng: «Ông cha ta ngày nay về mấy trăm năm trước đã thắng chỗ nầy hoặc làm được điều nầy...» Như quân NAPOLÉON hồi thắng Nga-Áo năm 1805 trở về, phơi ngực ra, ngẩng mặt lên một cách tự-đắc mà nói rằng: « Ta ở trận *Austerlitz* về đây »!

Đó là ta nghĩ đến thời quá-vãng, giữ-gìn dấu cũ, còn về tương-lai há để « trời sinh voi thời sinh cỏ » hay sao? Ta đi đường nhà quê thường thấy con trẻ năm bảy tuổi ở trần-truồng, mặt mũi nhọ nhem, tay chân ốm yếu, da bủng, bụng phì, ngó rất thảm-hại. Vì sao? Vì không người chăn giữ, ăn bậy, uống bạ, chẳng chút vệ-sinh, thành ra chứng nầy bệnh khác, làm sao cho mạnh-mẽ mập-mạp được. Yếu-ớt, ốm-o như thế, phỏng lớn còn cáng-đáng công việc gì ích-lợi cho nước, cho nhà được! Làm thế nào tránh khỏi cảnh thê-thảm ấy? Có cách theo gương nước Nhật, lập Ấu-trĩ-viên như ngoài Bắc-kỳ đã thi-hành hiệu - nghiệm lắm. Mượn đình chùa làm nơi tụ họp, thuê bảo-mẫu giữ-gìn trông nom, lập hội-đồng xem-xét cai - quản; quyên tiền, góp của, bù-trì cho hội được vĩnh-viễn sinh-tồn. Sau mới mong dân-tráng có sức lực để xốc - vác công việc nặng-nề, giúp nước, phò vua, đỡ đồng - bào vào đường tiến-hóa.

Làm công việc hoài, cả năm đến tối, chăm chăm chúi chúi lao-lực về nghề-nghiệp mà không có chút tiêu-khiển để di-dưỡng tinh-thần, thời sao cho khoan - khoái trí khôn, nghỉ-ngơi bắp thịt, để lại ham muốn làm-lụng hăng-hái hơn nữa. Tiêu-khiển những chi? Tài-bàn, tổ-tôm, bong-đôi, xóc-đĩa chăng? Tửu-điếm, hồng-lâu chăng? Tiêu-khiển thế là làm suy-đồi thân-thể, hao-mòn trí-lực, bại-hoại luân-lý và mang bệnh trọng nữa, chơi được lợi gì? Ta vốn cổ lai có mấy thứ thanh-tao nhã-nhặn nhất là: cầm, kỳ, thi, họa. Bốn cách tiêu-khiển rất cao-thượng, rất tao-nhã mà đời bây giờ nghe chừng suy kém.

Phàm nghề gì cũng vậy, mỗi đời cần phải thay đổi cho thích-hợp với thái-độ sinh-hoạt của nhân-loại như lời CLAÚDEL tiên-sinh diễn tại Đông-kinh (Tokio): «*Il y a parfois dans l'histoire des nations des moments où, pour rester fidèle à l'esprit et à la vocation de la race, il faut savoir briser courageusement les formes qui ont leur valeur et leur utilité mais qui ne s'accordent plus avec le besoin de tout être vivant le plus sacré qui est de continuer de vivre.* »

Ta sẵn có nền-nếp cũ, chẳng những nên duy-trì mãi mãi, mà nên gắng sức thi nhau nâng những cuộc tiêu-khiển ấy mỗi ngày cao lên một bậc, cho được tận-thiện tận-mĩ. Muốn vậy, thỉnh-thoảng mở cuộc thi âm-nhạc, văn thơ, cờ-tướng, vẽ-nặn, khuyến-khích lòng ham chơi thi-thố với đời, họ sẽ đem tài-lực ra phô bày; thời tất mười phần kết-quả. Vả chăng âm-nhạc không phải là cuộc chơi mà thôi, chính là một môn học riêng hữu - ích cho tính-tình và quan-hệ đến chánh-trị nữa (kinh-*Lễ*). Đánh cờ tướng ngờ là cuộc vui mà ý đời xưa là dựa theo phép luyện-tập binh-tướng trong khi quân-thứ đó, ý-kiến rất sâu, mà vì ta hiểu lầm nên cho thường đó thôi. Thơ phú và chấm vẽ cũng có ý-tưởng cao-xa, ta nên luyện-tập, chớ nên bỏ suy-đồi, khá uổng vậy. Vả hai môn này cũng có phần trong khoa-học, nên không thể bỏ được

Còn một thứ tiêu-khiển lý-thú nữa, ta hằng đêm nào cũng thường thấy, song ít ai chủ-ý đến, ấy là nghề diễn-kịch (hát bội). Các nước Âu-Mĩ lấy nghề diễn-kịch làm trọng, người soạn vở kịch thường được người ta hoan-nghênh quí-trọng lắm, như ông CORNEILLE, RACINE, MOLIERE, VOLTAIRE SHAKESPEARE là bậc soạn kịch tài danh đời trước, mà đến bây giờ thiên-hạ đều sùng-bái mãi mãi, không ai là không biết.

Nghề diễn-kịch của xứ mình còn theo lối xưa, chưa hề có châm-chước theo tân-thời chút nào cả. Cách bài-trí còn sơ-sài, vụng-về; giọng hát không

được tự-nhiên, điệu múa chưa diễn rõ tinh-tinh; còn hát bôi mặt thật là ghê-gớm. Một người xứ lạ đến xem hát thời họ tưởng là ma quỉ hiện-hình và trên thế-giới không có giống người nào mặt mũi như thế. Nghề diễn-kịch cũng như nghề sư-phạm, sân khấu khác chi lớp học, người đến xem là học-trò đến nghe giảng, phải làm sao cho ý-tứ, giọng hát, điệu múa lọt hết vào tai, vào mắt người nghe, diễn đúng như sự thực mới tiêm-nhiễm in sâu vào óc người ta được, mới làm cho người ta hâm-mộ mà muốn coi hoài. Trống kèn ta inh-ỏi quá, nhiều khi không nghe được tiếng hát nữa. Như vậy làm sao người coi hát hiểu rõ thâm-trầm được câu hát hay, lời nói ý-vị để di-dưỡng tinh-thần. Về nghề diễn-kịch ta nên chỉnh-đốn lại, như ở Hà-nội có một vài trường hát đã được ngợi-khen khéo-léo.

.·.

Trong buổi tịch-mịch mơ-màng, tưởng những vấn-đề quan-trọng coi hình như viển-vông. Nhưng nào có phải viển-vông, chính là những vấn-đề có ảnh-hưởng mật-thiết với sự tiến-hóa quốc-dân, vấn-đề ấy nòi giống ta đã có nơi đã giải-quyết xong và đem thực-hành kết-quả rồi. Chỉ còn ta là vào thời-kỳ ấu-trĩ, há chẳng nên mau chân tiến bước sao? Muốn cho xứ ta mong có ngày cùng bước ngang vai với các xứ khác, khỏi thua sút người, thời những ai phải quan-tâm đến công việc vĩ-đại nầy? Há chẳng phải là những bậc thượng-lưu-xã-hội, anh-tài trong nước, há chẳng phải là những nhà phú-hộ đại-gia, những tay học-thức quảng-bác, những ông xuất-thân Cao-đẳng Học-đường, há chẳng phải cả quốc-dân — chẳng quản người hạng nào, nghề-nghiệp gì — mỗi người một thì đem tâm-huyết vào mà lo-liệu cho xứ nhà thịnh-vượng vinh-hiển dư?

Nay trên nhờ có Hoàng-đế đã du-lịch Tây-phương, xem rộng, nghe nhiều, thu được lắm điều hay lẽ lạ, và Chính-phủ Bảo-hộ đem ánh sáng văn-minh rọi khắp miền Nam, đưa đường chỉ nẻo, dưới có tòa Nội-các gồm những tướng-công thao-lược, lại gặp hội thăng-bình, trăm họ an-cư lạc-nghiệp là thời-kỳ may-mắn cho đường tiến-hóa, chúng ta ai có ý bảo-tồn quốc-túy, muốn quốc-thế vững-vàng, quốc-dân thịnh-vượng, mau bước lên chốn tối-tân, lại không hết sức phụ-lực vào cho tương-lai xứ mình dần dần được tăng-tiến văn-minh thêm?

TRẦN MẠNH-NHẪN
(Trung-kỳ)

DỊCH THƠ TÀU

THƠ « THIÊN-THAI » (1)

I

樹入天台石路新。
雲和草靜迴無塵。
Rẽ lối Thiên-thai dạo bước dần,
Cỏ mây êm-lặng khác mầu trần.

烟霞不醒生前事。
水木空疑夢後身。
Khói mê-mệt đuổi, mây liền đón,
Cây chập-chờn xa, nước lại gần.

往往鷄鳴巖下日。
辰辰犬吠洞中春。
Gà réo đầu non dồn bóng nguyệt,
Chó vang sườn đồng giục tin xuân.

不知此地歸何處。
須就桃源問主人。
Lạ thay là cảnh hoa cùng suối,
Mong vít cành đào ướm chủ-nhân.

—Bài này là tả ra chàng Lưu chàng Nguyễn khi bắt đầu vào núi Thiên-thai. Chính là :

Đè chừng ngọn cỏ lần theo,
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai.
Chủ xuân đành đã có nơi,
Ba-sinh âu hẳn duyên trời chi đây.
Dừng chân gạn chút niềm tây.

II

天和樹色藹蒼蒼。
霞重嵐深路渺茫。
Trời biếc cây xanh lẫn một mầu,
Lối vào thăm-thẳm nước non sâu.

雲寶滿山無鳥鵲。
水聲沿澗有笙簧。
Mây che cánh thước tầng non tỏa,
Suối hét vần sênh tiếng nước reo.

碧溪洞裏乾坤別。
紅樹枝邊日月長。
Gương biếc sạch làu không chút bụi,
Lịch hồng xuân mãi chẳng sang thu.

幸得花間有人出。
免令仙犬吠劉郎。
Dưới hoa đã thấy người ra đón,
Mẳng chó vội-vàng chào bác Lưu.

—Bài này là tả ra chàng Lưu chàng Nguyễn khi gặp tiên-nữ. Chính là :

Bâng-khuâng đỉnh Giáp non Thần,
Thân này đã dễ mấy lần gặp tiên.
Ba-sinh đã phỉ mười nguyền,
Chữ tình càng đậm chữ duyên càng nồng.
Gót tiên phút đã thoát vòng.

III

慇懃相送出天台。
仙境那能却再來。
Điều đâu tống-biệt bỗng xui nên,
Dễ mấy mươi lần đã gặp tiên.

雲液既歸須強飲。
玉書無事莫頻開。
Vân-dịch rượu này nên nhắp gượng,
Ngọc-thư thơ nọ chớ xem liền.

花留洞口應長在。
水到人間定不回。
Hoa cài cửa đồng chắc thơm mãi,
Nước xuống bể trần bao ngược lên.

惆悵溪頭從此別。
碧山明月照蒼苔。
Non nước chia tay từ đó nhẻ,
Ngậm-ngùi bóng nguyệt nét rêu in.

— Bài này là tả ra khi tiên-nữ đưa chàng Lưu chàng Nguyễn ra đồng. Chính là :

Trách lòng hờ-hững với lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng nữa chi.
Đau lòng kẻ ở người đi,
Tấm riêng riêng những nặng vì nước non.
Khuôn thiêng biết có vuông tròn !

(1) *Thiên-thai-thi* 天台詩, năm bài của Tống Ung 宋邕 nhà Đường.

IV

不將清瑟理霓裳。
應夢那知鶴夢長。

Đây loan hờ-hững khúc Nghê-thường,
Kẻ tục người tiên luống đoạn-tràng,

洞裏有天春寂寂。
人間無路月茫茫。

Đỗng Bích trời riêng xuân lại thiếp,
Kiều Ngân ai nối nguyệt cho chàng.

玉沙瑤草連溪碧。
流水桃花滿澗香。

In khe cỏ biếc còn tươi ngọc,
Gột suối hoa đào chửa nhạt hương.

曉露亟燈易零落。
此生無處問劉郎。

Giọt lộ sớm đông đèn gió thấp,
Thân này bao lại gặp Lưu-lang.

—Bài này là tả ra khi tiên-nữ ở trong đỗng nhớ chàng Lưu chàng Nguyễn. Chính là :

Chàng từ hái thuốc phương xa,
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây.
Lứa đôi ai lại đẹp tây,
Ôm đàn ai nỡ dứt dây cho đành.
Xa-xôi ai có thấu tình !

V

再到天台訪玉眞。
青苔白石已成塵。

Lại nhớ Thiên-thai ả Ngọc chân (1),
Đến nơi rêu đá bượp mầu trần.

笙歌寂寞閒深洞。
雲鶴蕭條絕舊隣。

Đàn im sáo lặng miền thâm-đỗng,
Hạc mỉa mây cười vẻ cựu-lân.

草樹總非前度色。
烟霞不似往年春。

Ngảnh lại cỏ cây ngơ-ngẩn sắc,
Nhìn theo mây dáng hững-hờ xuân.

桃花流水依然在。
不見當辰勸酒人。

Còn hoa còn nước còn thơm sạch,
Chén rượu còn ngon hỡi cố-nhân.

— Bài này là tả ra khi chàng Lưu chàng Nguyễn lại vào Thiên-thai, mà không gặp tiên-nữ nữa. Chính là :

Trăng thề còn đó trơ trơ,
Nỗi niềm tâm-sự bây giờ hỏi ai.
Bâng-khuâng nhớ cảnh nhớ người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Nước non đề chữ tương-phùng.

.·.

Phụ-lục truyện Lưu Nguyễn vào Thiên-thai. — Đời vua Minh-đế nhà Hán, năm Vĩnh-bình, có người Lưu Thần, 劉晨 giữa ngày đoan-ngọ, (mồng năm tháng năm) cùng với người Nguyễn Triệu 阮肇 vào núi Thiên-thai đi hái thuốc (tục truyền ngày mồng năm tháng năm, nhiều thứ lá làm thuốc hay, hái về để chữa bệnh cho người). Đi quẩn đi quanh, đường mê, lương hết ; trông lên ngọn núi có cây đào, cùng nhau trèo lên lấy quả ăn. Khi trở xuống, thì thấy một dòng nước chảy, có cái mây cám thứ gạo hồ-ma trôi ra, hai chàng bảo nhau rằng ở đây cách chỗ người ở chừng không xa. Lại đi một đợt núi nữa, thì thấy hai người con gái nhan-sắc đẹp-đẽ, gọi ngay tên họ hai chàng, hỏi rằng sao lại muộn thế ? Như là biết nhau đã lâu. Nhân mời về nhà. Đến nhà thì nhà cửa lộng lẫy, giường ghế màn trướng, mọi đồ thất-bảo, rực-rỡ linh-đình, mà không có một người con trai nào. Một chốc, thấy bưng cơm ra bằng thứ gạo hồ-ma, và nem bằng thịt sơn-dương ngon lắm, lại đem rượu tốt bày ra ; rồi có mấy người khách cầm năm ba quả đào lại, nói

---

(1) Tên nàng liên-nữ.

rằng lại mừng rỡ mới. Rồi đặt ra cuộc múa hát, coi ra vẻ thiên-nhạc lạ-lùng ; đến chiều khách đi, còn hai chàng ở lại, cùng với tiên-nữ làm lễ cưới, kết làm vợ chồng. Ở được nửa năm, khi trời mát-mẻ, thường như tiết tháng hai tháng ba, mọi giống chim kêu, thường như có ý ai-oán, hai chàng nóng lòng đòi về. Các người tiên-nữ nói : « Các ngươi lại đây, là nhà các ngươi có phúc lắm, mới được cùng tiên-nữ giao-tiếp, vì nợ đời chưa hết, cho nên khiến cho các ngươi như vậy. » Các người tiên-nữ lại làm ra thơ ca để tiễn đưa hai chàng ra cửa đồng. Khi hai chàng về đến làng, thì không có ai quen biết mình cả ; chỉ thấy lũ cháu bảy đời truyền rằng ông tổ khi xưa vào núi hái thuốc không trở về mà thôi. Cho mới biết ngày tiên dài-dợ dường nào mà ngày trần ngắn-ngủi như vậy. Hai chàng đối với cõi trần, đã thành ra hạng người quá-vãng, ngơ-ngẩn bơ-vơ, lại đi vào núi, muốn về nhà tiên, thì không nhận được đường nữa. Đến năm Thái-khang nhà Tấn, hai chàng tự-nhiên thấy mất, không biết rằng đi đâu.

Lời phụ-bình. — Truyện thần-tiên, như những truyện Giao-trì, truyện Quần-ngọc, truyện Đào-nguyên, truyện Thiên-thai, đều là những truyện ru cho người ta lấy một giấc ngủ êm. Vì con người ta lăn-lộn trong cõi trần, bao nhiêu là sự mệt-nhọc, bao nhiêu là nỗi tức-tối đắng-cay, ít có điều được như-ý ; trừ những lúc chiêm bao trong mộng-tưởng, nghỉ được cái xác, mà đem được cái hồn đi chơi những nơi cực-lạc, hoặc những chốn thanh-nhàn ra, thì tưởng cũng ít có sự gì là thỏa-thích. Vậy cái học-thuyết thần-tiên sở-dĩ đời đời vẫn in ở tâm-não, chép ở cửa miệng người ta, mà không phá hẳn đi được, không phải là không có cớ đâu.

Những kẻ tri-thức ai cũng biết rằng phàm truyện thần-tiên, đều là truyện bằng không soạn ra, đều là truyện trong cơn mộng cả. Nhưng xét cho kỹ ra, truyện ở trên đời ít có thú, duy truyện ở trong mộng sẽ có thú, ai bảo truyện Thiên-thai này mà không có thú hay sao. Duy những khi gió gác, khi trăng sân, cùng với mấy người tri-kỷ, mấy ả mĩ-nhân, dặt-dìu chén rượu, lên xuống câu thơ, mà lắng tai nghe những lời *thụ-nhập*, những điệu *thiên-hòa*, những giọng *ân-cần*, những dịp *bất-tương*, những vần *tái-đáo*, tưởng hình như cõi trần đã cách xa-xa, bấy giờ sẽ biết là có thú.

Song khen thay cái người soạn ra truyện Thiên-thai này, thật là có ý-vị sâu-xa lắm ! Như chàng Lưu, Nguyễn bâng-khuâng đi hái thuốc, phút chốc gặp người tiên, vui thú dường nào, khác nào trong giấc mộng. Kịp đến lúc nghe chim kêu ai-oán, mà nóng ruột đòi về, đó là cái lương-tâm đối với xã-hội nó làm cho phải tỉnh thức vậy. Mà cũng là vì nợ trần chưa hết, Nợ đã chưa hết thì vỗ nợ được sao. Âu là lấy thân mà trả nợ đời, làm hi-sinh cho xã-hội, sẽ hợp với chính-lý của loài người. Than ôi ! Chàng Lưu, Nguyễn vui thú ở trong tiên-đồng, mới được nửa năm, khi về, đối với xã-hội, đã thành ra một hạng người quá-vãng, cái đời đã bỏ, cái kiếp đã hôi, không ai thừa-nhận; khi trở lại, đối với các cô tiên-nữ, lại thành ra một hạng người lơ-láo ngẩn-ngơ. Thế thì con người ta cũng nên quí lấy ngày trần, tiếc lấy ngày trần, mà cũng không nên tham chi cho lắm những ngày tiên. Coi vậy, thì câu truyện Thiên-thai, há chẳng phải là một tiếng chuông cảnh-tỉnh trong cơn mộng lúc canh khuya đó dư !

Năm bài thơ *Thiên-thai* này, nguyên là một món cơm bữa trong cuộc hát ả-đào. Nhưng chữ nho thì tự nay trở đi ít có người hiểu, nghe thơ mà không hiểu nghĩa hiểu ý, khác nào như muốn xem cô mĩ-nữ, mà còn cách một lần tường. Xưa kia các cụ đã từng diễn ra quốc-âm năm bài, ả-đào gián-hoặc cũng có khi đem ra hát. Nhưng bấy giờ còn thuộc về lối giản-đan, nay lại xin dịch ra năm bài mới nữa ra đây, ý chưa rõ thì cầu cho rõ ý, lời chưa gọn thì cầu cho gọn lời mà thôi. Chứ bì với cổ-nhân thì thật là muôn phần chưa kịp được một. Các duyệt-giả lượng cho.

TÙNG-VĂN

TUỒNG NGUYỄN-TRÃI (1)

II

HỒI THỨ II

Về Nhị-châu mở trường dạy học,
Gặp Trần Hãn kết bạn tìm Lê.

VAI TRÒ :

Nguyễn Trãi ; — Trần Hãn, 30 tuổi ; — Học-trò bốn năm người ; — Đào kép phụ hai ba người ; — tiểu-nhi 2 người.

1. — Nhà ông Trãi cùng vườn hoa.

Trãi ra nói : — Ta từ thủa Nam-quan bái-biệt, từ phụ-huynh phân-quyết trở về, trải biết bao cách-trở sơn-khê, thấy lắm chốn loạn-li binh-hỏa, mây nước ra chừng buồn-bã, cỏ cây cũng dáng âu-sầu ; hay cơ trời xoay cuộc bể dâu, cho nên nhân-sự phải xui ra làm vậy, chăng hà ?

Lại nói : — Nay đã tới gia-viên đất cũ, mà trông ra phong-cảnh khác trước lắm thôi, gốc cần cây cỗi khó coi, ngõ rậm vườn hoang chẳng sửa, vẫn hoa hoa bất ngữ, đối cảnh dục sinh sầu, ngâm một vài câu, tả tình cửu-biệt, chăng hà.

NGÂM :

Mới cách gia-hương chửa mấy lâu,
thế mà
Trông xem cây cỏ dáng buồn rầu ;
đó hay là
Hoa đợi chủ về hoa mới nở,
nhưng mà lòng ta thì nghĩ đến,
Tình nhà nỗi nước vẫn đeo sầu.

Lại nói : — Gia-đồng đâu ?

Gia-đồng dạ.

Trãi nói : — Cớ sao tao vắng chưa bao lâu, mà mi để vườn-tược um-xùm, giàn hoa cây cảnh tả-tơi làm vậy ?

Gia-đồng nói : — Dám thưa ông, từ khi đại-gia ngộ-biến, quân giặc nó bắt cụ lớn sang Nam-quan, khi ông cũng theo đi, tôi một hai tưởng nó tộp cả ông về Kim-lăng rồi, chắc ông sang xem hoa ở Giang-nam hay là ở Lạc-dương chứ, ông còn xem dâu hoa ở nhà nữa, mà tôi sang-sửa chi. Như bây-giờ ông đã về đây, thế thì : các đãi chủ-nhân hoa thủy phát, đào phùng thanh-đế kiềm phương khai,

(1) Xem *N.-P.* từ số 88.

tôi lại xin chăm chút hôm mai, vun tưới cho vườn hoa tươi tốt.

Trãi nói : — Ừ, con không những là sửa-sang vườn hoa cây cảnh mà thôi, nhà thư-đường phải sửa dọn thảnh-thơi, để nay mai ta mở trường dạy học đấy.

Gia-đồng-nói : — Dám thưa ông, buổi bây giờ mà ông còn nói đến chuyện học, con thiết-khủng người ta cười rằng: vu-nho bất-thức thời-vụ, là vì rằng đương lúc: giang-san phong-vũ, hải-nội ba-đào, kẻ tứ-dân đâu đấy ngao-ngao, ai còn tưởng học-hành chi, mà ông nói dạy học.

Trãi nói : — Hi, con không biết, cổ-nhân có nói rằng : « Vạn-ban dai bạ-phẩm, duy hữu độc thư cao. » Lại nói rằng : « Thế loạn độc thư cao. » Vậy cho nên, đương khi phong-vũ ba-đào, dạy học là một sự vui, đọc sách cũng là một sự ích. Vả dạy cho rõ những lời trong sách, để người sau biết tích xưa nay, con người ta sinh gặp thời này, nên học mà cũng nên dạy học, đó mà, con.

Gia-đồng nói : — Ông đã dạy thì con vâng cứ, con xin đi quét sửa thư-đường, phận tớ thầy chăm giữ việc thường, xin ông hãy lui vào nội-viện.

Trãi nói : — Ừ, chúng con bảo nhau dọn-dẹp đi, để tao vào nghỉ đây.

(Hạ)

(Một người đào bế hai đứa bé con, chùm đầu bằng vải trắng ra làm bộ mách bảo trong chiêm-bao)

Nói rằng: — Mẹ con tôi đường cùng gặp khúc, cây cả nương mình, hai trẻ thơ vừa mới sơ-sinh, còn trứng nước chờ thời khôn lớn, nghe lệnh ông chỉ-phán, sửa chốn hoa-viên, con ấu-trùng mẹ lại thuyền-quyên, phận yếu-đuối chưa nơi nương tựa, xin lệnh-ông khoan cho vài bữa, để mẹ con sắp-sửa dời chân, dám xin nhờ lượng nhân-nhân, ơn đức ấy xin hàm-hoàn kết-thảo.

(Nói rồi hạ)

(Gia-đồng hai đứa ra dọn vườn, làm cách thấy mẹ con con rắn đánh đứt đuôi rồi hạ)

II. — Cảnh nhà học

Gia-đồng ra nói : — Anh em mau mau dọn dẹp thư-đường, để mai mốt ông ta mở trường dạy học.

Tiểu-đồng ra nói : — Anh gọi tôi ra đây, có việc chi mà hay.

Gia-đồng nói : — Ra đây, ra đây, ra sắp-sửa nay mai mà học.

Tiểu-đồng nói : — Học mấy học, anh chẳng thấy học đó à, học để rồi lại đỗ Tiến-sĩ, lai sang Nam-quan, đó à? Tôi bây giờ thấy những cái việc biết chữ tôi cũng ghê lắm.

Gia-đồng nói : — Chà, nếu mà anh nói thế, thì anh cũng là biết chữ quách mất rồi, sách chẳng có chữ rằng : *Nhân sinh thức tự ưu hoạn thủy*, là gì ? thế nhưng mà anh cứ biết chữ vừa vừa chứ.

Lại nói : — Thôi thôi, ta hãy các cần sở sự, nào là ngũ-kinh, nào là chư-sử, nào là thập-tử bách-gia, vâng lời thầy soạn sẵn cả ra, rồi sẽ sắm đến bút nghiên bàn kỉ, chỗ thầy ngồi phải cho sạch-sẽ, đồ giáo-hình phải để roi mây, sao cho ra đường phết ông thầy, để « tứ-phương chi sĩ vi chi căng-thức » mới đặng.

(Nói rồi đi sắp đồ nhà trường, bút nghiên, bàn ghế đủ hết cả.)

Trãi ra nói : — Như ta bây giờ gặp hội gian-truân, chờ thời khuynh-bĩ, nhớ cổ-nhân ẩn-cư cầu-chí, hoặc độc hoặc canh, hoặc có người giáo-thụ chư-sinh, cũng đều để cho yên mình chờ đợi. Như ta nay trông ra thì : mờ-mịt bốn phương gió bụi, xa khơi muôn dặm thần-hôn, âu là ta mượn mùi kinh-sử làm ngon, vui với bút nghiên làm bạn.

HÁT NAM

Vui với bút nghiên là bạn,
Nghĩ đường xa ngao-ngán bồi-hồi.
Đương cơn bèo nổi hoa trôi,
Rồng mây cá nước ai ơi hãy chờ.

Lại nói : — Thư-đường dọn sạch chưa con ?

Gia-đồng nói : — Thư-đường dọn-dẹp vừa rồi, thỉnh tiên-sinh vào ngồi an-vị.

Trãi vào ngồi nói : — Gia-đồng con, đem cái biển này ra yết-thị ngoài ấy, để ai người ta muốn học thì vào mà học, nghe.

Gia-đồng dạ, đem biển ra, rồi nói : — Ông tôi mở trường dạy học, đó ai muốn học cho vào mà học.

Học trò hai ba người ra, một người nói : — Kính lạy tiên-sinh, nghe nói tiên-sinh khai-trường thiết-giáo, chúng tôi xin vào học đạo tiên-sinh, nhưng mà chưa hay tiên-sinh giáo-tập chương-trình, xin tiên-sinh dạy cho chư-sinh thỉnh-nghiệp.

Trãi nói : — Này chư-sinh, đạo học là truyền-tân kế-tiếp, nay chư-sinh đã biết rằng phụ-cấp tòng-sư, trước là thầy dạy tứ-thư, rồi dạy đến ngũ-kinh chư sử, rồi đến bách-gia chư-tử, rồi dạy đến tam-giáo cửu-lưu, thiên-văn địa-lý thuộc lâu, rồi dạy đến cả bốc-y toán-pháp.

Một người nữa nói : — Thưa thầy có dạy quốc-ngữ không à ?

Trãi nói : — Chà! chưa học đã liệp-đẳng.

Một người nữa lại nói : — Chúng tôi nghĩ học cái môn ấy cho chóng ăn.

Trãi nói : — Chư-sinh chưa học, mà chư-sinh đã đòi học Quốc-ngữ, chư-sinh không biết Quốc-ngữ là liệt-quốc chi dật sự ông Tả Khâu-Minh làm ra để bổ *Xuân-thu Tả-sử* chi khuyết-văn, chư-sinh mới học thì hãy học dần dần, sao chư-sinh đã đòi học vần sách ấy.

Một người nữa lại nói : — Tôi tưởng là quốc-ngữ *a b c d* kia chứ, *Quốc-ngữ* ấy thì bố chúng tôi cũng chưa học đến.

Một người nữa lại nói : — Nhưng mà thưa thầy, thầy dạy chúng tôi học các sách rồi để làm gì ?

Trãi nói — Học để đi thi, để làm quan, chứ làm gì.

Một người nữa lại nói : — Dám thưa thầy, thế thì thầy quên rồi, thì đã bỏ từ năm nọ kia rồi, mà làm quan thì tôi thiết-tưởng rằng chẳng học cũng được.

Trãi nói : — Thôi, như chư-sinh đã biết trạch sư nhi sự, thì thầy đây giáo diệc hữu phương, phép học là trước học cương-thường, này sách đây đem ra mà học.

(Trãi nói rồi đưa sách cho học-trò.)

Học-trò đồng-thanh học rằng :

Thượng thiên hạ địa, nhân tại kỳ trung.
Giang-san anh-khí, tạo-hóa hỗn-dung.
Độc thư thức tự, tất hiểu tất trung.
Hoặc xuất nhi sĩ, hoặc xử nhi nông.
Hoặc tòng thương-nghiệp, hoặc tác bách-công.
Tận kỳ nghĩa-vụ, nhân chi sở-đồng.
Vị gia vị quốc, hưng lợi vô-cùng, v.v.

Học rồi, học-trò nói : — Thưa thầy đã thuộc một khóa rồi ạ.

Trãi nói : — Phép học có tàng-tu du-tức, chư-sinh đã thuộc rồi, thì hãy cho tạm thoái học-trường, để thầy vào nghỉ nơi tinh-xá.

(Chư-sinh dạ, đều hạ ; Trãi hạ.)

III. — Cảnh bến sông

Trần Hãn ra gánh một gánh rao rằng : — Có ai mua dầu không.

Một người hỏi rằng : — Dầu có tốt không ?

Hãn đỗ gánh nói : — Tốt với chẳng tốt, nếu mà không có dầu, thì

đụng dầu vào cột, vậy có câu đây tôi đọc cho anh nghe.

Hãn đọc rằng :

Đương cơn bốn bề tối mò mò,
Đợi có dầu này mới sáng to.
Làm được nên dầu thời cũng khó,
Ai mua được giả bán dầu cho.

Đọc rồi, một người hỏi : — Chà ! cái anh này đã phải bán dầu, lại còn béo-mỡ, thôi đi xuống Hà-nội mà bán để đỡ mày.

(Nói rồi hai,

Ba ả bỏm ra, gặp Hãn nói :

— Hỡi bác hàng dầu ! hỡi bác hàng dầu ! trời đã gần tối, còn gánh đi đâu, bác có biết Mãi-du-lang với Hoa-khôi ngày trước không ?

Một ả nữa lại nói : — Ừ, ừ, cũng phải, mùi hương đã trải, ta thử mùi dầu.

Một ả nữa lại nói : — Này, này, hỡi bác hàng dầu, hàng dầu thì sướng, không phải anh thợ hoạn mà đau, thôi đừng gánh đi, vào đây chị em tôi cho ngủ nhờ một tối.

Hãn nói : — Này, này, các cô, có nói thì đây mới bỏi, các cô đèn đỏ hay là đèn xanh, đèn xanh thì hãy hỏi dầu mình, nhược-bằng đèn đỏ thì mua dầu mà thắp.

Các ả cùng nói : — Cái bác này mới dở chứ, miếng ngon kề đến tận nơi, mà không biết gắp, thôi đi, thôi đi.

(Nói rồi, cùng hạ)

IV. — Cảnh đình Trèm

Hãn lại gánh ra, đi đến đình Trèm ngửa lên đọc rằng :

— *Hi-Khang đại-vương từ.*

Lại nói : — Chà chà ! đây là đình đức thánh Trèm đây, người ta vẫn nói rằng : Mảnh ngói vua Trèm, là người tối-linh lắm đó.

Đỗ gánh lạy một lạy, rồi nói : — Tôi nay buôn bán, đường - sá xa-xôi, trời tối rồi tôi xin vào ngủ nhờ ngài một tối.

Nói rồi đi lại cửa đình mà rằng : — Chung quanh vắng-vẻ, đường-sá một mình, ta nói một vài câu, cho tả-tình lưu-lạc, chăng hà.

HÁT NAM

Nương mình ở chốn Hoắc-sơn,
Tiếc cơ-nghiệp cũ cửa nhà như không.
Anh-hùng gặp bước long-đong,
Biết ai cùng vế mà mong gửi mình?

(Nói rồi vào đình ngủ, làm cách nghe chuyện vụng, một chốc nữa trông ra trời sáng, vội-vàng gánh đi vòng vào.)

V. — Cảnh nhà học ông Trải

Trải cùng gia-đồng ra xem thiên-văn chỉ lên trời nói : — Ta nhớ từ khi cha ta đi Nam-quan, có dặn ta rằng hai-mươi năm nữa, thời có chân-nhân ra, giờ xem thiên-văn, tướng-tinh đã hiện, nhưng chưa biết tên họ là gì, dẫu có muốn đi, thời biết ở đâu mà tìm cho tới đặng.

(Nói rồi vào ngồi .

Trần Hãn ra gọi cửa nói : — Có ai trong ấy mở cửa tôi vào ?

Gia-đồng hỏi rằng : — Ai đó, trời tối gọi gì?

Hãn nói : — Đây có phải nhà ông đồ Trải đây không ? Cậu vào nói cho tôi qua chơi có chuyện.

Gia-đồng nói : — Phải, bác hãy đứng đấy, để tôi vào thưa với ông tôi.

Gia-đồng vào bẩm : — Có người viễn-khách, đến gõ cửa ngoài, đương lúc tối trời, ông có cho vào, tôi sẽ ra mở cửa.

Trải nói : — Có khách con cứ mời vào.

Gia-đồng ra mở cửa nói : — Xin mời quí-khách vào.

Hãn vào nói : — Xin chào tiên-sinh.

Trãi nói:—Xin mời qui-huynh an-vị.

Lại nói : — Trà lai.

(Gia đồng đạ, bưng trà lại cùng uống.)

Trãi nói : — Dám thưa như qui-huynh nay, lộ-đồ bạt-thiệp, mộ-dạ qua đây, em chưa tường tính thậm danh thùy, vả qui-huynh qua có việc gì, xin qui-huynh phân qua cho em được rõ.

Hãn nói : — Dám thưa tiên-sinh, như tôi nay Trần-gia tôn-thất, biểu-tự Trần Hãn, gặp phải cơn xã-tắc biến-thiên, cho nên phải lánh mình Sơn-trấu, những thồn-thức bên lòng ôm hận, luống ngày đêm chờ đợi cơ trời, giả làm điều buôn bán ngược xuôi, bữa nọ qua Thụy-hương mới thấy thần-nhân hiển-cáo.

Trãi nói :— Thần-nhân hiển-cáo sao, qui-huynh ?

Hãn nói :—Dám thưa tiên-sinh, bữa nọ tôi đi bán dầu, tôi có qua làng Thụy-hương ngủ đình Ông-Trọng, đương nửa đêm tưởng mộng nhưng không phải mộng, thấy thần-nhân qua cùng Ông-Trọng, nói chuyện thiên-đình, khi bấy giờ tôi bất-khủng bất-kinh, tôi ngồi lên tôi lắng tai nghe se-sẽ, thần-nhân nói thiên-đình lập Nam-bang hoàng-đế, Lê Lợi vi chúa, Nguyễn Trãi vi thần, Ông-Trọng hỏi quê-quán chân-nhân, thần lại bảo hỏi bà chúa Tiên-Dung mới rõ, vậy cho nên tôi bất-từ viễn-lộ, hỏi tiên-sinh cho biết họ biết tên, tưởng tiên-sinh là đương-thế chi hiền, hẳn hay cứu thương-sinh ư đồ-thán.

Trãi nói : — Cứ như qui-huynh nói, là thiên tương giáng-loạn, tất sinh nhĩ-loạn chi nhân, nhưng em lại e rằng, quốc-loạn thính ư thần, việc ấy cũng chưa chắc lấy đâu làm bằng-cứ, âu là ta qua bà Tiên-Dung hỏi thử, hỏi lại cho cơ-sự tỏ-tường, bấy giờ ta sẽ tìm đường, họa may gặp vân-long phong-hổ, chẳng hà.

Lại nói : — Như bây giờ đêm khuya canh vắng, ta đã trò-chuyện một đôi câu, xin qui-huynh vào nghỉ hiên sau, mai ta sẽ đăng-trình cử-bộ.

(Nói rồi hạ.)

HỒI THỨ III

Miếu Đông-an Tiên-Dung báo mộng,
Rừng Thanh-hóa Liễu-Hạnh chỉ đường.

Vai trò : Nguyễn Trãi, — Trần Hãn, — Thuyền-thủ, — Tiên-Dung, — Thị-nữ, — Lão-ẩu, — Sơn-yêu nam nữ 3, 4 người, — Liễu-Hạnh công-chúa.

1 — Nhà ông Trãi

Trãi ra ngâm :

Cửu uyên long chập, tứ hải điểu phi,
Vọng mĩ-nhân hề bất kiến,
Linh tráng-sĩ hề tương-ti.
Ký đắc thần-nhân hề ngữ nhất ngữ,
Dục vấn tiên-nữ hề tri bất tri.
Ước đồng-nhân hề lai hà tri,
Sử ngã nhỡn xuyên hề ngã tâm bi.
Cấp dục sách mã hề khoái-khoái tương-tùy.

Lại nói : — Từ bữa nọ ta nghe Trần Tôn-thất, thuật lại Thụy-hương đình-thần-ngữ, lại dặn ta qua Đông-an yết bà Tiên-nữ, hỏi cho tường thử sự thủy chung, cớ làm sao mà mỏi mắt trông mong, Trần Tôn-thất sao chưa thấy tới, hà.

Gia-đồng nói : — Dám thưa ông, qui-khách hôm nọ đã tới.

Trãi nói : — Ừ, con mời vào mau.

Gia-đồng ra nói : — Xin mời qui-khách vào.

(Hãn vào.)

Trãi đứng nói : — Chà-chà, hữu-ước bất lai, nô tâm nộ, nhất-thời tương-kiến các hoan-nhan, biệt lai hạnh đắc bình-an, thỉnh quí-huynh an-vị.

Lại nói : — Trà lai.

(Gia-đồng dạ, bưng trà lại)

Lại nói : — Sao quí-huynh chậm vậy?

Hãn nói : — Vạn cam xin lỗi, tự bữa em ước với tiên-sinh, xin về thu xếp, em cũng mong cấp-cấp đăng-trình, chỉ vì rằng lộ-đồ gian-trở nan-hành, đi đường-sá phải giữ mình cho ổn-đáng, vậy cho nên, bây giờ mới tới hầu tôn-trưởng, xin tiên-sinh trực vãng Đông-an.

Trãi nói : — Thế như bây giờ, ta sang Đông-an, yết bà Tiên-nữ, đồ lễ-nghi có phải sắm-sửa chi không, quí-huynh?

Hãn nói : — Dám gửi trình tiên-sinh, đồ lễ gì còn bằng vàng.

Trãi nói : — Chà, tiên mà cũng ăn vàng, hà!

Hãn nói : — Sao tiên-sinh chưa rõ, dương làm sao âm làm vậy, thế nào là kim-ngân phá lễ-luật, buổi bây giờ, không có của ai nói thực cho mình, gọi là lễ thuận nhân-tình, xin cho biện minh-kim thiên-hốt.

Trãi nói : — Gia-đồng mau mau biện vàng Sét một nghìn ra đây.

(Gia-đồng dạ, đem vàng ra.)

Trãi nói : — Như bây giờ anh em ta đi có phải đồng-bộc truy-tùy chi không?

Hãn nói : — Như anh em ta bây giờ, là vi-hành hối-tích, đồ-đệ chi lich-kịch thêm phiền, dẫu rằng lên bộ xuống thuyền, truy-tùy đã có em là đủ.

Trãi nói : — Lễ-nghi đã đủ, anh em ta cử-bộ đồng-hành.

(Hai người cùng đi ngâm mỗi người một câu.)

Trãi ngâm rằng :

— Anh em ta lận-đận đi đây,
Trông chừng non nước luống mơ-màng.

Hãn liền ngâm rằng :

— Ta đi đây làm vậy, là
Vì chuyện đâu đâu phải vội-vàng.

Trãi ngâm rằng :

Này-này,
Rạch mắt thử xem trời đất cũ,

Hãn ngâm rằng :

Như bây giờ,
Có ai mà hỏi cuộc tang-thương

(Hạ)

II — Cảnh bến Chương-dương

(Trãi Hãn cùn ra)

Trãi nói : — Đây có phải là bến Chương-dương không? Ừ, ta nhớ có câu rằng : « Đoạt sáo Chương-dương-độ, cầm Hồ Hàm-tử-quan », đó là ông Thượng-tướng Trần Quang-Khải đánh giặc Nguyên ở đó, khi bấy giờ chém thằng Toa-Đô, đuổi thằng Thoát-Hoan, bắt thằng Ô-Mã-Nhi, ấy việc mới từ năm Trùng-hưng đến giờ, mà coi ra đã thành trần-tích, chừ nhớ đến những người trong sách, càng đến đây càng thổn-thức trong lòng, chẳng hay quí-huynh có nhớ hay không? để em thuật lại cho quí-huynh nghe thử.

Hãn nói : — Nghe nói gan càng tức-tối, dạ lại bàng-hoàng, nghĩ tủi mình cùng phái thiên-hoàng, mà bây giờ lưu-lạc tha-hương làm vậy, anh-hùng xưa đã đành chẳng thấy, thấy khúc sông còn đấy trơ-trơ, sông này trong đợi biết bao giờ, sông càng chảy ruột càng bối-rối.

Hãn nói rồi than rằng :

Ối thương ôi!

Nước sông đành chảy xuôi rồi,
Ngọn trào lớp-lớp như xui lòng sầu.

Ối thương ôi!

Sông này biết chảy về đâu,
Càng nghe tiếng sóng càng đau lòng người!

Trãi nói : — Chớ quí-huynh, như bây giờ, bóng vàng đã xế, dặm nước chưa qua, âu là ta gọi thuyền cấp-cấp độ-

hà, để đi tới Đông-an cho kịp, chớ sao mà qui-huynh lâm-lưu thống-khốc mãi chi!

Hãn dạ đi gọi thuyền rằng : — Á kìa thuyền ai, đậu chốn giang-tân, có phải thuyền hoành-độ hành-nhân, xin ghé lại cho anh em tôi qua sông một lát.

Thuyền-thủ ra xướng rằng : — Lão-gia sinh-trưởng tại giang-biên, bất ái giao-du chỉ ái tiền, sớm con thuyền, tối một con thuyền, nhà mặt nước lênh trên mặt nước, cũng có lúc đi xuôi đi ngược, cũng có khi chở dọc chở ngang, có tiền thì lão mới cho sang, không có tiền thì hãy ngồi chờ chuyến khác. Tưởng như lão cũng không phải là người bạc-ác, thế mà người ta cứ bảo rằng ban lão là lũ bất-nhân. Vẳng tai nghe tiếng gọi gần gần, ta thử ra xem ai gọi thuyền, thì ta chở chơi lấy tiền ta chén, phải chăng nào.

Lại nói: — Chớ ai gọi đò đi đâu đấy?

Trãi nói : — Thưa lão-phụ, anh em chúng tôi.

Thuyền-thủ nói : — Chớ các thầy đi đâu, đi dọc hay là đi ngang, ngược Hưng-an hay là xuôi Hà-nội, các thầy đi đâu, thì các thầy phải nói, bến đò này phải hỏi từng người, hỏi cho ba năm rõ cả bề mười, xuống thuyền tôi thì tôi mới chở.

Trãi nói : — Chúng tôi nay, con nhà hàn-sĩ, giữ nghiệp học-hành, lúc sa cơ lỡ bước công-danh, cho nên phải tìm nơi dạy trẻ, nghe Đông-an nhiều nhà tử-tế, vậy tìm sang dĩ nghệ thế canh, xin cho sang cho kịp hành-trình, kẻo bóng ác hầu đã gác núi.

Thuyền-thủ nói : — Các thầy nói thế là các thầy nói dối, thế nào lễ văn lai - học, bất văn vãng-giáo, các thầy đã là người học đạo, sao các thầy không biết tự trọng mà lại tự khinh, vả trông các thầy cũng không phải là cái dáng dạy học dạy hành, xưa nay có ai đem vàng đi dạy học bao giờ, các thầy đi đâu thì phải nói cho thiệt.

Hãn nói : — Dám gửi lão - trượng, đó là chúng tôi đem vàng đi để lễ tổ khai-trường đó.

Thuyền-thủ nói : Chà! lễ tổ thì đã có nhà chủ, việc gì mà phù - thủy bù gà, cớ sao mà không lễ tổ ở nhà, lại vác vàng đến nhà người ta mà lễ, nếu không được cái nhà tử-tế, chẳng hóa ra lỗ vốn trước à?

Hãn nói : — Dám thưa lão-trượng, thế nào là sĩ đáo cùng-thời thủy giáo nhi, vả buổi này nhà chủ hay bắc bậc cao-kỳ, cho nên làm thầy phải khuất thân hành-đạo.

Thuyền-thủ nói: — Nói thế nhưng mà đò ngang quan cấm từ hôm nọ kia rồi.

Trãi nói : — Quan cấm quan đã tha rồi.

Thuyền-thủ nói : — Quan tha chỉ sợ nhà lại bắt, thế nhưng mà lão thì nói thật, có tiền thì vất ra đây.

Hãn nói : — Xin lão - trượng cho sang, bao nhiêu tiền xin có.

Thuyền-thủ nói: — Thế các thầy đi trong thuyền hay là đi ngoài thuyền?

Hãn nói : — Đi ngoài thuyền thế nào được?

Lái-đò nói : — Thế mà cũng đòi đi dạy học, ngoài thuyền người ta chở trâu cũng được, nữa là chở các thầy, đi ngoài thuyền thì ít tiền, các thầy có muốn đi, thì tôi lấy cái dây tôi buộc các thầy vào mạn thuyền, rồi chèo đi chứ gì.

Hãn nói : — Xin lão-trượng cho đi trong thuyền, bao nhiêu tiền anh em tôi xin trả.

Lái-đò nói : — Ừ thế thì được, được, xuống đây, xuống đây.

(Trãi Hãn xuống thuyền.)

Lái đò vừa chèo vừa hát rằng:

Bốn mùa gió mát trăng thanh,
Thảnh-thơi chiếc lá một mình bên sông.
Lo chi những chuyện hưng-vong,
Đã người gõ lái giữa dòng phải lo.

Trãi hát rằng :

Kia ai bắt giặc bên sông,
Kia ai cướp giáo lập-công chốn này.
Anh-hùng lúc đã ra tay,
Đời xưa đã vậy đời nay thế nào.

Hãn ngâm rằng :

渡彰陽兮渡彰陽
拍桂棹兮鼓蘭漿。
望中流兮認古戰場。
安能乘長風兮破萬里之滄茫。
使鯨鯢屏息兮蛟龍潛藏。

Độ Chương-dương hề độ Chương-dương,
Phách quế-chạo hề cổ lan-tương,
Vọng trung-lưu hề nhận cổ chiến-trường,
An năng thừa trường-phong hề phá vạn-lý chi thương-mang,
Sử kình-nghê bình-tức hề giáo-long tiềm-tàng

(Xong rồi thuyền chèo vào, Trãi Hãn vào)

III. — Cảnh miếu Đông-an

(Tiên-Dung với hai người thị-nữ đứng trên ban).

Trãi Hãn ra trông lên đọc rằng :

閣中帝子今何在。
江上仙翁去不回。

Các trung đế-tử kim hà tại,
Giang-thượng tiên-ông khứ bất hồi.

Trãi nói : — Đây là miếu Đông-an đây, anh em ta vào yết lễ.

(Hãn dạ, đem vàng vào để lên ban thờ).

Trãi Hãn quì khấn rằng : — Trăm lạy Tiền - triều công - chúa, thượng-giới chân-tiên, anh em tôi : Nguyễn Trãi, Trần Hãn, thái - học-sinh với Trần tôn-thất, vì rằng hưu nhà Trần đã mất, ác bay chưa biết đậu nhà ai, sơn-hà định phận tự trời, bẩn có người chủ chốn non xanh nước biếc, dưới trần-thế dẫu rằng chưa biết, trên thiên-đình vị-liệt không sai, xin chân-tiên chỉ-phán một lời, cho anh em đặng rõ chốn long-tiềm hổ-phục, may ra trượng thần-linh uy-phúc, kết đặng duyên ngư-thủy long-vân, ấy là lòng vì nước vì dân, xin liên-chúa thông-thần báo-mộng.

(Trãi Hãn lạy rồi, ra nằm chiêm bao).

Tiên-Dung trông thị-nữ rằng : — Ta từ xa nơi đế-khuyết, lên chốn tiên-cung, ngày vui chơi nước Nhược non Bồng, cảnh dạo khắp Giao-tri Lãng-uyển, nhớ bữa nọ vào chầu kim-khuyết, nghe thiên-đình định việc Nam-bang, lòng đã mừng cố-quốc hữu-vương, thượng-đế lại cho người lương-bật, quân-thần cũng tương-phùng hữu-nhật, nhưng bây giờ còn đường đất cách xa, ta muốn cho hội-hợp một nhà, để cùng nhau lo toan việc nước, việc thiên-cơ lẽ đâu bảo trước, những muốn cho tìm được tới nơi, vừa rồi tới đó hai người, nghe lời nguyện đó là công-thần Lê-chúa. Thị-nữ, âu là con dương khi người ngủ, đem lời ta ra bảo sinh-hồn, bảo cho tìm tới Lam-sơn, cho thấy chốn quân-thần hội-ngộ, kẻo người còn bỡ-nghi chưa tỏ, con phải ra nói rõ thủy-chung, nghe

Thị-nữ dạ ra báo-mộng cho Trãi Hãn rằng : — Tôi nay vâng lời Tiên-chúa, ra bảo công-thần, núi Lam-sơn là chốn chân-nhân, mau tìm tới để long-vân khánh-hội.

(Nói rồi trở vào lại lên ban thờ).

(Trãi Hãn cùng thức dậy ngồi lên.)

Trãi hỏi Hãn rằng : — Qui-huynh có thấy gì không ?

Hãn nói : — Có, tiên-sinh thấy gì không ?

Trãi nói : — Thấy người mĩ-nữ, bảo chốn chân-nhân

Hãn nói : — Linh-ứng châu linh-ứng! thần-thông thực thần-thông! hai người

cùng thấy mĩ-nhân, báo-mộng cùng hai người như một, chiêm-bao này là rất tốt, hợp như lời thần-ngữ Thụy-hương-đình, âu là ta bái-tạ đăng - trình, kẻo nữa chậm chưng cơ-hội, bà.

(Trãi Hãn đến trước Tiên - Dung bái-tạ)

Trãi nói : — Như lời tiên-chúa dậy làm vậy, nhưng Lam-sơn là nơi hiểm viễn, phỏng chừng ở Thanh Nghệ chi gian, tôi tìm vào chốn huyện Hoài - an, đó là giáp Thanh-hoa lâm-phận, như qui-huynh thời về nơi sơn-trấn, theo Tản-viên vào phận Nghệ-an, tìm vào nơi lục - thủy thanh-san, may tới đó tương phùng nhất-lộ, chăng hà.

Hãn nói : — Tiên-sinh nói là thậm phải, như bây giờ không những là giang-san sinh-diện, mà lộ-đồ hiểm-viễn nan-hành, âu là ta lưỡng-lộ phân-trình, may ra đặng nhất-đường tương-tụ, chăng hà.

Trãi Hãn cùng hát rằng :

Rồng bay bay bổng tuyệt vời,
Trời nam riêng một góc trời phương nao
Chia tay đôi ngả tìm vào,
Trông chừng nước thẳm non cao mơ-màng.
Thần tiên trỏ nẻo lên đường,
Xui người hào-kiệt dạ càng bâng-khuâng.

(Hát rồi ra.)

IV — Cảnh sơn-lâm Thanh-hóa

Trãi ra ngâm rằng :

Non xanh-xanh, nước xanh-xanh,
Đường quanh-quanh, bước quanh-quanh
Đi không đành, ở cũng không đành,
Tìm chốn thần-kinh, đâu là chốn thần-kinh?
Bóng ác chênh-chênh, đầu núi chênh-chênh,
Người vắng tanh, nhà lại vắng tanh,
Biết đâu là chốn nương mình, để mà nương mình?

Lại nói : — Như bây giờ ta đi tới đây, trông lên rặt những rừng xanh núi đỏ, chung quanh thì phong-cảnh tiêu-điều, mặt trời gần tối, đường đất lạ-lùng, đó xa xa chỉ có một hai cái nhà, âu là ta vào đó nương mình, để phòng khi đêm khuya đường vắng.

(Nói rồi ha).

(Một bà lão ra.)

Trãi lại ra gặp bà lão hỏi rằng : — Thưa trình lão-mẫu, đây là đâu mà lão-mẫu ở một mình đây ?

Lão-mẫu nói : — Chứ thầy đi đâu, mà thầy cũng tới đây ? thầy không biết rằng đất nước chốn này, rừng độc dữ không ai dám ở, mẹ con tôi phải tặc-binh tàn-phá, nên liều mình vào tựa chốn này, con tôi còn kiếm cỏ chặt cây, hôm tối mới đem lương về nuôi mẹ, chung-quanh những núi non quạnh-quẽ, đã tới đây chớ hề phương-danh, nhà không kia vào đó nương mình, kẻo phòng những yêu-tinh sơn-quỉ.

Trãi nói : — Ơn lão-mẫu có lòng tử-tế cho tôi vào tạm ở trong nhà, đỡ đương khi trời tối đường xa, tấm lòng ấy biết bao giờ quên đặng.

(Nói rồi vào nhà nghỉ)

(Lão-mẫu vào).

(Yêu tinh quỉ-vị bốn năm đứa ra, chỉ trỏ bảo nhau, muốn ăn thịt Trãi).

Liễu-Hạnh công-chúa ra mắng yêu-quỉ rằng : — Hà lai sơn - quỉ, dục hại thiện - nhân, đó là thiên - tinh giáng hạ, phù-quốc cứu-dân, là Lê-triều khai-quốc công - thần, không phải thường-nhân đâu mà chúng bay chực hại, bay không nghe thì bay có lỗi, bay có đường phải lánh cho xa.

Yêu-quỉ nói : — Trăm lạy bà, trăm lạy bà, chúng con không biết, chúng con xin lánh nẻo xa.

(Nói rồi ha).

Trãi ở trong nhà, ngồi dậy nghe, rồi cầm gươm ra, trông Liễu-Hạnh muốn giết. Hỏi rằng :

— Hà-phương nữ-tử, gia đáo thâm-sơn ? Một là lị-mị tà-gian, hai nữa sơn-tiêu quỉ-quái, hữu ngô kiếm tại, sát thử nữ-yêu.

(Nói rồi giơ gươm muốn giết).

Liễu-Hạnh giơ tay cười nói rằng : — Chị đây mà, có phải Nguyễn Trãi đó ư em ?

Trãi nghe nói dừng tay lại nói : — Dám thưa chị, chị ở đâu mà chị tới đây, xin chị chỗ cho em đặng rõ ?

Liễu-Hạnh nói : — Á em đó ư, này chị biết em là tài kiêm văn-võ, học quán thiên-nhân, em tới đây là thiên-lý tầm-quân, chị biết em, sao em không biết chị, hử em ? Đứng im để chị hỏi em vài chữ, thử rằng em có biết hay không.

Trãi nói : — Xin chị hỏi, em xin nói.

Liễu-hạnh nói :

茆 不 是 草 却 是 木。
木 又 有 口 非 是 呆。
人 疑 爲 松 木 不 爲
欲 以 爲 柱 不 用 木。

Mão bất thị thảo khước thị mộc,
Mộc hựu hữu khẩu, phi thị ngốc,
Nhân nghi vi tùng mộc bất vi,
Dục dĩ vi trụ bất dụng mộc.

— Em nói chị nghe.

Trãi nói : — Thế là chị hỏi chữ hay là hỏi nghĩa ?

Liễu nói : — Đó vừa chữ mà vừa nghĩa đó.

Trãi nghĩ một lúc rồi nói : — Chà-chà ! Ấy mới là khó chứ, đã hỏi chữ thì đừng hỏi nghĩa, đã hỏi nghĩa thì đừng hỏi chữ, có ai lại hỏi cả chữ cả nghĩa thế này không, mà lại hỏi đương đêm thế này, thì người ta tối dạ đi, ai làm sao mà nghĩ ra được.

Lại nghĩ một lúc rồi nói : — À thôi phải rồi, là cái nhà : *mão* chẳng là cỏ, *mộc* chẳng là gỗ, lấy gỗ làm cột, lấy cỏ mà lợp, chẳng phải cái nhà là gì.

Liễu nói : — Chà ! thế mà em cũng vả danh là ông Tiến-sĩ.

Trãi nói : — Đó là em mới nói nghĩa đấy thôi, chị muốn nghe chữ, thì để em nói.

Lại nghĩ một lúc rồi nói : — Phải rồi, đó là chữ *lâm* đó, *lâm* chẳng là rừng, rừng thì có thảo-mộc, chị hỏi rặt những thảo-mộc, chẳng phải chữ *lâm* là gì.

Liễu nói : — Chà ! ông Tiến-sĩ này mới hay chữ gớm chứ !

Trãi nói : — Thế nhưng mà em nói thì chị đừng giận, nhá.

Liễu nói — Ừ, cho em nói.

Trãi lại nghĩ một lúc rồi nói : — Thôi thôi, thực phải, thực phải, chữ *mão* 茆 bỏ *thảo* 草 lấy chữ *mộc* 木 là chữ *liễu*, 柳 chữ *mộc* 木 lại có chữ *khẩu* 口 dưới là chữ *hạnh* 杏, chữ *tùng* 松, mà không làm *mộc* 木 bên, là chữ *công* 公, chữ *trụ* 柱 không dùng chữ *mộc* 木 là chữ *chúa* 主, hợp lại chẳng phải *Liễu-hạnh công-chúa* chăng, nhưng em tưởng chị ở Vân-cát chứ chị qua đây chi ?

Liễu nói : — Ta tự thôn Vân-cát, qua núi Sùng-sơn, dạo chơi miền sơn-thủy lâm-toàn, vừa gặp lúc đêm thanh mát mẻ, qua đây thấy một đoàn quỉ-vị, toan rủ nhau sát-hại công-thần, vậy nên giá-vũ đằng-vân, lấy pháp-lực dẹp đoàn yêu-quái, chị giúp em khỏi chưng bị hại, chỉ cho em vào lối Lam-sơn, đó gần Thanh-hóa Nghệ-an, chốn ấy thực là nơi tiềm-long sở-tại, cứ lối này (vừa nói vừa trỏ) tìm đi cho tới, thấy chốn nào thả-mục tả-canh, ấy là người tích-cốc luyện-binh ở đó, sao mai đã rõ (vừa nói vừa chỉ lên trời) em kịp lên đường.

(Trãi ngẩng mặt trông sao, thì bà Liễu hóa đi).

Trãi ngảnh lại không thấy bà Liễu cả hai nói : — Kỳ-quái chân kỳ-quái ! Anh-linh tối anh-linh ! Chị giúp em lập được công-danh, ắt chị cũng bao-vinh phong-điền, cảm tạ, cảm tạ,

Nói rồi vừa đi vừa hát rằng :

Vin cây rạch cỏ tìm vào,
Trèo non lặn suối quản bao nhọc-nhằn.
Nặng vì hai chữ quân-thân,
Vậy nên gánh chữ quân-thân một mình.

(*Còn nữa*)

THANH-HÓA NHÂN-VẬT CHÍ (1)

IV

1 — Nhà Hậu-Lê

Cơ-nghiệp nhà Lê khởi từ năm 1418. Ông Lê Lợi xưng Bình-định-vương từ năm ấy. Lê Lợi khôi-phục nước Nam, sáng-lập nhà Hậu-Lê, con cháu làm vua cả thảy 27 đời, trị - vì từ năm 1418 đến năm 1526 ; rồi cách nhà Mạc tiếm-vị 7 năm, rồi lại trung-hưng từ năm 1533 đến năm 1793 (2).

Vua Thái-tôn (1434-1442) và vua Nhân-tôn (1442-1459) nối nghiệp vua Lê Lợi trị-vì thì quyền-thế nhà Lê càng ngày càng vững bền, càng lừng-lẫy. Vua Thái-tôn cố sức sửa lại các ngạch thuế để cho việc lý-tài trong nước được thịnh-vượng, vì sự chinh-chiến với nhà Minh đã làm cho tổn-hại. Năm 1455 vua Lê Nhân-tôn sai ông Phan Phu-Tiên chép sử từ đời Trần Thái-tôn (1225-1258) đến lúc quân nhà Minh thua về Tàu (năm 1427); quyển sử ấy đặt tên là *Đại-Việt sử-ký*.

Kể các vua nhà Lê thì có vua Lê Thánh-tôn có tiếng hơn cả, ngài trị-vì được 38 năm (niên-hiệu Quang-thuận, từ năm 1460 đến 1470; niên-hiệu Hồng-đức từ năm 1470 đến năm 1497). Từ lúc vua Lê Thánh-tôn lên ngôi thì vận-hội nước Nam thịnh-vượng lắm. Có chỉnh-đốn nhiều việc to-tát, muốn kể các việc ấy thì phải đến 3, 4 quyển mới hết. Người ta có thể nói rằng từ đời vua Lê Thánh-tôn thì nước Nam mới có chính-thể. Năm 1479, ngài sai Ngô Sĩ-Liên soát lại bộ *Đại-Việt-sử*. Quyển ấy đặt tên là *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (một quyển xuất-bản năm 1665 cũng theo tên ấy).

Vua nhà Lê đem quân đánh nước Chiêm-thành, bấy giờ biên-thùy phía nam nước Nam chỉ gần phía nam Đà-nẵng, sau thêm mãi đến phía nam tỉnh Bình-định bây giờ (1471), khi ấy nước An-Nam thật cường-thịnh.

Song các vua sau không biết giữ cho nước được thịnh mãi. Từ vua Lê Thánh-tôn trở về sau, là những đời vua Lê Hiến-tôn (1497-1504) ; Lê Túc-tôn (1504); Lê Uy-mục (1504-1509); Lê Tương-Dực (3) (1509-1516), thì không có việc gì đáng chép cả. Đời vua Lê Chiêu-tôn (1516-1522) trong nước có nội-loạn. Mạc Đăng-Dung dẹp yên được giặc trong nước, bèn lập ông Hoàng-đệ Lê Thung (hay là Xuân) lên làm vua, và bỏ vua Lê Chiêu-tôn, vua Chiêu-tôn bấy giờ trốn vào Thanh-hóa để tị-nạn. Đến năm 1533, Mạc Đăng-Dung bắt Lê Thung phải tự-vẫn, rồi cướp lấy ngôi. Nhưng mà về sau đức Triệu-tổ ta khôi-phục lại nhà Lê, tôn vua Lê Trang-tôn lên ngôi (năm 1533-1548), nhà Lê đánh nhau với Mạc mãi đến năm 1593.

Trịnh Kiểm là con rể đức Triệu-tổ cùng các con cháu kế nghiệp làm chúa ở Bắc-kỳ, cướp lấy quyền vua, còn vua Lê chỉ ngồi hư-vị. Vua Lê Anh-tôn (1556-1572) nối ngôi vua Lê Trang-tôn (1548-1556). Vua Lê Anh-tôn muốn

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 77, 80, 88.

(2) Lê Nghi-Dân, con vua Thái-tôn, tiếm ngôi trong mấy tháng.

(3) Vua Lê Tương-Dực sai ông Võ-Quỳnh soạn ra bộ *Đại-Việt-thông-giám*, rồi lại sai ông Lê Tung lược ra một bài tổng-luận nói tóm từ đầu đến cuối, đặt lên đầu bộ *Đại-Việt-thông-giám*.

tránh cho khỏi Trịnh Tùng mới đem hoàng-tử trốn vào Nghệ-an. Nhưng mà Trịnh Tùng sai quân đi đuổi bắt được vua trốn ở ruộng mía, đem về Hà-nội ; lúc đi đường bị một tên thủ-hạ Trịnh Tùng giết đi (1573). Hoàng-tử là Lê Thế-tôn (1572-1599) mới lên sáu tuổi lên nối ngôi.

Từ năm 1558, là năm đức Thái-tổ triều Nguyễn mới vào trấn-thủ Thuận-hóa, nói cho thật đúng thì từ năm 1600, nước An-Nam chia ra làm hai : đàng ngoài thuộc vua Lê, còn đàng trong thuộc chúa Nguyễn.

Từ đấy nhà Lê hay nhà Trịnh đánh nhau mãi với Nguyễn-triều.

Vua nhà Lê tuy làm vua nhưng kỳ-thực thì chúa Trịnh giữ quyền, vậy chép những vua nhà Lê như sau này:

Lê Kính-tôn (1599-1619) ; Lê Thần-tôn (1619-1643) ;

Lê Chân-tôn (1643-1649) ; Lê Thần-tôn lại trị-vì (1649-1662) ;

Lê Huyền-tôn (1662-1671) ; Lê Gia-tôn (1671-1675) ;

Lê Hi-tôn (1675-1705); Lê Dụ-tôn (1705-1729) ;

Lê Duy-Phường (1729-1732) ; Lê Thuần-tôn (1732-1735) ;

Lê Ý-tôn (1735-1740) ; Lê Hiển-tôn (1740-1786); Lê Mẫn-đế (1786-1793).

Khi Tây-sơn nổi lên, thì vua Lê Mẫn-đế phải đi trốn. Tướng Tây-sơn là Nguyễn Văn-Nhạc, Nguyễn Văn-Huệ và Nguyễn Văn-Lữ, ba anh em chia nước Nam mà cai-trị, lúc bấy giờ nước Nam rộng mãi đến vịnh Xiêm-la, về sau đức Thế-tổ triều Nguyễn ta ra thống-nhất, vì nhờ có quân Đại-Pháp giúp cho đánh tan được quân Tây-sơn. Đức Thế-tổ kỷ-nguyên là Gia-long (1802).

Đời vua Minh-mệnh, có một người xưng họ là Lê, tên là Lê Duy-Lương dấy loạn ở Bắc-kỳ, nhưng mà triều-đình bắt được, giải về Huế trảm-quyết, mấy người thủ-hạ cũng phải chém.

Một người nữa tên là Lê Bảo-Phụng, tự-xưng là thế-tử nhà Lê nổi loạn ở Bắc-kỳ; đương đời vua Tự-đức trị-vì trong năm 1862, người ấy đem một toán binh ngoại hai vạn đánh được quân bản-triều. Người Phụng có xin nước Đại-Pháp giúp đỡ, nhưng nước Đại-Pháp đã ký tờ hòa-ước với vua Tự-đức thì từ chối không giúp. Người Lê Bảo-Phụng đánh nhau mãi đến năm 1865. Sau rồi đem quân đi vào chực đánh thành Huế, nhưng mà gặp cơn bão, chiến-thuyền trôi rạt cả vào ven bờ, người Phụng phải bắt rồi sau xử-tử.

Đến năm 1873, con cháu họ nhà Lê lại khởi-nghĩa đến cầu-cứu ông GARNIER, nhưng không được thì cứ độc-lực nổi lên đã lấy được mấy thành, nếu nước Đại-Pháp không vướng ở hòa-ước đã ký với vua An-Nam mà giúp hộ thì có lẽ việc khởi-nghĩa nhà Lê thành được.

Đời Minh-mệnh, đem đền thờ nhà Lê ở Lam-sơn về Kiều-đại tục gọi là cầu Bố, ở tổng Bố-đức, huyện Đông-sơn. Ở Mật-sơn, tổng Bố-đức, về phía đông chân núi Kỳ-lân, có đền thờ vua Lê Thần-tôn (trị-vì lần thứ nhất từ năm 1619 đến năm 1643 ; trị-vì lần thứ hai từ năm 1649 đến năm 1662). Trong một gian đền có tượng đức Lê Thần-tôn và tượng sáu người cung phi mặc quần áo An-Nam : một người An-Nam, một người Tàu, một người Hoà-lan, một người Ba-thục, một người Xiêm-la và một người Mường(1).

(1) Từ năm 1637, nhà Lê giao-thiệp với người Hòa-lan ở đảo Ja-va lại. Người Hòa-lan ở tại Hưng-yên. Năm 1644, người ấy giúp chúa Trịnh sai tàu đi tuần ven bờ bể Nam-kỳ, nhưng mà chiến-thuyền chúa Nguyễn đánh được. Năm 1700 người Hòa-lan bỏ không buôn-bán ở Hưng-yên nữa.

2 — Nguyễn-triều

Nguyễn-triều phát-tích ở làng Gia-miêu Ngoại - trang, rồi đi đến ở làng Quí-hương. Hai làng ấy giáp nhau, cũng ở trong huyện Tống - sơn, thuộc phủ Hà-trung. Huyện này mới bãi vài năm nay. Gia-miêu (ở trong bản-đồ quan binh thì là Thượng-trang và Nội-trang) và Quí-hương bây giờ ở trong huyện Thượng-bản, phủ Hà-trung, ở giữa đồng bằng chung quanh có núi bao-bọc.

Theo ý mấy nhà chép sử thì dòng-dõi miêu Nguyễn phát dã lâu, thế-kỷ thứ trười dã có một ông người họ Nguyễn có tiếng đánh đuổi quân đô-hộ Tàu (1).

Theo sách sử-ký *Đại-Nam-Việt quốc-triều*, ông thủy-tổ nhà Nguyễn mà nổi danh-tiếng là ông Nguyễn-Tiên (hay là Nguyễn Công-Duẩn), ông ấy làm tướng giúp đức Lê Lợi lúc đánh nhau với quân nhà Minh.

Ông ấy lịch-lãm, thông - minh và thao-lược lắm, năm 1428, lúc nước dã thái-bình rồi, ông đứng đầu các quan xướng-suất tôn ông (Lê Lợi Lê Thái-tổ) lên ngôi thiên-tử thay cho Trần Cảo.

Vua Lê Thái-tổ thấy ông ấy giúp được nhiều công việc rỡ-rệt mới cho làm Tổng - quốc - chính, phong là Thái-bảo, Thái-úy, tước Quốc-công.

Con ông tên là Đức-Trung (2) cũng được phong Trịnh-Quốc-công, mà con cháu được thế-tập. Ông Đức-Trung là một tướng giỏi giúp vua Lê Nhân-tôn (1442-1459) và vua Lê Thánh-tôn (1460-1497) trong những trận đánh nhau với giặc Mán và Xiêm-thành. Con gái ông là Tiệp-dư hay là Cung-tần, lấy vua Lê Thánh-tôn, là một ông vua danh-tiếng nhất ở đời nhà Lê, mà niên-hiệu thứ hai là Hồng-đức. Bà Tiệp-dư sau là Hoàng - thái - hậu sinh ra vua Hiến - tôn (1497 - 1504) được tôn là Truy-lạc Thái-hậu.

Trong năm 1509, con quan Trịnh Quốc-công tên là Văn-Lang hay Cù-Lang chiêu-mộ quân bốn phủ ở Thanh-hóa ra dẹp loạn, vì vua Lê Uy-Mục-đế chơi - bời quá độ, chính-trị hỗn-loạn, dân trong ngoài không phục. Văn-Lang tôn vua Lê Tương-dực-đế lên ngôi (1509-1516); ông mất ngày tháng năm, năm quí-dậu, được truy-tặng Nghĩa - hưng-vương. Trần Cảo xưng là con cháu vua Trần Thái-tôn nổi loạn lên ở Hải-dương thì con ngài là Hoằng-Dụ hay là Dũ, đi đánh được, mới được làm Đề-đốc thống-lĩnh cả các đạo binh.

Nước An-Nam bấy giờ đã cường-thịnh lắm, nhưng chẳng may các vua như là Lê Uy-Mục và Lê Tương-dực không biết giữ được cho nước cường-thịnh mãi. Lê Tương-dực phải Trịnh Duy-Sản giết. Loạn mất mấy tháng, rồi vua Lê Chiêu-tôn (1516-1522) là cháu tằng vua Lê Thánh-tôn lên ngôi, Hoằng-Dụ cũng dự vào việc tôn-vương ấy một phần lớn. ông mất tháng chín năm mậu-dần (1518). Đời vua Lê Chiêu-tôn trị-vì thì có Mạc Đăng-Dung chiếm hết cả quyền, vua phải bỏ kinh - đô trốn vào Thanh - hóa. Mạc Đăng-Dung bắt vua bỏ ngục rồi giết đi trong năm 1526. Năm sau người ấy lại bắt vua Lê Thung (1522-1527) phải cùng mẹ tự-vẫn mà tự xưng Hoàng-đế niên-hiệu là Minh-đức.

Như thế thì bao nhiêu quyền-hành họ Nguyễn ở trong triều dần dần vào

(1) Theo sách ông Trương Vĩnh-ký thì ông tổ nhà Nguyễn là Nguyễn Bặc, về đời vua Đinh Tiên-Hoàng (968-979) có công to lắm.

(2) Đức-Trung hay là Nguyễn Đãi-Lang.

tay họ Mạc, họ Nguyễn thấy Mạc chiếm cả quyền trong nước thì không thể nhịn được. Đến lúc họ Mạc tiếm ngôi thì họ Nguyễn lấy làm căm giận. Mạc Đăng-Dung muốn chiêu-dụ nhưng không được.

Đức Triệu-tổ triều Nguyễn ta là con đức Hoằng-Dụ, là quan trung-thần nhà Lê, phải trốn vào Sầm-châu (giáp Thanh-hóa) địa-phận Sạ-Đầu vua Ai-lao, chứ không chịu phục nhà Mạc. Được ít lâu, ngài đem con út vua Lê Chiêu-tôn, tên là Ninh (1) ra làm vua hiệu là Lê Trang-tôn (1533-1548) niên-hiệu là Nguyên-hòa. Đức Triệu-tổ khi ấy còn là An-thành - hầu đã giúp được nhiều công việc lớn, vua Lê Trang-tôn muốn hậu thưởng, nên trong năm qui-tị (1533) phong ngài là Hưng-quốc-công và tôn là chúa.

Đức Triệu-tổ sửa-sang binh-mã để đánh Mạc Đăng-Dung ở biên-thùy tỉnh Thanh-hóa giữa nơi rừng núi.

Trong năm 1539 ngài thắng được mấy trận ở Nghệ-an, năm 1540 Mạc Đăng-Dung chết. Việc nhà Lê trung-hưng lại càng chóng, vả lại dân tỉnh Nghệ - an và tỉnh Thanh - hóa đều về vua Lê cả, cho nên đức Triệu-tổ càng dễ khu - xử. Năm 1540 ngài thắng ở Nghệ-an rồi kéo binh ra Thanh-hóa, ít lâu Dương Chấp-Nhất giữ ở Tây-kinh cũng đầu-hàng.

Đức Triệu-tổ khi ở trong triều cũng được quyền-thế như Mạc Đăng-Dung, nhưng mà ngài vẫn không dám lộng quyền, ngài vẫn một niềm thờ vua, đánh Mạc Đăng-Doanh (2) (1330-1540). Ngày 20 tháng năm, năm ất-tị (23 tháng năm tây năm 1545) ngài mất, thọ 78 tuổi. Ngài bấy giờ đương đánh ở Sơn - nam (Hà - đông, Nam-định, Hưng-yên) ăn phải quả dưa có thuốc độc mà mất. Người Dương Chấp - Nhất tưởng rằng làm cho nhà Lê mất một tay phù-trì thì tất nhà Lê kém đi mà nhà Mạc mạnh lên, cho nên người ấy mới mưu-mô dâng quả dưa có thuốc-độc ấy.

Lúc đức Triệu-tổ mất, ngài để lại ba người con : Một người trưởng-nữ tên là Ngọc - Báu gả cho Trịnh Kiểm, rồi sau quyền-bính của đức Triệu-tổ vào tay con rể cả; còn hai người con trai, một người trưởng-nam tên là Uông, tước Lãng-quận-công và làm tả-tướng, và đức Nguyễn-Hoàng, tước Hạ-khê - hầu bấy giờ mới 20 tuổi, về sau là đức Thái-tổ, khai-sáng ra triều Nguyễn.

Lăng đức Triệu-tổ ở làng Qui-hương, núi Thiên-tôn gọi là Trường-nguyên-lăng, Qui-hương là nơi đồng bằng, núi ở đấy tức là cái mô đất người ta đắp lên. Năm Minh-mệnh thứ hai, núi Thiên-tôn đổi tên là núi Triệu-tường, cái lăng cũng gọi theo tên ấy. Truy-tôn ngài là Triệu-tổ-tĩnh-hoàng-đế (3). Triều Nguyễn tôn hiệu Hoàng-đế từ ngài trước nhất.

Con ngài là đức Nguyễn Hoàng là vua sáng-nghiệp triều Nguyễn (4).

Ngài truyền ngôi cho con thứ sáu (5) là Hi - tôn - hiếu-văn-hoàng-đế, mà các nhà làm sử gọi là Tế-vương hay là Sãi-vương. Vua Sãi-vương sinh năm qui-hợi (1563) lúc lên ngôi 51 tuổi, ngài trị-vì từ năm 1613 đến năm 1635.

---

(1) Lê Ninh ta thường gọi là chúa Chổm.

(2) Là con Mạc Đăng-Dung.

(3) Năm giáp-ngọ 1594 truy-tôn ngài là Chiêu-huân-tĩnh-vương.

(4) Xem bài chép riêng.

(5) Nguyễn Phúc-Nguyên « Từ vua Hi-tôn-hiếu-văn hoàng-đế trở đi thì tên một chi họ Nguyễn là Nguyễn Phúc » (Cadière).

Ngài chiếm được của Chiêm-thành một quận, nên bờ cõi phía nam nước Nam rộng mãi đến tỉnh Khánh-hòa bây giờ. « Khi ngài trị-vì, chúa Trịnh khởi-binh đánh Nam-kỳ ». Ngài mới sai đắp lũy mà bây giờ hãy còn dấu vết ở bờ sông Nhật-lệ (sông này chảy qua Đồng-hới, tỉnh-lỵ Quảng-bình) để trấn biên-thùy. Ngài lấy được Nam-Bố-chính (1)(là phía bắc tỉnh Quảng-bình). Từ bấy giờ đàng trong với đàng ngoài lấy sông Linh-giang (sông Gianh) làm bờ cõi.

Sãi-vương chỉnh-đốn lại việc chính-trị ở đàng trong, ngài coi-sóc hết các việc, đặt thành điều-luật, như việc chính-trị, binh-lương, văn-học, v. v., đều chấn-chỉnh lại cả. Ngài mất ngày tháng tám năm ất-hợi (19 tháng một tây năm 1635), trị-vì 22 năm, thọ 75 tuổi.

Đời vua Sãi-vương người Âu-châu có làm nhiều nhà cửa ở Hải-phố (Fai-Fo). Nam-chúa hay giao-thiệp với người Bồ-đào-nha, tiếp-đãi rất tử-tế, vì ngài biết rằng có thể nhờ những người ấy giúp để đánh chúa Trịnh được. Trong năm 1614, một người Bồ-đào-nha, tên là JEAN DE LA CROIX đến ở gần Huế, lập một nhà đúc súng đại-bác ở một chỗ bây giờ gọi là thợ Đúc. Việc đóng tàu bè, người Nam cũng học được của người Bồ-đào-nha nhiều, về sau Nam-triều đánh được Bắc-kỳ thì chắc là vì người Bồ-đào-nha giúp đỡ nhiều.

Con thứ hai đức Sãi-vương là Nguyễn Phúc-Lan lên nối ngôi, truy-tôn là Thần-tôn-hiếu-chiêu hoàng-đế. Chúa sinh ngày 16 tháng bảy năm tân-sửu (1601); năm lên ngôi 36 tuổi. Những sử-thần gọi ngài là Công-thượng-vương hay Thượng-chủ, ngài trị-vì đến năm 1648. Khi tức-vị rồi đức Thượng-Vương đóng kinh-đô tại Kim-long ở dưới kinh-đô bây giờ vài cây-lô-mét, rồi đem quân ra đánh Bắc-Bố-chính (2) là chỗ quân Trịnh đóng. Trong năm 1648, Bắc-binh tiến đến tận dinh-(3) lỵ Quảng-bình, đóng ở đấy ít lâu. Về sau con đức Công-Thượng-vương là Thái-tôn Hiếu-triết-hoàng-đế (Hiền-vương) đánh đuổi được quân giặc, (Hiền-vương lên ngôi năm 1648 trị-vì đến năm 1687.) Công-Thượng-vương mất ngày tháng 2 năm mậu-tí (19 tháng ba tây năm 1648), ngài trị-vì 13 năm, thọ 48 tuổi.

Con đức Công-Thượng-vương là Nguyễn Phúc-Tần, sinh tháng sáu năm canh-thân (1620) hiệu là Hiền-chủ; các nhà làm sử gọi ngài là Hiền-vương.

Trong năm 1653 đức Hiền-vương chiếm lấy của Chiêm-thành đất Khánh-hòa bây giờ.

Trong năm 1658, vua Cao-miên (nước Chân-lạp trước) là Nạc-ông-Sân xâm lấn vào đất nước Nam. Tướng Nam-triều đi đánh bắt được vua Cao-miên, vua Hiền-vương thứ tội cho vua Cao-miên, nhưng bắt phải xưng-thần cống-hiến nước Nam.

---

(1) Bây-giờ là Bố-trạch.

(2) Bây giờ là Quảng-trạch.

(3) Đầu triều Nguyễn, tiếng « dinh » chỉ chỗ vua ngự. Đến năm 1624, nơi vua ngự gọi là « phủ » nhưng mà tiếng nôm gọi là « dinh ». Tiếng « dinh » lại dùng chỉ một địa-hạt ở trong nước, có quan Trấn-thủ cai-trị.

Trong năm 1635, có năm dinh, chính-dinh là chỗ vua ngự (Thừa-thiên); Cựu-dinh nghĩa là dinh vua ngự ngày trước; Quảng-trị; dinh Quảng-bình (phần ở giữa và phía nam tỉnh Quảng-bình bây giờ); dinh Quảng-nam; dinh Trấn-biên mới lập cho Chiêm-thành năm 1629 (xem bài của Cadière ở sách biên-tập tràng Bắc-cổ Viễn-đông, trang 142, lời chú thứ 2).

Năm 1674, nhân nước Cao-miên có loạn, Nạc Ông - Non phải chạy, hai tướng An-Nam lấy thành Sài-gòn mà lập Nạc-Ông-Non làm phó-vương ở đấy (1).

Năm 1680, có hai tướng nhà Minh tên là Dương Ngạn-Địch và Trần Thắng-Tài, không chịu hàng nhà Thanh, cho nên đến xin các vua triều Nguyễn bảo-hộ. Vua Hiền-vương sai những người ấy vào phá đồn-điền ở Mĩ-tho.

Đời vua Hiền-vương, Nam-quân kéo ra đến Nghệ-an ở đấy đến năm 1661. Trong năm 1662 Bắc-quân kéo vào đến Nhật-lệ, nhưng ít lâu phải rút quân về phía bắc sông Linh-giang, vì Nam-binh trước khi bỏ chạy về Nam Bố-chính đã tàn-phá cả. Trận đánh sau cùng trong năm 1672. Bắc - binh đem nhiều quân tiến vào thì hai bên đánh nhau rất dữ-dội ở chân lũy Nhật-lệ, nhưng mà bị Nguyễn Hữu-Dật (2) là tướng anh-hùng trong Nam-Triều đánh đuổi được quân Trịnh đi. Từ khi ấy, chúa Trịnh phải chịu để Nguyễn-chúa độc-lập mà lấy sông Gianh làm giới-hạn hai bên. Khi nhà Trịnh đánh trận sau cùng với Nam-triều thì ông Hoàng Hiệp mới 20 tuổi làm Nguyên-soái Nam-binh. Ông Hoàng Hiệp là con thứ tư đức Hiền-vương. Lúc ông còn bé đặt tên là Hiệp, tên ông cũng là Thuần nữa. Ông được phong tước Hiệp-đức-hầu, năm ông mất (1675) được truy-tặng là Hiệp-quận-công. Ông mặt mũi phương-phi, tính nết quảng-đại, trong các ông hoàng ở triều Nam thì xem ra ông là người đức-hạnh. *Liệt-truyện* chép rằng khi ông Hiệp-đức đã thắng-trận rồi, vào chầu bái-yết, vua Hiền-vương mừng lắm ban thưởng cho 100 lạng vàng, 1000 lạng bạc, 50 tấm gấm vóc. Hiệp-đức từ chối nói rằng: «Nhờ uy-quyền vương-phụ và công-lao các tướng nên mới thắng-trận, chứ một mình thần làm gì được.» Hiền-vương nói rằng: «Có công lớn thì nên nhận trọng-thưởng.» Hiệp-đức mới chịu nhận thưởng. Lúc đi trận, ngài nghỉ ở trại thì chỉ có hai tên lính hầu, một người canh bên hữu và một người canh bên tả. Có người ở Quảng-bình tên là Bật-Nghĩa có một người con gái cực đẹp đem dâng ngài, ngài từ chối không nhận, lại thấy tên ấy nghèo, ngài cho 10 quan tiền. Từ khi thắng được Bắc-quân trở về người ta dâng nhiều mĩ-nữ, nhưng ngài không thuận. Ngài sai làm một cái phòng nhỏ thường đến đấy vui-thú đọc sách Phật. Năm ất-mão (1675) Hoàng-tử Hiệp-đức mắc bệnh lên đậu, mất năm 23 tuổi (3).

Mãi đến năm 1774, lại có Bắc-binh kéo quân tràn vào trong Nam, là vì lần này người Bắc-kỳ khởi - loạn. Vua Hiền-vương mất tháng ba năm đinh-dậu (30 tháng tư tây năm 1687) ngài trị-vì 39 năm, thọ 68 tuổi.

Con thứ hai vua Hiền-vương là Nguyễn Phúc - Trăn (4) lên nối ngôi hiệu là Anh-tôn-hiếu-nghĩa-hoàng-đế (1687-1691), các nhà sử-thần gọi là Ngãi-vương hay là Nghĩa-chủ. Lúc đức Ngãi-vương lên ngôi thì không lo gì việc ngoài Bắc nữa, năm đầu, ngài dời đô đến Phú-xuân (kinh-đô Huế bây giờ.) Lúc ngài trị vì vua Cao-mên có ý không thần-

(1) Vua thứ nhất thì đóng tại Vũ-long, bây giờ là Du-đong ở Xiêm-la.

(2) Ông quê ở Thanh-hóa.

(3) Xem lời chú-thích thứ 4 ở trang 230 trong sách Biên-tập của trường Bác-cổ Viễn-đông năm 1916 (Cadière).

(4) Ngài sinh tháng chạp năm kỉ-sửu (29 tháng giêng tây năm 1650) Lúc ngài lên ngôi thì 29 tuổi.

phục, ngài liền dẹp yên, sát-nhập những xứ ở chung quanh Sài-gòn vào Nam-kỳ và đặt quan kinh-lược An-Nam cai-trị Cao-mên. (Cũng đời ấy, những người du-đãng cùng những kẻ không vào đinh-tịch nào thì bắt đem đến các tỉnh mới chiếm được, lập thành làng ở rải-rắc các tỉnh chung quanh đấy.) Đức Ngãi-vương mất tháng giêng năm tân-vị (7 tháng hai năm 1691). Ngài trị-vì bốn năm, thọ 43 tuổi.

Con cả đức Ngãi-vương tên là Nguyễn Phúc-Chu, hiệu là Hiến-tôn-hiếu-minh-hoàng-đế mà các sử-thần gọi là Minh-vương, sinh tháng năm, năm ất-mão (11 tháng sáu tây năm 1675.) Lúc ngài lên ngôi mới 17 tuổi trị-vì 34 năm (1691-1725). Từ năm qui-dậu (1693) Nam-chúa ở Huế mới xưng là Quốc-chủ. Ngay năm ngài lên ngôi (1691) diệt nước Chiêm-thành sát-nhập vào nước An-Nam. Năm 1715, có một người cựu-thần nhà Minh, tên là Mạc-Cửu được khai-chưng cả các sòng gá bạc ở Nam-vang cho nên giàu có lắm, mới lấy được đất Hà-tiên dâng vua Hiến-tôn, vì thế nước An-Nam khai-thác mãi đến vịnh Xiêm-la.

Vua Minh-vương mất ngày 21 tháng tư năm ất-tị (1 tháng 6 tây năm 1725) Thọ 51 tuổi. Ngài sinh được 146 người con cả trai lẫn gái.

Con cả ngài tên là Nguyễn Phúc-Chú lên nối ngôi, hiệu là Túc-tôn-hiến-minh hoàng-đế hay là Minh-vương (1725-1738). Minh-vương sinh tháng chạp năm bính-tí (14 tháng giêng tây năm 1697) lúc tức-vị mới 30 tuổi. Đời vua Minh-vương trị-vì, việc chính-trị ở Hà-tiên sửa-sang lại nhiều lắm. Những giặc-dã tàn-phá trong xứ ấy thì đánh giết được hết.

Vua Minh-vương mất ngày 20 tháng tư năm mậu-ngọ (7 tháng sáu tây năm 1738) Ngài trị-vì 13 năm, thọ 43 tuổi.

Con cả ngài là Nguyễn Phúc-Khoát hiệu là Thế-tôn-hiếu-vũ hoàng-đế, mà các sử-thần gọi là Vũ-vương lên nối ngôi. Vua Vũ-vương sinh ngày 18 tháng 8 năm giáp-ngọ (16 tháng chín tây 1714), lúc lên ngôi ngài mới 15 tuổi, ngài trị-vì 27 năm (1738-1765). Đời vua Vũ-vương, người Cao-mên dấy loạn (1757) nên mới lấy trung-châu xứ Nam-kỳ sáp-nhập vào nước Nam. Đến năm 1749, một người Đại-Pháp tên là P. Poivre đến Faifoo. Ông vào Huế, dâng chúa một cái thư cùng đồ lễ của vua Louis XV, thì chúa tiếp-đãi tử-tế lắm. Vũ-vương cho phép ông buôn-bán ở xứ ấy; lại đưa một cái thư gửi cho vua Đại-Pháp, thư như thế này: « Quả-nhân viết thư này để tỏ tấm lòng thành-thực kính-mến quốc-vương. Quả-nhân nghe rằng: Quốc-vương đã cho một chiếc tàu đến bến nước Nam, thì Quả-nhân đội ơn lắm. Giá từ bây giờ trở đi, hai nước ta được thông-hiếu cùng nhau, thì Quả-nhân lấy làm bằng lòng lắm. » Năm 1769, An-độ-thương-cục bãi đi, cho nên việc giao-tế nước Đại-Pháp với nước Nam không được thân-mật.

Vũ-vương mất ngày 20 tháng năm năm ất-dậu (7 tháng 7 tây năm 1765).

Con cả Vũ-vương tên là Chương mất sớm, cho nên ông Hoàng hai con Hoàng-hậu lên nối ngôi, truy-tôn là Hưng-tổ-hiếu-khang hoàng-đế hay là Hưng-tổ (ngài là hoàng-khảo vua Gia-long.)

Nhưng có một đảng quyền-thần truất ngôi thế-tử, thế-tử đã 30 tuổi. Đến lúc Vũ-vương mất đảng ấy mạo tờ di-chiếu lập người con vợ thứ mà đức tiên-đế yêu giấu lên nối ngôi, tức là Huệ-vương.

Vua Huệ-vương sau truy-tôn là Duệ

tôn hiến-định hoàng-đế (1), lúc lên ngôi mới 12 tuổi (2).

Đảng quyền - thần tôn đức Huệ-vương lên ngôi, mới giữ đức Hưng-tổ trong giam-thất, sau ngài uống thuốc độc mà mất.

Đảng quyền-thần cướp lấy quyền thì Trương Phúc-Loan làm phụ-chính quyền-thế nhất, ông ấy kiêu-ngạo tham-nhũng, lòng dân ai cũng oán-thán. Tây-sơn nhân thế khởi lên trong năm 1771 ở miền Trung-kỳ, rồi lan to ra dữ lắm.

Lúc bấy giờ Trịnh Sâm cầm quyền ngoài Bắc, năm 1767 đời vua Lê Hiển-tôn, đem binh vào đánh trong nam. (năm 1774 (3).

Bắc-quân mượn tiếng là đem quân đi dẹp giặc Tây-sơn, để cho các quan ở biên-thùy trong Nam khỏi nghi-hoặc. Nhưng nếu không xảy ra một việc như trong *Thực-lục* có chép. thì việc Tây-sơn khởi loạn cũng không đủ làm cho Trịnh Sâm khởi việc chinh-chiến. Vì khi ấy có ông Hoằng-Văn con ông Hoằng - Dục (4) đã bị Trương Phúc-Loan làm ức hiếp, nên lẻn ra Bắc-triều kể hết dân-tình trong Nam, kể cả việc loạn ở những tỉnh phương Nam, việc bất-bình ở trong triều và ngoài dân-gian (5).

Duệ-tôn biết rằng Trịnh Sâm tất có ý muốn gây sự chinh-chiến bèn tìm cách chống cự lại, nhưng mà thấy Trịnh thắng - thế phải bỏ Huế chạy đi, đến ngày 30 tháng giêng tây năm 1775, Trịnh Sâm đánh được quân Nam kéo vào Huế.

Duệ - tôn chiêu - tập quân ở các miền hạ-du trong Nam được một đạo binh sai đi đánh Tây-sơn, nhưng mà trong năm 1775 Tây-sơn thắng một trận lớn, thừa-thắng kéo tràn vào các tỉnh ở phương Nam. Đức Duệ-tôn phải bị-sát giữa ngày 18 tháng chín năm đinh-dậu. (18 tháng mười tây năm 1777). Hoàng-tôn (1777-1778) (6) lên nối ngôi trong năm 1777, về sau cũng phải bị sát năm mậu-tuất (1778). Trong năm 1787 Tây-sơn chiếm được Nam-Bắc-kỳ đến tận vịnh Xiêm-la.

Đức Thế-tổ con thứ ba đức Chương-Vũ (Hưng-tổ) lên nối nghiệp (1778-1820) ngài sinh ngày rằm tháng giêng năm nhâm-ngọ (18 tháng 7 tây 1762), lúc ngài lên cầm quyền, mới 17 tuổi. Tuy ngài thua nhiều phen nhưng không tỏa-chí. Ngài nhờ có người Đại-Pháp giúp đánh Tây-sơn, dần-dần chiếm được hạ-du Nam-kỳ, thu - phục được Qui-nhơn là chỗ Tây-sơn khởi-loạn, thu-phục được Huế ngày 3 tháng năm năm tân-dậu (13 tháng 6 tây năm 1801), ngài đánh Tây-sơn thua bại-hoại ở bờ sông Nhật-lệ, ngài kéo ra Hà-nội ngày 23 tháng sáu năm nhâm-tuất (22 tháng 7 tây năm 1802).

Đức Thế-tổ nhất-thống An - Nam, từ bắc chí nam, ngài lên ngôi Hoàng-đế, niên-hiệu là Gia-long, năm sau vua Tàu sai sứ sang tuyên-phong đem sắc-thư và ấn bằng bạc mạ vàng trên có con lạc-đà (7) để phong vương cho ngài.

---

(1) (Năm 1765-1777) con thứ mười-sáu Vũ-vương.

(2) Biên-tập của tràng Khảo-cổ Viễn-đông năm 1906, trang 236 (Cadière). Tên ngài là Nguyễn Phúc-Thuần, sinh ngày 18 tháng một năm giáp-tuất (31 tháng chạp tây 1754) Những sử-thần gọi là Huệ-vương và Định-vương.

(3) Biên-tập của tràng Khảo-cổ năm 1907, trang 237 (Cadière).

(4) Con cả ông Hoàng - tử Đán, con thứ tám vua Minh-vương (1691.1725).

(5) Biên-tập của tràng Khảo-cổ, trang 237.

(6) Ông hoàng Dương, con cả ông Hiêu là con thứ chín vua Thế-tôn (Vũ-vương).

(7) Biên tập tràng Khảo-cổ-Viễn-đông năm 1906, trang 253 (Cadière).

Đức Gia-long thống-nhất nước Việt-Nam (1). Còn các vua nối ngôi ngài về sau thì thuộc về quốc-sử, nên ta không chép.

(*Còn nữa*)

Nguyên Pháp-văn của ông Giáo LE BRETON
NGUYỄN QUÍ-TOÀN *dịch*

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (2)

孟子國文解釋

IX

II

四乎。如此得子公
十孟此霸行加孫
不子則王道齊丑
動曰動不焉。之問
心。否。心異雖卿曰。
我否矣。由相。夫

Dịch-âm. — *Công-tôn Sửu vấn viết : « Phu-tử gia Tề chi khanh-tướng, đắc hành đạo yên, tuy do thử bá vương bất dị hĩ. Như thử tắc động tâm phủ hồ ? » Mạnh-tử viết : « Phủ, ngã tứ-thập bất động-tâm ».*

DỊCH-NGHĨA. — Công-tôn Sửu hỏi : « Nhà thầy nếu ở vào cái ngôi khanh-tướng nước Tề, được đem cái đạo của mình ra thi-thố, dẫu nhân thế mà làm thành được nghiệp vương nghiệp bá, cũng chẳng lạ gì. Nhưng đương cái trách-nhiệm như vậy, thì thầy có động-tâm hay không ? » Thầy Mạnh nói : « Không, ta từ thủa bốn-mươi tuổi đã chẳng động tâm rồi ».

Chú-giải. — *Gia* = Đem thêm vào, cái vật gì ở ngoài mà nó đem đến cho mình. *Động-tâm* = Nghi-hoặc sợ hãi. Đương cái trách-nhiệm to-tát nặng-nề, mà trong lòng nghi-hoặc sợ-hãi, đó là kẻ người thường. Chứ quân-tử thì đạo đã minh, đức đã lập, gặp việc thì cứ thung-dung mà xử-trí, sự lớn cũng coi như nhỏ, có sự cũng coi như không. *Tứ-thập* = Chính vừa tuổi cường-sĩ, mà đương là thời bất-hoặc (3).

∴

心。我告是遠過則曰
不子不矣。孟夫若
動先難。曰賁子是

Dịch-âm. — *Viết : « Ngược thị tắc phu-tử quá Mạnh-Bôn viễn hĩ ? » Viết : « Thị bất nan. Cáo-tử tiên-ngã bất động-tâm ».*

DỊCH-NGHĨA. — Sửu nói : « Như thế thì nhà thầy hơn Mạnh Bôn nhiều lắm. » Thầy nói : « Cái đó chẳng khó gì, Cáo-tử bất-động-tâm trước ta ».

(1) Ngày 1 tháng giêng năm canh-tí (5 tháng 2 tây năm (1780) (năm Cảnh-hưng thứ 41 vua Lê Hiển-tông, ngụy-hiệu Thái-đức thứ ba vua Nguyễn Văn-Nhạc) đức Thái-tổ mới xưng vương. Ngài xưng vương trong 23 năm, cho đến tháng giêng năm nhâm-tuất (1802) (Cadière). Từ ngày 2 tháng năm năm nhâm-tuất (1 tháng sáu tây năm 1802) thì kể là Gia-long nguyên-niên, triều Nguyễn bắt đầu từ đấy. Gia-long kỷ-nguyên được 18 năm. Đức Gia-long mất ngày 19 tháng chạp năm kỉ-mão (3 tháng hai tây năm 1820). Có nhà làm sách nói rằng ngài mất 25 tháng giêng năm 1820.

(2) Xem *Nam-Phong* số 78, 79, 80, 83, 84, 86, 87, 88.

(3) *Cường-sĩ* = Kinh *Lễ* cho tuổi bốn-mươi là đương thời khỏe mạnh ra làm quan. *Bất-hoặc* = không nghi ngờ. Đức Khổng-tử tứ-thập bất hoặc.

Chú-giải. — *Mạnh Bôn* = Một người dũng-sĩ đời bấy giờ. *Cáo-tử* = Tên là Bất-Hại, một người triết-học đời bấy giờ.

Đây là Sửu đem một nhà dũng-sĩ tuyệt-đối ra so-sánh với thầy Mạnh để khen thầy Mạnh, mà cho sự bất-động-tâm là khó. Thầy Mạnh lại cho sự bất-động-tâm là không khó, mà đem một nhà triết-học tầm-thường ra so sánh với mình. Xét : Con tâm người ta hễ có sở-chủ thì tự-nhiên bất-động. Song cái điều sở-chủ đó hợp với đạo hay là không hợp với đạo thế nào, sẽ xem lời thầy Mạnh giải ra như sau.

.·.

乎。心 曰
曰 有 不
有。道 動

Dịch-âm. — *Viết* : « *Bất-động-tâm hữu đạo hồ ?* » *Viết* : « *Hữu.*

Dịch-nghĩa. — Sửu nói : « Điều bất-động-tâm đó, có mẹo không ? » Thầy nói : « Có.

Chú-giải. — *Đạo* = Cái mẹo, chữ *đạo* đây khác với chữ *đạo-đức* và chữ *đạo-lý*.

Đây nói con tâm hữu-chủ thì bất-động, hữu-chủ tức là cái mẹo bất-động-tâm.

.·.

惡 君。萬 受 於 撓。北
聲 者 乘 於 人。不 宮
至 刺 之 褐 若 目 黝
必 褐 君。寬 褐 逃。之
反 夫。視 博。之 思 養
之。無 刺 亦 於 以 勇
殿 萬 不 市 一 也。
諸 乘 受 朝。毫 不
侯。之 於 不 撓 膚

Dịch-âm. — « *Bắc-Cung Ẩu chi dưỡng dũng dã. Bất phu não, bất mục đào, tư dĩ nhất hào tổn ư nhân, nhược thất chi ư thị-triều, bất thụ ư cát khoan-bác, diệc bất-thụ ư vạn-thặng chi quân, thị thích vạn-thặng chi quân, nhược thích cát-phu, vô nghiêm chư-hầu, ác-thanh chi tất phản chi.*

Dịch-nghĩa. — « Bắc-Cung Ẩu anh ta nuôi cái dũng thế này : chẳng trùng da, chẳng chớp mắt, vì nghĩ rằng nếu để một mảy gì bị nhục với người, khác nào như mình bị đánh ở giữa chốn thị-triều. Chẳng chịu nhục với đứa mặc áo vải lùng-thùng, cũng chẳng chịu nhục với ông vua vạn-thặng ; coi giết ông vua vạn-thặng, cũng như giết đứa mặc áo vải ; không sợ vua chư-hầu nào cả ; hễ tiếng xấu đến mình, tất báo lại ngay.

Chú-giải. — *Phu* = Da ở bề ngoài. *Não* = trùng, run sợ bị đâm mà trùng da lại. *Đào* = chuyển con ngươi mà tránh, nghĩa là sợ bị đâm mà chớp mắt. *Tổn* = Tổn-chiết, là bị nhục. *Thất* = Đánh. *Thị-triều* = Chốn chợ đông vì chốn triều-đình. *Cát* = Áo vải lông xù. *Khoan-bác* = Lùng-thùng xốc-xếch. Cát-khoan-bác là bộ áo mặc của kẻ hèn. *Thích* = Đâm giết. *Nghiêm* = Sợ hãi.

Đây nói Bắc-Cung Ẩu là người thích-khách trong tâm chỉ chủ lấy tất-thắng, cho nên bất-động. Đó là một cái mẹo bất-động-tâm.

.·.

懼 豈 會。敵 曰 孟
而 能 是 而 視 施
已 爲 畏 後 不 舍
矣。必 三 進。勝 之
勝 軍 虛 猶 所
哉。者 勝 勝 養
能 也。而 也。勇
無 舍 後 量 也。

Dịch-âm. — « *Mạnh Thi-Xá chi sở dưỡng dũng dã : Viết : « thị bất-thắng do thắng dã, lượng địch nhi hậu tiến, lự thắng nhi hậu hội, thị ủy tam-quân giả dã. Xá khởi năng vi tất-thắng tai, năng vô cụ nhi dĩ hĩ.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Mạnh Thi-Xá anh ta nuôi các dũng thế này : Anh ta thường nói : « Ta chỉ một lòng quyết-chiến coi thua cũng như được. Nếu lượng thế giặc kém rồi mới tiến quân, liệu sức mình hơn rồi mới giao-chiến, thế là kẻ rút-rát đấy. Xá này há dám chắc hẳn được đâu, chỉ một lòng không sợ mà thôi. »

Chú-giải. — *Lự* = Lo liệu. *Lự.thắng* = Liệu mình có phần hơn khả.dĩ đánh được. *Úy-tam-quân* = Cổ-chế có thượng-quân, trung-quân, hạ.quân, gọi là tam-quân. Trông thấy tam-quân mà sợ, ý là người rút-rát.

Đây nói Mạnh Thi-Xá là người chiến-sĩ, trong tâm chỉ chủ một điều *vô-cụ* (không sợ) cho nên bất-động. Đó lại là một cái mẹo bất-động-tâm.

.·.

約 孟 孰 勇。夫 嘗 曾 孟
也。施 賁。未 二 以 子。施
舍 然 知 子 子 北 舍
守 而 其 之 夏。宮 似

Dịch-âm. — « *Mạnh Thi-Xá tự Tăng-tử, Bắc-Cung-Âu tự Tử-Hạ. Phù nhị-tử chi dũng, vị tri kỳ thục hiền, nhiên-nhi Mạnh Thi-Xá thủ-ước dã.*

DỊCH-NGHĨA. — « Khí - tượng Mạnh Thi-Xá giống thầy Tăng-tử, khí-tượng Bắc-Cung Âu giống thầy Tử-Hạ. Ôi! Cái dũng của hai gã, đều là cái dũng khí-huyết, chửa biết ai hơn, nhưng so ra thì Mạnh Thi-Xá sở-thủ yếu-ước hơn.

Chú-giải. — *Tăng-tử, Tử-Hạ* = Đều là bậc cao-hiền ở Khổng.môn.

Đây là luận qua cái dũng của hai gã; người Âu thì chuyên-chủ đối.địch với người, so với thầy Tử-Hạ chỉ đốc lòng tin theo thánh-nhân ; người Xá thì chuyên-chủ giữ mình cho bạo-dạn, so với thầy Tăng-tử bình-sinh chỉ chăm sửa mình, tuy nhân-cách mỗi đàng một khác, nhưng mà giống nhau là chỉ giống cái khí-tượng đó mà thôi. Lại đem hai gã mà so với nhau, thì người Xá sở-thủ có phần yếu-ước hơn.

.·.

吾 而 吾 不 夫 吾 襄 昔
往 縮。不 縮。子 嘗 曰。者
矣。雖 惴 雖 矣。聞 子 曾
千 焉。褐 自 大 好 子
萬 自 寬 反 勇 勇 謂
人 反 博。面 於 乎。子

Dịch-âm. — « *Tích-giả Tăng-tử vị Tử-Tương viết : « Tử hiếu dũng hồ ? Ngô thường văn đại-dũng ư Phu-tử hĩ, tự phản nhi bất-súc, tuy cát khoan-bác, ngô bất xủy yển. Tự phản nhi súc, tuy-thiên vạn nhân ngô vãng hĩ.* »

DỊCH-NGHĨA.— « Ngày xưa thầy Tăng bảo thầy Tử-Tương rằng : « Ngươi muốn học điều dũng không? Ta từng nghe điều dũng lớn của thầy ta truyền rằng : Xét mình mà lẽ không thẳng, tuy dứa mặc áo vải lùng - thùng, ta há chẳng sợ ; xét mình mà thẳng, tuy nghìn vạn người, ta cũng đi mà đối-địch vậy ».

Chú-giải. — *Tử-Tương* = Học-trò thầy Tăng-tử. *Phu-tử* = Cái danh-từ tôn-trọng học-trò gọi thầy ; phu-tử đây tức là ông Khổng. *Súc* = Cái đường đọc khâu trong cái mũ đời xưa, nói mượn nghĩa là thẳng. *Xủy* = sợ-hãi. *Bất-xủy* = Há chẳng sợ, là phải Sợ.

Đây là kể ra cái dũng của thầy Tăng-tử, chỉ chủ ở cái lẽ thẳng mà thôi. Đó mới là cái dũng nghĩa-lý, khác với người Âu người Xá là dũng huyết-khí.

.·.

也。守 子 如 又 守 舍 孟
約 之 曾 不 氣。之 施

Dịch-âm. — « *Mạnh Thi-Xá chi thủ-khí, hựu bất-như Tăng-tử chi thủ-ước dã* ».

DỊCH NGHĨA. — « Song Mạnh Thi-Xá sở-thủ chỉ là khí, không bằng thầy Tăng-tử sở-thủ cốt tại lý, lại càng yếu-ước hơn ».

Chú-giải. — Đây nói thầy Tăng trong tâm chỉ chủ lấy cái lẽ thẳng mà bất-động. Đó lại là một cái mẹo bất-động-tâm, mà cái mẹo này mới là cái mẹo của thánh-hiền.

∴

志。志。氣 於 得 心。告 告 曰
無 至 之 言。於 不 子 子 敢
暴 焉。帥 勿 心。得 曰。之 問
其 氣。也。求 勿 於 不 不 夫
氣。次 氣。於 求 心。得 動 子
焉。體 心。於 勿 於 心。之
故 之 不 氣。求 言。可 不
曰 充 可。可。於 勿 得 動
持 也。夫 不 氣。求 聞 心。
其 夫 志。得 不 於 爽。爽

Dịch-âm. — *Viết : « Cảm vấn phu-tử chi bất động-tâm, dữ Cáo-tử chi bất động-tâm, khả đắc văn dư ? » « Cáo-tử viết : « Bất đắc ư ngôn, vật cầu ư tâm ; bất đắc ư tâm vật cầu ư khí ». Bất đắc ư tâm, vật cầu ư khí, khả ; bất đắc ư ngôn, vật cầu ư tâm, bất khả. Phù chí, khí chi súy dã ; khí, thể chi sung dã. Phù chí, chí yên ; khí thứ yên. Gố viết trì kỳ chí, vô bạo kỳ khí. »*

Dịch-nghĩa. — Sửu nói : «Dám hỏi nhà thầy bất-động-tâm, với Cáo-tử trước thầy bất-động-tâm, cái mẹo có thể được nghe chăng ? » Thầy nói : Cáo-tử có nói rằng : « Lời nói mà chẳng đạt, thì chớ suy nghĩ ở trong tâm ; trong tâm mà chẳng yên, thì chớ động chí đến khí. » Bảo rằng con tâm mà chẳng yên, chớ động chí đến khí, còn hơi phải. Bảo rằng lời nói mà chẳng đạt, chớ suy nghĩ ở trong tâm, thì không phải. Nay phải biết rằng chí là tướng-súy của khí, khí là sung-mãn ra ở thân-thể ; thế thời cái chí là bậc nhất, mà cái khí tức là thứ hai. Vậy nên giữ-gìn lấy cái chí, mà cũng chớ nên khuy-tổn mất cái khí. »

Chú-giải. — *Cầu-ư-tâm* = Là dụng tâm suy nghĩ. *Cầu-ư-khí* = Là thêm sức giúp đỡ cho khí băng lên. Cáo-tử không cầu chí đến tâm, không cầu chí đến khí, là giữ cho khỏi động đến tâm. *Súy* = Ông tướng trong quân, nói bóng là chủ-tể. *Thể* = Thân-thể. *Sung* = Sung-mãn, đầy dàn. *Chí* 至 = Cực-chí, là nói bậc nhất, không gì hơn nữa. *Thứ* = Bậc thứ hai, tiếp liền với bậc nhất. *Trì* = Giữ gìn. *Bạo* = Tổn-hại bỏ liều, có ý làm cho khuy-tổn.

Đây là Thầy Mạnh thuật lại lời Cáo-tử để rõ ra rằng Cáo-tử chỉ ức-chế con tâm, vì cũng chẳng bồi-dưỡng chí cái khí, thế mà hay bất-động tâm sớm, là chỉ chủ-nghĩa ư-lý mà thôi. Sau thầy lại bàn ra cái chí và cái khí đều nên giữ-gìn bồi-dưỡng, cái chí nên trì, mà cái khí cũng nên dưỡng ; chớ như cái lời « *vật-cầu ư-tâm* » của Cáo-tử là không phải dã đành, mà cái lời « *vật cầu-ư-khí* » của Cáo-tử cũng là không phải.

∴

反 趨 志 動 何 志 次 既
動 者。也。氣。也。無 焉。曰
其 是 今 氣 曰 暴 又 志
心。氣 夫 壹 志 其 曰 至
也。蹶 則 壹 氣 持 焉。
而 者 動 則 者 其 氣

Dịch-âm. — « *Kỳ viết : « Chí chí yên, khí thứ yên. » hựu viết : « Trì kỳ chí vô bạo kỳ khí » giả hà dã ? » Viết : « chí nhất tắc động khí, khí nhất tắc động chí dã. Kim phù quệ giả, xu giả, thị khí dã, nhi phản động kỳ tâm. »*

Dịch-nghĩa. — Sửu hỏi : « Đã nói rằng : «Chí là nhất, khí là thứ hai.» lại nói rằng : « Gìn-giữ cái chí, chớ khuy-tổn cái khí. » là nghĩa sao ? » Thầy nói : « Cái chí mà chuyên - nhất thì động đến cái khí. Cái khí mà chuyên-nhất thì động đến cái chí. Kìa như đi mà vấp, chạy mà vội, là vì cái khí

không được hòa-bình, mà có thể lại chấn-động đến con tâm.»

Chú-giải. — *Nhất* = Chuyên-nhất, là sở-hướng thiên về một bên. *Quệ* = Vấp ngã. *Xu* = Bước rảo, chạy vội. *Động* = Chấn-động, không được yên.

Đây là nói người ta có cái chí với cái khí vốn phải theo nhau, chớ không thể lìa ra mà chỉ thiên-trọng về một bên được. Nghiệm ngay như người vấp người chạy là vì cái khí động, mà có khi động đến cả con tâm, thì đủ rõ rằng khí nhất thì động đến chí, thế cho nên phải trì lấy cái chí, mà cũng chớ để khuy-tổn mất cái khí.

∴

氣。浩善知長。子敢
然養言。曰惡問
之吾我我乎夫

Dịch-âm. — « *Cảm vấn: « Phu-tử ô hồ tràng ? » Việt ngã tri ngôn, ngã thiện-dưỡng ngô hiệu-nhiên chi khí.* »

Dịch-nghĩa. — « Thưa dám hỏi : « Nhà thầy sở - tràng về điều gì ? » Thầy nói : « Ta biết xét lời nói của thiên-hạ, ta khéo nuôi cái khí hiệu-nhiên của ta. »

Chú-giải. — *Tri-ngôn* = Xét biết những lời nói của thiên-hạ, cho đến cùng-cực mọi lẽ phải trái. *Hiệu-nhiên* = Trạng-từ, là cái dáng bát-ngát mênh-mông đầy dẫy. Đó là trỏ cái khí sung-mãn ở trong thân-thể và lưu-lộ ra khắp cả trong vũ-trụ, vốn là hiệu-nhiên. Nếu để thất-dưỡng thì hóa ra nhút-nhát đớn-hèn, nếu hay thiện-dưỡng thì lại vẫn sung-túc mạnh-mẽ. Thầy Mạnh mà bất-động-tâm, một là hay xét biết được lời nói, cùng-cứu cho rõ biết đến đạo-nghĩa, nên đối với vạn-sự trong thiên-hạ không còn ngờ điều gì nữa. Hai là hay nuôi được cái khí mình, thiện-dưỡng cho hợp với đạo-nghĩa, nên đối với vạn-sự trong thiên-hạ, không còn sợ điều gì cả. Ấy thầy Mạnh sở-dĩ dám đa ng được việc lớn mà chẳng động-tâm, chỉ là sở-tràng về tri-ngôn và dưỡng-khí đó thôi, chớ không như Cáo-tử, ngôn cũng chẳng tri, mà khí cũng chẳng dưỡng, mà hay bất-động tâm, là chỉ mờ-mịt không biết gì, hung - hăng chẳng nghĩ gì đó mà thôi.

Đông-Châu *dịch*

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CŨ

Thơ cụ Nguyễn Công-Trứ (1)

I

Đi không hỏi lại trở về không,
Cái nợ trần-hoàn phải tính xong.
Rắp mượn diễn-viên vui tuế nguyệt,
Nỡ đem thân-thế hẹn tang bồng.
Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.
Đương lúc trần-ai ai dễ biết,
Xưa nay đâu chẳng có anh-hùng.

II

Vốn hễ anh-hùng mới biết nhau,
Sao mà ta đã trải trăm chiều.
Trái mùa (2) nghiệp cũ nên không bỏ,
Ế chợ nghề nhà cũng phải theo.
Những giữ miệng đà không muốn nói,
Làm sao bụng hãy cứ thường kêu.
Suy ra mới biết rằng ta dở,
Kẻ trước như ta dáng cũng nhiều.

III

Hai-mươi năm lẻ những mơ-màng,
Cuộc thế xem qua đã chán-chường.
Lúc đạt chẳng qua nhờ vận-mệnh,
Khi cùng chớ cậy có văn-chương.
Nghèo thời cũng rắp tìm nghề khác,
Vốn tính đã quen giữ nết ương.
Hễ chuyện rủi may thời chẳng trách,
Khéo dư nước mắt khóc giàu-sang.

IV

Tuổi-tác tuy rằng chửa mấy mươi,
Đổi thay mắt thấy đã ba đời.
Ra trường danh-lợi vinh liền nhục,
Vào cuộc trần-ai khóc trước cười.
Chuyện cũ trải qua đà chán mặt,
Việc sau xem lại chẳng thừa hơi.
Đã hay đường lối thời ra thế,
Sạch nợ tang-bồng mới phải ngươi.

V

Cảnh muộn đi về thấy cũng rầu,
Trông gương mà thẹn với mây râu.
Có từng gian-hiểm mình càng trí,
Song lắm phong-trần chước cũng sâu.
Năm ấy đã qua thời chẳng lại,
Lộc kia có muộn mới còn lâu.
Khi vui dìu-dặt mà chơi vậy,
Tuổi-tác ngần này có chịu đâu.

VI

Cho hay thiên-hạ khéo xem gương,
Hễ khó thời thôi mấy kẻ màng.
Miệng nói đã toan mua chuyện ghét,
Tay không dễ dám ép người thương.
Khéo khôn ai dễ tranh phần được,
Trong sạch ta nhưng giữ mực thường.
Đi lại chẳng qua thời với mệnh,
Cũng đừng thắc-mắc chẳng lo-lường.

VII

Ăn ở sao cho trải sự đời,
Vừa lòng cũng khó há rằng chơi.
Nghe như chọc ruột ta làm điếc,
Gặp đã cầm gan miệng mỉm cười.
Bởi số đi đâu cho khỏi số,
Lụy người nên nỗi phải chiều người.
Mặc ai chớ để điều ân-oán,
Chung-cục thời chi cũng tại trời.

---

(1) Bản-chí tiếp lai-cảo ông Lê Viết-Lượng sao-lục được năm bài thơ của cụ Nguyễn Công-Trứ, nhân bản-chí có lục được thêm ít bài nữa, cùng đăng luôn vào đây, sau này nếu có sao thêm được nữa sẽ tục-đăng. — N.-P.

(2) Hai chữ này hoặc chép là : « Hằng lề ».

VIII

Những điều trắc-trở đã xem từng,
Song lẽ rút dây sợ động rừng.
Người thế những tuồng trông trước mặt,
Ở' đời mấy kẻ ngẫm sau lưng.
Tính toan luống đổ mồ-hôi muối,
Thương xót đà no nước mắt gừng.
Đã thế thì thôi thôi mặc thế,
Công đâu cho nhọc giận người dưng.

IX

Vận chuyển huyền-cơ nghĩ cũng mau,
Chắc rằng ai khổ chắc ai giàu.
Nghĩ đâu miệng thế khi yêu ghét,
Được mấy lòng người có trước sau.
Cuối tiết mới hay rằng sớm muộn,
Trong vời sao đã biết nông sâu.
Ai suy trời đất thời liền tỏ,
Mưa mãi dầu mà nắng mãi dầu.

X

Ngoi-ngơi gần xa khéo nghiệm thay,
Sự đời trắc-trở giống bàn tay.
Hãy xem gương trước to bằng liếp,
Mà biết lòng người mỏng tựa mây.
Những tiếng bắc-chì nghe đã chán,
Nghĩ điều cạnh-khoé nói thêm ngây.
Ở' ăn cũng tưởng về sau mãi,
Trời hãy còn cao đất hãy dày.

XI

Chẳng phải rằng ngây chẳng phải đần,
Bởi vì nhà khó phải bần-thần.
Mấy đời thầy kiện mà thua mẹo,
Nghĩ phận thằng nghèo phải biết thân.
Số cả bĩ thôi thời lại thái
Cơ thường đông hết lại sang xuân.
Trời đâu riêng đòi cho ta mãi,
Vinh-nhục dù ai cũng một lần.

(Còn nữa)

Bài phú chế anh học trò lười dốt

Khách có người: tướng dáng bảnh-bao hình-dung chải-chuốt.

Nón lông cò trắng, giầy bước khoa chân;

Khăn nhiễu mùi ô, quần buông đóng gót.

Đủng-đa đủng-đỉnh, gái thuyền-quyên mê tưởng mến tài cao;

Lịch-sự lịch-sảng, đoàn sĩ-tử đều hòa nên tiếng tốt.

Ơn cha mẹ áo đơn áo kép, đắp đổi hè đông;

Bạn anh em thầy tú thầy nho, ra vào nghiên bút.

Khi ở nhà khi đi trọ, thiếu gì lương tiền gạo đến hầu;

Lúc chập tối lúc ban ngày, hiếm chi kẻ thầy bà chăm-chút.

No ăn đủng-đỉnh, tính dại sao nên;

Quen thói chơi-bời, lòng quê nào sốt.

Giỗ họ biên vào đầu sách, đến buổi không đi;

Lệ làng bấm đốt ngón tay, gần ngày lẻn cút.

Trông thấy thầy lần mặt, len-lét như rắn-ráo mồng năm;

Nói đến học kinh-hồn, cú-rũ như diều-hâu tháng một.

Bài học không thuộc, bài ôn không thuộc, bài nghe cũng không thuộc, chỉ bẩy-nhẩy nhệch-nhạc như ma;

Kỳ văn không làm, kỳ nghĩa không làm, kỳ phú cũng không làm, chỉ ngồi ưỡn thừ-lừ như bụt.

Nào hút-thiếp, nào lan-đình, nào tứ-thề, chữ viết như cua bò;

Nào tứ-thư, nào chư-sử, nào ngũ-kinh, sách quên như bũ nút.

Ngọn đèn vừa khêu lên sợi bấc, đầu lắc-lư đảo tướng chi đồng;

Mặt trời đà lên đến con sào, miệng ợ ngáp gọi hồn chi cốt.

Ngồi học thì vặn ngang vặn ngửa, chỉ oằn-oài uốn khúc chi lươn;

Đi đường thời nhìn ngược nhìn xuôi, chỉ nhi-nhắt ban ngày chi chuột.

Đánh cũng vậy bảo cũng vậy, như gáo nước đổ lá khoai, như quả sung tra nỗi mắm, dơ là dơ dáng đứa tài-loi;

Mắng bằng không chửi bằng không, như dùi đục chấm nước cáy, như hòn đá ném ao bèo, khéo thật khéo hình thằng dốt đặc.

Ngẩn chúa tâu ư kèn thổi, giương mắt nác mà ngơ-ngẩn nhìn thầy;

Ủ con vịt ư sấm vang, lắng tai nghe mà thừ-lừ dựa cột.

Trương này trương khác, rủ mấy anh gà vẽ nói hươu ;

Pho nọ pho kia, sơn mấy bộ quang dầu giữ mọt.

Lại hay điều khoanh tay nói khoác, ông ấy kém nghề phú, ông nọ kém nghề thơ ;

Lại hay điều múa mép nói đài, câu ấy trường quan Hoa, câu kia trường quan Bột.

Gớm nên phải nôm-na đặt truyện, xem đừng cười nhếch-nhác bày trò;

Giận nên mà đặt vẽ nên câu, xem cho kỹ lắng nghe cho lọt.

Ai khuyên ai nấy, sức đừng ngại nhọc, công đừng ngại tổn, hễ làm người có chí thì nên ;

Ai khuyên ai nấy, học sao cho kiên, tập sao cho cần, chớ như kẻ vô-tâm dốt đặc.

Hồ Sĩ-Nam *sao-lục*

THƠ VĂN MỚI

Con cua

Thoạt mới bò ra khỏi cửa hang,
Thế mà đã học thói ngang-tàng.
Gặp người chỉ biết giương con mắt,
Thấy ếch sao không vểnh bộ càng ?
Lưng dất gạch vàng nào đã chắc,
Mép xấu bọt trắng dễ ai thương.
Cối chầy khéo giả danh công-tử,
Yếm dãi còn đeo chớ vội-vàng.

Công-tử Bột

Dễ cũng con ông cũng cháu cha,
Cái danh-giá cũng khác người ta.
Hệt như quan-lớn không sai nhỉ,
Khéo của nhà ai mới nặn ra.
Nước lã quấy nên chưa đã dễ,
Màu hồ giữ lấy chớ đem pha.
Nhá-nhem nếp tẻ nào ai biết,
Chỉ giống hoàng-tinh mới thực là.

Ý-VIÊN

.·.

Cảm-tác

Này Bắc Nam Trung ấy những ai,
Non sông hoa cỏ kém chi người.
Giống nòi rải-rắc hai nhăm triệu,
Đất nước quanh-co mấy dặm trời.
Tản-lĩnh Hoành-sơn còn vẫn ó,
Hương-giang Nhị-thủy cũng chưa vơi.
Trải bao hưng-phế đời suy-thịnh,
Ngao-ngán chăng ai nỗi khóc cười.

Đêm dài

Eo óc canh gà nghé mắt nom,
Bốn phương phẳng-lặng tối đen ngòm
La-đà vườn trước sương gieo nặng,
Văng-vẳng thôn xa chó sủa om.
Trên án ngọn đèn khêu lú-nhú,
Bên lầu tiếng trống điểm tom-tom.
Vằng đông biết đến bao giờ rạng,
Con mắt hoe-hoe thức đã mòm.

Đề một người hiệp-nữ

Nổi tiếng anh-thư gái một thời,
Tấm lòng hiệp-nghĩa há nhường ai.
Phù-sinh cứu-thế người qua khỏi,
Mệnh bạc riêng ai phận lẻ-loi.
Duyên nhẽ mấy lần trao chỉ thắm,
Thân đành một thác phó dòng khơi.
Hồng-nhan ví biết là căn nợ,
Thời có đeo chi chữ sắc tài.

TẠ QUANG-NINH

.·.

Mừng tuổi mình

Trăm tuổi xưa nay ấy số trời,
Ta mừng tuổi mới suýt ba-mươi.
Khi vui sách vở tây tàu đọc,
Lúc rảnh chân đời phố-sá chơi.
Gái đẹp lắm cô toan kết nghĩa,
Quan sang vạn kẻ cũng yêu tài.
Trời cho sống đủ trăm năm nữa,
Ta chắc thằng ta chẳng kém ai.

VŨ MỘNG-BẢNG

.·.

Tự-thán

Bình-sinh chí-nghiệp chửa ra chi,
Thấm-thoắt niên-hoa đã bộn-bề.

Chín chữ cao sâu còn nợ lớn,
Mười thu đèn sách được câu gì.
Con đường danh-lợi đường eo-óc,
Cái gánh non sông gánh nặng-nề.
Ba vạn sáu nghìn là mấy nữa ?
Canh tàn chiếc bóng nghĩ mà ghê !

BÙI THẾ-MỸ

.·.

Tự-trào

(Đề ảnh ngồi viết chữ hán)

Dòng cũ thư-hương có phải đây ?
Mà nghiên mà bút hợm chưa này !
Mấy năm đèn sách nhờ ơn thánh,
Một chốc uy-nghi đã đáng thầy.
Cái bả lợi-danh lòng chẳng hám,
Mùi men ưu-ái dạ thường say.
Thư-sinh mặt trắng này ai nhỉ ?
Phượng-các long-lâu cũng có ngày.

THU-TÂM

.·.

Công nợ

Tai mắt thông-minh vẹn kiếp người,
Cớ sao công nợ mãi, ai ơi !
Nợ bảo sơn-thủy đầy hai túi,
Nợ gánh cương-thường nặng mấy mươi.
Nợ dải Bình-sơn trăng bạc rọi,
Nợ sông Hương-thủy ác vàng soi.
Đã làm trai ở trong bờ-cõi,
Phải trả cho xong kẻo tiếng cười.

Đứng trên bờ sông

Danh-lợi đua chen mãi bận lòng,
Khi nhàn hứng cảnh với non sông.
Chân trời xanh ngắt chòm mây phủ,
Dòng nước trong veo bóng ác lồng.
Hùn gió hiu-hiu đâu thoảng tới,
Con thuyền lững-thững nẻo xa trông.
Tri-nhân yêu nước nào ai tá ?
Một tấm tình riêng đối hóa-công.

T. C. H.

.·.

Thán biệt tình-nhân

Giữa trời ai ở đề ai đi,
Một dải Tương-giang liễu rậm-rì.
Mặt nước đăm-đăm làn vĩnh-biệt,
Chân trời vòi-vọi lối sinh-li !
Không cùng da thịt sao thương nhớ,
Chẳng chén quan-hà cũng tỉnh mê.
Gió thổi mây bay người mỗi ngả,
Cho hay là cái chữ tình si.

NGUYỄN TÙNG-THỌ

.·.

Đền vua Đinh ở Trường-yên

Gió táp mưa sa trải mấy nghìn,
Mà nền nhất-thống vẫn còn yên.
Lầu son gác tía riêng trời Việt,
Nước biếc non xanh sánh cõi Tiên.
Cửa động tàng-quân bia đá vững,
Ngọn cờ khai-quốc bóng lau in.
Thái-bình cảnh cũ còn như vẽ,
Tai mắt ai ơi thử đến nhìn.

TRẦN HỮU-KHÁNH

.·.

Nói chuyện với người trọng tranh

(Thi-ca liên-hành)

Ta khách làng văn đấy khách tình,
Một đôi tài sắc hẳn vừa xinh.
Mỉm môi cười nụ nghiêng non nước,
Nhách miệng ngâm thơ đỗ quán đình.
Nhẻ-nhẹ gót sen lâu sóng biếc,
Tung-tăng nét bút bóng mây xanh.
Tài kia sắc nọ hơn thua mấy,
Tài sắc đôi đàng dễ trọng khinh.

Vì ai vương mối tơ mành,
Hỏi ai là khách hữu-tình thấu chăng ?
Trăm năm nguyện có bóng trăng,
Cùng ai trong ấy khăng-khăng một lòng.

Dù thắm hay phai sợi chỉ hồng,
Cùng nhau chắp nối mối tình chung.
Sao dời vật đổi phòng khi biến,
Vẫn đấy và đây kết dải đồng.

Ngoài viên gió bấc lạnh-lùng
Trên trời mây kéo mịt-mùng bốn phương.
Phòng trong cảnh-tượng thê-lương.
Mình ta riêng những bàng-hoàng niềm tây.

Biết nhau kể đã mấy năm nay,
Mặt biết lòng kia vẫn chửa hay.
Mắt phượng để ai vào hỉ đó,
Tình riêng hỏi khách thấu cho đây?

Hay còn gìn giữ điều trinh-bạch,
Mà sợ đa-mang lúc tỉnh say?
Tâm-sự có chăng xin dãi tỏ,
Khỏi phiền khép mở bức tờ mây.

Này xem sự lạ-lùng thay!
Hết lời vặn đến dường này thời thôi.
Cớ chi khách chẳng đáp lời,
Khiến người đứng hỏi thêm sôi lòng vàng.

Tương-tư luống để một ai mang,
Hỡi-hỡi ông tơ khéo phũ-phàng!
Chỉ thắm hẹp chi không chắp nối,
Mỗi người mỗi cảnh một sông Tương.

Tranh còn lơ lửng trên tường,
Mà ai vẫn đó, đó thường vẫn ai.
Hỏi ai ai chẳng lên lời,
Nguồn cơn muốn cưỡng ép người phải thưa.

Hay vì nhà tớ đơn-sơ?...

L. V. T.

.·.

Hoa-tình

Anh nay chữ *ngã* là ta,
Thấy em muốn hỏi chữ *hà* là sao?
Chữ *tư* em nghĩ thế nào?
Hay còn *hạ* thấp *thượng* cao bên lòng?
Chữ *đục* là muốn đã xong,
Xin em phải nghĩ chữ *tòng* là theo.
Thành nên *thụ* chịu thế nào?
Chữ *ngôn* em nói một chiều cho xong.
Gặp đây là chữ *tương-phùng*,
Trước sau vẹn chữ *thủy-chung* mới là.
Ai ơi, chữ *lão* là già,
Chữ *thiếu* là trẻ thời ta với mình.
Chữ *quyết* là quyết cho đành,
Bên lòng xin bỏ chữ *hoành* là ngang.
Nghe anh chữ *thính* hỡi nàng,
Chữ *vị* là chửa khỏi mang chuyện cười.

HÀ NGỌC-LIÊN

THỜI-ĐÀM

Việc Thế-giới

Chính-kiến của quan Thuộc-địa-bộ tổng-trưởng nước Pháp Daladier đối với thuộc-địa thế nào. — Bản-chí đã nhiều lần nói về cái chính-sách khoan-dung đại-độ của tòa Nội-các HERRIOT nước Pháp, nhờ cái chính-sách ấy mà ông thủ-tướng HERRIOT được phần nhiều quốc-dân tin-trọng và các nước ngoài cũng tỏ lòng mến-phục. Nhưng chưa có dịp nói về cái chính-sách của tòa Nội-các mới đối với thuộc-địa thế nào. Lĩnh bộ Thuộc-địa trong Nội-các HERRIOT là ông EDOUARD DALADIER. Ông là bạn thân của ông thủ-tướng, cũng là một tay khoa-bảng, có bằng giáo-thụ trường Đại-học, mà tuổi năm nay mới có 40. Ông vốn dạy học, chuyên-trị về khoa lịch-sử và địa-dư-học, năm 1919 mới vào Nghị-viện là lần đầu. Năm 1921, ông cùng ông HERRIOT sang du-lịch nước Nga, nước ấy hồi bấy giờ mới đặt Chính-phủ quá-khích, ông quan-sát được nhiều điều hay. Ông được ông thủ-tướng tín-dụng lắm, nên từ ngày vào Nội-các, mỗi lần ông thủ-tướng đi vắng vẫn thường giao cho ông thay quyền mà trông nom việc bộ Ngoại-vụ. Cách đây mấy tháng ông có tiếp một nhà làm báo ở *Paris*, là ông HAUSER biên-tập ở báo *Le Journal*, đến phỏng-vấn về chính-kiến ông đối với thuộc-địa thế nào. Xin lược-dịch lời ông HAUSER tự-thuật về cuộc tiếp-kiến ấy như sau này để công đồng-lãm. Ông HAUSER nói rằng: « Mấy năm nay bộ Thuộc-địa vẫn chủ-trương cái chính-sách « đồng-hóa » (*politique d'assimilation*), rồi đến cái chính-sách « hiệp-lực » (*politique d'association*). Nay trong dân các thuộc-địa đã có một số người thật đồng-hóa theo được cái văn-minh của ta rồi, đã có nhiều người hiệp-lực với ta để mở-mang các

thổ-sản trong nước, và hết thảy đã có công giúp cho Mẫu-quốc trong khi hoạn-nạn, vậy thời đã đến lúc nên khởi-xướng ra một cái chính-sách mới, gọi là cái chính-sách «liên-lạc» (*politique de solidarité*). Ông DALADIER từ khi lĩnh bộ Thuộc-địa đã hiểu rõ lẽ đó. Ông nói với tôi rằng : — Từ nay trở đi, các dân thuộc-địa với ta phải có liên-lạc với nhau. Có cái nghĩa liên-lạc ấy thì mới gắn được chặt cái mối quan-hệ nước Pháp với các thuộc-địa. Cho nên tôi chú-ý muốn mở-mang đường sinh-hoạt cho người thổ-dân các thuộc-địa. Sự y-tế, sự giáo-dục, sự bảo-trợ cho bọn lao-động, đó là ba điều quan-trọng trong cái vấn-đề ta phải giải-quyết. Kể cũng đã làm được nhiều rồi. Tuy vậy vẫn còn chưa đủ. Số dự-toán của các thuộc-địa ngay từ bây giờ phải trù ra những khoản lớn hơn để chi về các việc vệ-sinh, việc dạy học, việc bảo-trợ cho kẻ lao-động. Thuộc-địa ta cần phải có những kẻ làm lụng mạnh khỏe, những kẻ học-thức thông-minh; cái tương-lai của thuộc-địa là ở đó. Không những thế mà thôi. Tôi lại muốn cho các đoàn-thể người bản-xứ mỗi ngày một tham-dự thêm vào việc chính-trị trong xứ mình. Tôi đã sưu-lập được nhiều tài-liệu về vấn-đề ấy. Đã mấy năm nay trong bút-lục bộ Thuộc-địa chất đống biết bao những dự-án cải-cách về thuộc-địa, tôi đã giao ông sảnh-trưởng DUCUÈNE sát-hạch lại và làm tờ báo-cáo cho tôi biết. Có mấy việc cải-cách đã xét kỹ rồi, tôi sẵn lòng cho thi-hành ngay. Trong các dân thuộc-địa, kẻ nào là kẻ đã vào bậc tấu-tới thì phải nên mau mau cho họ được quyền bầu đại-biểu vào các hội-nghị, từ hội-nghị hàng chợ cho đến các hội-nghị cơ-mật và hội-nghị tư-vấn, phải để cho họ được giãi bày những sự nguyện-vọng cùng sự thỉnh-cầu của dân-gian. Chỗ nào đã có đại-biểu rồi thì phải tăng số lên ; chỗ nào chưa được tham-dự vào các hội-nghị thì phải để cho tham-dự vào. Có người thuộc-địa đầu đơn xin nhập Pháp-tịch. Tôi lấy làm tiếc nghiệm ra những đơn ấy nhiều khi không được thâu-nạp. Những người nào xem ra có đủ tư-cách làm người dân Pháp xứng-đáng, có thể cùng ta hết lòng hiệp-lực, thời phải nên nhận đơn cho người ta. Không những thế mà thôi, dân thuộc-địa lại phải có quyền ăn-nói ngay ở Pháp này nữa. Tôi tưởng giá bây giờ đặt một cái đại-hội-nghị thuộc-địa ở Pháp, mỗi năm họp một lần, thời thuộc về các vấn-đề lớn ta có thể biết được ý-kiến của những tay đại-biểu xứng-đáng của thuộc-địa. Nhân có mấy ông toàn-quyền thống-đốc thuộc-địa về nghỉ Pháp, tôi sẽ thừa dịp bàn với các ông ấy để định ý-kiến. Ông phải biết rõ ý tôi không phải là muốn lập ra một Nghị-viện Thuộc-địa đâu. Cũng không phải là muốn tăng số nghị-viên các thuộc-địa ở Nghị-viện Pháp. Ý tôi là muốn một bên thì mở rộng các hội-nghị ở thuộc-địa cho người bản-xứ được dự vào đông, một bên thì đặt một cái tư-vấn-hội-nghị ở ngay Pháp để mỗi năm cho các thuộc-địa phái đại-biểu sang họp một lần. Như thế thời các dân thuộc-địa thấy ta cho được rộng quyền tham-dự vào việc chính-trị xứ mình, sẽ hiểu rằng ta có ý muốn đề-huề với họ, muốn cho thuộc-địa với Mẫu-quốc có một cái tình liên-lạc thân-mật hơn. Như thế thời thuộc-địa không phải là những đất ngoài ta đến cắm cờ mà thôi, tức là đất nước nhà tiếp-phụ ra ngoài vậy. Gồm cả các thuộc-địa, tức làm thành ra cuộc «Đại-Pháp-lan» (*la grande France*) vậy. » — Ông DALADIER lại còn có một cái ý này hay hơn nữa, là muốn dựng ngay ở nước Pháp, ngay ở *Paris* này một nơi để làm tiêu-biểu cho cái cuộc Đại-Pháp-lan đó, để họp cả các thuộc-địa phương xa lại ở dưới một bóng cờ ba sắc ; ông nói rằng : « Thuộc-địa ta rồi sẽ có một nhà công-quán ở Kinh-đô. » — Như thế thời cái chính-kiến của ông DALADIER tưởng cũng rõ-ràng vậy : mở rộng quyền chính-trị cho người bản-dân các thuộc-địa ; tăng-gia sự hạnh-phúc cho họ ; lập hội-nghị ở Pháp để họp đại-biểu các thuộc-địa mà thời-thời tư-vấn mọi việc ; liên-hiệp các thuộc-địa thành một đoàn-thể và đặt ở *Paris* một nhà công-quán chung của thuộc-địa để làm tiêu-biểu. Cái chương-trình ấy kể cũng to-tát thật, mà đáng khen thay là đã sẵn sàng sắp thi-hành được nay mai đây. »

.·.

Hội-nghị nha-phiến. — Kỳ trước bản-chí đã nói qua về Hội-nghị nha-phiến họp ở thành *Genève*, do Hội Vạn-quốc chủ-trương. Nay Hội-nghị đã họp xong, xin lược-thuật thêm các điện-báo gần đây về công-việc Hội như sau này.

Trước hết có một điều thuộc về nước Nga tưởng cũng là câu chuyện có ý-vị. Nguyên hội-nghị có mời Chính-phủ quá-khích nước

Nga phải người tham-dự vào Hội-đồng. Ông Tchitcherine là tổng-trưởng bộ Ngoại-vụ của Chính-phủ Sô-viết bèn trả lời cho ông tổng-thư-ký Hội Vạn-quốc rằng thuộc về sự vận-động để ngăn-cấm thuốc phiện thời nước Nga tưởng đã tấn-tới hơn các nước Âu-châu nhiều, và cứ thực ra thì liệt-cường họp nhau lại để bàn về vấn-đề thuốc phiện, chẳng phải vì cái chủ-ý cao-thượng gì, chẳng qua mỗi nước chỉ vì lợi riêng của mình mà thôi, như vậy thì nước Nga tham-dự vào Hội-nghị cũng vô-bổ, cho nên xin cáo không nhận lời. Câu trả lời của Chính-phủ Nga tưởng cũng không hẳn là vô-lý vậy. — Kỳ trước đã nói đại-biểu nước Pháp ở Hội-nghị là ông Clinchant, trưởng sảnh coi việc Á-châu ở bộ Ngoại-vụ Pháp và ông Kircher chánh sở Thương-chánh Đông-Pháp. Ông Clinchant thay mặt nước Pháp trình cho Hội-nghị một cái dự-án hiệp ước các nước để chống với cái hại nha-phiến. Dự-án ấy định mấy điều như sau này: Chính-phủ các nước phải giữ chuyên-quyền xuất-cảng nhập-cảng những nha-phiến còn nguyên và nha-phiến đã chế, phải nghiêm-cấm không cho ở nước ngoài đem qua hoặc chứa tại nước mình; chỉ nhà nước mới được quyền bán thuốc phiện, các thổ phiện phải thuộc quyền nhà nước kiểm-sát và số phải mỗi ngày một giảm dần đi, ai trái lệ phải phạt bạc và đến phạt giam nữa. Nhưng điều cốt-yếu là phải hết sức hạn-chế sự sản nha-phiến, hạn-chế sự buôn lậu nha-phiến, cái đó là cái trở-lực mạnh nhất cho sự tiệt-diệt cái ác-tật ấy. — Hội-đồng đặt một hội uỷ-viên bốn người, có đại-biểu nước Pháp, nước Anh, nước Hòa-lan và nước Nhật-bản, để nghiên-cứu về những vấn-đề chuyên-môn thuộc về nha-phiến. Đại-biểu nước Anh là Sir Malcolm Delevingne nói rằng nước sản nha-phiến nhiều nhất trong thế-giới là nước Tàu, mỗi năm tới 15 tấn thuốc phiện, mà xem chừng lại cứ mỗi ngày một tăng lên. Hội Vạn-quốc mấy năm nay đã nhiều lần yêu-cầu Chính-phủ Tàu tìm phương hạn-chế mà không thấy hiệu-quả gì. — Đại-biểu nước Mĩ bàn rằng các nước nên hiệp-lực với nhau không những để ngăn-cấm sự xuất-cảng nha-phiến mà lại ngăn-cấm cả sự dùng trong nội-địa nữa. Có mấy nước như Ấn-độ, Ba-tư cho nghiêm-cấm như thế có thiệt-hại đến lợi-quyền của mình không chịu theo lời bàn của nước Mĩ. Nhưng phần nhiều Hội-đồng đều theo cả, nước Pháp nước Anh thời đứng trung-lập, không quyết về đường nào. — Khi Hội-nghị đã bàn-bạc kỹ rồi thời định thảo một cái dự-án hiệp-ước đại-khái như sau này, nếu các Chính-phủ duyệt-y thời có thể đem ra thi-hành được. Hiệp-ước định rằng các Chính-phủ sẽ đặt ra một ngạch người làm công ăn lương nhà nước để bán nha-phiến. Chỗ nào quyền Chính-phủ có thể kiểm-sát được thời làm như thế, còn chỗ khác thì nên phát môn-bài cho một số người được chuyên-quyền mua bán. Các nước ký hiệp-ước sẽ cam-đoan rằng xin dùng hết sức để hạn-chế sự dùng nha-phiến trong địa-hạt mình, trừ những nước nào đã có luật-lệ về khoản đó rồi thì thôi, lại cam-đoan xin thi-hành những luật cấm ấy ở cả các thuộc-địa và các đất bảo-hộ ở Đông-Á của mình nữa, duy đối với các đất bảo-hộ thì khi ký ước nước nào không muốn cam-đoan sẽ khai ra cũng được.

. . .

Nói về ông Giám-quốc mới nước Mĩ. — Ông Calvin Coolidge mới được bầu làm Giám quốc nước Mĩ, kỳ trước đã nói về sự bầu-cử ấy. Nay một nhân-vật quan-trọng trong thế-giới như ông, có những tư-cách gì khác người thường, tưởng ta cũng nên xét qua cho biết. Ông là người rất ít nói, tiếp chuyện người thường nghe người nói hơn là nói để người nghe, cho nên người nước ông đã gọi đùa ông là « người nghe hùng-hồn » (*l'éloquent auditeur*). Ông cho cái đức-tính hay nhất của kẻ theo đuổi về đường chính-trị là lòng công-nghĩa. Tổ-tiên ông làm nghề cày ruộng ở đất *Vermont*, ba bốn đời làm ăn khó-nhọc, di-truyền cho ông những cái tính trầm-trọng, cần-thủ, kiên-nhẫn, cần-cù, ham làm việc và không ưa sự ngồi rồi. Cho nên ông biết kính-trọng những người phải lao-động để sinh-nhai, mà ghét những kẻ ngồi ăn không của-cải của ông cha để lại. Tuy xuất-thân hàn-vi mà ông lấy làm một sự danh-dự không quên công-nghiệp tổ-tông. Hồi ông giám-quốc Harding mất, ông lên thay, theo phép nước phải làm lễ tuyên-thệ, ông xin làm lễ ở cái trại nhỏ của nhà ông ở đất *Vermont* và tuyên-thệ ở ngay

trước mặt ông cụ thân-sinh ra ông, có ý muốn tỏ lòng cung-kính những tổ-tiên đã mấy đời làm ăn lam-lũ ở chốn quê-mùa này, không lấy thế làm xấu-hổ mà lại lấy thế làm tự - cao. — Ông là người siêng-năng lắm, khi thành-công không có kiêu-căng, khi thất-bại không có phiền-não, không có coi những sự vẻ-vang quyền-quí bề ngoài làm trọng; có tính suy-nghĩ, xử-sự không hay khinh-suất, và rất là trọng sự thành-thực, sự tiêm-tất. Ông cho sự học để mở-mang tri-tuệ là sự cần cho người ta cũng như cho xã-hội. Nhà làm truyện-ký ông là ARTHUR MACDONALD đã nói rằng: « Cái quan-niệm về đời người của ông là gồm trong chữ nghĩa-vụ. Ông không phải là một người đóng vai, chính ông là cái vai ông đóng vậy. » Trong sách lại có thuật những câu cách-ngôn làm chỉ-nam cho sự cư-xử, sự chính-trị của ông. Họp lại cả thảy được sáu mươi tư câu, mỗi câu độ ba bốn giòng mà đều có ý vị cả, xét kỹ ra đủ tỏ được tính-cách nghiêm-nghị của người đã đặt ra để dùng riêng cho mình. Như câu rằng: «Cái quan-niệm về đảng-phái đến chỗ địa-giới phải thôi; tự đấy thì phải lấy lòng ái-quốc thay vào, » nghĩa là ở trong nước thời có thể phân ra đảng-phái, chứ đối với ngoài thì phải coi nhau là người một nước cả, khỏi để cho người khinh. Lại mấy câu này, cùng một ý như thế: « Trước khi là người một đảng, ta phải là dân một nước đã; » — « Nếu lấy bụng tây-riêng mà thay vào lòng ái-quốc thì cái máy chính-trị liệt mất. » — Về vấn-đề giáo-dục, ông có mấy câu như sau này: « Ngày nay trong nước đã có trường công, khiến cho ai ai cũng có thể học được vậy mà chịu dốt là cái tội tự - bạo tự-khí. » — « Không có sự học cao-đẳng thời cái văn-minh của ta ngày nay sẽ chìm - đắm vào trong đêm tối. » — «Phải học sử, phải lấy sử làm gương, không phải là để giúp cho phái thủ-cựu, nhưng để làm cái chứng-cứ cho sự tiến-bộ chân-chính. » — « Sự tư - tưởng là cái năng lực quan-trọng nhất ở đời này. » — « Nếu sự học mà dùng lầm thời văn-minh đến tự-diệt » — Nói về sự tiến-hóa các xã-hội, ông gồm cái tư-tưởng của ông bằng một câu rằng: «Phàm quốc-gia tiến-hóa bao giờ cũng bắt đầu ở cái trình-độ vô-chủ-quyền, rồi mới đến bậc quân - chủ chuyên-quyền, rồi mới đến bậc nhất-đẳng chuyên-quyền, rồi mới đến bậc nhất - ban dân-quyền, mà cái chính-thể đại-nghị gốc ở quyền phổ-thông đầu-phiếu là kết-cục cả. Nhưng con đường ấy kể cũng dài, có nhiều nước đi đến giữa đường bị ngã.» — Ông là quốc-trưởng một nước còn trẻ-trẻ, nhiều người cho là chỉ biết trọng vật-chất, vụ thực-lợi mà thôi, thế mà ông lại tin ở cái cảm-hóa của cổ-học Hi-lạp, đó cũng là một điều lạ. Như ông nói rằng: « Khoa-học dù quan-hệ thế nào mặc lòng, không có cổ-học cũng không làm ra văn-minh được. » Lại nói rằng: « Dạy cho mỗi người dân biết một nghề, thế cũng chưa đủ, công-nghệ mà không có nhân-đạo, công-nghệ cũng đến nguy. » — Ông COOLIDGE lại cho rằng một nước nếu không có một cái triết-lý-quan-niệm về sự đời thời không thể phát-đạt được; ông nói: « Sự quan-hệ ở đời không phải là biết rằng ta đã đi đến đâu, mà là biết đích rằng ta phải đi đến đâu. » — Ông lại nói một câu này nữa, lời vắn-tắt mà ý xa-xôi: « Người ta không chế-tác ra pháp-luật được, chỉ phát-minh ra pháp-luật mà thôi. » — Đọc những câu cách-ngôn như thế mà ngẫm-nghĩ thời mới biết cái phẩm-cách con người đó cao-thượng là dường nào. Ông COOLIDGE cho rằng đời người có nghĩa, chứ không phải là một « giấc mộng của thằng điên », như lời trong bài tuồng *Hamlet* đâu. Ông tin rằng phàm sự hành vi của người ta phải lấy đạo-lý làm chuẩn, và cho chính-trị cũng là một môn luân-lý. Cái lý-tưởng đó cũng mới lạ, người Au-châu có lẽ không chịu cho là phải, nhưng người Mĩ thời ai cũng phục. Vì trong hơn một trăm triệu người đồng-bang ông, dễ không có một người nào là thù ghét ông. — Ông làm to như thế, mà tự-xử vẫn

kiệm-ước, nhà kẻ cũng là nhà nghèo. Ông thường nói: « Nếu sự thành-công chỉ lấy lợi-lộc làm cái thước đo thời các vấn-đề xã-hội của ta không sao mong giải-quyết cho ổn-thỏa được. » Nhưng trong những câu cách ngôn của ông có một câu chắc là người Mĩ thích hơn cả, vì dân Mĩ là một dân rất siêng làm, là câu: « Phàm giống mọi-rợ, không biết chăm làm. » Một câu vắn-tắt như thế mà có cái ý-nghĩa rất thâm trầm, vì phá được cái thiên-kiến của người đời cho sự làm việc là sự đê-tiện và tiêu-biểu được cái giá-trị tuyệt-đối của sự làm việc trong công cuộc văn-minh. Một câu đanh-thép ấy đủ tả được cái tính-cách của ông Giám-quốc mới nước Mĩ.

.·.

Lược-thuật về sự vận-động độc-lập của Ai-cập. — Gần đây ở Ai-cập xảy ra nhiều việc quan-trọng, như việc *Soudan*, việc ám-sát viên đốc-quân Anh, các báo hằng ngày thường đăng những tin-tức, nhưng không có dịp thuật đầu đuôi những việc vận-động ấy thế nào. Mục-đích những sự vận-động ấy là cầu cho Ai-cập được hoàn-toàn độc-lập. Nhưng về phần nước Anh có quyền-lợi riêng ở Ai-cập thời lại hết sức giữ lấy đường vận-hà *Suez* và đường giao-thông từ *Cap* đến *Caire*. Muốn giữ cho được ở dưới quyền kiểm-sát của mình thì tất là phải đặt quân-đội. Mà đặt quân-đội ở miền thượng-lưu sông Ni-la tức là hãm-chế cả đất Ai-cập và có thể nhất-đán ngăn đường sông làm cho cả miền hạ-lưu không có nước mà cày-cấy. Đường vận-hà *Suez* vốn là đường trung-lập, vì là của chung của vạn-quốc, như vậy mà quân Anh đóng ở đấy là trái với sự trung-lập đó, đáng-lý thời phải giao cho nước sở-tại là nước Ai-cập giám-sát mới phải. Nói tóm lại thời đảng quốc-gia ở Ai-cập chủ nhất là yêu-cầu hai điều, một là thu-phục được đất *Soudan* ở thượng-lưu sông Ni-la, cổ-lai vẫn là thuộc về bản-đồ Ai-cập mà hiện nay quân Anh chiếm-cứ; hai là thu-phục được quyền giám-sát đường vận-hà *Suez*. Vua Ai-cập Fuad là vua lập-hiến, phải trung-lập, không dám công-nhiên theo đảng quốc-dân, nhưng ý vua cũng muốn yêu-cầu như thế. — Đảng quốc-dân Ai-cập này tổ-chức đã hoàn-toàn lắm, có chủ-nghĩa nhất-định, có chương-trình phân-minh. Hiện bao nhiêu tinh-lực trong nước hình như kết-tụ cả vào đấy. Thế-lực đảng này bành-trướng cả ra ngoài và cách hành-động rất mạnh, tưởng nhiều hội-đảng Á-châu cũng không bằng. Nước Ai-cập và thành *Le Caire* có một cái thanh-thế rất lớn trong thế-giới đạo Hồi, thật là nơi trung-tâm-điểm của đạo Hồi. Ở *Le Caire* có trường Đại-học *El Azhar*, học-trò đạo Hồi ở khắp các nước Á-châu Phi-châu đến học đông lắm. Mỗi năm ở *Le Caire* in tới hàng triệu bản kinh *Coran*, cùng những sách khác về đạo và vô-số những sách để truyền-bá cổ-động. — Đảng quốc-dân đã từng mấy phen kháng-cự với đốc Anh là Lord Cromer, với tướng Kitchener hồi dẹp loạn *Madhi* năm 1898, lại kháng-cự sự vận-động của quan-lại Anh muốn « anh-hóa » (*anglicisation*) nước Ai-cập. Trong khi chiến-tranh mới rồi đảng này không muốn làm nhiều-sự cho Đồng-minh, cũng giả-đò tin những lời hứa của Chính-phủ Anh. Nhưng tức-thì sau khi đình-chiến thời sự phản-đối người Anh lại kịch-liệt hơn trước. Người Anh tuy không dùng người Ai-cập làm chiến-binh trong khi chiến-tranh, trừ có một đội giữ đường vận-hà mà thôi, nhưng dùng tới một vạn người làm công-binh đem sang Âu-châu. Bọn công-binh ấy dùng để đắp đường xe-lửa, để vận-tải trên bộ trên biển, ở các nơi trận-địa, đã từng bị đạn bắn chết, bệnh-tật chết hại cũng nhiều. Lại dân-gian phải tổng-nộp những thóc gạo và bông sợi để cung-cấp về việc quân-nhu. Những cách áp-bách của Chính-phủ Anh như thế làm cho người dân Ai-cập oán giận và càng ngày càng khuynh theo về đảng quốc-dân vận-động sự độc-lập. — Tuy nước Anh vẫn hứa rằng bao giờ xong việc chiến-tranh thời trả lại quyền bảo-hộ, nhưng chiến-tranh đã xong mà bảo-hộ vẫn còn. Trong các hội-nghị Đế-quốc, Ấn-độ đều có quyền tham-dự mà Ai-cập tuyệt-nhiên

không được vào. Thậm-chí một nước mới thành-lập như nước *Hedjaz* được dự vào Hội Nghị-hòa ở *Paris*, thế mà Ai-cập thời không có cách nào nói được cho lọt đến tai hội-đồng. Song nhờ có Giám-quốc WILSON tuyên-bố chủ-nghĩa « dân-tộc tự-quyết », đảng quốc-dân Ai-cập cũng được mạnh thêm thế-lực. Lĩnh-tụ đảng ấy là SAAD ZAGLOUL PACHA, đã năm năm nay yêu-cầu với đặc-sứ Anh ở Ai-cập là SIR RÉGINAL WINGATE xin sang tận kinh-đô Luân-đôn để giãi-bày cho Chính-phủ Anh biết những sự thỉnh-cầu của quốc-dân Ai-cập. Không những ông không được đi mà ông lại phải bắt đem đầy ra đảo *Malte*. Tự bấy giờ thời từ thành *Caire* cho đến đất *Soudan*, cả trong nước nhao-nhao nổi loạn. MOHAMED PACHA lập một chính phủ đề-huề với Anh, ngày 15 tháng 11 năm 1919 phải từ-chức. Nước Anh bèn sai phái-bộ MILNER sang điều-tra việc Ai-cập và truyền tha cho ZAGLOUL. Ông về nước được quốc-dân hoan-nghênh như một vị tướng-quân khải-hoàn, còn phái-bộ MILNER tới bị «tẩy-chay» không điều-đình được việc gì, sau phải mời người Ai-cập cắt một phái-bộ để sang Anh bàn việc. Phái-bộ Ai-cập này đi không lại về không; lập-tức xảy ra buổi lưu huyết ở thành *Alexandrie*, ZAGLOUL lại bị đi đầy lần nữa. BANEL PACHA lên thay làm lĩnh-tụ đảng quốc-dân. Sau nhân xảy ra nhiều sự xung-đột càng ngày càng dữ-dội, cực chẳng đã, ngày 28 tháng 2 năm 1923 đặc-sứ nước Anh LORD ALLENBY phải tuyên-bố bỏ quyền bảo-hộ và cho Ai-cập được độc-lập. Ông ZAGLOUL bấy giờ được toàn-thắng, bèn lên cầm quyền. Phần thứ nhất trong chương-trình đảng quốc-dân, thế là đã thi-hành được rồi; nay mới đến phần thứ nhì, là khôi-phục cho được đất *Soudan* và yêu-cầu cho được thủ-tiêu nốt những quyền quá-lạm của người Anh ở Ai-cập. Nhưng đến đoạn này mới khó-khăn. Cái dã-tâm của người Anh là chỉ muốn cho Ai-cập cái hư-danh độc-lập, còn cái thực-quyền của mình thì không bao giờ chịu bỏ. Xem như mới rồi nhân cái án ám-sát viên đốc-quân Anh mà nước Anh dùng những cách đàn-áp Ai-cập như thế, thì đủ biết cái ý của Anh vậy. Có người nói rằng án ấy không phải một tay người Ai-cập gây ra, và bọn vận-động của Anh cũng có phần trách-cứu vào đó. Dù thế nào mặc lòng, án này tức là một cái hấn cho nước Anh kiếm chuyện, và sự độc-lập của Ai-cập thật là đương qua một buổi nguy-cơ vậy. Tuy thủ-tướng BALDWIN mới rồi có tuyên-bố rằng nước Anh không muốn xâm-phạm đến quyền độc-lập của Ai-cập, nhưng lời nói với sự thực nhiều khi cách xa nhau lắm.

∴

Đoàn Kỳ-Thụy và Chính-phủ mới nước Tàu. — Từ ngày Đoàn lên cầm quyền Chính-phủ thì việc Tàu cũng tạm yên. Ngô Bội-Phu cũng muốn lập Chính-phủ thứ nhì ở Vũ-xương phản-đối lại, nhưng ngoe chừng không mấy người theo. Tôn Văn thì muốn lên hội-nghị với Đoàn ở Bắc-kinh, nhưng một độ thấy sang Nhật-bản, rồi gần đây lại trở về Tàu, mà chưa thấy lên Bắc-kinh. Có người nói là Đoàn thấy Tôn kết-liên với bọn quá-khích Nga, sợ lên Bắc-kinh không khỏi liệt-cường hiềm-nghi, nên còn trù-trừ không muốn để lên vội. Còn Phùng Ngọc-Tường thì thấy nói muốn không can-thiệp việc nước nữa mà đi du-lịch ngoại-quốc, Trương Tác-Lâm thì xướng lên bãi chức tuần-duyệt-sứ, chỉ để mỗi tỉnh một đốc-quân thôi, tự mình từ-chức trước, nhận làm đốc-quân một tỉnh Phụng-thiên (*Mouksden*), còn hai tỉnh Hắc-long-giang (*Hei-lung-kiang*) và Cát-lâm (*Kirin*) thì giao cho em và một người phó tướng. Nói tóm lại thời nhân-vật quan-hệ nhất ở nước Tàu bây giờ là Đoàn Kỳ-Thụy (TOUAN KI-CHOUEI). Ta nên thuật qua hành-trạng của ông thế nào.

Đoàn đã nổi tiếng từ trước khi cách-mệnh, hồi mới gây ra đảng quân-phiệt gọi là đảng Bắc-dương (*parti du Pei-yang*). Bấy giờ Viên Thế-Khải (YUAN CHE-K'AI) đương có quyền-thế trong Triều, định lập lên một

quân-đội qui-thức cùng với Phùng Quốc-Chương (Feng Kouo-Tchang), Vương (?) (Wang Chi-Tsen) và Đoàn Kỳ-Thụy. Đương khi ấy thời bà Tây-hậu và vua Quang-tự chết, Viên phải lui về Hà-nam. Bấy giờ quyền coi quân giao cho ba người hiệp-tán với ông là Vương, Phùng và Đoàn. Trong ba người ấy Vương là người tầm-thường, thực-quyền ở trong tay Phùng và Đoàn. Đoạn rồi, năm 1911, Viên Thế-Khải lại trở về cầm quyền để duy-trì cho cái thế nhà Mãn-Thanh đã suy lắm, bèn thống-lĩnh cả quân-đội qui-thức, bấy giờ đã đặt tên là quân-độc Bắc-dương. Phùng khi ấy dẹp loạn Cách-mệnh ở Hán-khẩu, còn Đoàn thời coi quân ở Bắc-kinh. Nhưng đảng Cách-mệnh đã thấy càng ngày càng mạnh. Viên tìm cách chủ-trương cái phong-trào mới đó; nhất-diện xui Đoàn khuyên nhà Thanh thoái-vị, nhất-diện truyền cho Phùng ngăn quân cách-mệnh không tiến lên được. Bọn Cách-mệnh đã đặt lâm-thời-chính-phủ ở Nam-kinh thấy thế phải lùi, nhường cho Viên Thế-Khải được bầu làm tổng-thống. Viên bấy giờ cần phải thu lấy các binh-quyền đã giao cho Đoàn và Phùng, bèn lập mưu phản-gián cho hai người bất-bình với nhau. Cử Đoàn làm quân-vụ tổng-trưởng, mà Phùng thì làm đô-đốc Trực-lệ, chức nhỏ kém. Nhưng hai người không hề xung-đột nhau cho đến năm 1913, là hồi cách-mệnh lần thứ nhì. Sau lần cách-mệnh ấy thời Phùng Quốc-Chương làm đô-đốc Giang-tô, là cái địa-vị to nhất cho một nhà quân-phiệt ở Tàu. Bấy giờ thế-lực Phùng khoang-trương ra mau lắm, các nơi trọng-yếu trong lưu-vực sông Dương-tử đều giao cho các đồ-đảng của mình. Hồi ấy đảng Phùng đặt tên là đảng Trực-lệ, vì Phùng là người tỉnh Trực-lệ, còn đảng Đoàn thì gọi là đảng An-huy. Viên Thế-Khải chết, Lê Nguyên-Hồng lên làm tổng-thống, Phùng làm phó-tổng-thống. Nhưng Lê là một người tầm-thường, không có thế-lực gì, nên Phùng và Đoàn không để cho có quyền gì trong quân-đội Bắc-dương, mà kỳ-thực thì tổng-thống là ở trong tay hai họ đó.

Phùng với Đoàn cùng không ưa gì Lê bèn để cho Trương Huân (Tchang Hsun) gây ra việc chính-biến mà đuổi Lê đi. Song Đoàn cũng chẳng ưa gì Trương Huân, nên bấy giờ ở Thiên-tân cất quân lên đánh Trương để khôi-phục Dân-quốc. Đoàn lấy được Bắc-kinh, nhưng liền thấy cái tình-thế khó xử: quân của mình thì yếu, thế không thể không chịu mệnh-lệnh của Phùng là phó-tổng-thống mà chính là kẻ thù riêng của mình. Phùng bấy giờ vẫn ở Nam-kinh, chăm củng-cố cái thế-lực của mình rồi mới lên nhận chức tổng-thống, chức này cứ phép phải về tay Phùng. — Khi ấy Nam-phương lại nổi loạn. Đoàn định diệt bọn quấy rối, dùng võ-lực để thống-nhất nước Tàu... Phùng cho phép Đoàn đem quân xuống Hồ-nam, lại cho Đoàn mượn quân riêng của mình nữa, nhưng mật-truyền cho quân đừng đánh. Tình-thế Đoàn bấy giờ lại khó xử lắm nữa. Bèn quyết chí lập lấy một tổng-thống mình có thể sử-linh được, đúng cách hối-lộ bầu một nghị-viện không bàn hiến-pháp, tức sau gọi là nghị-viện phái An-phúc (tức là đảng của Đoàn), nghị-viện ấy bầu Từ Thế-Xương (Tsu Che-Tchang) làm tổng-thống. Từ được bầu rồi lại dùng cách phản-gián, gây sự bất-bình hai đảng Trực-lệ và An-phúc, khiến cho hai đảng đều hiềm-nghi cả, mà hai đảng cũng thành ra xung-đột nhau. Bấy giờ Ngô Bội-Phu mới xuất-hiện ra. Ngô chủ-trì cho đảng Trực-lệ đối với đảng An-phúc. Ngô bấy giờ còn kết-liên với Trương Tác-Lâm. Hai đảng đánh nhau, Đoàn Kỳ-Thụy thua (năm 1920), từ bấy giờ lui về, không can-thiệp việc chính-trị nữa. Từ đấy đến năm 1922 là đoạn Ngô với Trương xung-đột nhau, đoạn bầu lại Lê Nguyên-Hồng, rồi đến bầu giả Tào Côn làm tổng-thống. Đoàn thì thiết không dính-dáng gì cả. Nay mới lại thấy Đoàn xuất-hiện, có lẽ là bởi ngày nay ông là người đáng trọng-vọng hơn nhất, Ngô cùng Trương đều không đủ thế-lực cho toàn-quốc phải phục. Nếu ông là khôi-phục cái chính-sách cũ của ông

tổ-chức lấy một quốc-dân-quân-đội để thi-hành sự thống-nhất nước Tàu, thời hai tướng kia cũng sẽ quên sự phân-tranh riêng của mình mà cùng nhau qui-phục ông, vì hai người xưa nay vẫn trọng ông như bậc đàn anh vậy.

Đoàn Kỳ-Thụy sau khi nhận quyền Chính-phủ ở Bắc-kinh lập Nội-các như sau này: Ngoại-vụ = Đường Thiệu-Nghi (TANG CHAO-YI 唐 紹 儀); Nội-vụ = Cũng Tâm-Trạm KOUNG TSIN-TCHAN 龔 心 湛); Tài-chính = Lý Tư-Hạo (LI TSEU-HAO 李 思 浩); — Lục-quân = Ngô Quang-Tân (WOU KOUANG-TSIN 吳 光 新); — Hải-quân = Lâm Kiến-Chương (LIN KIEN-TCHANG 林 建 章); — Giáo-dục = Vương Cửu-Linh (WANG KIU-LING 王 九 齡); — Tư-pháp = Vương Sĩ-Chiêu (WANG CHEU-CHAO 王 士 釗); — Giao-thông = Diệp Cung-Xước (YE KOUNG-CHO 葉 恭 綽); — Công-thương = Dương Thứ-Kham (YANG CHEU-K'AN 楊 庶 堪). — Các người ấy đều là người đảng An-phúc của Đoàn cả, không có ai là người đảng Phùng Ngọc-Tường.

Việc trong nước

Mĩ-nghệ An-Nam ở cuộc Đấu-xảo các nghề trang-sức năm 1925. — Trong năm 1925, ở một cuộc đấu-xảo Vạn-quốc hề trang-sức. Các thuộc-địa Pi có tham-dự vào cuộc đấu-xảo ấy, trong các thuộc-địa thì Đông-Pháp ta sẽ dự một phần to. Dịp này cũng là một dịp cho các nhà nghề khéo ta phô tài với thế-giới. Hiện tại trường Đấu-xảo ở *Paris* (ở nơi công-trường trước điện *Invalides*) đã dựng riêng một nhà để chứa đồ Đông-Pháp. Nhà ấy có hai tầng, những phần bằng gỗ tram đều theo kiểu An-Nam, làm ở bên này gửi sang cả. Riêng về phần Bắc-kỳ thì đã đặt hội-đồng để chuyên-biện về việc đấu-xảo, hiện đương nhận đồ để gửi sang Pháp. Ngoài các đồ-vật khác, Bắc kỳ gửi sang đấu-xảo cả một bộ sa-lông và một bộ buồng ăn. Bộ sa lông thì các ghế và kỷ làm theo kiểu của sở Công-chính vẽ; màn căng tường thì bằng một tấm «ba-tích» của trường Công-nghệ Hà-nội (*batik*, như ở đấu xảo Hội Khai-Trí năm 1923); các cửa sổ thì căng bằng «đen» Bắc-kỳ cả. Ván sàn bằng gỗ hai màu chế ở nhà máy Bến-thủy. Bộ sa-lông này sơn son cánh dán. — Buồng ăn thì chia ra hai phần: một phần là chính phòng ăn, một phần là phòng hút thuốc (*fumoir*). Phòng ăn thì đồ toàn bằng gỗ đánh bóng, có bàn ăn, có ghế, có tủ đĩa, vân-vân, nhưng bàn dọn theo lối An-Nam có đủ cả đồ đồng, đồ mẫu, đũa ngà; phòng hút thuốc thì đồ bằng gỗ sơn xanh sẫm, thông với buồng ăn bằng cái cửa tròn kiểu tàu, gối và nệm bằng da sơn Hải-dương. Ngoài hai bộ lớn đó, đồ Bắc-kỳ gửi sang đấu-xảo còn nhiều các thứ đẹp được. Chắc là mĩ-nghệ An-Nam ta sẽ được chiếm một phần danh-dự trong hội đấu-xảo vạn-quốc này.

.·.

Nói về học-sinh ta sang học bên Pháp. — Mới có nghị-định quan Toàn-quyền ngày 1 tháng 12 năm 1924 định rằng phàm học-sinh người Đông-Pháp sang học bên Pháp trước khi đi phải lấy một cái «học-bạ» (*livret scolaire*) trong có dán ảnh của mình và biên rõ lai-lịch, chỗ ở của cha mẹ, các trường đã học qua, đã từng được những lương học hay tiền trợ-cấp gì, đã thi được những bằng-cấp gì, sang bên Pháp lấy ai làm người thông-tin. Những học-bạ ấy thì do sở học-chính các xứ phát và quan thủ-hiến các xứ duyệt-y. Học-bạ ấy thay vì được thể căn-cước định trong nghị-định ngày 9 tháng 11 năm 1918 và 16 tháng 9 năm 1920. — Chính-phủ có thể ủy-nghĩ cấp lương học cho những học-sinh và nữ-học-sinh An-Nam sang học bên Pháp, lại có thể ủy-nghĩ giúp cho các công-ti hay các hội-đảng nào định đặt lương học cho các du-học-sinh, nhưng cứ lệ thì nhà nước chỉ giúp cho những học-sinh nào sang học những trường chuyên-môn không có ở

Đông-Pháp này mà thôi, như các trường công-nghệ, trường hóa-học, trường thuộc da, trường dệt, trường hàng-hải, v. v.. — Còn các tư-gia muốn xuất tiền cho con em sang học bên Tây thì tùy-ý muốn học đâu thì học, miễn là trước khi đi phải lấy sổ « học-bạ » để thay thế căn-cước mà thôi.

Nay học-sinh ta sang Pháp nên học ở đâu, ở *Paris* hay ở các tỉnh? Trong báo Nam-kỳ mới đây có một bài bàn về vấn-đề ấy, xin lược-dịch như sau để công đồng lãm:

« Tôi xét ra nhiều người An-Nam sang học các trường Đại-học các tỉnh. Tôi tưởng thế là lầm. Những người ấy nói rằng không muốn ở *Paris* là có ba lẽ: một là khí-hậu lạnh; hai là ăn ở đắt; ba là dễ chơi-bời. Điều thứ nhất thì hoặc còn có lý, chứ hai điều sau thì thật tôi không hiểu. Nói rằng khí-hậu miền Nam dễ chịu hơn thì điều đó cố-nhiên, nhưng nói rằng khí-hậu *Paris* người An-Nam không chịu được thì tôi cũng lấy làm ngờ. Ở *Paris* lạnh, nhưng không lạnh đến nỗi không chịu được. Bất-quá mặc thêm một cái áo nỉ nữa là đủ chịu được, còn hơn là ở chỗ khác dễ chịu hơn mà không được tiện-lợi cho sự học như ở *Paris* — Lại nói rằng ăn ở đắt ư? Vẫn biết rằng thuê buồng ở *Paris* cũng đắt và khó thuê thật. Nhưng tưởng ở các tỉnh cũng chẳng dễ hơn gì cho lắm. Mà ở *Paris* hàng cơm lại rẻ, quần áo cũng không đắt. Tôi biết có hàng cơm tàu ở *Paris*, ăn mỗi bữa chỉ 4 quan là đủ. Tính cộng cả lại thì một người học-sinh ở *Paris* không tiêu hơn gì một người ở *Toulouse*, *Aix* hay *Montpellier*. Ước mỗi tháng một nghìn quan, dẫu không phong-lưu cũng túc-dụng. Thử tính xem. Tiền buồng phải 300 quan, kể cả tiền cho người hầu là 330 quan; tiền ăn, 300 hay 320 quan; tiền rặt, 50 quan; tiền học, 60 quan; tiền xe điện, 30, 40 quan; còn thừa có độ 150 quan để « tiêu-xài » ngoài. — Lại nói rằng sợ ở *Paris* dễ chơi-bời ư? Các ngài có con sang học Pháp, mỗi tháng để dư cho 150 quan mà sợ họ chơi-bời phóng-túng thì thật các ngài lo xa quá. Các cô ả-đào ở đây cũng như các hóa-vật khác, giá bây giờ cũng đắt lắm, không sợ gì. Mỗi ngài năm quan thì cũng là đủ tiền điếm thuốc và tiêu-khiển xoàng mà thôi. Một người nhà quê Pháp cho con lên kinh-đô học để thi lấy cái bằng tiến-sĩ, cũng cấp cho con chừng bấy nhiêu tiền mà thôi, gọi là đủ chứ chẳng lấy đâu mà chơi-bời được. — Còn những phường gọi là « làng chơi ở *Paris* » thời toàn là những đồ « đụt », học không ra gì, và thường không thấy mặt ở chỗ học-đường bao giờ. Phần nhiều là những con nhà hư hay những người ngoại-quốc, sở-biết thành *Paris* là chỉ biết những quán rượu đêm mà thôi. Chứ *Paris* thực là chỗ làm việc cần-cù. Người học-sinh nên biết dân *Paris* là một dân siêng-năng, chăm-chỉ, có tính khôi-hài mà có bụng quảng-đại. Có biết thế mới biết rằng ở nước Pháp không phải chỉ có những kẻ ăn-chơi mà thôi. Muốn xét một dân-tộc phải xét bọn bình-dân. Ở nước Pháp thời quả tim là ở *Paris* mà gân cốt là ở các tỉnh. — Người học-sinh không có dủng-đỉnh tiền bạc lắm thời ở giữa ngay nơi *Paris* ăn chơi cũng không sợ nhiễm mùi ăn chơi được. Hoặc có gặp những kẻ bè-bạn làm ra mặt phóng khoáng, cũng phải biết rằng họ chỉ muốn « lòe » mình đó mà thôi. Có người nói: Muốn biết con hư hay không, cứ lấy cái số tiền học nhiều hay ít làm tỉ-lệ. Hễ số tiền đến ba nghìn quan một tháng thời tất có dan-díu với « chị em ». — Nói tóm lại thời tôi dám khuyên các nhà An-Nam cho con học ở *Paris* hơn là ở *Aix* hay ở *Toulouse*. Nước Pháp ký-vãng, nước Pháp hiện-tại, nước Pháp tương-lai đều gồm ở đấy cả. Nào là học-đường, nào là thư-viện, nào là diễn-thuyết, nào là những đá cổ nhà thờ *Notre Dame*, nào là những di-tích thành *Bastille*, nào là những gác chuông, nào là những tường hoa như in lên trên trời *Lutèce* cái lịch-sử nước Pháp ta. Sang Mẫu-quốc về mà không qua chốn Trường-an, thời thật kém không bằng người, dẫu có được cái văn-bằng đem về thời cái bằng ấy tựa như không có cái triện của nước

Pháp đóng vào, sau này di-hận cả đời. — Tôi nói thế không phải nói rằng thầy giáo Đại-học ở các tỉnh không bằng *Paris* đâu; các ông giáo ở *Aix* hay ở *Montpellier* cũng không kém gì các ông giáo ở Kinh-đô, nhưng ở *Paris* tức như ở thành Nhã-điển (*Athènes*) Hi-lạp ngày xưa nó có một cái hoàn-cảnh không đâu có vậy. »

. . .

Một tờ chu-tri về tiểu-học bằng quốc-ngữ. — Về vấn-đề tiểu-học bằng quốc-ngữ, quan Học-chính Tổng-trưởng có đặt một tờ chu-tri cho các nhà học-chính các xứ, lược-dịch như sau này:

« Nghị-định số 10.5 của quan Toàn-quyền Đông-Pháp ngày 18 tháng 9 năm 1924 đổi lại điều 134 trong Học-qui định theo nghị-định ngày 21 tháng 12 năm 1917, là không phải chủ-ý bãi bỏ cái lệ định trong điều ấy, nhưng chính là nói rõ về mấy khoản phụ-thuộc vào lệ ấy. Các điều-khoản ấy định rằng sự dạy học bằng tiếng Pháp phải từ-từ dần dần, tùy số thầy giáo có tư-cách dạy được, nhưng nghiêm ra trong khi thực-hành thường không theo đúng như thế. Thành ra có nhiều những viên trợ-giáo, mới có bằng tiểu-học mà thôi, không biết đủ tiếng Pháp để dạy, lại còn dùng tiếng Pháp để dạy các môn khác thời lại không đủ lắm nữa, làm mất thì giờ của mình và mất thì giờ của học-trò nhiều lắm. Nghị-định ngày 18 tháng 9 định rằng ba lớp đầu bậc tiểu-học, các môn trong chương-trình đều dạy bằng tiếng bản-xứ cả, và tiếng Pháp phải là một môn tùy-ý dạy theo trong giới-hạn chương-trình mà thôi, là có ý để cho những thầy giáo tầm-thường cũng có thể truyền dạy được những điều thường-thức sơ-lược cho những trẻ nhà quê hay những trẻ thợ thuyền ở tỉnh, bằng thứ tiếng chúng nó đã sẵn biết rồi mà sau này nhiều đứa cũng chỉ dùng đến thứ tiếng đó mà thôi. Lệ định thế có phải là định rằng không nên truyền-bá tiếng Pháp nữa đâu. Chính là định rằng phải truyền-bá cho phải đường, nghĩa là phải dạy cho những học-trò có đủ tư-cách học được, phải có những thầy giáo có đủ tư-cách dạy được, và phải dạy theo như thể-thức đã định trong học-qui, những thể-thức đó hướng-lai xem ra không thấy theo đúng. — Điều 135 là một điều mới, định đặt một cái bằng sơ-học yếu-lược bằng tiếng bản-xứ để chuẩn-định cho sự học ba lớp đầu. Cách tổ-chức sự thi đó thế nào, để quyền các quan thủ-hiến các xứ nghĩ-định, vì phàm các việc cải-cách lớn về học-chính cần phải hiệp-lực với các ngài. Có một điều nên xét, là có nên thêm một bài Pháp-văn vào khóa thi đó không. Tôi không phản-đối điều đó, nhưng tôi tưởng bài Pháp-văn ấy nên để cho học-trò tùy-ý. Học-trò ở trường nào có thầy giáo đủ tư-cách dạy tiếng Pháp được thời khi ra thi có thể tình-nguyện thi bài Pháp-văn cũng được. Thì như thế thời trong bằng-cấp có thể biên thêm mấy chữ là: có thi tiếng Pháp. Lại như ở Trung-kỳ Bắc-kỳ, tùy-ý muốn đặt ra một bài thi chữ nho cũng được, khi ấy thời trong bằng cũng biên là: có thi chữ nho; thế mà thôi. Vì mục-đích của khóa thi này chỉ là để xét xem học-trò có học được đủ các môn bằng tiếng nước mình không, và thúc-giục cho thầy giáo chăm dạy các môn ấy; nếu cưỡng-bách phải có bài thi bằng tiếng khác ngoài tiếng bản-xứ, thành ra trái cái mục-đích ấy. »

Giới - thiệu sách mới. — Cô Mai. Scènes de la vie annamite, *par* Georges Seiler. *Sách này là một bộ tiểu-thuyết bằng Pháp-văn tả-thực về các trạng-thái xã-hội An-Nam, theo như con mắt một người Pháp quan-sát.* Georges Seiler *là tên hiệu một ông đốc-học Pháp ở bên ta đã lâu năm, và thông - thuộc tiếng ta lắm. Tiểu-thuyết này đã đăng trong tạp-chí* Revue indochinoise, *nay in riêng thành sách, có tranh vẽ của ông* Nam-sơn. *bán ở Librairie* d Extrême-Orient, *giá* 1.40.

— Nhật-dụng thông-thư. — Nhật-dụng thông-thư *là một quyển sách tiện-dụng trong các việc hàng ngày cho khắp cả mọi người trong xã-hội, của nhà in Kim-đức-giang (phố hàng Bồ) mới xuất-bản. Mục thứ 1· là lịch mới năm ất-sửu (1925) có đủ cả ngày tây ngày ta và có chua rõ những ngày giờ xấu tốt để tiện dùng về việc xem ngày. 2· là các ngày giờ tàu thủy xe hỏa đi lại. 3· là cách gửi hàng nhà giây-thép và cách dán tem, dùng tín-chỉ. 4· là nói về các cách đo cân và tiền bạc. 5· các việc vặt trong nhà. 6· những điều luật lệ về việc sinh-tử giá-thú. 7· quan-chế cùng các ngạch quan-lại Bắc*

kỳ, ngạch các viên tùng-sự Nhà-nước. 8, các kiểu-mẫu giấy ghi chép việc riêng. Đại-khái sách này chia làm nhiều phần, tuy chưa được hoàn-toàn cho lắm, nhưng đã lược đủ các mục cho mọi người tiện-dụng. Các tư-gia nào cũng nên có một quyển để lâm-thời dùng đến việc gì thì tra xét rất tiện, không cần phải hỏi ai cả.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI KHAI - TRÍ - TIẾN - ĐỨC

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết :

Xin vào chân chủ-trì

1· Ông Đoàn Tính-Canh tức Khang, thầy đồ quán xã Lộc-điền, tổng Lộc-điền, huyện Thư-trì, tỉnh Thái-bình.

2· Ông Đỗ Văn-Tuy, cựu Phó-lý, làm ruộng, xã Kim-quan, tổng Kim-quan, huyện Thạch-thất, tỉnh Sơn-tây. (*Do ông Đỗ Văn Thiên giới-thiệu*).

3· Ông Hoàng Kiều-Trường, Chánh-bát-phẩm, sung anh-hào-hội-viên, lĩnh Chánh-tổng xã Hướng-ân, tổng Tân-cơ, huyện Tiền-hải, tỉnh Thái-bình. (*Do ông Nguyễn-đức-Long giới thiệu*).

4· Ông Lê Viết-Lượng, Trợ-giáo, quán làng Cải-lương, huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh (Trung-kỳ).

5· Ông Nguyễn Khắc-Tụng, Chánh Hương-hội, xã Nội-lãng, tổng Nội-lãng, huyện Thư-trì, tỉnh Thái-bình. (*Do ông Nguyễn Đức-Long giới-thiệu.*)

6· Ông Phạm Quang-Diễn, Lý-trưởng sung Chánh Hương-hội, xã Bát-cấp, tổng Đông-thành, huyện Tiền-hải, tỉnh Thái-bình. (*Do ông Nguyễn Đức-Long giới-thiệu*).

.·.

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 87 (Septembre 1924) nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị được nhận vào Hội kể từ 1er Janvier 1925.

A. — *Vào chân tán-trợ.*

1. — Ông Phan Văn-Vị (*đã nộp 100 $*).

B. — *Vào chân chủ-trì.*

Ông Bùi Tất-Thịnh, — Đỗ Văn-Thao, — Đỗ Văn-Thiên, — Đỗ Văn-Quy, — Kiều Văn-Thư, — Nguyễn Văn-Lan, — Nguyễn Văn-Lịch, — Nguyễn Trọng-Toan, — Phạm Viết-Chính, — Phạm Hiền-Duyện, — Phạm Đình-Tấn, — Phạm Gia-Thoại, — Phạm Văn-Quyền, — Quách Đình-Cửu, — Vũ Đình-Thuận.

C. — *Vào chân thường hội-viên.*

Ông Đào Văn-Ất, — Hoàng Văn-Quảng, — Vũ Ngọc-Đăng. (Cả thảy 18 ông).

.·.

Bản-bản kỳ Hội-đồng trị-sự ngày 21 tháng 12 năm 1924. — Ngày chủ-nhật 21 tháng 12 năm 1924, hồi 5 giờ chiều, tòa trị-sự Hội Khai-Trí họp hội-đồng ở nhà Hội-quán, ông Marty chủ-tọa.

Có mặt những ông sau này :

Trần Văn-Thông
Bạch Thái-Bưởi
Phạm Quỳnh
Lê Văn-Phúc
Nguyễn Thành
Đỗ Thận
Lê Thành-Ý

Có giấy cáo : Ông Bary, Nguyễn Hữu-Thu.

— Nhân ngày 3 tháng 12 hai ông phó hội-trưởng Nguyễn Hữu-Thu và Bạch Thái-Bưởi có viết thư cho ông Hội-trưởng bàn nên làm thêm một tầng gác vào nhà Hội-quán, ông Lê Văn-Phúc trình một bản phác-họa kiểu nhà gác của ông Đỗ Văn-Y vẽ. Tòa trị-sự ưng-ý cái mặt trước, nhưng bàn chữa lại cách sắp đặt ở trong. Nhờ ông Lê Văn-

Phúc đưa lại người vẽ kiểu để chữa, rồi gửi cho mấy nhà thầu khoán Tây và Nam để hỏi giá. Ông Bạch Thái-Bưởi bàn nên lợp nhân thể cái sân giữa để làm một cái sảnh lớn. Tòa trị-sự cũng thuận cho hỏi giá các nhà thầu-khoán, nhưng tưởng không nên làm vội, vừa Hội chưa đủ tiền.

— Sau tòa trị-sự xét về bản dự-thảo chương-trình thi Văn-chương của Văn-học-ban làm theo ý-kiến của ông Hội-trưởng Marty. Tòa trị-sự duyệt-y và giao cho Văn-học-ban cổ-động. Cuộc thi có bốn thưởng : 1· Thưởng tiểu-thuyết bằng vận-văn ; 2· Thưởng tiểu-thuyết bằng tản-văn hay là sách khảo-cứu về quốc-sử ; 3· Thưởng về tuồng lối cổ; 4· Thưởng về sách pháp-văn. Mỗi thưởng có 3 hạng : hạng nhất, 300 đồng ; — hạng nhì, 150 đồng ; — hạng ba, 60 đồng.

— Ông Lê Văn-Phúc trình về cuộc thi kiểu nhà, xin tòa trị-sự cử người thay mặt Hội vào Hội-đồng chấm thi. Tòa trị sự cử ba ông phó-hội-trưởng Trần Văn-Thông, Nguyễn Hữu-Thu và Bạch Thái-Bưởi, và định mời mấy bậc danh-giá người Tây người Nam để dự vào hội-đồng chấm kiểu.

— Theo lời bàn của ông Lê Thành-Ý, tòa trị-sự định thay mặt Hội đến thăm quan Đốc-lý Hà-nội ECKERT để mời vào chân danh-dự-hội-viên.

— Theo lời bàn của ông Marty, tòa trị-sự cho phép ông thủ-quĩ Lê Văn-Phúc trích tiền Hội để mua vé quốc-trái Đông-Pháp cho đến hạn 6000 đồng.

— Ông Bạch Thái-Bưởi và Nguyễn Thành trình về việc tổ-chức nhà xéc, bàn nên để Hội quản-lý lấy thử trong ba tháng, nếu cần đến thì quĩ chính trợ-cấp cho mỗi tháng 100 $. Tòa trị-sự bằng lòng như thế, lại cho phép hội-đồng nhà xéc cần dùng đến đồ-đạc gì cứ mua, rồi trình lại sau.

Đúng 7 giờ Hội-đồng giải-tán.

Hội-trưởng
LOUIS MARTY

Thư-ký
PHẠM QUỲNH

.˙.

Tòa trị-sự đến thăm quan Đốc-lý Hà-nội. — Ngày 24 tháng 11 năm 1924, 10 giờ sáng, ông L. Marty, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Lê Văn Phúc và Đỗ Thận, thay mặt tòa trị - sự đến thăm quan Đốc-lý Hà-nội Eckert. để mời vào chân danh-dự hội-viên. Quan Đốc-lý tiếp ân-cần lắm, nhận lời và cám ơn hội, nói rằng sẽ hết lòng giúp hội.

.˙.

Tờ đạt của ông Hội - trưởng Marty cho các hội - viên Hội Khai-Trí. — Ngày 1er Janvier 1925 ông Hội-trưởng L. Marty có gửi tờ đạt như sau này cho các hội-viên hội Khai-trí.

Thưa các Ngài,

Nhân quan Chánh Hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu vì nhọc mệt tạm nghỉ việc Hội nên Hội-đồng Quản-trị mới cử tôi thay ngài trong ít lâu.

Tôi muốn thừa dịp này có mấy lời trân-trọng kính chào các ngài hội-viên trong Hội ta.

Hội Khai-trí Tiến-đức mấy năm nay còn là thuộc về thời-kỳ gây-dựng. Nay số hội-viên đã đông, nhà hội-quán đã sẵn, cơ-sở Hội xem ra đã vững-vàng, tưởng đã bắt đầu vào thời-kỳ thực-hành vậy.

Cái chủ-nghĩa của Hội ta thì to-tát lắm, không thể trong tuần - nhật thi-hành ngay được. Nhưng nếu các hội-viên đồng-tâm hiệp-lực thời cũng có thể dần-dần làm được.

Cốt nhất là ta phải đi lại cho quen biết lẫn nhau, thân-mật với nhau, rồi mới có dịp cùng nhau chuyện - trò, trao - đổi ý - kiến và bàn-bạc điều hay. Nhà Hội-quán lập ra là chủ để thế. Vậy mà tôi thường nhận ra các hội-viên ít hay qua lại. Có lẽ là bởi người An-nam chưa quen cách giao-tế như người các nước. Cách đó tôi tưởng cũng nên tập, vì có năng đi lại mới có lòng thân-ái và bỏ được những sự hiềm-nghi gián-cách, chia rẽ người trong một nước và ngăn-trở sự tiến-hóa chung.

Hiện nay ở các nước văn-minh, nước nào cũng có những nơi gọi là « câu-lạc-bộ » để cho những bậc thân-sĩ đến mà vui chơi đàm-đạo với nhau. Hội-quán của hội Khai-trí ta phải là một nơi « câu-lạc-bộ » như thế.

Tôi đương cùng các ngài trị-sự tìm cách chỉnh-đốn nhà hội thế nào cho thành một chỗ vui-vẻ để các hội-viên thích đi lại cho đông. Tôi cũng biết rằng có người lấy cái tư-tưởng hẹp-hòi chê hội ta là chỗ chơi-bời ăn-uống. Nhưng thiết-tưởng phàm người ta hội-họp nhau phải có cách mua vui tiêu-khiển, nếu nghiêm-khắc quá thì ít người đậm. Vả lại nhà hội-quán không phải là nơi giáo-đường, không thể lúc nào cũng giảng đạo-đức. Phải là một chỗ cho người ta vui-vẻ muốn đến, muốn được gặp anh em đồng-chí để trong khi tửu-hậu trà-dư cùng nhau đàm-tâm luận-sự. Cho nên điều-lệ Hội định rộng cho các hội-viên bày các cuộc tiêu-khiển (hoặc là đánh cờ, đánh bài, hoặc là đặt tiệc, đặt rượu), miễn là không trái với những thói-cách lịch-sự của xã-hội An-nam thì thôi.

Ấy là thuộc về sự giao-tế ở hội-quán. Đến những việc quan-hệ về chủ-nghĩa của Hội thì tôi đã bàn với Văn-học-ban mở một cuộc thưởng văn-chương để khuyến-khích các nhà làm thơ làm văn trong nước Nam. Tôi lại đương nghĩ cách cổ-động về việc Ấu-trĩ-viện cho nhiều nơi mở thêm ra. Hiện tôi cũng còn muốn trù-tính nhiều việc khác nữa, nhưng tôi muốn biết ý-kiến của các ngài thế nào. Vậy các ngài có điều gì hay muốn bàn với Hội, xin các ngài cứ viết thư về cho tôi. Nếu các ngài quá-bộ lại hội-quán để tôi được tiếp chuyện thì lại càng hay lắm. Ngày thứ tư và ngày thứ sáu từ 6 giờ đến 7 giờ chiều tối thường có mặt tại nhà Hội, sẽ lấy làm vui lòng được tiếp các ngài.

Tôi sang làm việc quan bên An-nam đã lâu năm, một lòng thành-thực yêu-mến người An-nam. Năm 1919, cùng các bậc quan-thân xứ Bắc-kỳ thừa cái chính-sách khai-hóa của Nhà-nước, xướng lập ra hội Khai-trí này là chỉ ao-ước cho dân An-nam ngày một tấn-tới cho theo kịp các nước văn-minh ngày nay. Nay Hội-đồng Quản-trị có bụng yêu cử tôi làm quyền Hội-trưởng thay quan Thiếu Hoàng, tôi cũng vẫn giữ một lòng mong-mỏi như thế, và xin nguyện đem hết tài-sức giúp cho Hội ta được thịnh-đạt. Tôi chắc rằng các ngài cũng nhiệt-thành như thế và sẽ ra công làm cho Hội ta thành một hội lớn nhất trong nước Nam.

Nay kính đạt

Quyền Chánh Hội-trưởng Hội Khai-trí.

L. MARTY

Điều-lệ thưởng văn-chương của Hội Khai-trí. — Bắt đầu từ 1 tháng giêng năm 1925, hội Khai-trí mở một cuộc thưởng văn-chương, để khuyến-khích các nhà làm thơ làm văn trong nước.

I.—Giải thưởng có 4 hạng như sau này:

1°) Thưởng một bộ sách bằng vận-văn;

2°) Thưởng một bộ sách bằng tản-văn;

3°) Thưởng một vở tuồng lối cổ;

4°) Thưởng một bộ sách bằng pháp-văn (của người An-Nam làm)

II. — Sách vận-văn phải là một bộ tiểu-thuyết bằng vận-văn, lối lục-bát hay là lục-bát gián-thất, toàn-thể ít ra là 2000 câu;

III. — Sách tản-văn thời có thể làm một bộ tiểu-thuyết lối tả-thực, hoặc về tâm-lý, hoặc về tình-trạng gia-đình xã-hội, hay là một quyển sách nghiên-cứu về một thời-đại hay một nhân-vật trong quốc-sử, phê-bình và nghị-luận theo lối mới, bỏ hết những sự huyễn-hoặc. Sách tản-văn phải ít ra là 200 trang giấy rộng;

IV — Vở tuồng phải làm theo lối cũ lấy tích ở truyện ta hay truyện tàu cũng được, lời văn thời theo giọng điệu cổ, duy phải xếp ra thành hồi thành cảnh có thể diễn trong một buổi được;

V — Sách bằng pháp-văn thì bất cứ lối gì, miễn là lời văn phải trôi chảy và có ý-tứ. Sách phải dầy ít ra là 150 trang.

VI — Bốn hạng trên kia, đều định mỗi hạng là ba giải thưởng: giải nhất 300 $, giải nhì 150 $, giải ba 60 $; nếu hạng nào không có sách hay đáng thưởng thì giải thưởng ấy có thể để đến kỳ sau;

VII — Các quyển dự-thưởng bằng quốc-văn phải làm bằng chữ quốc-ngữ;

VIII — Sách dự-thưởng phải gửi đến Hội Khai-trí trước ngày 30 tháng 8 năm 1925. Sách không được đề rõ tên; phải đặt hiệu hay đánh dấu riêng, còn tên thì bỏ vào bao bì niêm-phong gắn sì cùng đưa với sách, khi nào xét xong mới mở ra.

IX.—Hội Khai-trí sẽ đặt một hội-đồng các nhà tân-học cựu-học có tiếng để xét và định giải

X. — Phát thưởng định về hạ-tuần tháng chạp tây.